

THE NEW YORK TIMES BESTSELLER



ĐẠI
DUƠNG
cuối
ĐƯỜNG
LÀNG

Neil
Gaiman

THIÊN NGÀ *dịch*



NHÀ XUẤT BẢN
LAO ĐỘNG

ebook©vctvegroup

29/04/2019

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Mục Lục

Phần mở đầu

I.

II.

III.

IV.

V.

VI.

VII.

VIII.

IX.

X.

XI.

XII.

XIII.

XIV.

XV.

Phần kết

Tặng Amanda,
người cứ muốn biết

“Tôi còn nhớ rõ ràng tuổi thơ của mình... Tôi đã biết những chuyện khủng khiếp. Nhưng tôi biết mình không được để người lớn biết rằng tôi biết. Tôi sẽ khiến họ sợ.”

Maurice Sendak, trong cuộc chuyện trò với Art Spiegelman,

tờ New Yorker, 27 tháng Chín năm 1993

Đó chỉ là một cái ao vẹt nằm phía sau trang trại. Nó không lớn lắm.

Lettie Hempstock gọi nó là đại dương, nhưng tôi biết gọi như thế thì thật ngớ ngẩn. Cô bé nói họ từng từ vùng đất xưa vượt đại dương đến đây.

Mẹ Lettie nói cô bé nhớ không đúng vì chuyện đó xảy ra đã lâu, mà dù sao thì vùng đất xưa ấy cũng đã chìm rồi.

Bà Hempstock, bà của Lettie, nói cả hai người đều sai, chỗ bị chìm đó không phải là vùng đất xưa *đích thực*. Bà nói bà còn nhớ vùng đất xưa *đích thực*.

Bà nói vùng đất xưa *đích thực* nổ tung rồi.

Phân mở đầu

Tôi mặc bộ comple đen với sơ mi trắng, thắt cà vạt đen, mang giày đen, tất thảy đều tinh tươm lịch sự: đây là loại trang phục vẫn thường làm tôi thấy không được thoải mái, cứ như đang mặc bộ đồng phục lấy trộm hay giả làm người lớn vậy. Nhưng hôm nay nó lại khiến tôi thấy dễ chịu, tạm cho là thế. Tôi đang ăn mặc phù hợp với một ngày nặng nề.

Tôi đã làm xong phận sự trong buổi sáng, đã nói những câu phải nói, nhưng là nói thật lòng, thế rồi khi xong lễ, tôi lên xe chạy đi, băng quơ, không có dự tính gì, để cho qua khoảng thời gian độ một tiếng trước khi lại gặp thêm những người đã nhiều năm rồi tôi không gặp, rồi lại bắt tay, lại uống thật nhiều trà trong mấy bộ đồ sứ hảo hạng. Tôi chạy xe dọc những con đường làng quanh co ở Sussex mà tôi chỉ còn nhớ mang máng cho đến khi nhận ra mình đang tiến vào trung tâm thị trấn, vậy là tôi rẽ qua một đường khác, rẽ trái, rồi rẽ phải. Đến lúc ấy tôi mới nhận ra mình đi đâu, nhận ra từ nãy đến giờ tôi đang đi đâu, và tôi nhăn mặt, tự thấy mình thật ngớ ngẩn.

Tôi đang chạy xe đến ngôi nhà đã không còn tồn tại hàng chục năm nay rồi.

Thế rồi, khi chạy xuống một con đường rộng rãi đã một thời là con đường làng ven cánh đồng lúa mạch, tôi tính quay xe lại, tính quay về mà không làm xáo trộn dĩ vãng. Nhưng tôi thấy tò mò.

Ngôi nhà cũ tôi từng sống bảy năm, từ hồi năm tuổi cho đến khi lên mười hai, ngôi nhà đó đã bị đập bỏ và không còn nữa. Ngôi nhà mới mà bố mẹ tôi xây ở tận cuối vườn, giữa đám đỗ quyên và vòng tròn cỏ xanh mà chúng tôi gọi là nhẫn thần, ngôi nhà đó đã bị bán đi ba mươi năm nay rồi.

Khi nhìn thấy ngôi nhà mới, tôi chạy xe chậm lại. Trong tâm tưởng tôi, nó vẫn luôn là căn nhà mới. Tôi vừa chạy xe vào lối vào vừa để ý thấy cách họ sửa sang lại theo kiến trúc thập niên bảy mươi. Tôi không nhớ là gạch có màu nâu sô cô la. Họ đã biến ban công của mẹ tôi thành phòng tắm nắng hai tầng. Tôi ngây người nhìn ngôi nhà, tưởng rằng mình sẽ nhớ được nhiều hơn về những năm niên thiếu: không có những quãng thời gian hạnh phúc, cũng chẳng có những lúc đau buồn. Tôi từng sống ở đây một thời gian, thời còn niên thiếu. Vậy mà dường như nó không góp một phần nào tạo nên con người tôi hiện nay cả.

Tôi lùi xe ra khỏi lối vào.

Tôi biết mình cần phải tới mái nhà nhộn nhịp, vui tươi của cô em gái, ngôi nhà đã được dọn dẹp tinh tươm đầu ra đấy cho ngày hôm nay. Tôi sẽ trò chuyện với những người mà từ nhiều năm rồi tôi đã quên mất là có tồn tại, họ sẽ hỏi thăm về cuộc hôn nhân của tôi (thất bại từ mười năm trước, một mối quan hệ cứ xơ xác dần, đến cuối cùng thì đứt bung, dường như các mối quan hệ bao giờ cũng vậy), rồi họ lại thắc mắc tôi có đang gặp gỡ ai không (tôi không gặp gỡ ai cả; tôi còn không chắc mình có thể làm được việc đó hay không nữa, vẫn chưa đến lúc), rồi họ sẽ hỏi han về con cái tôi (đã lớn cả, chúng nó có cuộc sống của chúng nó, chúng nó cũng ước gì có thể ở đây hôm nay), công việc của tôi (tôi sẽ trả lời là tốt cả, cảm ơn anh chị, tôi chưa bao giờ biết phải nói sao về công việc của mình. Nói ra được thì tôi đã không phải làm việc đó rồi. Tôi làm trong lĩnh vực nghệ thuật, đôi lúc tôi cũng sáng tạo ra được nghệ thuật đích thực và đôi lúc nó lấp đầy những khoảng trống trong đời tôi. Một số thôi. Không phải tất cả). Chúng tôi sẽ nhắc đến người quá cố. chúng tôi sẽ nhớ về người đã khuất.

Con đường làng nhỏ thời thơ ấu giờ đây là con đường nhựa đen như một vùng đệm chắn giữa hai khu dân cư ngổn ngang, lộn xộn. Tôi chạy xuôi con đường đó ra khỏi thị trấn, vốn không phải là lối tôi cần đi, và tôi thấy thật thích.

Con đường đen trơn láng nhỏ hẹp lại, gió mạnh hơn, biến thành con đường làng một làn mà tôi nhớ từ thuở ấu thơ, con đường đất nện với đá dăm lồi lõm.

Chỉ một lát sau, tôi đã chạy từ từ xuôi một con đường làng hẹp và gập ghềnh, hai bên lề mọc những bụi mâm xôi và cây tầm xuân chen giữa mấy giàn cây phi hoặc bờ giậu mọc hoang. Tôi có cảm giác như đang chạy xe ngược dòng thời gian. Con đường làng vẫn hệt như tôi nhớ khi mà những thứ khác thì không.

Tôi chạy xe ngang trang trại nhà Caraway. Tôi nhớ hồi mới mười sáu, tôi đã hôn Callie Anders má hồng, tóc vàng sống ở đó, khi ấy gia đình cô bé sắp dọn đến sống ở Shetlands nên tôi sẽ không bao giờ còn được hôn hay gặp lại cô bé nữa. Thế rồi, ở cả hai bên đường chỉ còn là những cánh đồng trải dài suốt gần cả dặm: những đồng cỏ chằng chịt, mênh mang. Đường làng dần dần trở thành đường mòn. Sắp hết đường rồi.

Lúc chuẩn bị rẽ, tôi đã nhớ ra nó trước cả khi nhìn thấy nó trong ánh hào quang rõ ràng của cả một khối gạch đỏ lụp xụp đồ nát: căn nhà trang trại của gia đình Hempstock.

Tôi thấy bất ngờ khi đã đi hết đường, mặc dù đường làng vẫn luôn kết thúc ở đó. Tôi không thể đi xa hơn được nữa. Tôi đậu xe lại bên hông sân trang trại. Tôi không có dự tính gì. Tôi băn khoăn tự hỏi liệu sau chừng ấy năm có còn ai ở đây không, hay đúng hơn là liệu gia đình Hempstock có còn sống ở đây không. Xem ra điều đó thật phi lý, nhưng nghĩ lại thì, theo những gì ít ỏi tôi còn nhớ được, họ cũng là những người kỳ lạ.

Khi bước xuống xe, tôi ngửi thấy mùi phân bò nồng nặc xộc vào mũi, vậy nên tôi cẩn trọng bước qua khoảng sân nhỏ đến cửa trước. Tôi không tìm được chuông nên đành gõ cửa. Cửa cài then không được chặt nên khi tôi gập ngón tay gõ khẽ, nó nhẹ nhàng bật ra.

Tôi từng đến đây hồi lâu lắm rồi, phải không nhỉ? Tôi tin chắc mình đã

từng đến đây. Đôi khi, ký ức tuổi thơ bị khuất lấp nhạt nhòa bên dưới những thứ đến sau, như những món đồ chơi tuổi thơ bị bỏ quên dưới đáy tủ đồ người lớn chật như nệm chứ không bao giờ mất hẳn. Tôi đứng ở hành lang và cất tiếng gọi, “Xin chào? Có ai ở nhà không?”

Tôi không nghe ai ơ hời. Tôi ngửi thấy mùi bánh mì đang nướng, sáp đánh bàn ghế và gỗ lâu năm. Mắt tôi từ từ điều tiết được với bóng tối: tôi ngó vào nhìn, đang chuẩn bị quay đi thì một bà lão từ trong hành lang âm u bước ra, tay cầm miếng giẻ trắng lau bụi. Mái tóc bạc của bà để dài.

Tôi hỏi, “Có phải bác Hempstock không ạ?”

Bà nhếch đầu nhìn tôi. “Phải. Ta *biết* cháu mà, chàng trai,” bà nói. Tôi không phải chàng trai. Không còn là chàng trai nữa. “Ta biết cháu, nhưng khi nào cháu tới tuổi ta rồi thì mọi thứ đâm ra lẫn lộn cả. Chính xác thì cháu là ai?”

“Con nghĩ lần trước đến đây, có lẽ con bảy hay tám tuổi gì đó.”

Bà nhoẻn miệng cười. “Cháu là bạn của Lettie phải không? Nhà ở đầu đường làng, đúng chứ?”

“Bác cho con uống sữa. Sữa bò mới vắt, còn ấm.” Thế rồi, tôi nhận ra đã bao nhiêu năm trôi qua rồi nên nói, “Không, không phải bác, chắc hẳn người cho con uống sữa là mẹ bác. Con xin lỗi.” Khi già đi, ta trở nên giống cha mẹ mình; sống đủ lâu rồi thì sớm muộn gì ta cũng sẽ thấy những gương mặt lặp lại. Tôi nhớ bác Hempstock, mẹ của Lettie, là một phụ nữ mập mạp. Người phụ nữ này gầy nhom, trông cũng mỏng manh. Bà trông giống mẹ mình, giống người phụ nữ tôi từng biết với cái tên bà Hempstock.

Nhiều lúc soi gương, tôi thấy khuôn mặt của bố chứ không phải của mình, và tôi còn nhớ bố vẫn mỉm cười với chính mình trong gương trước khi ra khỏi nhà. “Trông được đấy,” bố nói với bóng hình mình, vẻ hài lòng. “Trông được đấy.”

“Cháu đến để gặp Lettie sao?” bà Hempstock hỏi.

“Chị ấy có ở đây sao ạ?” Ý nghĩ đó làm tôi ngạc nhiên. Cô bé đi đâu rồi mà, không phải sao? Mỹ chẳng?

Bà cụ lắc đầu. “Ta vừa định bắc ấm nước lên. Cháu có muốn uống tí trà không?”

Tôi ngập ngừng. Rồi tôi nói nếu bà không phiền, tôi muốn bà chỉ đường cho tôi tới chỗ ao vịt trước.

“Ao vịt ư?”

Tôi biết Lettie từng đặt cho nó một cái tên ngộ ngộ. Tôi còn nhớ chuyện đó. “Chị ấy gọi nó là biển. Đại loại như vậy.”

Bà cụ bỏ cái khăn xuống chạn bát đĩa. “Ta đâu thể uống nước lấy dưới biển, đúng không? Mặn chết. Như uống máu sự sống vậy. Cháu còn nhớ đường không? Cháu cứ đi vòng bên hông nhà là tới. Cứ men theo lối đi ấy.”

Một giờ trước, bạn mà hỏi thì tôi đã nói không, tôi không nhớ đường. Tôi còn không nghĩ mình nhớ được tên của Lettie Hempstock nữa là. Nhưng khi đứng trong hành lang đó, mọi chuyện lại hiện về với tôi. Những ký ức đang chờ bên lề mọi sự vẫy gọi tôi. Bạn có nói tôi lại bảy tuổi một lần nữa thì ắt trong chốc lát tôi cũng sẽ tin phần nào.

“Cám ơn bác.”

Tôi bước ra sân. Tôi đi ngang chuồng gà, qua cái chuồng bò cũ rồi men theo rìa cánh đồng, vừa đi vừa nhớ lại chỗ mình đang tới và cái mình sắp được nhìn thấy, rồi cảm thấy hân hoan vì mình nhớ được những điều đó. Hàng cây phi chạy ven đồng cỏ. Tôi hái một nắm hạt phi còn xanh bỏ vào túi.

Kế đến sẽ là cái ao, tôi nghĩ. Mình chỉ cần đi vòng qua nhà kho này là sẽ thấy nó.

Tôi nhìn thấy cái ao và cảm thấy tự hào kỳ lạ, như thể chỉ mỗi việc nhớ được nó thôi cũng thổi đi được chút mạng nhện của ngày hôm ấy.

Cái ao nhỏ hơn là tôi nhớ. Phía bên kia bờ có một nhà kho bằng gỗ nhỏ

xíu, và cạnh lối đi có một bảng ghé nặng nề, cũ kỹ làm bằng gỗ với kim loại. Mấy thanh gỗ bong ra được sơn màu xanh lá từ đôi ba năm trước. Tôi ngồi xuống băng ghé, nhìn đăm đăm bóng mây lồng trong nước, nhìn lớp váng bèo tằm viền mép ao và năm bảy chùm hoa súng. Chốc chốc, tôi lại ném một hạt phỉ ra giữa ao, cái ao mà Lettie Hempstock từng gọi là...

Đâu phải biển nhỉ?

Lettie Hempstock, có lẽ bây giờ cô bé già hơn tôi rồi. Ngày ấy, cô bé lớn hơn tôi có vài tuổi, dù cô bé toàn nói những chuyện kỳ lạ. Cô bé mười một tuổi. Tôi thì... tôi thì mấy? Lúc đó là sau buổi tiệc sinh nhật tôi tệt. Tôi còn nhớ chuyện đó. Cho nên có lẽ tôi bảy tuổi.

Tôi tự hỏi phải chăng chúng tôi đã từng ngã xuống nước. Có phải tôi đã đẩy cô bé, đưa con gái lạ lưng sống trong trang trại ngay cuối đường làng ấy, xuống ao vẹt hay không? Tôi nhớ là có thấy cô bé ở dưới nước. Có lẽ cô bé cũng đã đẩy tôi xuống.

Cô bé đến nơi nào? Mỹ? Không phải, Úc. Đúng là vậy rồi. Một nơi nghìn trùng xa.

Mà đó cũng không phải biển. Nó là đại dương.

Đại dương của Lettie Hempstock.

Tôi nhớ ra điều đó, và khi nhớ được chuyện ấy, tôi nhớ lại tất cả.

I.

Không có ai đến dự tiệc sinh nhật lên bảy của tôi cả.

Có một cái bàn được bày kẹo dẻo và bánh xốp kem, một chiếc mũ tiệc để bên cạnh mỗi chỗ ngồi, rồi một ổ bánh sinh nhật có cắm bảy cây nến để chính giữa bàn. Trên ổ bánh có trang trí hình cuốn sách được vẽ bằng kem đường. Mẹ tôi, người lo tổ chức buổi tiệc, kể với tôi là cô ở tiệm bánh nói rằng họ chưa từng vẽ sách lên bánh sinh nhật bao giờ, rằng bánh cho con trai thì chủ yếu là họ vẽ quả bóng hay phi thuyền. Người đầu tiên đặt họ trang trí hình cuốn sách là tôi.

Khi đã rõ là không có ai tới, mẹ tôi thắp bảy ngọn nến trên ổ bánh, rồi tôi thổi tắt nến đi. Tôi ăn một lát bánh, nhỏ em tôi và một đứa bạn của nó cũng ăn (cả hai dự tiệc với tư cách quan sát viên, không phải người tham dự) rồi hai đứa vừa cười khúc khích vừa chạy trốn ra vườn.

Mẹ tôi đã chuẩn bị sẵn các trò để chơi trong buổi tiệc, nhưng vì không có ai ở đó, ngay cả nhỏ em tôi, nên tôi cũng không chơi đùa gì, thế rồi tôi tự mở tờ giấy báo bọc món quà vốn được chuẩn bị cho trò chuyển quà ra thì thấy một hình nhân Người Dơi bằng nhựa màu xanh. Tôi buồn vì không ai đến dự tiệc nhưng vui vì có được Người Dơi, thế rồi tôi bỏ lên lầu, đem theo một món quà sinh nhật khác đang chờ tôi đọc, một hộp nguyên bộ sách *Narnia*. Tôi nằm trên giường và say sưa theo những câu chuyện.

Tôi thích vậy. Dù sao thì sách cũng an toàn hơn mấy người kia.

Bố mẹ còn tặng tôi một đĩa than *Tuyển tập những bài hát hay nhất của Gilbert và Sullivan** để thêm vào bộ sưu tập gồm hai đĩa tôi đã có từ trước. Tôi mê Gilbert và Sullivan từ lúc lên ba, ngày ấy em gái út của bố, tức cô tôi, dẫn tôi đi xem *Iolanthe*, một vở kịch toàn những ông vua với bà tiên.

Tôi thấy bà tiên thì dễ hiểu hơn mấy ông vua. Ít lâu sau, cô tôi mất trong bệnh viện vì bệnh viêm phổi.

Tối hôm ấy, bố đi làm về chở theo một thùng bìa cứng. Trong thùng có một con mèo con lông đen mượt, không rõ là đực hay cái, tôi đặt ngay cho nó cái tên là Mướt và rất mực thương yêu nó.

Hàng đêm, Mướt ngủ trên giường tôi. Thỉnh thoảng, khi không có nhỏ em ở đó, tôi nói chuyện với mèo con, gần như chờ nó đáp lại bằng tiếng người. Nó chẳng bao giờ làm vậy. Tôi chẳng thấy phiền lòng. Mèo con triu mến và biết quan tâm, lại còn là người bạn tốt cho cái đĩa có một bàn bánh quy kem, bánh flan, một ổ bánh sinh nhật và mười lăm cái ghế xếp trông không trong buổi tiệc sinh nhật lên bảy.

Tôi nhớ mình chưa bao giờ hỏi đĩa nào trong đám cùng lớp sao chúng không tới dự tiệc của tôi. Tôi không cần phải hỏi chúng. Suy cho cùng, chúng chẳng phải bạn tôi. Chúng chỉ là những đĩa tôi học cùng.

Tôi kết bạn rất chậm, nếu thực sự có ý kết bạn.

Tôi đã có sách rồi, giờ tôi lại có thêm cả mèo con. Tôi biết hai đĩa tôi sẽ giống như Dick Whittington với con mèo của ông*, hay nếu Mướt tỏ ra đặc biệt thông minh, bọn tôi sẽ là con trai của ông chủ cối xay với Mèo Đi Hia. Mèo con ngủ trên gối tôi, thậm chí ngồi trên lối vào cạnh hàng rào trước nhà chờ tôi đi học về cho đến khi, một tháng sau, mèo con bị cái taxi chở ông thợ mỏ đá mắt mèo đến ở trọ nhà tôi cán chết.

Tôi không có mặt ở đây khi chuyện xảy ra.

Hôm ấy, tôi đi học về nhưng không thấy mèo con chờ đón. Trong bếp có một ông cao lêu nghêu, gầy nhẳng, da rám nắng và mặc sơ mi kẻ ô. Ông ta hẳn là đang uống cà phê bên bàn bếp vì tôi ngửi thấy mùi cà phê. Cà phê thời ấy chỉ toàn là cà phê hòa tan, thứ bột nâu đậm đắng ngắt đựng trong hũ.

“Chú e là mình đã gây ra một tai nạn nho nhỏ tại đây,” ông ta nói với tôi, giọng vui vẻ. “Nhưng đừng lo.” Ông ta có giọng nhấn cộc lốc, khác lạ:

đó là giọng Nam Phi đầu tiên tôi từng nghe.

Ông ta cũng có một thùng bìa cứng để trên bàn trước mặt.

“Mèo con lông đen, chú ta là của cháu hả?” ông ta hỏi.

“Nó tên là Mướt,” tôi đáp.

“Ừ. Như chú nói đấy. Tai nạn khi đến đây. Đừng lo. Xử lý cái xác rồi. cháu không phải nhọc công. Đã giải quyết vấn đề. Mở cái thùng ra đi.”

“Sao cơ ạ?”

Ông ta chỉ cái thùng. “Mở ra đi,” ông ta nói.

Ông thợ mỏ đá mắt mèo là người cao ráo. Lần nào tôi cũng thấy ông ta mặc quần jean với áo sơ mi kẻ ô, trừ lần sau cùng. Ông ta đeo sợi dây chuyền vàng xin nặng trĩch trên cổ. Khi tôi thấy ông ta lần cuối thì nó cũng không còn.

Tôi không muốn mở cái thùng của ông ta ra. Tôi muốn bỏ đi để được một mình. Tôi muốn khóc cho mèo con của tôi, nhưng tôi không làm vậy được khi có ai ở đó nhìn. Tôi muốn khóc thương mèo con. Tôi muốn chôn bạn mình ở cuối vườn, quá chỗ chiếc nhẫn thần bằng cỏ xanh, xuống dưới hang bụi rậm đổ quỳên, vòng ra sau đụn cỏ cắt, chỗ đó ngoài tôi ra chẳng bao giờ có ai đặt chân tới.

Cái thùng động đây.

“Mua nó cho cháu đấy,” ông này nói. “Có nợ là chú luôn trả.”

Tôi thò tay giở nắp hộp lên, tự hỏi liệu đây có phải trò đùa không, liệu mèo con của tôi có ở trong đó không. Tuy nhiên, chỉ có một cái mặt màu hoe hung hăng nhìn lên tôi.

Ông thợ mỏ bé con mèo trong thùng ra.

Nó là một con mèo đực to sụ, lông màu hoe vằn vện, cụt mắt nửa bên tai. Nó nhìn tôi trừng trừng giận dữ. Con mèo này không thích bị bỏ trong thùng. Nó không quen với thùng hộp. Tôi thò tay vuốt đầu nó, cảm thấy không được chung thủy với ký ức về mèo con của mình, nhưng con mèo rụt

lại nên tôi không chạm vào nó được, đoạn nó gằm gừ với tôi rồi hiên ngang bỏ đi tới tít góc phòng, ngồi đó mà nhìn đầy căm hận.

“Rồi đẩy cháu nhé. Mèo đên mèo,” ông thợ mỏ nói rồi chìa bàn tay sẵn sùi ra vò tóc tôi. Đoạn, ông ta bỏ ra ngoài hành lang, để tôi lại trong bếp với con mèo không phải là mèo con của tôi.

Ông này lại thò đầu qua cửa. “Nó tên là Yêu Quái,” ông ta nói.

Tôi thấy đó như một câu đùa ác ý.

Tôi chống cửa bếp để con mèo ra được. Rồi tôi lên phòng ngủ, nằm trên giường và khóc cho Mướt đã chết. Tôi đến, khi bố mẹ đi làm về, tôi nghĩ mọi người còn chẳng thèm nhắc đến mèo con của tôi nữa.

Yêu Quái sống với chúng tôi được độ một tuần hay hơn. Sáng sáng, tôi bỏ đồ ăn của mèo vào bát cho nó rồi thêm một lần nữa vào buổi tối như đã từng dọn cho mèo con. Nó thường ngồi bên cửa sau cho đến khi tôi hay ai khác mở cửa cho nó ra. Chúng tôi thấy nó lủi từ bụi rậm này sang bụi rậm khác ngoài vườn, thấy nó trên cây cao hay dưới tầng cây thấp. Chúng tôi biết được hành tung của nó nhờ bắt gặp mấy con chim sẻ ngô xanh và chim hét chết queo trong vườn, chứ chẳng mấy khi chúng tôi thấy nó.

Tôi nhớ con Mướt. Tôi biết những vật sống thì đâu thể dễ dàng bị thay thế, nhưng tôi không dám càu nhàu với bố mẹ về chuyện đó. Có lẽ việc tôi buồn bực đã làm bố mẹ thấy khó hiểu rồi: suy cho cùng, mèo con của tôi có bị cán chết đi nữa thì cũng đã được thay bằng con khác rồi. Tồn thất đã được đền bù.

Tất cả đều hiện về, nhưng dẫu sao tôi cũng biết nó sẽ không ở lại lâu: mọi thứ tôi nhớ lại được khi ngồi trên băng ghế xanh cạnh cái ao bé xíu mà Lettie Hempstock từng khiến tôi tin là đại dương.

II.

Thuở nhỏ, tôi không được vui vẻ cho lắm dù thi thoảng tôi cũng thấy hài lòng. Tôi sống trong sách nhiều hơn ở bất cứ nơi nào khác.

Nhà chúng tôi rộng và có nhiều phòng, chuyện đó thì hay khi bố mẹ mới mua nhà và bố tôi có tiền, về sau thì không.

Một chiều nọ, bố mẹ gọi tôi vào phòng ngủ riêng một cách rất nghiêm trọng. Tôi nghĩ chắc mình đã làm chuyện gì sai quấy nên vào để nghe rầy la, nhưng không phải: bố mẹ chỉ nói với tôi là bố mẹ không còn dư dả nữa, là trong nhà ai cũng sẽ phải chịu thiệt thòi, và thứ tôi sẽ chịu thiệt thòi là phòng ngủ, căn phòng bé xíu ở đầu cầu thang. Tôi buồn xo: phòng ngủ của tôi có cái bồn rửa mặt màu vàng bé tí bố mẹ ráp vào cho, nhỏ vừa bằng cỡ tôi; căn phòng nằm bên trên nhà bếp và ở ngay đầu cầu thang dẫn xuống phòng xem tivi nên đêm đêm tôi không thấy lẻ loi vì được nghe tiếng người lớn trò chuyện rì rầm thật dễ dàng vọng lên cầu thang, luôn qua cửa phòng hé mở. Còn nữa, trong phòng ngủ của tôi, không ai phản đối gì khi tôi để cửa hé mở ra hành lang, vừa đủ cho ánh sáng lọt vào để tôi đỡ sợ bóng tối, và quan trọng chẳng kém, để nếu cần thì tôi còn được lén đọc sách trong ánh đèn hành lang lờ mờ sau giờ lên giường. Đọc sách thì bao giờ tôi cũng cần.

Bị lưu đày tới phòng ngủ rộng thênh của nhỏ em nhưng tôi không thấy đau lòng. Trong đó đã kê sẵn ba chiếc giường, tôi chọn chiếc sát bên cửa sổ. Tôi thích việc mình có thể trèo qua cửa sổ phòng ngủ đó ra phần ban công dài xây bằng gạch, hay việc khi ngủ tôi được mở cửa sổ để cảm nhận gió mưa trên mặt. Nhưng hai anh em tôi cứ hay tranh cãi, chuyện gì cũng cãi nhau. Con bé lại thích đóng cửa ra hành lang khi ngủ nên mẹ tôi đã giải quyết nhanh gọn những tranh cãi trước mắt về chuyện đóng cửa hay mở cửa bằng cách ghi ra một bảng sắp xếp luân phiên nhau những ngày để cửa theo

ý tôi hay nhỏ em rồi treo sau cửa. Mỗi đêm, tùy xem cửa mở hay đóng mà tôi sung sướng hay khiếp đảm theo.

Căn phòng ngủ của tôi ở đầu cầu thang thì để cho thuê, rồi thì đủ hạng người đã dùng qua nó. Tôi quan sát tất cả bọn họ với vẻ nghi ngờ: họ đang ngủ trong phòng của tôi, dùng bồn rửa mặt màu vàng nhỏ xíu vừa đúng cỡ tôi. Có một bà người Áo béo ú nói với nhà tôi là bà ta có thể bỏ đầu mình lại rồi đi loanh quanh trên trần nhà; một sinh viên kiến trúc từ New Zealand đến; một cặp người Mỹ mà mẹ tôi bắt phải dọn đi vì thấy chướng tai gai mắt khi mẹ phát hiện thực ra họ chưa phải vợ chồng; còn bây giờ thì có ông thợ mỏ đá mắt mèo.

Ông ta là người Nam Phi, mặc dù ông ta từng đào mỏ tìm đá mắt mèo kiếm sống ở Úc. Ông ta cho hai anh em tôi mỗi đứa một viên đá mắt mèo, loại đá đen xù xì có ánh lửa lục lam đỏ bên trong. Em tôi thích ông ta vì chuyện này và luôn nâng niu viên đá mắt mèo của mình. Tôi thì không sao tha thứ được cho ông ta vì đã làm mèo con chết.

Hôm ấy là ngày đầu tiên trong kỳ nghỉ xuân: ba tuần không phải đi học. Tôi dậy sớm, lòng rộn ràng vì cái viễn cảnh sẽ được sử dụng những ngày dài bất tận thế nào tùy thích. Tôi sẽ đọc sách. Tôi sẽ thám hiểm.

Tôi trông quần cộc với áo thun lên người và mang xăng đan vào. Tôi đi xuống nhà và vào phòng bếp. Bố tôi đang làm bếp trong khi mẹ còn ngủ thêm. Bố khoác áo choàng bên ngoài bộ đồ ngủ. Bố luôn nấu bữa sáng vào những hôm thứ Bảy. Tôi hỏi, “Bố ơi! Truyện tranh của con đâu?” Thứ Sáu nào bố cũng mua cho tôi một cuốn tuần san truyện tranh *SMASH!* trước khi lái xe về nhà, rồi tôi sẽ đọc nó vào sáng thứ Bảy.

“Để sau xe ấy. Con muốn ăn bánh mì nướng không?”

“Dạ có,” tôi nói. “Nhưng không bị khét nhé.”

Bố tôi không thích dùng máy nướng bánh mì. Bố nướng bánh mì bằng lò nướng nên thường là bố làm cháy bánh.

Tôi bước ra ngoài lối vào nhà. Tôi nhìn quanh quất. Tôi trở vào nhà, đẩy cánh cửa bếp rồi đi vào. Tôi thích cánh cửa bếp. Nó bật ra theo cả hai hướng vào và ra nên những người hầu sáu mươi năm về trước có thể bước ra bước vào, hai cánh tay chắt đầy những chiếc đĩa trống hay có thức ăn.

“Bố ơi ? Xe đâu mất rồi?”

“Ồ ngoài lối vào ấy.”

“Không, không có.”

“*Hả?*”

Điện thoại reo nên bố tôi đi ra hành lang để nghe máy. Tôi nghe thấy bố nói chuyện với ai đó.

Bánh mì nướng trong lò bắt đầu tỏa khói.

Tôi đứng lên ghé rồi tắt vỉ nướng.

“Cảnh sát gọi,” bố nói. “Có người vừa trình báo là thấy xe nhà mình bị bỏ lại cuối đường làng. Bố nói bố còn chưa đi trình báo là xe bị mất cắp nữa mà. Được rồi. Giờ bố con mình sẽ xuống gặp họ ở đó. *Bánh mì nướng!*”

Bố rút cái chảo từ trong lò ra. Miếng bánh mì nướng đang bốc khói và cháy thui một mặt.

“Cuốn truyện tranh của con có ở đây không? Hay là họ lấy cắp mất rồi?”

“Bố biết đâu nào. Cảnh sát không nhắc tới cuốn truyện tranh của con.”

Bố tôi phết bơ đậu phộng lên mặt bánh mì bị nướng khét, cởi áo choàng ngủ ra, mặc áo khoác vào bên ngoài bộ đồ ngủ, xỏ giày, rồi hai bố con cùng bước xuống đường làng. Bố vừa đi vừa nhai tốp tốp miếng bánh mì của mình. Tôi thì chỉ cầm bánh chứ không ăn.

Chúng tôi đi được độ năm phút xuôi con đường làng hẹp chạy giữa những cánh đồng ở hai bên thì một chiếc xe cảnh sát chạy lại sau lưng. Nó chạy chậm lại, rồi ông cảnh sát gọi bố tôi và nói lời chào.

Tôi giấu miếng bánh khét ra sau lưng, còn bố nói chuyện với ông cảnh sát. Tôi ước gì gia đình mình mua loại bánh mì trắng cắt lát bình thường để đưa vào máy nướng bánh mì như bao gia đình khác mà tôi biết. Bố tôi tìm được một tiệm bánh trong vùng làm ra những ổ bánh mì nâu vừa dày vừa nặng, vậy là bố cứ nhất quyết mua thứ đó. Bố nói mùi vị nó ngon hơn, mà theo như tôi thấy thì chuyện ấy thật ngớ ngẩn. Bánh mì đúng chuẩn có màu trắng, cắt lát sẵn và hầu như không có mùi vị gì: đó mới là điểm chính.

Ông cảnh sát bước xuống xe, mở cửa bên ghế hành khách rồi bảo tôi lên. Bố tôi ngồi đằng trước, bên cạnh ghế người lái.

Chiếc xe cảnh sát chạy chậm xuôi đường làng. Hồi ấy, cả con đường làng vẫn chưa được tráng nhựa, chỉ vừa đủ rộng cho từng xe một đi qua, một con đường đầy vũng nước, dốc ngược, mấp mô, đá vụn lờm chờm, bị mấy thứ thiết bị đồng áng rồi mưa gió và thời gian cày thành rãnh cả.

“Bọn nhóc này,” ông cảnh sát nói. “Chúng tưởng vậy là buồn cười lắm. Ăn cắp xe, chạy quanh chơi, vớt lại đó. Chúng là dân trong vùng đây mà.”

“Tôi chỉ thấy mừng là tìm lại được xe nhanh như vậy,” bố tôi nói.

Khi chúng tôi chạy xe ngang trang trại Caraway, một cô bé có mái tóc vàng sáng đến nỗi gần như bạch kim và hai má đỏ au ngây người nhìn chúng tôi đi qua. Tôi đặt miếng bánh khét xuống đùi.

“Thế nhưng thật lạ là chúng lại bỏ xe dưới này,” ông cảnh sát nói. “Vì từ đây mà về lại đâu thì cũng xa cả.”

Chúng tôi vừa đi qua một khúc quanh trên đường làng thì thấy chiếc xe Mini trắng ở tít bên kia đường, đằng trước cánh cổng dẫn vào một cánh đồng, lốp xe lún sâu trong bùn nâu. Chúng tôi chạy quá nó một đoạn rồi đậu xe bên vệ cỏ. Ông cảnh sát mở cửa cho tôi xuống, rồi ba người chúng tôi bước tới chỗ chiếc Mini, trong khi ông cảnh sát nói cho bố tôi nghe về tội phạm trong vùng này và vì sao rõ ràng là bọn trẻ trong vùng làm chuyện đó, rồi bố tôi lấy chìa khóa dự phòng mở cửa hông bên ghế hành khách.

Bố nói, “Có ai bỏ lại cái gì ở ghế sau này.” Bố tôi thò tay rút tấm chăn xanh phủ cái thứ ở ghế sau ra ngay cả khi ông cảnh sát nói là bố không nên làm vậy, còn tôi thì đang nhìn chăm chú ra ghế sau vì đó là nơi để cuốn truyện tranh của tôi, thế là tôi thấy nó.

Thứ tôi đang nhìn là một *cái*, không phải một *bản*.

Mặc dù là đứa trẻ giàu trí tưởng tượng và hay gặp ác mộng nhưng hồi sáu tuổi, tôi cũng đã thuyết phục được bố mẹ dẫn đi xem Bảo tàng Sáp Madame Tussauds ở Luân Đôn vì tôi muốn đến xem Ngục Tra Khảo, mong được thấy những ngục tra khảo lớn như trong phim ảnh mà tôi thường đọc trong mấy cuốn truyện tranh. Tôi đã muốn được hào hứng đến run người trước những bức tượng sáp quý Dracula, Frankenstein và Người Sói. Thế mà tôi lại được dẫn đi xem cả chuỗi dài lê thê các cảnh dựng mô tả những người đàn ông đàn bà mặt mày cau có và tầm thường, tất cả đều đã giết người nạn nhân thường là khách trọ và người nhà của họ - rồi đến lượt họ cũng bị xử tử: bằng cách treo cổ, bằng ghế điện, trong phòng hơi ngạt. Hầu hết bọn họ cùng với các nạn nhân được đặt trong những tình huống khó xử - họ ngồi ở quanh bàn ăn khi người nhà bị họ đầu độc rồi tắt thở chẳng hạn. Mấy tấm bảng chú thích nhỏ còn cho tôi biết rằng hầu hết những người này đã giết người nhà rồi đem xác bán cho bên *giải phẫu*. Đó là lúc cái *từ giải phẫu* tích tụ dần dần về ghê rợn đối với tôi. Tôi không biết *giải phẫu* là gì. Tôi chỉ biết *giải phẫu* khiến người ta giết con cái mình.

Khi được dẫn đi xem, điều duy nhất khiến tôi không vừa kêu thét vừa bỏ chạy ra khỏi Ngục Tra Khảo là không có tượng sáp nào trông giống hệt như thật cả. chúng không làm sao trông như chết rồi được, bởi chúng chưa bao giờ trông như có sự sống.

Cái thứ bị tấm chăn xanh phủ lên ở ghế sau (tôi *biết* tấm chăn đó. Nó là cái chăn trong phòng ngủ của tôi lúc trước, cất trên giá, để dành khi trời trở lạnh) trông cũng không thật. Trông nó hao hao giống ông thợ mỏ đào đá mắt mèo, nhưng nó lại mặc bộ comple đen, áo sơ mi trắng có điểm xếp nếp và

thất nơ bướm đen. Tóc nó chải lảng ra sau và bóng một cách giả tạo. Hai mắt nó trợn trừng. Cặp môi nó xanh xao, nhưng da thì đỏ nọc. Nó trông như một thứ xác ướp. Quanh cổ nó không có sợi dây chuyền vàng.

Bên dưới nó, tôi thấy cuốn *SMASH!* của mình nhàu nát cong queo cả lên, trên bìa có hình Người Dơi trông hệt như trên tivi.

Tôi không nhớ lúc ấy ai nói gì, chỉ nhớ là họ bắt tôi tránh xa chiếc Mini ra. Tôi bước qua bên kia đường rồi đứng đó một mình trong khi ông cảnh sát nói chuyện với bố tôi và ghi lại gì đó vào một cuốn sổ.

Tôi cứ nhìn chiếc Mini. Một khúc ống nước màu xanh lá dùng trong vườn chạy từ ống xả đến chỗ cửa sổ bên phía tài xế. Bùn nâu đóng bánh khắp ống xả, giữ yên ống nước một chỗ.

Không có ai nhìn tôi. Tôi cắn một miếng bánh mì nướng. Nó bị khét và nguội ngắt rồi.

Ở nhà, cứ miếng bánh nào bị khét nhiều nhất là bố ăn hết. Bố thường nói, “Ngon ơi là ngon!” rồi “Than ư! Tốt chứ sao!” và “Bánh mì khét! Món bố thích ăn nhất!” rồi sau đó ăn hết cả miếng. Khi tôi đã khôn lớn hơn nhiều thì bố mới thú thật với tôi là bố chưa bao giờ thích bánh khét cả, rằng bố chỉ ăn để khỏi bỏ phí thôi, vậy là trong chớp mắt, tôi cảm thấy như cả tuổi thơ của mình là một sự dối trá: như thể một trong những cột trụ niềm tin xây nên thế giới của tôi đã vỡ vụn thành cát khô.

Ông cảnh sát nói vào điện đài đằng trước xe.

Rồi ông ta băng qua đường đi lại chỗ tôi. “Chú rất tiếc về chuyện này, cháu ạ,” ông ta nói. “Chốc nữa sẽ có thêm mấy xe chạy xuống đường này. Bọn chú phải kiếm cho cháu chỗ nào để chờ mà không gây cản trở. Cháu có muốn lại ngồi vào sau xe chú không?”

Tôi lắc đầu. Tôi không muốn ngồi trong đó nữa.

Có ai đó, một đứa con gái, nói, “Đề em ấy đi với cháu về đằng nhà cháu cũng được. Chẳng phiền gì đâu ạ.”

Cô bé lớn hơn tôi nhiều, ít nhất cũng đã mười một tuổi. Mái tóc nâu đỏ của cô bé khá ngắn so với lũ con gái, cái mũi thì héch. Mặt cô bé đầy tàn nhang. Cô bé mặc chiếc váy đỏ - thời ấy, con gái ở những vùng đó không mấy khi mặc quần jean. Cô bé nói giọng vùng Sussex nhỏ nhẹ và có đôi mắt xanh xám sắc sảo.

Ông cảnh sát đi cùng cô bé lại chỗ bố tôi, rồi cô bé được phép dẫn tôi đi, và thế là tôi cùng cô bé bước dọc đường làng.

Tôi nói, “Trong xe nhà em có người chết.”

“Vì vậy mà ông ta xuống đây,” cô bé bảo tôi. Cuối đường. Quanh đây sẽ chẳng ai bắt gặp mà ngăn ông ta lại lúc ba giờ sáng. Bùn ở đó lại ướt và dễ đóng bánh.”

“Chị nghĩ ông ta tự sát sao?”

“Phải. Em có thích uống sữa không ? Bây giờ bà đang vắt sữa con Bessie đấy.”

Tôi hỏi, “Ý chị nói là sữa từ bò thật ấy hả?” rồi cảm thấy mình thật ngu ngốc, nhưng cô bé gật đầu, vẻ trấn an.

Tôi ngẫm nghĩ chuyện này. Tôi chưa từng uống sữa mà không lấy từ trong chai ra. “Em nghĩ là em thích.”

Chúng tôi ghé vào một chuồng bò nhỏ, một bà cụ đang đứng bên con bò, bà già hơn bố mẹ tôi nhiều, tóc dài bạc trắng như tơ, gương mặt gầy guộc. Có những cái ống đen dài gắn vào hai hàng vú bò. “Trước đây, nhà chị vắt sữa bò bằng tay,” cô bé bảo tôi. “Nhưng thế này thì dễ hơn.”

Cô bé chỉ cho tôi xem sữa từ con bò chảy xuống mấy ống đen rồi vào một cái máy, qua một thùng làm lạnh rồi vào những thùng đựng sữa to tương bằng kim loại. Mấy thùng đựng sữa được để lại trên bệ gỗ nặng trĩch bên ngoài chuồng bò, mỗi ngày sẽ có một xe tải đến lấy đi.

Bà cụ cho tôi một cốc sữa béo ngậy vắt từ con bò Bessie, sữa còn tươi, chưa đi qua thùng làm lạnh. Trước giờ, tôi chưa từng uống thứ gì có mùi vị

như vậy: đậm đà, âm ẩm và hết sức dễ chịu trong miệng. Tôi vẫn còn nhớ vị sữa đó khi đã quên hết mọi thứ khác.

“Họ còn mấy người nữa ở đầu đường làng đấy,” bắt chợt bà cụ nói. “Đủ thứ người xuống rồi lại còn đèn chớp với nháy loạn cả lên. Đúng là nhắng nhít, cháu dẫn thằng bé vào bếp đi. Nó hãy còn đói đấy, một cốc sữa thì chẳng thấm béo gì với một thằng đang tuổi ăn tuổi ngủ đâu.”

Đứa con gái hỏi, “Em đã ăn gì chưa?”

“Mới có một mẩu bánh mì nướng thôi. Nó còn bị khét nữa.”

Cô bé nói, “Chị tên là Lettie. Lettie Hempstock. Đây là trang trại nhà Hempstock. Đi nào.” Cô bé dẫn tôi qua cửa trước vào nhà rồi bước vào căn bếp rộng thênh thang, cho tôi ngồi bên một chiếc bàn gỗ to, loang lổ vân vện đến độ cứ như có những gương mặt đang nhìn lên tôi từ trong thứ gỗ lâu đời đó vậy.

“Nhà chị ăn sáng ở đây hồi sớm rồi,” cô bé nói. “Bắt đầu vắt sữa từ lúc trời hửng sáng. Nhưng có cháo trong nồi đấy, cả mút để ăn kèm nữa.”

Cô bé đưa cho tôi một bát sứ đầy cháo còn ấm lầy trên mặt lò, ở giữa có một thìa mút quả mâm xôi nhà làm, món tôi ưa thích nhất, rồi cô bé rót kem vào. Tôi dùng thìa khuấy soàn soạt trước khi ăn, trộn tất cả lại thành thứ hỗn hợp có màu tím rồi thấy cũng hài lòng như mọi lần tôi thấy hài lòng về bất cứ chuyện gì. Nó có mùi vị không chê vào đâu được.

Một người phụ nữ có vóc người chắc nịch bước vào. Mái tóc của bác màu nâu đỏ, đã ngả muối tiêu và cắt ngắn. Hai má bác tròn và hây hây, chiếc váy xanh lục dài xuống tới đầu gối, chân mang ủng cao su cao cổ. Bác nói, “Chắc đây là thằng bé sống ở đầu đường làng. Đúng là đủ thứ chuyện đang xảy ra với cái xe đó. Năm người họ sẽ cần uống trà bây giờ đấy.”

Lettie hứng nước ở vòi vào một ấm đồng to. Cô bé quẹt diêm châm lửa bếp ga rồi bắc ấm lên bếp. Đoạn, cô bé lấy trên tủ chén xuống năm cái ca sứ mẻ rồi ngấp ngừng nhìn người phụ nữ. Bác nói, “Con đúng đấy. Sáu người.

Cả ông bác sĩ cũng sẽ đến đây.”

Rồi người phụ nữ mặ́m môi và làm một tiếng *chặc!* “Họ bỏ sót tờ thư rồi,” bác nói. “Ông ta viết cũng rất là cẩn thận, xếp lại bỏ trong túi ở ngực áo, vậy mà họ vẫn chưa lục soát ở đó.”

“Thư nói gì vậy ạ?” Lettie hỏi.

“Con tự đọc đi,” bác nói. Tôi nghĩ bác là mẹ của Lettie. Trông bác giống như mẹ của ai đó. Rồi bác nói, “Nó viết rằng ông ta đã cầm hết tiền mà bạn bè đưa cho ông ta để mang khỏi Nam Phi và nhờ gửi vào ngân hàng ở Anh giùm họ, cùng với tất cả số tiền ông ta kiếm được suốt bao năm trời đào mỏ tìm đá mắt mèo, rồi ông ta đến sòng bài ở Brighton để đỏ đen, nhưng ông ta chỉ định đánh bạc bằng tiền của mình thôi. Thế rồi, ông ta chỉ định động đến tiền của bạn bè đưa cho đến bao giờ kiếm lại được số tiền đã thua.”

“Thế rồi, ông ta chẳng còn gì sót,” người phụ nữ nói, “và mọi sự đều tối tăm mịt mù.”

“Dù sao thì ông ta cũng không viết như vậy,” Lettie nói, mắt nheo nheo. “Ông ta viết là,

‘Gửi tất cả các bạn,

Tôi rất lấy làm tiếc rằng chuyện đã không như tôi

định bụng và mong các bạn sẵn lòng tha thứ cho tôi

vì tôi không thể nào tha thứ cho mình.’ ”

“Cũng vậy cả thôi,” người phụ nữ đứng tuổi nói. Bác quay qua tôi. “Ta là mẹ của Lettie,” bác nói. “Chắc con gặp mẹ ta rồi, trong nhà kho vắt sữa ấy. Ta là bác Hempstock, còn bà ấy là bác Hempstock trước cả ta nên giờ bà ấy là bà Hempstock. Đây là trang trại Hempstock. Nó là trang trại lâu đời nhất vùng này. Nó có trong Sổ Điền Thổ* đấy.”

Tôi thắc mắc vì sao mà mấy người phụ nữ này ai cũng được gọi là Hempstock, nhưng tôi không hỏi, cũng như tôi không định hỏi làm sao mà họ biết chuyện lá thư tuyệt mệnh hay người thợ mỏ đá mắt mèo nghĩ gì trước lúc chết. Họ thấy chuyện đó rất hiển nhiên.

Lettie nói, “Con đã huých ông ta ra để nhìn vào túi ở ngực áo. Ông ta sẽ tưởng tự ông ta nghĩ ra chuyện đó.”

“Giỏi lắm,” bác Hempstock nói. “Khi nào ấm nước sôi, họ sẽ tới đây để hỏi xem ta có thấy gì bất thường không và dùng trà. Sao con không dẫn thằng bé xuống đằng ao đi?”

“Đó đâu phải ao,” Lettie nói. “Nó là đại dương của con.” Cô bé quay qua tôi nói, “Đi nào.” Cô bé dẫn tôi ra khỏi nhà theo lối chúng tôi vừa vào.

Ngày vẫn còn xám xịt.

Chúng tôi đi vòng quanh nhà, xuôi theo lối bò đi.

“Nó là đại dương thật sao?” tôi hỏi.

“Ồ thật chứ,” cô bé nói.

Bất thành linh, chúng tôi gặp nó: một nhà kho bằng gỗ, một băng ghế cũ kỹ, và ở giữa là một ao vẹt, nước ao đen ngòm điểm bèo tấm và hoa súng. Có một con cá chết, màu bạc như đồng tiền, nằm nghiêng lênh bênh trên mặt nước.

“Vậy là không hay rồi,” Lettie nói.

“Em tưởng chị nói nó là đại dương,” tôi nói với cô bé. “Thật ra thì đó chỉ là cái ao mà thôi.”

“Nó là đại dương,” cô bé nói. “Lúc chị mới chào đời, nhà chị đã từ vùng đất xưa vượt đại dương đến đây.”

Lettie đi vào nhà kho rồi trở ra cùng một cây sào tre dài, một đầu có thứ gì đó trông như lưới đánh bắt tôm. Cô bé cúi người xuống, cẩn thận đưa tấm lưới xuống dưới con cá chết. Cô bé kéo nó lên.

“Nhưng trang trại Hempstock có trong Sổ Điền Thổ,” tôi nói. “Mẹ chị đã nói thế. Mà đó là từ thời William Chinh Phạt*.”

“Phải,” Lettie Hempstock nói.

Cô bé lấy con cá chết trên lưới ra sẫm soi. Con cá vẫn còn mềm, chưa cứng đờ, quẫy lóc bóc trong tay cô bé. Tôi chưa bao giờ được thấy nhiều màu sắc như vậy: nó màu bạc, phải, nhưng bên dưới ánh bạc là màu xanh lam, xanh lục và tím, rồi mỗi vảy lại có điểm ít màu đen.

“Nó là loại cá gì vậy?” tôi hỏi.

“Chuyện này rất kỳ lạ,” cô bé nói. “Ý chị là, dù sao thì cá trong đại dương này thường không chết.” Cô bé lấy ra một con dao bỏ túi có cán bằng sừng thú, mặc dù tôi không làm sao cho bạn biết là từ đâu được, rồi cô bé đâm dao vào bụng con cá và xẻ dọc đến tận đuôi.

“Cái này làm nó chết đây,” Lettie nói.

Cô bé moi trong ruột con cá ra cái gì đó. Rồi cô bé đặt thứ vẫn còn dính mỡ từ ruột cá đó vào tay tôi. Tôi cúi xuống, nhúng nó vào nước, đưa mấy ngón tay kì cọ rửa sạch đi. Tôi ngậy người nhìn nó. Gương mặt nữ hoàng Victoria nhìn chăm chăm lại tôi.

“Đồng sáu xu hả?” tôi hỏi. “Con cá ăn một đồng sáu xu sao?”

“Không tốt rồi, đúng không?” Lettie Hempstock nói. Lúc này trời đã hứng chút nắng: soi rọi mấy nốt tàn nhang chụm ngang má và mũi cô bé, và ở chỗ ánh nắng chiếu vào, mái tóc cô bé có màu đồng đỏ. Thế rồi, cô bé nói, “Bố em đang băn khoăn không biết em đang ở đâu đấy. Đến lúc quay về rồi.”

Tôi cố trả đồng sáu xu bằng bạc nhỏ xíu cho cô bé, nhưng cô bé lắc đầu. “Em cứ giữ nó đi,” cô bé nói. Em mua sô cô la hay kẹo chanh được mà.”

“Em không nghĩ là mua được đâu,” tôi nói. “Thế này ít quá. Em không biết bây giờ có cửa hàng nào chịu nhận đồng sáu xu thế này không.”

“Vậy thì bỏ nó vào heo đất đi,” cô bé nói. “Có lẽ nó sẽ đem lại may mắn

cho em.” Cô bé nói điều này một cách hoài nghi, tựa hồ cô bé không chắc nó sẽ đem lại may mắn kiểu gì.

Mấy ông cảnh sát với bố tôi cùng hai người đàn ông mặc comple nâu và thất cà vạt đang đứng trong bếp căn nhà trang trại. Một trong mấy người đàn ông nói với tôi rằng mình là cảnh sát, nhưng ông ta không mặc đồng phục, tôi nghĩ điều này thật đáng thất vọng: tôi mà là cảnh sát thì tôi sẽ mặc đồng phục bất cứ khi nào có thể. Tôi nhận ra người đàn ông mặc comple và thất cà vạt còn lại là bác sĩ Smithson, bác sĩ của gia đình chúng tôi. Họ đang uống nốt trà.

Bố tôi cảm ơn bác Hempstock và Lettie đã trông coi tôi, họ nói tôi không làm phiền gì cả và bảo tôi cứ đến chơi. Ông cảnh sát đã chở chúng tôi xuống chỗ chiếc Mini giờ lại đưa chúng tôi về và thả chúng tôi xuống cuối lối vào nhà.

“Có lẽ tốt nhất là con đừng nói chuyện này cho em con biết,” bố tôi nói.

Tôi không muốn kể cho ai nghe chuyện đó cả. Tôi đã tìm được một nơi đặc biệt, có một người bạn mới, bị mất cuốn truyện tranh và đang nắm chặt một đồng sáu xu cổ xưa bằng bạc trong tay.

Tôi hỏi, “Đại dương khác với biển như thế nào vậy bố?”

“Lớn hơn,” bố tôi nói. “Đại dương lớn hơn biển nhiều. Sao thế?”

“Con chỉ đang nghĩ thôi,” tôi nói. “Ta có thể nào có đại dương nhỏ bằng cái ao không?”

“Không đâu,” bố tôi trả lời. “Ao có bờ của ao, hồ có bờ của hồ. Biển là biển và đại dương là đại dương. Đại Tây Dương, Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, Bắc Băng Dương. Bố nghĩ vậy là đủ hết các đại dương rồi.”

Bố tôi đi lên phòng ngủ để nói chuyện với mẹ và gọi điện thoại trên đó. Tôi thả đồng sáu xu vào con heo đất. Nó là một kiểu heo bằng sứ mà ta không thể lấy gì ra được. Một ngày nào đó, khi nó không ních thêm được đồng xu nào nữa, tôi sẽ được phép đập nó ra, nhưng nó thì còn lâu mới đầy.

III.

Tôi không còn thấy lại chiếc Mini trắng nữa. Hai ngày sau, đúng hôm thứ Hai, người ta giao đến cho bố tôi một chiếc Rover đen có ghế bọc da màu đỏ đã rạn. Xe đó lớn hơn chiếc Mini ngày trước nhưng không được thoải mái bằng. Mùi xì gà lâu ngày bám đầy lớp bọc da, và ngồi sau chiếc Rover trong những chuyến đi dài bao giờ bọn tôi cũng say xe.

Sáng thứ Hai không chỉ có chiếc Rover đen tới. Tôi còn nhận được một lá thư.

Tôi bảy tuổi và chưa từng nhận được thư. Hôm sinh nhật, tôi nhận được thiệp của ông bà và của cô Ellen Henderson, cô bạn của mẹ mà tôi không quen. Vào ngày sinh nhật tôi, cô Ellen Henderson sống trong nhà lưu động thường gửi cho tôi một chiếc khăn tay. Tôi chẳng bao giờ nhận được thư. Dù vậy, mỗi ngày tôi vẫn ra kiểm tra hòm thư xem có gì cho mình không.

Thế rồi, sáng hôm ấy, tôi có thư thật.

Tôi mở nó ra nhưng không hiểu cái mình đang nhìn vào là gì nên cầm tới hỏi mẹ.

“Con trúng được Premium Bond* rồi,” mẹ nói.

“Vậy nghĩa là sao ạ?”

“Ngày con ra đời - đứa cháu nào ra đời cũng vậy - bà mua cho con một tấm trái phiếu Premium Bond. Khi họ quay số thì ta có thể trúng đến hàng ngàn bảng.”

“Con trúng hàng ngàn bảng sao?”

“Không đâu.” Mẹ xem mảnh giấy. “Con trúng được hai mươi lăm bảng.”

Tôi buồn vì không trúng được hàng ngàn bảng (tôi đã biết mình sẽ dùng

số tiền đó để mua những gì rồi. Tôi sẽ mua một nơi rồi đến đó để được một mình, một hang dơi có lối vào khuất kín chằng hạn), nhưng tôi sung sướng vì được sở hữu một gia tài vượt quá những gì mình đã tưởng tượng. Hai mươi lăm bảng. Một xu tôi mua được bốn viên kẹo Blackjack hay Fruit Salad bé tí: mỗi viên là một pha đình*, mặc dù người ta không còn sử dụng đồng pha đình nữa. Hai mươi lăm bảng, một bảng là hai trăm bốn mươi* xu mà một xu được bốn viên kẹo, vậy là... nhiều kẹo đến mức tôi khó mà hình dung được.

“Mẹ sẽ bỏ nó vào tài khoản tiết kiệm bưu điện cho con,” mẹ nói vậy làm những giấc mơ của tôi tan tành.

Sáng hôm ấy, tôi không có thêm được một viên kẹo nào cả. Dầu sao thì tôi cũng giàu có rồi. Giàu hơn tôi ít phút trước những hai mươi lăm bảng. Tôi chưa bao giờ trúng được thứ gì, chưa bao giờ.

Tôi bảo mẹ cho tôi xem tờ giấy có ghi tên mình thêm một lần nữa trước khi mẹ cất nó vào túi xách tay.

Chuyện đó xảy ra sáng thứ Hai. Tới chiều, ông cụ Wollery, người cứ mỗi chiều thứ Hai và thứ Năm lại đến làm vườn một lúc (bà Wollery, bà vợ cũng già như ông và hay mang loại ủng cao su to tướng gần như trong suốt, thì thường đến vào những chiều thứ Tư để dọn dẹp), đang cuốc đất trong vườn rau thì đào lên được một cái lọ đầy những đồng một xu, nửa xu, ba xu và thậm chí cả đồng pha đình. Không đồng xu nào có sau năm 1937 nên tôi bỏ cả buổi chiều lấy xốt nâu với giấm đánh mấy đồng xu cho sáng bóng lên.

Mẹ tôi bỏ lọ đồng tiền xưa lên bệ lò sưởi ở phòng ăn rồi nói mẹ nghĩ rằng một người sưu tầm đồng xu có thể bỏ ra vài bảng mà mua chỗ tiền xu đó.

Đêm ấy, tôi đi ngủ thật sung sướng và hào hứng. Tôi giàu rồi. Đã khám phá được kho báu bị chôn vùi. Thế giới này quả là một chốn tươi đẹp.

Tôi không nhớ những giấc mơ mở đầu ra sao. Nhưng giấc mơ là như

vậy, phải không nào ? Tôi biết là mình đang ở trường, trải qua một ngày tồi tệ, chạy trốn bọn con nít hay đánh và chửi tôi, nhưng chúng cũng tìm ra tôi đang nấp tít trong bụi đỗ quyên đằng sau trường, và tôi biết chắc đó chỉ là một giấc mơ thôi (nhưng trong mơ tôi lại không biết, nó hết như thật) vì ông tôi đang đứng đây với bọn chúng và bạn bè của ông, mấy ông già da dẻ xám ngoét và ho khọt khẹt. Họ cầm mấy cây bút chì nhọn hoắt mà hễ cứ đâm vào là sẽ hút máu ta. Tôi chạy trốn, nhưng mấy ông già và mấy thằng to con ấy lại nhanh hơn tôi, thế rồi bọn họ đuổi kịp khi tôi trốn vào một buồng nhỏ trong dãy phòng vệ sinh nam. Bọn họ đè cổ tôi xuống, cạy miệng tôi ra.

Ông tôi (nhưng đó không phải ông tôi: thật ra, đó là hình nhân bằng sáp của ông tôi, quyết đem bán tôi cho bên *giải phẫu*) cầm thứ gì đó nhọn hoắt và loang loáng, rồi mấy ngón tay múp míp của ông tọng nó vào miệng tôi. Nó cứng, bén và quen quen, rồi nó làm tôi sặc và nghẹn. Miệng tôi đầy vị kim khí.

Đám người trong nhà vệ sinh nam nhìn tôi bằng cặp mắt độc ác, đắc thắng, còn tôi thì cố sao để không mắc nghẹn cái thứ trong họng, quyết không cho bọn họ được hả hê.

Tôi tỉnh dậy thì thấy mình đang bị nghẹn.

Tôi không thở được. Trong cổ họng tôi có cái gì đó cứng và bén, nó làm tôi không thở hay kêu lên được. Từ lúc tỉnh dậy, tôi ho sặc sụa, nước mắt giàn giụa trên má, nước mũi chảy lòng thòng.

Tôi tuyệt vọng, hốt hoảng và quyết tâm thọc sâu hết mức mấy ngón tay vào miệng. Tôi đưa đầu ngón trở sờ thấy cạnh của cái gì đó cứng cứng, để ngón giữa lên mặt kia của nó, tự mắc nghẹn, rồi kẹp chặt hai ngón tay móc thứ tôi không biết là gì trong cổ họng ra.

Tôi há miệng thở hỏn hà hỏn hển rồi gằn như nôn lên tám trái giường, khạc ra đám nước dãi trong veo lấm tẩm máu do cái thứ đó đã cứa rách cổ họng khi tôi moi nó ra.

Tôi không nhìn thứ đó. Tôi nắm chặt cái thứ nhảy cả đờm và nước dãi đó trong tay. Tôi không muốn nhìn nó. Tôi không muốn nó tồn tại, cây cầu nối giữa giấc mơ và cõi thực của tôi.

Tôi chạy qua hành lang đến phòng tắm ở đầu kia căn nhà. Tôi súc miệng, uống nước từ ngay vòi nước lạnh, rồi khắc máu đỏ vào chậu rửa trắng, chỉ khi xong xuôi, tôi mới ngồi bên thành bồn tắm màu trắng và xòe tay ra. Tôi thấy sợ.

Nhưng thứ trong tay tôi - thứ đã ở trong họng tôi -không có gì đáng sợ. Đó là một đồng xu: một đồng silinh bạc.

Tôi quay về phòng ngủ. Tôi thay đồ, lấy khăn mặt ướt cổ chùi thật sạch chỗ mình vừa khắc ra trên tấm trải giường. Tôi hy vọng tấm trải giường sẽ kịp khô cho tôi ngủ đêm đó. Rồi tôi đi xuống nhà dưới.

Tôi muốn kể cho ai đó nghe chuyện đồng silinh nhưng không biết nói với ai. Tôi hiểu người lớn đủ để biết rằng tôi mà nói cho họ nghe chuyện xảy ra thì họ sẽ không tin tôi. Dù gì thì khi tôi nói thật, dường như chẳng mấy khi người lớn tin. Sao họ lại phải tin lời tôi về chuyện kỳ lạ như vậy?

Nhỏ em tôi đang chơi trong vườn sau với mấy đứa bạn. Khi thấy tôi, nó giận dữ chạy lại. Con bé nói, “Em ghét anh. Khi nào bố mẹ về, em mách bố mẹ cho xem.”

“Gì chứ?”

“Anh biết mà,” con bé nói. “Em biết đó là anh.”

“Anh làm sao?”

“Ném tiền xu vào em. Vào tất cả bọn em. Từ trong bụi rậm. Chuyện đó đúng là xấu xa.”

“Nhưng anh đâu có làm.”

“Đau lắm.”

Con bé quay lại với đám bạn, rồi cả bọn trừng mắt nhìn tôi. Cổ họng tôi có cảm giác đau rát và rách buồm.

Tôi đi xuống lối vào nhà. Tôi không biết mình định đi đâu - tôi chỉ không muốn ở đây nữa.

Lettie Hempstock đang đứng ở cuối lối vào, dưới mấy cây hạt dẻ. Trông như thể cô bé đã chờ cả trăm năm rồi và có chờ thêm một trăm năm nữa cũng được. Cô bé mặc chiếc váy trắng, nhưng ánh sáng xuyên qua những chiếc lá non mùa xuân trên cây dẻ nhuộm nó thành màu xanh lá.

Tôi nói, “Chào chị.”

Cô bé hỏi, “Em gặp ác mộng, đúng không?”

Tôi lấy đồng silinh trong túi ra đưa cho cô bé xem. “Em bị mắc nghẹn cái này,” tôi bảo cô bé. “Khi em tỉnh dậy. Nhưng em không biết sao nó lại ở trong miệng mình. Nếu có ai bỏ nó vào miệng em thì em đã thức giấc rồi. Khi em tỉnh dậy thì nó cứ thế ở *trong* đó thôi.”

“Ừ,” cô bé nói.

“Nhỏ em của em nói là em nấp trong bụi ném đồng xu vào túi nó, nhưng em không làm thế.”

“Phải,” cô bé đồng tình. “Em không làm thế.”

Tôi hỏi, “Chị Lettie? Đang có chuyện gì vậy?”

“Ồ,” cô bé nói, như thể chuyện đó đã hiển nhiên rồi. “Có kẻ đang cố phát tiền cho thiên hạ, chỉ vậy thôi. Nhưng nó làm ăn chán quá, nó đang khuấy động những thứ đáng ra phải im ngủ quanh đây. Mà chuyện đó thì không hay.

“Chuyện này có liên quan gì đến cái ông đã chết không?”

“Có liên quan tới ông ta. Phải.”

“Ông ta đang làm chuyện này sao?”

Cô bé lắc đầu. Rồi cô bé hỏi, “Em ăn sáng chưa?”

Tôi lắc đầu.

“Được rồi,” cô bé nói. “Đi nào.”

Chúng tôi cùng bước xuôi đường làng. Ngày ấy, đây đó dọc đường làng có mấy túp nhà, và khi chúng tôi đi ngang qua, cô bé chỉ về mấy ngôi nhà đó. “Trong nhà ấy,” Lettie Hempstock nói, “có một ông nằm mơ thấy mình bị đem bán và bị biến thành tiền. Giờ thì ông ta bắt đầu thấy thứ này thứ nọ trong gương.”

“Những thứ kiểu gì?”

“Chính ông ta. Nhưng có ngón tay từ hốc mắt thò ra. Rồi thì những thứ trong miệng bò ra. Như càng cua ấy.”

Tôi nghĩ về những người soi gương thấy miệng mình có càng cua thò ra. “Sao em lại bắt được đồng silinh trong cổ họng?”

“Ông ta muốn mọi người có tiền.”

“Ông thợ mỏ đá mắt mèo hả ? Ông ta chết trong xe sao?”

“Phải. Gần như vậy. Không hẳn. Ông ta đã châm ngòi cho tất cả những chuyện này, kiểu như là người châm ngòi pháo hoa ấy. Cái chết của ông ta đã châm mồi lửa. Cái thứ ngay lúc này đang bùng nổ thì không phải ông ta. Đó là người khác. Thứ gì khác.”

Cô bé đưa bàn tay bê bết bụi đất lên dụi cái mũi lấm tẩm tàn nhang.

“Trong nhà kia có một bà hóa điên,” cô bé kể tôi nghe, và tôi chẳng hề có ý nghi ngờ cô bé. “Bà ta giấu tiền dưới nệm. Giờ thì bà ta không chịu ra khỏi giường, sợ biết đâu có người lấy trộm mất.”

“Làm sao chị biết?”

Cô bé nhún vai. “Khi ở quanh đây được ít lâu, ta sẽ dần dà biết chuyện này chuyện kia.”

Tôi đá hất một hòn đá. “Chị nói *ít lâu* nghĩa là *một quãng thời gian thật dài* hả?”

Cô bé gật đầu.

“Thật ra thì chị mấy tuổi rồi?” tôi hỏi.

“Mười một.”

Tôi ngẫm nghĩ một lát. Rồi tôi hỏi, “Chị mười một tuổi được bao lâu rồi?”

Cô bé nhoèn miệng cười với tôi.

Chúng tôi đi ngang qua trang trại nhà Caraway. Mấy chủ trại mà một ngày nọ tôi sẽ được biết là bố mẹ của Callie Anders đang đứng trong sân quát tháo nhau. Họ ngừng lại khi thấy chúng tôi.

Khi chúng tôi đi vòng qua một khúc quanh trên đường làng và đã khuất tầm mắt của họ, Lettie nói, “Mấy người đó thật tội nghiệp.”

“Sao họ lại tội nghiệp?”

“Vì họ đang gặp rắc rối về tiền bạc. Sáng nay, ông ta nằm mơ thấy bà ta... bà ta làm những chuyện xấu xa. Để kiếm tiền. Nên ông ta lục lọi túi xách tay của bà ta và thấy rất nhiều tờ mười siling gấp lại. Bà ta nói không biết tiền ở đâu ra, nhưng ông ta không tin. Ông ta không biết phải tin vào cái gì.”

“Tất cả những cái cọ và chiêm bao đó. chúng đều là về chuyện tiền bạc, phải không?”

“Chị không rõ,” Lettie nói, lúc ấy cô bé trông như người lớn đến mức tôi gần như thấy sợ cô bé.

“Dù là chuyện gì đi nữa,” cuối cùng cô bé nói, “thì cũng giải quyết được hết.” Cô bé thấy mặt tôi lúc ấy có vẻ lo âu. Thậm chí sợ hãi. Thế là cô bé nói, “Ăn bánh rán xong hăng hay.”

Lettie rán bánh cho cả hai đĩa bằng khay kim loại to trên bếp lò. Bánh được rán mỏng dính, xong bánh nào là Lettie lại vắt chanh vào bánh ấy, bỏ một miếng mứt mận vào giữa rồi cuộn chặt lại như điều xì gà. Khi đã đủ bánh, chúng tôi ngồi vào bàn bếp mà ăn ngẫu nhiên.

Trong căn bếp đó có một cái lò sưởi, trong lòng lò sưởi vẫn còn âm ỉ tro tàn từ đêm trước. Căn bếp đó là một chốn thân tình, tôi nghĩ vậy.

Tôi nói với Lettie, “Em thấy sợ.”

Cô bé mỉm cười với tôi. “Chị sẽ lo sao cho em được an toàn. Chị hứa. *Chị* thì không sợ đâu.”

Tôi vẫn còn sợ, nhưng không sợ như trước nữa. “Rùng rợn quá.”

“Chị nói là chị hứa rồi mà,” Lettie Hempstock nói. “Chị sẽ không để người ta làm hại em.”

“Hại ư?” một giọng nói cao vút, khào khào lên tiếng. “Ai bị hại ? Cái gì bị hại ? Sao ai lại phải bị hại?”

Đó là bà Hempstock, hai tay bà nắm tạp dề, giữa vạt tạp dề trũng xuống có nhiều hoa thủy tiên vàng đến mức ánh sáng hắt lên mặt bà vàng rực, căn bếp thì dường như tắm đẫm trong thứ ánh sáng vàng.

Lettie nói, “Có thứ gì đó đang tác oai tác quái. Nó phân phát tiền cho mọi người. Trong giấc mơ và trong đời thực.” Cô bé đưa đồng silinh của tôi cho bà xem. “Sáng nay khi thức dậy, bạn cháu thấy mắc nghẹn đồng silinh này.”

Bà Hempstock bỏ tạp dề lên bàn bếp, lệ làng trút mớ hoa thủy tiên vàng trong tạp dề ra mặt bàn bằng gỗ. Rồi bà cầm lấy đồng silinh Lettie đưa. Bà nheo mắt nhìn, hít ngửi nó, chà lên nó, nghe ngóng nó (hay ít nhất cũng cầm nó đưa lên tai) rồi thè đầu lưỡi tím lịm ra liếm.

“Nó mới keng,” cuối cùng bà nói. “Trên đó ghi năm 1912, nhưng hôm qua nó vẫn chưa tồn tại.”

Lettie nói, “Cháu đã biết nó có gì là lạ rồi mà.”

Tôi ngược nhìn bà Hempstock. “Làm sao mà bà biết ạ?” “Hỏi hay đấy, cháu ạ. chủ yếu là nhờ sự phân rã electron. Ta phải nhìn thật kỹ các thứ mới thấy được electron. Đó là thứ tí tẹo, xinh xinh trông như những nụ cười bé xíu. Notron thì xám xịt và trông như cái nhú mày. Mấy electron này đều tươi cười hơi nhiều một tí nên không thể là năm 1912 được, nên ta mới kiểm tra mặt có chữ và mặt có đầu ông vua đời xưa thì thấy chỗ nào cũng hơi quá

cứng và bén một tí. Ngay cả ở chỗ bị mòn thì cũng như thể nó bị làm cho mòn đi vậy.”

“Hắn là mắt bà tinh tường lắm,” tôi nói với bà. Tôi thấy ấn tượng. Bà trả đồng xu lại cho tôi.

“Không còn tinh tường như xưa nữa, nhưng mà, khi nào cháu đến tuổi ta, mắt cháu cũng sẽ không còn được tinh tường như trước nữa.” Rồi bà bật cười hô hố như thể vừa nói điều gì buồn cười lắm.

“Vậy là bà bao nhiêu tuổi ạ?”

Lettie nhìn tôi nên tôi lo mình đã nói gì vô lễ. Khi thì người lớn không thích bị hỏi tuổi, khi thì họ thích. Theo kinh nghiệm của tôi, người già thích được hỏi tuổi. Họ lấy làm tự hào về tuổi tác của mình. Bà Wollery đã 77 tuổi, còn ông Wollery thì 89, vậy nên họ rất thích cho chúng tôi biết tuổi.

Bà Hempstock đi lại tử chén, lấy ra mấy lọ cắm hoa đủ màu. “Khá già rồi,” bà nói. “Ta còn nhớ ngày mặt trăng được tạo ra nữa kia.”

“Chẳng phải mặt trăng vẫn luôn ở đó hay sao ạ?”

“Khổ thân cháu. Làm gì có chuyện ấy. Ta nhớ ngày mặt trăng ra đời. Bọn ta nhìn lên trời - thời ấy, ở đây chỉ toàn màu nâu bản và xám xịt như bò hóng, không xanh lam xanh lá gì cả...” Bà đứng bên chậu rửa, hứng lưng lửng nước vào mỗi lọ hoa bên chậu rửa. Rồi bà lấy một cây kéo dùng trong bếp đã đen sì, hót bớt một phân của từng cuống hoa thủy tiên vàng.

Tôi hỏi, “Bà có chắc là không phải hồn ma ông đó đang làm chuyện này không ạ? Bà có chắc chúng ta không bị ma ám không?”

Cả Lettie và bà cụ đều cười nên tôi thấy mình thật ngớ ngẩn. Tôi nói, “Con xin lỗi ạ.”

“Ma không biết làm ra thứ này thứ nọ đâu,” Lettie nói. “Chúng còn chẳng giỏi dời chỗ đồ vật nữa là.”

Bà Hempstock nói, “Đi gọi mẹ cháu đi. Nó đang giặt đồ đấy.” Rồi bà nói với tôi, “Cháu sẽ giúp ta cắm hoa.”

Tôi giúp bà cụ cắm hoa vào lọ, rồi bà hỏi ý tôi xem nên đặt mấy lọ hoa ở đâu trong bếp. Hai bà cháu đặt mấy lọ hoa ở những chỗ tôi gợi ý, vậy nên tôi cảm thấy mình quan trọng cực kỳ.

Mấy bông thủy tiên vàng như những vạt nắng khiến căn bếp gỗ tối màu ấy còn tươi vui hơn nữa. Sàn lát gạch đỏ. Tường sơn trắng.

Bà cụ đưa tôi một miếng sáp ong lấy từ tổ ong của nhà Hempstock, để nó trên chiếc đĩa nhỏ nứt nẻ rồi rưới lên chút kem đựng trong cái bình nhỏ. Tôi lấy thìa xúc ăn, nhai miếng sáp ong như kẹo cao su, để mật tràn vào miệng, ngọt và deo dẻo dư vị hoa dại.

Khi tôi đang vét miếng kem và mật sau cùng trên đĩa thì Lettie cùng mẹ cô bé bước vào bếp. Bác Hempstock vẫn còn mang đôi ủng cao su to tướng, sỏi bước vào như thể đang gập gáp lắm. “Mẹ!” bác kêu lên. “Sao mẹ lại cho thằng bé ăn mật. Mẹ làm nó sâu răng mất.”

Bà Hempstock nhún vai. “Ta sẽ nói với lũ ngọ nguậy trong miệng nó một tiếng,” bà nói. “Bảo chúng để cho răng thằng bé được yên.”

“Mẹ đâu thể sai khiến vi khuẩn như vậy được,” bác Hempstock nói. “Chúng không thích vậy đâu.”

“Nói bậy,” bà cụ nói. “Ta mà để yên cho lũ ngọ nguậy đó thì chúng sẽ mặc sức làm tới cho xem. Phải cho chúng thấy ai là chủ rồi thì chúng sẽ hăm hờ lấy lòng ta. cháu đã ném phô mai của ta rồi.” Bà quay qua tôi. “Phô mai ta làm giành được huy chương đấy. Huy chương cơ đấy. Thời đức vua cũ, có những kẻ phải phi ngựa cả tuần để mua một khoanh phô mai của ta. Họ nói chính nhà vua cũng ăn nó với bánh mì, còn các con trai của ngài, hoàng tử Dickon với hoàng tử George và thậm chí hoàng tử bé John, thì cam đoan đó là thứ phô mai thượng hảo hạng chúng từng được nếm...”

“Bà à,” Lettie nói và bà cụ dừng phắt giữa chừng.

Mẹ Lettie nói, “Con sẽ cần một cây đu đủ thần bằng gỗ phi. Và,” bác nói thêm, có phần hồ nghi, “ta nghĩ con cứ dẫn thằng bé theo. Đó là đồng tiền

của nó nên nếu thằng bé đi cùng con thì sẽ dễ cầm hơn. Là thứ mụ ta đã làm mà.”

“Mụ ta ư?” Lettie hỏi.

Cô bé đang cầm con dao nhíp có cán bằng sừng thú, lưỡi dao xếp lại.

“Có mùi vị như một con mụ,” mẹ Lettie nói. “Hãy nhớ là mẹ cũng có thể sai.”

“Đừng dẫn thằng bé theo,” bà Hempstock nói. “Ấy là chuốc lấy phiền phức đấy.”

Tôi thấy thất vọng.

“Bọn cháu sẽ không sao đâu,” Lettie nói. “Cháu sẽ lo cho nó. Cho cả hai đứa cháu. Đây sẽ là một chuyến phiêu lưu. Và thằng bé sẽ là bạn đường. Bà nhé?”

Tôi ngược lên nhìn bà Hempstock đầy hy vọng rồi chờ đợi.

“Mọi chuyện mà có trở nên bất ổn thì đừng bảo rằng ta chưa cảnh báo cháu đấy nhé,” bà Hempstock nói.

“Cảm ơn bà. Cháu sẽ không làm vậy đâu. cháu cũng sẽ cẩn thận.”

Bà Hempstock khịt mũi. “Giờ thì đừng có làm chuyện gì ngu ngốc. Thận trọng đến gần nó. Trói nó, chặn hết mọi lối của nó, cho nó ngủ im trở lại.”

“Cháu biết rồi,” Lettie nói. “Cháu biết hết mấy chuyện đó mà. Thật đấy. Bọn cháu sẽ ổn thôi.”

Cô bé nói vậy. Nhưng chúng tôi không ổn tí nào.

IV.

Lettie dẫn tôi đến một bụi cây phi bên con đường cũ (đến mùa xuân, hoa phi hình đuôi sóc trĩu nặng trên cành) rồi bẻ xuống một cành nhỏ. Đoạn, như thể đã làm vậy cả chục ngàn lần rồi, cô bé lấy con dao tước vỏ cây ra rồi lại gọt giữa, và giờ thì nó trông giống như chữ Y. Cô bé cất con dao đi (tôi không thấy cô bé cất nó đi đâu) rồi cầm hai đầu chữ Y.

“Không phải chị tìm mạch nước đâu,” cô bé bảo tôi. “Chỉ dùng nó làm kim chỉ nam thôi. Chị nghĩ trước tiên ta sẽ tìm một... con ruồi xanh. Hay cái gì đó màu xanh tím và sáng bóng.”

Tôi cùng cô bé nhìn quanh. “Em không tìm thấy gì cả.”

“Nó sẽ có ở đây thôi,” cô bé cam đoan với tôi.

Tôi nhìn kỹ xung quanh, quan sát thấy cỏ, một con gà nâu đỏ đang mổ bên đường xe chạy, một thứ máy móc dùng ở trang trại đã gỉ sét, một chiếc bàn bằng gỗ kê bên đường, trên để sáu thùng đựng sữa bằng kim loại trống không. Tôi thấy ngôi nhà gạch đỏ của gia đình Hempstock, nó lom khom và ung dung như con thú đang nằm nghỉ. Tôi thấy hoa xuân; hoa cúc trắng và vàng bành bạc khắp nơi, hoa mao lương vàng bơ cùng bồ công anh vàng kim và lẻ loi một bông hoa chuông cuối mùa vẫn còn lấp lánh sương trong bóng râm dưới cái bàn để thùng đựng sữa...

“Cái đó hả?” tôi hỏi.

“Mắt em tinh đấy,” cô bé nói, vẻ hài lòng.

Chúng tôi cùng bước tới chỗ bông hoa chuông. Khi tới nơi, Lettie nhắm mắt lại. Người cô bé lắc tới lắc lui, cây đuũa thần gỗ phi kéo dài ra, như thể cô bé là tâm điểm trên đồng hồ hay la bàn, còn cây đuũa là cây kim đang định hướng mười hai giờ đêm hay hướng Đông mà tôi không thể nhìn thấy.

“Đen,” đột nhiên cô bé nói, như thể đang mô tả cái gì đó trong giấc mơ. “Và mềm.”

Chúng tôi bỏ bông hoa chuông lại đây, bước xuôi con đường làng mà lần lúc tôi nghĩ hẳn đã từng là một con đường La Mã. Chúng tôi còn cách đầu đường làng độ một trăm mét, gần chỗ chiếc Mini đã đậu, thì cô bé phát hiện ra nó: một mẫu vải đen vương trên kềm gai ở hàng rào.

Lettie bước lại gần. Cây dưa gỗ phỉ lại kéo dài ra, lại quay từ từ. “Đỏ,” cô bé nói, vẻ chắc chắn. “Đỏ tươi. Lối đó.”

Chúng tôi cùng bước theo hướng cô bé chỉ. Băng qua đồng cỏ rồi vào một lùm cây. “Kia kia,” tôi hào hứng reo lên. Xác một con vật bé xíu xiu - nhìn thì như chuột đồng - nằm trên mớ rêu xanh. Nó không còn đầu, máu tươi lấm lem cả lớp lông và lấm tẩm trên rêu. Nó đỏ tươi.

“Này, từ đây trở đi,” Lettie nói. “Hãy nắm chặt cánh tay chị. Đừng buông ra.”

Tôi đưa tay phải ra nắm cánh tay trái của cô bé chỗ ngay dưới cùi chỏ. Cô bé huơ cây dưa gỗ phỉ. “Lối này,” cô bé nói.

“Giờ mình tìm cái gì?”

“Ta đang tiến lại gần,” cô bé nói. “Thứ kế tiếp ta tìm là con bảo.”

Chúng tôi chui vào một lùm cây rồi đi xuyên qua nó vào một khu rừng, lách qua cây cối mọc san sát nhau, tán lá tạo thành cái lọng dày trên đầu. Chúng tôi bắt gặp một khoảng rừng thưa và đi dọc theo nó, giữa một thế giới chỉ toàn màu xanh lá.

Bên trái chúng tôi vẳng lại tiếng sấm ì ầm xa xa.

“Bảo,” Lettie reo lên. Người cô bé lại lắc lư nên người tôi cũng quay theo vì đang nắm cánh tay cô bé. Khi ấy, tôi cảm thấy, hay tưởng là mình cảm thấy, rùng rùng khắp người như thể đang chạm vào những động cơ cực mạnh.

Cô bé bỏ đi sang hướng khác. Chúng tôi cùng lội qua một con suối bé

xíu. Thế rồi, bỗng nhiên cô bé dừng lại, loạng choạng nhưng không ngã.

“Mình đến đó rồi hả?” tôi hỏi.

“Không phải ở đây,” cô bé nói. “Không. Nó biết ta đang đến. Nó đánh hơi được chúng ta. Và nó không muốn ta tới chỗ nó.”

Lúc này, cây đuă phi quay vun vút như thổi nam châm bị đẩy ở đầu cực. Lettie toét miệng cười.

Một luồng gió thổi tung lá cây và bụi đất vào mặt chúng tôi. Tôi nghe thấy có gì đó rầm rập xa xa như một đoàn tàu. Vạn vật đang trở nên khó nhìn thấy hơn, còn mảnh trời tôi nhìn ra được bên trên vòm lá thì tối sầm, như thể những đám mây đông không lồ đã dồn lại trên đầu chúng tôi, hay như thể trời vừa tức khắc chuyển từ sáng thành chiều hôm.

Lettie hét lên, “Nằm xuống!” rồi lom khom trên đám rêu, kéo tôi thụp xuống theo. Cô bé nằm sấp, còn tôi nằm bên cạnh và cảm thấy hơi ngốc nghếch. Mặt đất ẩm ướt.

“Bao lâu nữa thì mình sẽ...?”

“Khẽ nào!” cô bé nói nghe có vẻ giận dữ. Tôi nín thinh.

Có thứ gì đó đang băng rừng đến, phía trên đầu chúng tôi. Tôi liếc nhìn lên, thấy thứ gì đó màu nâu nâu và có lớp lông nhưng lại dẹp lép như tấm thảm khổng lồ, các mép cong lại đập thành phạch, và ở đằng trước tấm thảm, một cái miệng lồm chồm hàng chục cái răng li ti sắc nhọn đang hướng xuống mặt đất.

Nó đập lạch phạch, lơ lửng bên trên chúng tôi rồi đi mất.

“Cái gì thế?” tôi hỏi, tim trong lồng ngực đập mạnh đến mức tôi không biết mình có đứng lên lại được không.

“Sói cá đuối,” Lettie nói. “Ta đã đi ra xa hơn chị tưởng một chút.” Cô bé đứng lên rồi nhìn dăm dăm theo hướng cái thứ lông lá đó đã đi. Cô bé đưa đầu cây đuă gỗ phi lên rồi từ từ xoay người.

“Chị chẳng bắt được gì cả.” Cô bé hát đầu để tung mớ tóc che mắt ra

mà tay vẫn không buông chạc cây đuă gỗ phi. “Hoặc nó đang nắp hoặc ta đang đến gần quá.” Cô bé bặm môi. Rồi cô bé nói, “Đồng silinh. Đồng xu trong cổ họng em ấy. Lây ra đây.

Tôi thò tay trái vào túi lấy đồng xu ra đưa cho cô bé.

“Không,” cô bé nói. “Lúc này chị không chạm vào nó được. Để nó xuống giữa chạc đuă đi.”

Tôi không hỏi tại sao. Tôi chỉ để đồng silinh bạc xuống ngay chạc chữ Y. Lettie dang hai tay ra, xoay người thật chậm, hướng đầu đuă thẳng ra ngoài. Tôi di chuyển theo cô bé nhưng không cảm thấy gì. Không có động cơ rùng rùng nữa. Chúng tôi xoay được quá nửa vòng thì cô bé dừng lại nói, “Nhìn kia!”

Tôi nhìn theo hướng cô bé xoay mặt nhưng không thấy gì ngoài cây cối và những bóng râm trong rừng.

“Không, nhìn kia. Đây.” Cô bé hất hàm chỉ.

Đầu cây đuă gỗ phi bắt đầu tỏa khói nhè nhẹ. Cô bé quay qua trái một chút, quay sang phải một chút, lại sang phải thêm chút nữa, thế rồi đầu đuă rục lên ánh màu cam sáng.

“Chị chưa thấy thứ đó bao giờ,” Lettie nói. “Chị dùng đồng xu để khuếch đại, nhưng như thế...”

Có một tiếng *phụt* rồi đầu đuă bùng lên thành ngọn lửa. Lettie giở đuă thần xuống lớp rêu ẩm. Cô bé nói, “Lấy đồng xu lại đi,” nên tôi lấy nó lại, cẩn thận nhặt lên phòng khi nó còn nóng, nhưng nó lại lạnh như đá. Cô bé bỏ cây đuă gỗ phi lại trên đám rêu, đầu đuă vừa cháy thành than vẫn còn âm ỉ khói.

Lettie cất bước và tôi đi bên cạnh. Lúc này, chúng tôi nắm tay nhau, bàn tay phải tôi đặt trong bàn tay trái của cô bé. Không khí có mùi kỳ lạ như pháo hoa, và chúng tôi càng tiến vào rừng thì vạn vật càng tối hơn.

“Chị đã nói chị sẽ lo cho em được an toàn, đúng không?” Lettie hỏi.

“Đúng.”

“Chị đã hứa chị sẽ không để thứ gì làm hại em.”

“Phải.”

Cô bé nói, “Cứ nắm tay chị là được. Đừng buông ra. Có chuyện gì đi nữa cũng đừng buông ra.”

Bàn tay cô bé ấm nhưng không đổ mồ hôi. Nó làm tôi vững dạ.

“Nắm tay chị,” cô bé lặp lại. “Và đừng làm điều gì trừ phi chị dặn. Em hiểu chưa?”

Tôi nói, “Em cảm thấy không được an toàn cho lắm.”

Cô bé không tranh cãi. Cô bé nói, “Ta đã đi xa hơn chị hình dung. Xa hơn chị tưởng. Chị không rõ lắm thứ gì sống ngoài rìa này.”

Không còn cây cối nữa, và thế là chúng tôi bước ra giữa chốn đồng không mông quạnh.

Tôi hỏi, “Minh đi có xa trang trại của chị không?”

“Không. Ta vẫn còn ở trong phạm vi trang trại. Trang trại Hempstock trải dài lắm. Lúc đến đây, nhà chị đem theo phần lớn trang trại từ vùng đất xưa. Trang trại đi theo nhà chị, và khi đến nơi, nó kéo theo những thứ này. Bà gọi chúng là bộ chét.”

Tôi không biết chúng tôi đang ở đâu, nhưng tôi không làm sao tin được chúng tôi vẫn còn ở trên vùng đất nhà Hempstock, cũng như không tin chúng tôi đang ở trong thế giới tôi đã lớn lên. Bầu trời nơi này có màu cam đục lờ như đèn báo hiệu; cây cối nhọn hoắt như những cây lô hội khổng lồ xơ xác có màu lục sẫm ánh bạc và trông như được gò từ hợp kim đúc súng.

Đồng xu bên tay trái nãy giờ ấm theo thân nhiệt tôi đã bắt đầu nguội đi cho đến khi lạnh ngắt như viên đá. Tay phải tôi cố nắm thật chặt tay Lettie Hempstock.

Cô bé nói, “Ta tới nơi rồi.”

Thoạt tiên, tôi tưởng mình đang nhìn một tòa nhà: nó là một kiểu lều nào đó, cao bằng ngôi nhà thờ làng, làm bằng vải bố có màu xám và hồng đang bay lạch phạch trong luồng gió bão, bên dưới bầu trời màu cam đỏ - một công trình kiến trúc bằng vải bố xiên xẹo, bạc màu vì mưa gió và tả tơi theo thời gian.

Thế rồi, nó quay lại nên tôi thấy được mặt nó, rồi tôi nghe có gì phát ra tiếng ư ử như con chó bị đá phải và nhận ra cái thứ đang rên rỉ đó chính là mình.

Mặt nó rách bươm, còn mắt nó là hai cái hố sâu hoắm trong thớ vải. Đằng sau không có gì, chỉ là một chiếc mặt nạ bằng vải bố xám xịt, to lớn hơn những gì tôi có thể tưởng tượng được, rách rưới tả tơi, phần phật trong luồng gió bão.

Có gì đó động đậy, rồi cái thứ rách bươm đó nhìn xuống chúng tôi.

Lettie Hempstock nói, “Hãy xưng tên đi.”

Im lặng một lúc. Hai hố mắt rỗng không nhìn chòng chọc xuống chúng tôi. Rồi một giọng nói cũng vô định như gió lên tiếng, “Ta là bà chủ của nơi này. Ta đã ở đây từ lâu lắm rồi. Từ trước khi những con người nhỏ bé hiện tể nhau trên đá cơ. Tên ta là của riêng ta, nhóc à. Không phải của mi. Giờ thì hãy để ta yên, kéo ta thôi bay cả bọn mi đi.” Nó khua cánh tay như cánh buồm chính bị gãy, và tôi cảm thấy mình run cầm cập.

Lettie Hempstock siết tay tôi một cái nên tôi thấy can đảm hơn. Cô bé nói, “Ta đã yêu cầu bà xưng tên. Ta sẽ không nghe thêm những lời huênh hoang, rỗng tuếch về tuổi tác và thời gian nữa. Nào, bà cho ta biết tên đi, rồi thì ta sẽ không hỏi bà đến lần thứ ba.” Cô bé nói nghe giống con gái thôn quê hơn bao giờ hết. Có lẽ là do cơn giận trong giọng cô bé: khi cô bé giận thì lời lẽ nghe khác hẳn đi.

“Không,” cái thứ xám xịt rầm rì nói một cách thẳng thừng. “Bé con ơi bé con... bạn của mi là ai thế?”

Lettie nói nhỏ, “Đừng nói gì cả.” Tôi gật đầu, mím chặt hai môi.

“Ta đâm chán chuyện này rồi đấy,” cái thứ màu xám nói, nóng nảy giữ hai cánh tay vải rách buồm. “Thứ gì đó đã đến gặp ta, cầu xin được thương yêu và giúp đỡ. Nó bảo ta cách giúp cho tất cả những thứ như nó được sung sướng. Rằng chúng là những loài đơn giản và đũa nào cũng muốn có tiền, chỉ tiền thôi, không gì nữa cả. Cái thứ nhỏ nhoi tượng trưng cho công sức lao động ấy. Nó mà xin sự sáng suốt hay bình yên, bình yên tuyệt đối, thì ta đã cho chúng rồi...”

“Chẳng có thứ nào cả,” Lettie Hempstock nói. “Bà chẳng có gì mà họ muốn cả. Hãy để cho họ được yên.”

Gió giật từng cơn khiến cái hình dáng khổng lồ ấy phân phật theo như những cánh buồm to chao đảo, và khi gió lặng thì sinh vật này đã đổi tư thế. Giờ thì dường như nó đã khom xuống gần mặt đất hơn và đang sẫm soi chúng tôi như nhà bác học khổng lồ bằng vải đang quan sát hai con chuột bạch.

Hai con chuột bạch đang vô cùng khiếp sợ và nắm tay nhau.

Bàn tay Lettie lúc này đang rịn mồ hôi. Cô bé nắm chặt tay tôi, để trấn an tôi hay trấn an chính mình thì tôi không rõ, nên tôi cũng siết tay cô bé.

Cái mặt rách lem nhem, hay chỗ đáng ra phải có bộ mặt, nhăn nhúm lại. Tôi nghĩ nó đang cười. Có lẽ nó đang nheo miệng cười. Tôi cảm thấy như nó đang chọn riêng tôi ra mà sẫm soi tìm hiểu. Như thể nó biết mọi thứ về tôi - những thứ mà ngay cả tôi cũng không biết.

Cô bé đang nắm tay tôi nói, “Nếu bà không chịu cho ta biết tên, ta sẽ trói bà như một thứ vô danh tiểu tốt. Rồi bà vẫn sẽ bị xiềng xích, bị trói, bị niêm phong lại như con ma xó hay con ma sói.”

Cô bé chờ, nhưng cái thứ đó nín thinh, vậy là Lettie Hempstock bắt đầu đọc những câu chữ bằng thứ ngôn ngữ tôi không quen. Khi thì cô bé nói, khi thì giống như hát hơn, bằng một thứ tiếng tôi chưa từng nghe hay về sau này

cũng sẽ chẳng bao giờ gặp trong đời. Nhưng tôi lại biết giai điệu ấy. Đó là một bài đồng dao, bọn tôi hát bài “Nào ta cùng ra chơi” theo giai điệu đó. Giai điệu thì vậy, nhưng lời cô bé hát lại xưa hơn. Tôi biết chắc như vậy.

Thế rồi, khi cô bé hát, mọi chuyện xảy ra bên dưới bầu trời màu cam.

Mặt đất quằn quại, trời sục toàn sâu là sâu, những con sâu xám ngoét dài ngoằng từ mặt đất dưới chân chúng tôi trồi lên.

Có gì đó từ giữa mớ vải phành phạch được ném về phía chúng tôi. Nó lớn hơn quả bóng đá một chút. Trong giờ chơi ở trường, tôi thường đánh rơi những thứ đáng ra phải bắt, hay nắm tay lại bắt quá trể nên bị thứ ấy đập vào mặt hay bụng. Nhưng thứ này đang bay thẳng vào tôi và Lettie Hempstock nên tôi không suy nghĩ gì cả, tôi chỉ *hành động*.

Tôi đưa cả hai tay ra chụp cái thứ đó, một khối phần phật, ngoằn ngoèo mạng nhện và vải mục. Khi chụp nó trong tay, tôi cảm thấy có gì đó làm mình đau: một cơn đau nhói trong lòng bàn chân, loáng một cái rồi hết, như thể tôi vừa giẫm phải cái đinh ghim.

Lettie hát cái thứ tôi đang cầm trên tay đi, nó rơi xuống đất rồi đổ sụp xuống hiện nguyên hình. Cô bé nắm lại bàn tay phải của tôi, siết chặt. Suốt lúc đó, cô bé vẫn tiếp tục hát.

Tôi đã nằm mơ thấy bài hát đó, nằm mơ thấy ca từ lạ lùng của bài đồng dao đơn giản đó, và trong mơ, đôi lúc tôi hiểu được những gì cô bé nói. Trong những giấc mơ đó, tôi cũng nói thứ tiếng ấy, thứ ngôn ngữ sơ khai ấy, và tôi có quyền chi phối bản chất của tất cả những gì thực hữu. Trong mơ, nó là ngôn ngữ của cái tồn tại, bất cứ thứ gì được nói bằng ngôn ngữ ấy cũng đều trở thành hiện thực vì không có gì được nói bằng ngôn ngữ ấy mà lại là dối trá được. Đó là viên gạch cơ bản nhất xây đắp nên mọi sự. Trong mơ, tôi đã dùng ngôn ngữ đó để chữa lành cho người bệnh và để bay; có lần, tôi mơ thấy mình nằm ăn sáng trên một chiếc giường nhỏ tuyệt trần bên bờ biển rồi nói với những người đến ở lại cùng mình bằng thứ tiếng ấy, “Mạnh

khỏe nhé,” vậy là họ trở nên khỏe mạnh và không còn ốm yếu nữa, bởi lẽ tôi đã nói thứ ngôn ngữ định hình.

Và vì Lettie đang nói thứ ngôn ngữ định hình đó nên dù không hiểu lời cô bé nói nhưng tôi cũng hiểu điều đã được nói ra. Thứ trong khoảng rừng thưa đã bị trói vào nơi đó mãi mãi, bị dồn đến cùng đường, bị cấm dùng quyền năng với bất cứ thứ gì bên ngoài địa phận của nó.

Lettie Hempstock đã hát xong.

Trong đầu, tôi nghĩ mình nghe được sinh vật đó gào thét, phản đối, xỉ vả, nhưng không gian bên dưới bầu trời cam đỏ lại im lặng như tờ, chỉ có tiếng vải bố phàn phật và cành cây con răn rắc trong gió phá tan sự im lặng.

Gió đã lặng.

Cả ngàn mảnh vải xám rách bươm dòn tụ lại trên mặt đất đen như những thứ đã chết hay như đồng áo quần đem đi giặt rồi bị bỏ lại. Không thấy động tĩnh gì.

Lettie nói, “Cái đó sẽ giam giữ nó.” Cô bé siết tay tôi. Tôi nghĩ cô bé đang cố ra vẻ hờn hờ nhưng thật ra cô bé không như vậy. Giọng cô bé có vẻ lầm lì. “Đề chị đưa em về nhà nào.”

Hai đứa tôi tay trong tay đi xuyên qua một rừng cây thường xanh nhuốm màu lam rồi băng qua cây cầu sơn đỏ vàng bóng loáng bắc ngang một cái ao cảnh; chúng tôi đi men theo bìa cánh đồng ngô non mới nhú như cỏ xanh trồng thành hàng; chúng tôi nắm tay nhau, trèo qua một bụi gỗ rồi tới một cánh đồng nữa trồng thứ gì tựa như cây lau hay mấy con rắn có lông, mình màu trắng, đen, nâu, cam, xám và có sọc, đang rung rinh, cuộn lại, duỗi ra trong nắng.

“Đó là gì vậy?” tôi hỏi.

“Nếu thích thì em cứ nhổ một cái lên xem đi,” Lettie nói.

Tôi nhìn xuống: sợi tua đầy lông bên cạnh chân tôi có màu đen tuyền.

Tôi cúi xuống, đưa tay trái nắm chặt đằng gốc rồi nhổ nó lên.

Có thứ gì đó từ dưới đất trời lên và vùng vẫy giận dữ. Bàn tay trái tôi có cảm giác như bị cả chục cây kim li ti cắm vào. Tôi phủi đất cho nó rồi xin lỗi, còn nó thì nhìn tôi chằm chằm, vẻ mặt ngạc nhiên và ngơ ngác hơn là tức giận. Nó nhảy từ tay tôi qua áo, rồi tôi vuốt ve nó: một con mèo con đen tuyền và láng mượt, cái mặt nhọn và tọc mạch, một bên tai có đốm trắng, mắt màu lam lục sống động lạ lùng.

“Ở trang trại, nhà chị có mèo theo cách bình thường,” Lettie nói.

“Là gì thế?”

“Oliver Lớn. Nó xuất hiện ở trang trại từ thời ngoại giáo. Tất cả mèo ở trang trại nhà chị đều có nguồn gốc từ nó.”

Tôi nhìn mèo con bám vào áo mình bằng mấy móng vuốt bé tí.

“Em mang nó về nhà được không?” tôi hỏi.

“Đó không phải là nó. Là *con bé*. Mang gì từ vùng này về nhà cũng không phải là ý hay đâu,” Lettie nói.

Tôi để mèo con xuống ven đồng. Nó phóng theo một con bướm, rồi khi con bướm bay lên cao khỏi tầm với, mèo con nhón nháo chạy đi, không nhìn lại.

“Mèo con của em bị xe cán mất rồi,” tôi nói với Lettie. “Nó còn bé lắm. Cái ông đã chết kể em nghe chuyện đó, mặc dù ông ta không lái xe. Ông ta nói họ không nhìn thấy nó.”

“Chị rất lấy làm tiếc,” Lettie nói. Lúc đó chúng tôi đang bước đi dưới vòm hoa táo, vạt vật có mùi như mật ong. “Những thứ có sự sống đều gặp phải vấn đề như vậy. Không được trường tồn. Nay là mèo con, mai đã thành mèo già. Và rồi chỉ còn là ký ức. Rồi ký ức cũng phai nhạt nhòa với nhau...”

Cô bé mở một cánh cổng đóng bằng năm thanh gỗ ra rồi hai đứa bước qua. Cô bé buông tay tôi ra. Chúng tôi đang ở cuối đường làng, gần cái giá

gỗ bên đường, trên có để mấy thùng đựng sữa móp méo màu bạc. Vạn vật có mùi bình thường.

Tôi hỏi, “Giờ mình về lại nhà thật rồi hả?”

“Phải,” Lettie Hempstock nói. “Và ta sẽ không gặp phiền phức nào từ mẹ ta nữa.” Cô bé dừng lời. “Mẹ ta to lớn quá phải không? Xấu xa nữa chứ? Trước giờ, chị chưa từng thấy thứ gì như vậy. Chị mà biết mẹ ta già khòm như vậy, to lớn như vậy và xấu xa như vậy thì chị đã để em ở nhà rồi.”

Tôi thấy mừng là cô bé đã đưa tôi đi cùng.

Rồi cô bé nói, “Nhưng chị ước gì lúc đó em đừng buông tay chị ra. Nhưng dù sao thì em vẫn ổn phải không? Chuyện không xấu đi. Không có tổn thất gì hết.”

Tôi nói, “Em ổn mà. Chị đừng lo. Em là một chú lính dũng cảm.” Ông tôi vẫn luôn nói vậy. Rồi tôi lặp lại điều cô bé vừa nói, “Không có tổn thất gì hết.”

Cô bé cười với tôi, một nụ cười nhẹ nhõm, tươi sáng, và tôi hy vọng mình đã nói đúng điều cần nói.

V.

Chiều hôm ấy, nhỏ em tôi ngồi trên giường, cứ chải đi chải lại mái tóc. Nó chải tóc cũng cả trăm lượt mỗi đêm và còn đếm từng lượt chải. Tôi cũng không hiểu tại sao.

“Anh đang làm gì vậy?” con bé hỏi.

“Nhìn chân anh,” tôi nói nó.

Tôi đang nhìn chăm chăm lòng bàn chân phải. Có một lần hồng hồng chạy dọc giữa lòng bàn chân từ cựa chai bàn chân đến gàn gót, chỗ tôi giẫm phải mảnh chai hồi còn chập chững mới biết đi. Tôi nhớ buổi sáng sau khi chuyện đó xảy ra, tôi thức giấc trong cũi, nhìn mấy mũi chỉ đen thui khâu liền mấy mép vết rách lại với nhau. Đó là ký ức đầu tiên của tôi. Tôi đã quen với vết sẹo hồng. Cái lỗ nhỏ bên cạnh nó trên vòm chân thì mới có. Đó rõ ràng là một vết thương đột ngột xuất hiện, dù không hề đau. Đó chỉ là một cái lỗ.

Tôi chọt ngón trỏ vào thì thấy hình như bên trong lỗ có gì đó rụt lại.

Em tôi đã ngừng chải tóc, tò mò nhìn tôi. Tôi đứng lên, bỏ ra khỏi phòng ngủ, đi đến nhà tắm ở cuối hành lang.

Tôi không hiểu tại sao mình không hỏi người lớn về chuyện đó. Tôi nhớ mình chưa bao giờ hỏi người lớn về chuyện gì, trừ phi đó là phương cách cuối cùng. Đó là năm tôi dùng dao nhíp cạy cái mụn cóc nơi đầu gối, phát hiện ra mình có thể rạch xuống sâu chừng nào rồi mới thấy đau và cái còi mụn cóc trông ra làm sao.

Trong chiếc tủ nhỏ ở phòng tắm, phía sau tấm gương, có cái nhíp bằng inox, loại có đầu sắc nhọn để nhỏ dằm gỗ, và một hộp băng cá nhân. Tôi ngồi bên thành kim loại của bồn tắm màu trắng và quan sát kỹ cái lỗ trong

lòng bàn chân. Đó là cái lỗ tròn nhỏ bình thường, mép thẳng thớm. Tôi không thấy được nó vào sâu đến đâu vì có gì đó che mắt. Có gì đó đang bịt kín cái lỗ. Cái gì đó dường như đang rụt lại khi ánh sáng rọi vào.

Tôi cảm nhíp và quan sát. Không có gì xảy ra. Không có gì khác đi.

Tôi nhẹ nhẹ bịt ngón trở bàn tay trái lên cái lỗ, che ánh sáng đi. Rồi tôi đưa mũi nhíp tới bên cạnh cái lỗ và chờ. Tôi đếm đến một trăm - có lẽ được chuyện nhỏ em chải tóc gợi ý. Rồi tôi rút ngón tay ra và đâm cây nhíp vào.

Tôi gặp được phần đầu con sâu, nếu nó quả là sâu, giữa hai gọng kìm kim loại, rồi kẹp chặt nó và rút ra.

Bạn đã bao giờ cố rút một con sâu nằm trong lỗ ra chưa? Bạn có biết chúng bám chặt thế nào không? Cái cách chúng dùng toàn thân ghì vào thành lỗ ấy? Tôi kéo được đầu khoảng ba phần con sâu này - hồng và xám, có sọc, trông như thứ gì bị nhiễm trùng - ra khỏi cái lỗ trong bàn chân thì cảm thấy nó dừng lại. Tôi cảm thấy nó bên trong da thịt mình, đang gồng lên cho cứng lại, không làm sao lôi ra được. Tôi không thấy sợ chuyện này. Rõ ràng, đó chỉ là chuyện thường xảy ra, như khi con mèo Xám Khói nhà hàng xóm bị nhiễm giun. Trong bàn chân tôi có một con sâu và tôi đang lấy nó ra.

Khi xoắn rồi quấn con sâu quanh cây nhíp, tôi nghi là mình đang nghĩ đến mì spaghetti trên đĩa. Nó cố rụt lại, nhưng tôi vẫn xoay từng tí một cho đến khi dứt khoát là không thể kéo thêm được nữa.

Từ bên trong tôi cảm nhận được là nó đang cố bám lấy như nhựa dẻo, như một sợi cơ thuần túy. Tôi cố rướn người tới hết mức, với tay trái mở vòi nước nóng trên bồn tắm, cái vòi có chấm đỏ ở giữa, rồi để nước chảy. Nước chảy được ba, bốn phút từ vòi xuống nút xả rồi mới bắt đầu bốc hơi.

Khi nước đang bốc hơi, tôi giơ bàn chân và cánh tay phải ra trong lúc vẫn kẹp chặt cây nhíp giữ ba phần sinh vật mà tôi vừa xoắn từ người mình ra. Rồi tôi đưa chân chỗ có cây nhíp xuống dưới vòi nước nóng. Nước bắn

vào chân tôi, nhưng lòng bàn chân tôi đã chai lại vì hay đi chân trần nên tôi chẳng thấy hề hấn gì. Nước chạm vào mấy ngón tay tôi bỏng rát, nhưng tôi đã sẵn sàng chịu nóng. Con sâu thì không. Tôi cảm thấy nó gập lại bên trong tôi, cố rụt lại để tránh làn nước bỏng rát, rồi cảm thấy nó không còn bám chắc được vào bên trong bàn chân tôi nữa. Khi sinh vật này bót chống cự dần và bắt đầu ló ra khỏi người tôi thì tôi đặc thẳng xoay cây nhíp cứ như vừa gỡ được cái vảy vết thương tuyệt nhất trần đời.

Tôi cứ kéo như vậy, và khi bị lôi ra dưới làn nước nóng thì nó bót quấy dần, cho đến tận lúc cuối. Nó đã ra gần hết - tôi cảm thấy như vậy - nhưng tôi tự tin quá, đặc thẳng quá, lại nôn nóng nên đã giật quá nhanh, quá mạnh, và thế là con sâu rơi ra tay tôi. Phần đuôi con sâu vừa ra khỏi người tôi bị đứt khúc và rỉ máu như thể vừa bị bẻ đôi ra vậy.

Tuy nhiên, nếu sinh vật này còn để lại gì bên trong bàn chân tôi thì nó cũng chỉ còn có một chút xíu thôi.

Tôi quan sát con sâu. Nó có màu xám đậm và xám nhạt, có sọc hồng và chia thành từng khúc như một con giun đất bình thường. Giờ khi đã ra khỏi nước nóng, dường như nó đang tỉnh lại. Nó ngo ngàng ngo nguậy, khúc thân quăn quanh cây nhíp lúc này toong teng, ngo ngoe dù nó thòng xuống từ phần đầu (*có phải* đó là đầu nó không? Làm sao tôi biết được?), chỗ tôi kẹp vào.

Tôi không muốn giết chết nó - tôi không giết các con vật nếu tránh được - nhưng tôi phải vớt nó đi. Nó nguy hiểm. Tôi không nghi ngờ gì chuyện đó.

Tôi cầm con sâu đưa tới chỗ lỗ xả trong bồn tắm và nó ngo nguậy bên dưới làn nước nóng bỏng. Tôi bèn thả nó ra và nhìn nó biến mất xuống dưới cống. Tôi để nước chảy một lát, xong xuôi tôi rửa sạch cây nhíp. Sau đó, tôi dán một miếng băng cá nhân nhỏ lên lỗ thủng trong lòng bàn chân, đẩy nút trong bồn để con sâu không bò lên lại lỗ xả để hở rồi mới tắt vòi. Tôi không biết nó đã chết chưa, nhưng tôi không nghĩ từ dưới cống mà nó lên được nữa.

Tôi trả cây nhíp lại chỗ cũ ở đằng sau cánh cửa tủ gắn tấm gương trong buồng tắm rồi đóng cánh cửa lại và ngậy người nhìn mình.

Tôi tự hỏi, như vẫn thường tự hỏi ngày tôi ở tuổi ấy, *tôi* là ai và thật ra thì cái gì đang nhìn bộ mặt trong gương kia. Nếu khuôn mặt tôi đang nhìn không phải là tôi, mà tôi biết là không phải bởi tôi vẫn sẽ là mình dù cho mặt tôi có làm sao đi nữa, vậy thì cái gì *là* tôi? Và cái gì đang nhìn?

Tôi quay về phòng ngủ. Đó là đêm tôi được để cửa mở ra hành lang nên tôi chờ cho nhỏ em chìm vào giấc ngủ để nó không mách lẻo tôi, rồi trong ánh sáng tù mù từ ngoài hành lang, tôi đọc một vụ án trong truyện *Thất Mật Hội* cho đến khi ngủ thiếp đi.

VI.

Một lời tự thú về bản thân: hồi còn là thằng oắt con, có lẽ đâu ba hay bốn tuổi, tôi cũng quở quái lắm. “Con từng là *tiểu yêu*,” vài bà cô đã cho tôi biết trong nhiều dịp khác nhau khi tôi đã an toàn tới tuổi thành niên và họ có thể khoái trá nhắc lại mà chế giễu những chiến tích đáng sợ của tôi ngày thơ ấu. Nhưng thực ra, tôi không nhớ là mình tinh quái. Tôi chỉ nhớ mình muốn làm mọi thứ theo cách riêng.

Trẻ con tin mình là ông trời, hay một số đứa tin như vậy, nên chỉ vừa lòng khi cả thiên hạ hòa theo cách chúng nhìn nhận mọi sự.

Nhưng tôi không còn là cậu bé con nữa. Tôi bảy tuổi rồi. Tôi đã từng can đảm, vậy mà giờ đây tôi là đứa trẻ đang sợ chết khiếp.

Sự cố con sâu trong bàn chân không làm tôi sợ. Tôi không nói về chuyện đó. Dù vậy, ngày hôm sau, tôi lại thắc mắc chẳng biết mọi người có thường bị sâu chui vào trong chân không, hay đó là chuyện xảy ra với mỗi mình tôi, ở nơi có bầu trời màu cam bên rìa trang trại nhà Hempstock.

Khi ngủ dậy, tôi lột miếng băng cá nhân trên lòng bàn chân ra thì thấy nhẹ cả người vì cái lỗ đã bắt đầu khép miệng. Có một chỗ hồng hồng như trước, như vết máu bầm, nhưng chỉ có vậy.

Tôi xuống dưới nhà ăn sáng. Mẹ tôi có vẻ vui. Mẹ nói, “Tin vui đây con yêu. Mẹ tìm được việc rồi. Phòng khám mắt Dicksons cần một nhân viên khám mắt và họ muốn mẹ bắt đầu làm từ chiều nay. Mẹ sẽ làm bốn ngày mỗi tuần.”

Tôi không phản đối gì chuyện đó. Tôi sẽ tự lo được cho mình.

“Mẹ còn thêm một tin vui nữa. Sẽ có người tới chăm sóc bọn trẻ các con khi mẹ vắng nhà. Cô ấy tên là Ursula. Cô sẽ ngủ trong phòng của con

lúc trước, căn phòng ở đầu cầu thang ấy. Cô sẽ như quản gia luôn. Cô sẽ lo cho các con ăn uống đầy đủ, cô cũng sẽ lau dọn giúp nhà cửa - bà Wollery đang bị đau hông, bà nói phải vài tuần nữa bà mới đến làm lại được. Tìm được người đến đây mẹ nhẹ cả đầu vì bố mẹ đều đi làm cả.”

“Bố mẹ không có tiền mà,” tôi nói. “Bố mẹ nói bố mẹ hết tiền rồi.”

“Vì vậy mẹ mới nhận công việc khám mắt này,” mẹ nói. “Còn Ursula cũng trông nom các con để đổi lấy chỗ ăn ở. Cô cần sống trong vùng này vài tháng. Lúc sáng, cô đã gọi điện đến. Thư giới thiệu của cô thật tuyệt hảo.”

Tôi hy vọng cô ta tử tế. Cô quản gia Gertruda sáu tháng trước chẳng tử tế gì cả: cô ta thích chơi khăm làm hai anh em tôi lúng túng, chẳng hạn như xếp tám trải giường làm sao để bọn tôi không chui vào được. Cuối cùng, anh em tôi cầm mấy tấm biển ghi rằng BỌN CON GHÉT GERTRUDA và BỌN CON KHÔNG THÍCH ĐỒ ĂN GERTRUDA NẤU đi điều hành bên ngoài nhà rồi bỏ mấy con nhái bẹn bé tẹo vào giường cô ta, vậy là cô ta khăn gói về lại Thụy Điển.

Tôi lấy một cuốn sách cầm ra vườn.

Hôm ấy là một ngày xuân ấm áp đầy nắng nên tôi trèo thang dây lên cành thấp nhất của cây sồi to rồi ngồi trên đó đọc sách. Khi đọc sách, tôi không thấy sợ gì cả: tôi đang ở xa tít mù, tận bên Ai Cập cổ đại, biết được chuyện Hathor trong lót sư tử cái rình mò dân Ai Cập, chuyện bà ta đã giết không biết bao nhiêu mạng người đến nổi cát Ai Cập hóa đỏ, và họ chỉ đánh bại được bà ta khi tẩm thuốc ngủ vào bia với mật rồi nhuộm đỏ hỗn hợp này cho bà ta tưởng đó là máu, thế rồi bà ta uống và lăn ra ngủ. Sau đó thì Ra, cha của các vị thần, mới biến bà ta thành nữ thần tình yêu để từ đây, những vết thương bà ta bắt mọi người chịu sẽ chỉ là những vết thương lòng.

Tôi băn khoăn không hiểu sao thần linh lại làm như vậy. Sao các vị không giết quách bà ta đi khi có cơ hội?

Tôi thích truyện thần thoại. Đó không phải truyện người lớn mà cũng

chẳng phải truyện thiếu nhi. Nó hay hơn vậy. Nó chỉ *là như thế*.

Truyện người lớn chẳng bao giờ dễ hiểu cả, lại còn mở đầu rất ư là chậm, chúng làm tôi cảm thấy như tuổi trưởng thành có nhiều bí mật, kiểu những bí mật hoang đường của hội Tam điểm ấy. Sao người lớn không muốn đọc về Narnia, về những hòn đảo bí ẩn rồi bọn buôn lậu và những bà tiên nguy hiểm?

Tôi thấy đói. Tôi trèo từ trên cây xuống, đi ra phía sau nhà, băng ngang phòng giặt có mùi xà phòng và nấm mốc, ngang nhà kho nhỏ xíu chứa than với củi, ngang nhà vệ sinh ngoài trời có nhận giăng tơ chờ đợi và những cánh cửa gỗ sơn màu xanh của vườn cây. Qua cửa sau, đi theo hành lang rồi vào bếp.

Mẹ đang ở đó với một người phụ nữ tôi chưa gặp bao giờ. Khi nhìn thấy cô ta, tim tôi nhói đau. Tôi muốn nói theo nghĩa đen, không phải ẩn dụ: một thoáng nhói lên trong lồng ngực, chỉ loáng một cái rồi hết.

Em tôi đang ngồi bên bàn bếp ăn một bát ngũ cốc.

Người phụ nữ đó rất xinh đẹp. Cô ta có mái tóc màu vàng mật hơi ngắn, cặp mắt to màu xanh xám, thoa son môi nhạt. Cô ta có vẻ cao, ngay cả so với người lớn.

“Con yêu ơi? Đây là cô Ursula Monkton,” mẹ nói. Tôi không nói gì. Tôi chỉ giương mắt nhìn cô ta. Mẹ huých tôi.

“Xin chào cô,” tôi nói.

“Cậu bé e then ấy mà,” Ursula Monkton nói. “Tôi chắc chắn là khi cậu bé đã cởi mở với tôi rồi thì chúng tôi sẽ là những người bạn tuyệt vời.” Cô ta đưa tay ra vỗ lên mái tóc nâu xám của nhỏ em tôi. Em tôi nhoẻn miệng cười khoe răng sún.

“Con thích cô nhiều lắm,” em tôi nói. Rồi nó nói với mẹ và tôi, “Bao giờ con lớn, con muốn được như cô Ursula Monkton.”

Mẹ và Ursula cười. “Con bé đáng yêu này,” Ursula Monkton nói. Rồi

cô ta quay qua tôi. “Vậy còn chúng ta thì sao hả? Ta cũng là bạn chứ?”

Tôi cứ nhìn cô ta, đúng là người lớn, tóc vàng, váy xám hồng, và tôi thấy sợ.

Váy của cô ta không tả tôi xơ xác. Tôi cho rằng đó chỉ là do kiểu váy thôi, nhưng khi nhìn cô ta, tôi lại hình dung chiếc váy của cô ta đang đập phành phạch trong căn bếp lặng gió, phàn phật như cánh buồm chính trên con tàu, giữa một đại dương lẻ loi, dưới bầu trời màu cam.

Tôi không biết mình đã trả lời lại thế nào hay thậm chí tôi có nói gì không. Nhưng tôi bỏ ra khỏi căn bếp, một trái táo cũng không cầm theo dù đang đói.

Tôi cầm sách ra sân sau, ngồi dưới ban công, bên cạnh luống hoa mọc bên dưới cửa sổ phòng xem tivi, rồi đọc sách - quên đi cơn đói của mình ở Ai Cập, nơi có các vị thần đầu thú xé xác nhau và rồi làm cho nhau sống lại.

Nhỏ em tôi bước ra vườn.

“Em thích cô lắm cơ,” con bé bảo tôi. “Cô là bạn em. Anh muốn xem cô cho em cái gì không?” Con bé chia ra một cái ví nhỏ màu xám, kiểu ví mẹ tôi bỏ trong túi xách tay để đựng tiền xu, cặp lại bằng kẹp kim loại hình con bướm. Nó trông như được làm bằng da. Tôi thắc mắc không biết đó có phải da chuột không. Con bé mở ví, đút mấy ngón tay vào, lấy ra một đồng xu lớn bằng bạc: đồng nửa curon*.

“Nhìn này!” con bé nói. “Xem em có gì này!”

Tôi muốn có đồng nửa curon. Không phải, tôi muốn cái mà tôi mua được bằng đồng nửa curon - những trò ảo thuật và mấy thứ đồ nhựa để chơi khăm, rồi sách, và, ồ, biết bao nhiêu là thứ. Nhưng tôi không muốn một cái ví xám nhỏ có đồng nửa curon bên trong.

“Anh không thích cô ta,” tôi nói với nhỏ em.

“Chỉ là vì em gặp cô ấy trước thôi,” em tôi nói. “Cô ấy là bạn của em.”

Tôi không nghĩ Ursula Monkton là bạn của ai hết. Tôi muốn đi báo cho

Lettie Hempstock biết về cô ta - nhưng tôi nói gì được đây? Là cô bảo mẫu kiêm quản gia mới đến mặc đồ màu xám với hồng ư? Là cô ta nhìn tôi thật kỳ quặc ư?

Tôi ước gì mình chưa hề buông tay Lettie ra. Chuyện Ursula Monkton là lỗi của tôi, tôi tin chắc chuyện đó, và tôi sẽ không thể tống cô ta đi chỉ bằng cách xối nước cho cô ta trôi xuống lỗ xả hay bỏ ếch nhái vào giường cô ta được.

Lẽ ra lúc ấy tôi phải bỏ đi, phải chạy trốn, phải phi chùng một dặm dọc đường làng đến trang trại nhà Hempstock, nhưng tôi không làm, thế rồi một chiếc taxi đến chở mẹ tôi đi làm ở phòng khám mắt Dicksons, ở đó mẹ chỉ cho người ta những chữ cái to nhỏ qua mắt kính và giúp họ nhìn rõ hơn, bỏ tôi lại đó với Ursula Monkton.

Cô ta cầm đĩa bánh mì kẹp đi ra vườn.

“Cô nói chuyện với mẹ các con rồi,” cô ta nói, nở một nụ cười dễ thương dưới làn son môi nhạt, “nên khi cô ở đây, bọn trẻ các con phải bớt đi chơi lại. Các con muốn ở đâu trong nhà hay trong vườn cũng được, hoặc cô sẽ dắt các con đến chơi nhà bạn, nhưng các con không được rời nhà mà đi tha thân.”

“Tất nhiên rồi ạ,” em tôi nói.

Tôi nín thinh.

Em tôi ăn một miếng bánh phết bơ đậu phộng.

Tôi đang đói meo. Tôi tự hỏi bánh mì kẹp có nguy hiểm không. Tôi không biết. Tôi sợ mình mà ăn một cái thì nó sẽ biến thành sâu trong bụng và ngo ngoậy khắp người tôi, định cư trong người tôi cho đến khi chui ra khỏi da tôi.

Tôi quay vào bếp. Tôi đẩy mở cửa bếp. Không có Ursula Monkton ở đó. Tôi đút mấy thứ trái cây như táo, cam và lê nâu giòn tan vào mấy túi áo quần. Tôi lấy ba trái chuối đút vào áo len rồi trốn đến phòng thí nghiệm của

mình.

Phòng thí nghiệm của tôi - tôi gọi nó như vậy - là một nhà kho sơn màu xanh lá, nằm ở vị trí xa nhà chính nhất có thể, được xây vào bên hông nhà để xe cũ rộng thênh thang. Bên cạnh nhà kho có một cây sung, nhưng chúng tôi chưa hề được nếm trái chín trên cây mà chỉ thấy những chiếc lá to và trái xanh lè. Tôi gọi nó là phòng thí nghiệm của mình vì tôi cất bộ dụng cụ thí nghiệm hóa học trong đó: bộ dụng cụ hóa học là món quà sinh nhật đã có từ lâu, nó bị bỏ tổng khỏi nhà sau khi tôi làm ra một thứ gì đó trong ống nghiệm. Tôi đã pha bừa các thứ với nhau rồi đem hơi nóng cho đến khi chúng trào ra và ngả sang màu đen, có mùi nước đá quý nồng nặc không chịu tan. Bố nói mình không nê hà gì chuyện tôi làm thí nghiệm (dù chẳng ai trong hai chúng tôi biết tôi thí nghiệm cái gì, nhưng chuyện đó chẳng sao; mẹ tôi được tặng mấy bộ dụng cụ thí nghiệm vào dịp sinh nhật, và đã thấy chuyện đó hóa ra tốt đẹp thế nào chưa?) nhưng bố không muốn nghe chúng bốc mùi trong nhà.

Tôi ăn một quả chuối và một trái lê rồi giấu phần trái cây còn lại dưới chiếc bàn gỗ.

Người lớn theo lối mòn. Trẻ con thì thám hiểm. Người lớn bằng lòng đi mãi một lối hàng trăm lần hay hàng ngàn lần; có lẽ người lớn chưa bao giờ chợt nghĩ tới chuyện bước ra khỏi lối mòn, bò bên dưới đám đỗ quyên, tìm những khoảng hở giữa các hàng rào. Vì là trẻ con, tôi biết cả chục cách khác nhau để ra khỏi nhà và đến đường làng, những cách sẽ không đòi hỏi phải bước xuống lối vào trước nhà chúng tôi. Tôi quyết định là sẽ lên ra khỏi nhà kho dùng làm phòng thí nghiệm, men theo tường đến mép bãi cỏ rồi chui qua bụi đỗ quyên và nguyệt quế chạy quanh rìa khu vườn ở phía đó. Từ chỗ mấy cây nguyệt quế, tôi sẽ trượt xuống đồi rồi leo qua hàng rào kim loại gỉ sét tiếp giáp với đường làng.

Không có ai nhìn thấy. Tôi chạy rồi chui qua đám nguyệt quế, trượt xuống đồi, chui qua mấy bụi mâm xôi và những vạt tầm ma đã nhú lên từ

lần cuối tôi đi lối đó.

Ursula Monkton đang chờ tôi dưới chân đồi, ngay trước hàng rào kim loại gỉ sét. Cô ta không thể nào tới đó mà tôi không thấy được, vậy mà cô ta đang đứng đó. Cô ta khoanh tay nhìn tôi, chiếc váy xám hồng đập phành phạch trong cơn gió giạt.

“Ta tin là mình đã nói mi không được phép rời nhà rồi mà.”

“Tôi không rời nhà,” tôi bảo cô ta với vẻ vênh váo mà tôi biết mình không mấy may cảm thấy “Tôi vẫn còn đứng trên đất nhà tôi. Tôi đang thám hiểm thôi.”

“Mi đang lén lút đi quanh thì có,” cô ta nói.

Tôi làm thinh.

“Ta nghĩ mi phải ở trong phòng ngủ, ở đó ta còn trông chừng mi được. Đến giờ mi ngủ trưa rồi.”

Tôi đã quá lớn để ngủ trưa, nhưng tôi biết mình còn quá nhỏ để tranh cãi, hay để cãi thắng nếu có cãi.

“Được,” tôi nói.

“Không được nói *được*” cô ta nói. “Nói là *Vâng, thưa cô Monkton*. Hay *bà*. Nói *Vâng, thưa bà* đi.” Cặp mắt xám xanh của cô ta nhìn xuống tôi làm tôi nhớ lại mấy lỗ thủng mục rã trong vải bố, và trong giây phút đó, trông chúng chẳng xinh đẹp gì cả.

Tôi nói, “Vâng, thưa bà,” rồi giận bản thân mình vì đã nói vậy.

Chúng tôi cùng đi lên đồi.

“Bố mẹ mi không còn trang trải nổi cho chỗ này nữa,” Ursula Monkton nói. “Họ cũng không đủ tiền để sửa sang, bảo dưỡng nó. Họ sẽ sớm thấy rằng cách giải quyết các rắc rối tài chính của họ là bán ngôi nhà này cùng vườn tược cho mấy công ty phát triển địa ốc. Bấy giờ thì tất cả những *thứ này*” - *thứ này* là mấy đám mâm xôi, cái thế giới um tùm ngồn ngang đằng sau bãi cỏ - “sẽ thành cả chục căn nhà vườn giống hệt nhau. Và nếu may

mắn, nhà mi sẽ được sống ở một trong những căn nhà đó. Còn nếu không, nhà mi sẽ chỉ có thể ghen tị với những người được sống ở đó mà thôi. Mi có thích vậy không nào?”

Tôi yêu căn nhà và khu vườn của mình. Tôi yêu sự bề bộn, ngổn ngang của nó. Tôi yêu nơi ấy như thể nó là một phần trong tôi, và về nhiều mặt thì có lẽ đúng là như vậy.

“Bà là ai?” tôi hỏi.

“Ursula Monkton. Ta làm quản gia cho nhà mi.”

Tôi hỏi, “Thật ra thì bà là ai? Sao bà lại cho mọi người tiền?”

“Ai cũng muốn có tiền cả,” cô ta nói như thể chuyện đó đã hiển nhiên. “Tiền khiến bọn họ hạnh phúc. Tiền sẽ khiến mi hạnh phúc, nếu mi để nó làm vậy.” Chúng tôi ló ra khỏi đồng cỏ cắt phía sau vòng cỏ xanh mà nhà tôi gọi là nhẫn thân: thỉnh thoảng, khi tiết trời ẩm ướt, nơi đó mọc đầy nấm dù vàng sặc sỡ.

“Nào,” cô ta nói. “Về phòng mi đi.”

Tôi bỏ cô ta đó mà chạy - ba chân bốn cẳng băng qua nhẫn thân lên bãi cỏ, vượt qua mấy khóm hoa hồng, ngang qua nhà kho để than rồi vào nhà.

Ursula Monkton đang đứng ngay bên trong cửa sau để đón tôi vào, mặc dù cô ta không thể nào đi vượt ngang qua tôi được. Nếu thế thì tôi đã thấy rồi. Tóc tai cô ta thẳng thơm, còn son môi có vẻ mới thoa.

“Ta đã ở bên trong mi,” cô ta nói. “Nên ta sẽ cho mi một lời khuyên hữu ích đây. Mi có nói gì với bất kỳ ai thì họ cũng sẽ không tin mi đâu. Và vì ta đã ở bên trong mi, ta sẽ biết. Và ta có thể làm sao để mi không bao giờ nói ra những gì ta không muốn mi nói với ai, không bao giờ nữa.”

Tôi lên phòng ngủ và nằm lên giường. Lòng bàn chân, chỗ từng có con sâu giật thành thạch và nhức nhối, rồi giờ thì cả ngực tôi cũng đau. Tôi trốn vào thế giới trong tâm trí, vào một cuốn sách. Đó là nơi tôi đến mỗi khi đời thực quá nặng nề hay quá khắc nghiệt. Tôi rút xuống vài cuốn sách cũ của

mẹ, những cuốn sách từ thời mẹ còn con gái, rồi tôi đọc về những cuộc phiêu lưu của mấy cô học trò những năm 1930 và 1940. Chủ yếu là họ đương đầu với bọn buôn lậu, gián điệp, bọn phản quốc hay bất kể là ai, và mấy cô gái đó luôn quả cảm cũng như luôn biết chính xác phải làm gì. Tôi không được can đảm và tôi không biết phải làm gì.

Chưa bao giờ tôi cảm thấy đơn độc như vậy.

Tôi thắc mắc liệu nhà Hempstock có dùng điện thoại không. Chuyện đó có vẻ khó, nhưng không phải là không thể - có lẽ bác Hempstock là người ban đầu đã báo cho cảnh sát về chiếc Mini bị bỏ lại. Cuốn danh bạ điện thoại để dưới nhà, nhưng tôi biết số để gọi cho tổng đài, và tôi chỉ cần hỏi số của bất kỳ ai có tên Hempstock sống ở trang trại Hempstock là được. Trong phòng ngủ bố mẹ tôi có một chiếc điện thoại.

Tôi tụt xuống giường, đi lại phía cửa, nhìn ra ngoài. Hành lang trên lầu không có ai. Hết sức nhanh, hết sức khẽ, tôi đi vào phòng ngủ cạnh phòng tôi. Tường có màu hồng nhạt, rồi giường của bố mẹ cũng phủ tấm ga in hình những đóa hoa hồng thật to. Có cửa kính mở ra ban công chạy dọc hông nhà phía bên đó. Có một chiếc điện thoại màu kem để trên bàn nhỏ màu kem viền vàng ở đầu giường. Tôi cầm ống nghe lên, nghe tiếng ro ro lờ mờ của tín hiệu điện thoại rồi quay số gọi tổng đài, đút ngón tay vào mấy lỗ tròn trên đĩa số rồi kéo xuống, một số một, một số chín, một số hai, rồi tôi chờ nhân viên tổng đài nghe máy và cho tôi biết số của trang trại Hempstock. Tôi cầm sẵn cây bút chì và đã sẵn sàng ghi lại số lên mặt sau cuốn sách đóng bìa vải xanh có tựa *Pansy cứu trường*.

Tổng đài không nghe máy. Tiếng quay số vẫn tiếp tục, và át qua tiếng đó là giọng Ursula Monkton nói, “Thanh niên được nuôi dạy tử tế còn chẳng nghĩ tới chuyện trốn đi gọi điện thoại nữa là, đúng không nào?”

Tôi nín thinh, dù tôi chắc chắn là cô ta nghe được tiếng tôi thở. Tôi bỏ ống nghe xuống giá để, quay lại căn phòng ngủ dùng chung với em gái.

Tôi ngồi trên giường, nhìn đăm đăm ra cửa sổ.

Giường của tôi kê sát tường, ngay dưới cửa sổ. Tôi thích để mở cửa sổ mà ngủ. Những đêm mưa là tuyệt vời hơn cả: tôi sẽ mở cửa sổ rồi kê đầu lên gối, nhắm mắt lại, cảm nhận gió trên mặt và nghe cây cối đu đưa kẽo kẹt. Nếu tôi gặp may thì còn có mưa lất phất vào mặt, rồi thì tôi sẽ hình dung mình đang ở trên thuyền giữa đại dương và bập bênh theo sóng cồn. Tôi không hình dung mình là hải tặc hay nghĩ đến việc mình đi đâu cả. Tôi chỉ ở trên thuyền của mình thôi.

Nhưng lúc này trời không mưa, cũng chẳng phải ban đêm. Những gì tôi thấy được qua cửa sổ là cây cối, từng cụm mây và màu tím chân trời xa xa.

Tôi có sôcôla dự trữ lúc cần kíp giấu dưới hình nhân Người Dơi to tướng bằng nhựa tôi được tặng hôm sinh nhật, nên tôi lấy ra vừa ăn vừa nhớ lại chuyện bông tay Lettie Hempstock ra để chụp cuộn vải mực, nhớ cả cơn đau nhói trong lòng bàn chân sau đó.

Mình đã đem mẹ ta về đây, tôi nghĩ, và tôi biết điều đó là sự thật.

Ursula Monkton không có thật. Cô ta là tấm mặt nạ bìa cứng cho cái thứ đã biến thành con sâu để đi lại bên trong tôi, cái thứ đã đập phành phạch và giật từng cơn giữa đồng trống dưới bầu trời màu cam đỏ.

Tôi quay lại đọc cuốn *Pansy cứu trường*. Những kế hoạch bí mật cho căn cứ không quân kế bên trường bị những tên gián điệp là các giáo viên phụ trách khu trồng rau của trường tuồn ra cho địch: những kế hoạch được giấu trong những quả bí khoét rỗng ruột.

“Trời đất!” thanh tra Davidson ở Ban Buôn lậu và Mật vụ tiếng tăm thuộc Sở Cảnh sát Thủ đô kêu lên.

“Đó đúng là chỗ chúng tôi sẽ chẳng bao giờ lục soát tới!”

“Chúng tôi phải xin lỗi em, Pansy ạ,” bà hiệu trưởng nghiêm khắc nói, nở nụ cười nồng hậu vốn không thường thấy ở bà, và tia sáng long

lanh trong mắt bà làm Pansy nghĩ có lẽ cả học kỳ cô đã đánh giá sai người phụ nữ này. “Em đã cứu thanh danh của trường! Giờ, trước khi em trở nên quá tự phụ - chẳng phải có vài động từ tiếng Pháp em cần chia thì cho cô sao?”

Phần nào đó trong tâm trí tôi thấy vui theo Pansy, dù rằng phần còn lại thì đầy sợ hãi. Tôi chờ bố mẹ về. Tôi sẽ kể cho bố mẹ nghe chuyện xảy ra. Tôi sẽ cho bố mẹ biết. Bố mẹ sẽ tin tôi.

Thời gian ấy, bố tôi làm việc tại một văn phòng cách nhà một giờ chạy xe. Tôi không rõ bố làm việc gì. Bố có một cô thư ký rất tử tế, xinh xắn, có nuôi một con chó xù, và mỗi khi cô biết bọn trẻ chúng tôi sắp vào gặp bố thì cô sẽ mang con chó xù từ nhà theo cho anh em tôi chơi. Thỉnh thoảng, khi chúng tôi đi ngang mấy tòa nhà thì bố nói, “Đó là một trong những căn nhà của chúng ta.” Nhưng tôi không để tâm đến mấy tòa nhà nên không bao giờ hỏi sao nó lại là một trong những tòa nhà của chúng tôi, hay ngay cả việc *chúng ta* là những ai.

Tôi nằm trên giường đọc hết cuốn này đến cuốn khác cho tới khi Ursula Monkton xuất hiện bên khung cửa và nói, “Giờ mi xuống được rồi.”

Em tôi đang xem truyền hình trong phòng tivi dưới nhà. Nó xem một chương trình gọi là *Làm cách nào?*, đó là một chương trình khoa học thường thức được ưa chuộng, mở đầu có những người dẫn chương trình đội mũ thổ dân da đỏ nói “Làm cách nào?” rồi làm tiếng hú xông trận rất lố bịch.

Tôi muốn chuyển qua đài BBC, nhưng nhỏ em đắc thắng nhìn tôi mà nói, “Cô Ursula nói là em muốn xem chương trình gì thì cứ để luôn mà xem, còn anh không được đổi.”

Tôi ngồi với con bé một lát, trong khi có một ông già để ria mép chỉ cho toàn thể trẻ em nước Anh cách buộc lưỡi câu.

Tôi nói, “Cô ta không tử tế gì đâu.”

“Em thích cô ấy. Cô ấy xinh đẹp mà.”

Năm phút sau thì mẹ tôi về, cất tiếng chào từ ngoài hành lang rồi vào bếp gặp Ursula Monkton. Mẹ lại quay ra. “Bữa ăn tối sẽ sẵn sàng ngay khi bố về. Các con đi rửa tay đi.” Em tôi đi lên lầu rửa tay.

Tôi nói với mẹ, “Con không thích cô ta. Mẹ bảo cô ta đi đi được không?”

Mẹ tôi thở dài. “*Không* thể lại như Gertruda đâu, con yêu. Ursula là cô gái rất tử tế, từ một gia đình rất đàng hoàng. Và chắc chắn là cô ấy *quý mến* hai con.”

Bố tôi về, bữa ăn tối được dọn ra. Một món xúp rau sệt, rồi cả gà nướng với khoai tây tươi và đậu đông lạnh. Tôi thích hết mấy món trên bàn. Tôi không ăn món nào cả.

“Con không đói ạ,” tôi giải thích.

“Tôi không phải là người ưa mách lẻo,” Ursula Monkton nói, “nhưng có người từ phòng ngủ xuống mà mặt với tay lấm lem cả sôcôla đấy.”

“Bố ước gì con không ăn thứ tào lao đó,” bố tôi lầm bầm.

“Nó toàn là đường chế biến thôi. Nó còn khiến con thấy hết muốn ăn cơm và làm sâu răng con nữa,” mẹ nói.

Tôi sợ là bố mẹ sẽ ép tôi ăn, nhưng họ không làm vậy. Tôi ngồi đó, bụng đói meo, còn Ursula Monkton thì cười theo mỗi câu bố đùa. Tôi thấy dường như bố đang nói những câu đùa đặc biệt cho mỗi mình cô ta.

Ăn xong, cả nhà xem *Nhiệm vụ bất khả thi*. Thường thì tôi vẫn thích phim *Nhiệm vụ bất khả thi*, nhưng lần này, nó làm tôi thấy khó chịu khi người ta cứ lột mặt ra để lộ những bộ mặt mới bên dưới. Họ đeo mặt nạ cao su và bên dưới nó luôn là người hùng của chúng ta, nhưng tôi tự hỏi nếu như Ursula Monkton lột mặt ra thì thế nào, bên dưới đó sẽ là gì?

Chúng tôi đi ngủ. Đó là đêm của nhỏ em tôi nên cửa phòng ngủ được đóng lại. Tôi thấy nhớ ánh đèn trong hành lang biết bao. Tôi nằm trên giường dưới ô cửa sổ để mở, tỉnh như sáo, lắng nghe những tiếng động một

ngôi nhà cũ kỹ tạo ra cuối ngày dài, cố hết sức ước và hy vọng những điều ước của mình sẽ thành sự thật. Tôi ước bố mẹ đuổi Ursula Monkton đi, rồi tôi sẽ xuống trang trại Hempstock, kể cho Lettie nghe chuyện mình đã làm, cô bé sẽ tha thứ cho tôi và giải quyết mọi chuyện ổn thỏa.

Tôi không ngủ được. Em tôi thì ngủ rồi. Dường như hề con bé muốn ngủ là ngủ, một khả năng tôi ghen tị mà không có được.

Tôi bỏ phòng ngủ đi ra ngoài.

Tôi quanh quẩn ở đầu cầu thang, lắng nghe tiếng tivi từ dưới nhà vọng lên. Rồi tôi rón rén đi bằng chân trần, khẽ khàng xuống cầu thang và ngồi trên bậc thứ ba đếm từ dưới lên. Cửa vào phòng tivi mở hờ nên nếu tôi xuống thêm bước nữa thì ai đang xem tivi ở đó cũng sẽ trông thấy tôi. Nên tôi chờ ở đó.

Tôi nghe được mấy giọng nói trên truyền hình bị ngắt quãng bởi những tràng cười như nắc nẻ.

Thế rồi, át những giọng nói trên truyền hình là tiếng người lớn trò chuyện.

Ursula Monkton hỏi, “Vậy là tối nào vợ ông cũng đi vắng sao?”

Giọng bố tôi nói, “Không. Tối nay vợ tôi quay lại để thu xếp cho ngày mai. Nhưng từ ngày mai thì sẽ là hằng tuần. Vợ tôi đang gây quỹ ủng hộ châu Phi ở hội trường làng.”

“Chà,” Ursula nói, “tôi đã biết hết về *chuyện đó* rồi.”

Cô ta cười, giọng cười cao vút, lạnh lạnh, nghe thân tình và chân thật, trong đó cũng không có tiếng giẻ rách lạch phạch. Rồi cô ta nói, “Trẻ con hóng hót...” và loáng sau thì cửa mở ra hẵn, còn Ursula Monkton đang nhìn thẳng vào tôi. Cô ta đã trang điểm lại, son môi nhạt và hàng mi dày.

“Đi ngủ đi,” cô ta nói. “Ngay.”

“Tôi muốn nói chuyện với bố,” tôi nói nhưng không trông mong gì. Cô ta không nói gì mà chỉ mỉm cười, một nụ cười không có sự nồng ấm hay

tình thương, nên tôi trở lên lầu, trèo lên giường, nằm trong phòng ngủ tối om cho đến khi không còn trông mong gì là sẽ ngủ được nữa, thế rồi giấc ngủ ập đến khi tôi không ngờ đến, và tôi ngủ không yên giấc.

VII.

Ngày hôm sau thật khủng khiếp.

Bố mẹ đều đã rời nhà trước khi tôi dậy.

Trời đã trở lạnh, bầu trời là một màu xám ảm đạm vô duyên. Tôi đi qua phòng ngủ của bố mẹ để ra chỗ ban công kéo dài từ phòng bố mẹ đến phòng của anh em tôi, rồi đứng trên ban công dài cầu nguyện với bầu trời để Ursula Monkton chán trò chơi này và để tôi không thấy mặt cô ta nữa.

Khi xuống nhà, tôi thấy Ursula Monkton đang chờ mình dưới chân cầu thang.

“Cũng những quy định như hôm qua, đồ nhóc con nghe lén,” cô ta nói. “Mi không được ra khỏi nhà. Mi mà cố thì ta sẽ nhốt mi lại trong phòng ngủ đến hết ngày, khi bố mẹ mi về, ta sẽ nói với họ là mi đã làm gì đó thật gớm.”

“Bố mẹ sẽ không tin bà đâu.”

Cô ta cười thật dễ thương. “Mi có chắc không đấy? Nếu ta nói với họ mi đã vạch con chim bé tí tẹo ra mà tè khắp sàn bếp, khiến ta phải lau chùi và tẩy rửa hết cả thì sao? Ta nghĩ họ sẽ tin ta. Ta sẽ nói đầy sức thuyết phục.”

Tôi tới phòng thí nghiệm. Tôi ăn hết chỗ trái cây đã giấu ở đó ngày hôm trước. Tôi đọc *Sandie sáng suốt*, một cuốn truyện nữa của mẹ tôi. Sandie là một cô học trò can trường vô tình được gửi đến học tại một ngôi trường dành cho con nhà giàu mà ở đó, ai cũng ghét cô bé. Cuối cùng, cô bé vạch mặt cô giáo dạy địa lý là thành viên của tổ chức quốc tế xấu xa và là người đã trói cô giáo thật lại. Đỉnh điểm là tại hội đồng nhà trường, khi Sandie can đảm đứng lên phát biểu, mở đầu bằng, “Em biết lẽ ra mình không được đến đây. Do một sơ suất giấy tờ mà em đến đây còn bạn Sandy có chữ Y thì đến

trường chuyên thị trấn. Nhưng em cảm tạ ơn trên là mình đã đến đây. Vì cô Streebling không phải là người như cô ta mạo nhận.”

Cuối cùng, Sandie được những người ghét cô bé đón nhận.

Bố tôi đi làm về sớm - tôi nhớ nhiều năm rồi bố không về sớm như vậy.

Tôi muốn nói chuyện với bố, nhưng bố chẳng khi nào ở một mình.

Tôi ngồi trên cành cây sồi theo dõi họ.

Đầu tiên, bố dẫn Ursula Monkton đi xem quanh vườn tược, tự hào chỉ cho cô ta thấy mấy bụi hồng rồi lý chua đen với anh đào và đỗ quyên như thể bố có góp phần chăm chút chúng, như thể không phải do ông cụ Wollery bài trí chúng đâu ra đấy và chăm sóc chúng năm chục năm trước khi chúng tôi mua ngôi nhà này vậy.

Cô ta cười theo mọi câu bố đùa. Tôi không nghe được bố nói gì, nhưng tôi thấy được cái nụ cười nhếch mép của bố mỗi khi bố biết mình nói gì đó khôi hài.

Cô ta đang đứng sát rạt bên bố. Thỉnh thoảng, bố để tay lên vai cô ta theo kiểu thân tình. Tôi thấy lo vì bố đang đứng rất gần cô ta. Bố không biết cô ta là thứ gì. Cô ta là yêu quái, nhưng bố cứ tưởng cô ta là người bình thường và đang tử tế với cô ta. Hôm nay cô ta ăn mặc khác đi: chân váy xám, kiểu người ta gọi là váy lửng, và áo hồng.

Nếu như hôm nào khác thấy bố đi dạo trong vườn thì tôi đã chạy lại với bố rồi. Nhưng hôm ấy thì không. Tôi sợ bố sẽ nổi giận, hoặc Ursula Monkton sẽ nói gì đó khiến cho bố giận tôi.

Tôi thấy khiếp sợ bố mỗi khi bố giận dữ. Mặt bố (góc cạnh và thường niêm nở) sẽ đỏ lựng lên, bố sẽ quát, quát âm ỉ và giận dữ đến mức làm tôi tê liệt theo đúng nghĩa đen. Tôi sẽ không suy nghĩ được.

Bố không bao giờ đánh tôi. Bố không đồng tình với chuyện đánh đập. Bố vẫn kể cho anh em tôi nghe là ông nội thường đánh bố, bà nội cầm chổi rượt bố, mà bố thì tử tế hơn vậy. Khi giận đến mức phải quát tôi thì bố vẫn

nhắc cho tôi nhớ là bố không đánh tôi, như thế để làm tôi thấy biết ơn. Trong mấy câu chuyện về trường học tôi đọc, hạnh kiểm xấu thường dẫn đến đòn roi hoặc bị cầm dế phết mông rồi được tha thứ là xong, nên đôi khi tôi cũng ganh tị với bọn trẻ hư cấu đó về sự gọn ghẽ trong đời chúng.

Tôi không muốn đến gần Ursula Monkton: tôi không muốn liều làm bố nổi giận.

Tôi băn khoăn không biết đây có phải là lúc thích hợp để tìm cách ra khỏi nhà và đi xuống đường làng hay không, nhưng tôi tin chắc rằng tôi mà làm vậy thì sẽ nhìn thấy bộ mặt giận dữ của bố bên bộ mặt hết sức xinh đẹp và tự mãn của Ursula Monkton.

Thế nên, tôi chỉ ngồi trên cành sồi to mà quan sát họ. Khi họ đi khuất tầm mắt ra sau mấy bụi đỗ quyên, tôi trèo xuống thang dây, vào nhà, lên ban công rồi theo dõi họ từ trên đó. Hôm ấy là một ngày xám xịt, nhưng đâu đâu cũng có hoa thủy tiên màu vàng bơ và um tùm hoa lăng ba tiên tử với cánh hoa màu trắng cùng tràng hoa hình loa kèn màu cam đậm. Bố hái một nắm lăng ba tiên tử tặng cho Ursula Monkton, cô ta cười, nói gì đó rồi khẽ nhún đầu gối cúi chào. Bố cúi chào lại và nói gì đó khiến cô ta cười. Tôi nghĩ chắc bố tự xưng mình là kỹ sư hào hiệp của cô ta hay đại loại như vậy.

Tôi muốn gào to với bố, báo cho bố biết là bố đang tặng hoa cho yêu quái, nhưng tôi không làm. Tôi chỉ đứng trên ban công theo dõi, còn họ không nhìn lên nên không thấy tôi.

Tôi đọc thấy trong cuốn sách thần thoại Hy Lạp là hoa lăng ba tiên tử được đặt theo tên một chàng trai trẻ trung, xinh đẹp và đáng yêu đến mức chàng ta đem lòng yêu chính mình. Chàng ta thấy bóng mình dưới hồ nước và không chịu rời khỏi nó, thế rồi cuối cùng, chàng chết đi nên các vị thần đành phải biến chàng thành hoa. Khi đọc thấy vậy, tôi hình dung rằng lăng ba tiên tử hẳn là loài hoa đẹp nhất thế gian. Tôi thất vọng khi biết hóa ra đó chỉ là hoa thủy tiên trắng chứ không được ấn tượng như tôi nghĩ.

Em tôi từ trong nhà đi ra đến chỗ họ. Bố tôi bế con bé rồi tung nó lên cao. Tất cả họ cùng đi vào nhà, bố bồng nhỏ em tôi, nó ôm cổ bố, còn Ursula Monkton thì tay ôm đầy hoa vàng và trắng. Tôi theo dõi họ. Tôi thấy bàn tay còn trống của bố, bàn tay không bế em tôi, buông thõng xuống và để thật tự nhiên như kiểu đã là gia chủ trên gò mông mặc váy lưng của Ursula Monkton.

Nếu là bây giờ thì tôi đã phản ứng với chuyện đó khác đi rồi. Lúc ấy thì tôi tin là mình chẳng để ý gì chuyện đó cả. Tôi chỉ mới bảy tuổi.

Tôi dễ dàng trèo từ ngoài ban công vào cửa sổ phòng ngủ, tụt xuống giường rồi đọc một cuốn sách viết về đứa con gái ở trọ tại quần đảo Eo Biển và thách thức Đức Quốc Xã khi không chịu bỏ rơi con ngựa của mình.

Và trong khi đọc, tôi ngẫm nghĩ rằng, *Ursula Monkton không thể giam mình ở đây mãi được. Sớm thôi - vài ngày là cùng - sẽ có ai đó dẫn mình xuống thị trấn hay đi khỏi đây, lúc đó mình sẽ xuống trang trại ở cuối đường làng và kể cho Lettie Hempstock nghe những gì mình đã làm.*

Rồi tôi nghĩ giả sử Ursula Monkton chỉ cần có vài ngày thôi thì sao. Và điều đó làm tôi sợ hãi.

Chiều hôm đó, cô ta làm món thịt xay nướng cho bữa ăn tối, tôi lại không chịu ăn. Tôi quyết không ăn thứ gì cô ta làm, nấu hay động đến. Bố tôi không vui.

“Nhưng con không muốn mà,” tôi nói với bố. “Con không đói.”

Hôm ấy là thứ Tư, mẹ tôi đang đi họp tại hội trường làng kế bên, ở đâu đó xuôi theo con đường, nhằm gây quỹ để người dân châu Phi có thể khoan giếng lấy nước sinh hoạt. Mẹ có các loại áp phích để treo lên, biểu đồ về các giếng nước và ảnh chụp những người đang mỉm cười. Ngồi ở bàn ăn bây giờ chỉ có em tôi, bố tôi, Ursula Monkton và tôi.

“Nó được mà, tốt cho con, lại ngon lành nữa,” bố nói. “Mà trong nhà này không có chuyện bỏ phí đồ ăn.”

“Con đã nói con không đói mà.”

Tôi nói dối. Tôi đói đến mức đau quặn cả bụng.

“Vậy thì cần thử một miếng nhỏ thôi,” bố nói. “Món này con thích mà. Thịt xay nướng với khoai tây nghiền rưới nước xốt. Con thích mấy món đó mà.”

Trong bếp có một bàn dành cho trẻ con, chỗ chúng tôi ngồi ăn khi bố mẹ có bạn bè đến chơi hay khi ăn trễ. Nhưng tối hôm ấy, chúng tôi ngồi ở bàn người lớn. Tôi thích bàn cho trẻ con hơn. Ở đó, tôi cảm thấy mình vô hình. Không ai nhìn ngó tôi ăn cả.

Ursula Monkton ngồi kế bên bố và nhìn tôi chăm chăm, nụ cười mỏng dính nhếch lên ở khóe môi.

Tôi biết mình nên ngậm miệng, im lặng, sung sĩa. Nhưng tôi không nhịn được. Tôi phải nói cho bố biết vì sao mình không muốn ăn.

“Con sẽ không ăn bất cứ thứ gì cô ta làm đâu,” tôi nói với bố. “Con không thích cô ta.”

“Con sẽ phải ăn phần của con,” bố tôi nói. “Ít ra thì con cũng phải thử. Rồi xin lỗi cô Monkton.”

“Không đâu ạ.”

“Cháu nó không cần làm vậy đâu,” Ursula Monkton nói ra vẻ đáng mến, rồi cô ta nhìn tôi và nhoen miệng cười. Tôi không nghĩ ai trong hai người còn lại ngồi ở bàn để ý thấy cô ta đang mím cười thích thú, hay thấy rằng không có gì đáng mến nơi vẻ mặt cô ta, hay nụ cười của cô ta, hay cặp mắt vải mục của cô ta.

“Tôi e là có đấy,” bố tôi nói. Bố lớn tiếng hơn một chút, mặt bố đỏ lên hơn một chút. “Tôi sẽ không để nó hỗn xược với cô như thế.” Rồi quay qua tôi, “Nói bố nghe một lý do chính đáng xem nào, chỉ một thôi, tại sao con không chịu xin lỗi và tại sao con không chịu ăn món ăn ngon lành cô Ursula nấu cho bố con mình.”

Tôi không giỏi nói dối. Tôi kể cho bố nghe.

“Vì cô ta không phải người,” tôi nói. “Cô ta là yêu quái. Cô ta là...” Nhà Hempstock đã gọi cô ta là thứ gì ấy nhỉ? “Cô ta là *bọ chét*.”

Giờ thì hai má bố tôi đỏ rần rần, cặp môi mím lại. Bố nói, “Đi ra hành lang. Ngay.”

Lòng tôi thất lại. Tôi tụt xuống ghế đầu và theo bố ra hành lang. Trong hành lang tối om: ánh sáng duy nhất là từ nhà bếp hắt ra, qua tấm kính trong suốt trên cửa bếp. Bố nhìn xuống tôi. “Con sẽ quay vào bếp. Con sẽ xin lỗi cô Monkton. Con sẽ ăn cho hết đĩa thức ăn, thế rồi con sẽ yên lặng và lễ độ đi thẳng lên lầu mà ngủ.”

“Không,” tôi nói với bố. “Con không làm đâu.”

Tôi lồng lên, chạy dọc hành lang, vòng qua góc rồi giậm thành thịch lên cầu thang. Tôi tin chắc là bố sẽ đuổi theo. Bố to cao, bằng hai tôi, chạy lại nhanh, nhưng tôi cũng không phải đi xa nữa. Trong nhà chỉ có mỗi một phòng tôi khóa lại được, và đó là nơi tôi đang tiến đến, rẽ trái ở đầu cầu thang rồi chạy dọc hành lang đến tận cùng. Tôi tới được phòng tắm trước bố. Tôi đóng sầm cửa rồi đẩy cái then bạc nhỏ chột cửa lại.

Bố không đuổi theo tôi. Có lẽ bố nghĩ đuổi theo một đứa con nít thì không xứng với phẩm cách của bố. Nhưng vài phút sau tôi đã nghe thấy bố nện nắm đấm rầm rầm lên cửa, rồi giọng bố nói, “Mở cửa ra.”

Tôi im thin thít. Tôi ngồi trên nắp bồn cầu có lót lông và ghét bố cũng gần bằng ghét Ursula Monkton.

Cửa lại kêu rầm rầm, lần này mạnh hơn. “Nếu con không mở cửa ra,” bố nói, đủ to để chắc chắn tôi nghe được qua lớp cửa, “bố sẽ phá cửa đấy.”

Bố làm vậy được không? Tôi không biết. Cửa khóa rồi. Cửa được khóa là để ngăn mọi người vào. Một cánh cửa khóa có nghĩa là ta đang ở trong đó, và khi mọi người muốn vào nhà tắm, họ sẽ lắc cửa, rồi thấy nó không bật ra, và họ sẽ nói, “Xin lỗi nhé!” hay kêu lên “Có còn lâu không?” và...

Cửa mở tung vào trong. Cái chốt bạc nhỏ bung ra toong teng nơi khung cửa, cong queo móp méo cả, còn bố tôi đứng lấp kín khung cửa, mắt tròn và trắng dã, hai má phùng phùng tức giận.

Bố nói, “Được.”

Bố chỉ nói có vậy, nhưng bàn tay bố nắm bấp tay trái của tôi thành một gọng kìm tôi không làm sao vùng ra được. Tôi tự hỏi giờ bố sẽ làm gì. Cuối cùng thì bố cũng đánh tôi, đuổi cổ tôi về phòng hay quát tháo tôi to đến mức tôi ước gì mình chết quách đi cho rồi?

Bố không làm điều nào trong những điều ấy cả.

Bố lôi tôi lại bồn tắm. Bố cúi tới, nhét nút cao su trắng vào lỗ xả. Rồi bố vặn vòi nước lạnh. Nước xối ra, bắn lên men trắng rồi đều đều và thông thả chảy đầy bồn.

Nước chảy âm ỉ.

Bố tôi quay qua cánh cửa để mở. “Tôi liệu được chuyện này mà,” bố nói với Ursula Monkton.

Cô ta đứng bên khung cửa, nắm tay em tôi, trông quan tâm và dịu dàng, nhưng trong ánh mắt có vẻ đắc thắng.

“Đóng cửa lại đi,” bố tôi nói. Em tôi bật khóc thút thít, nhưng Ursula Monkton đóng cửa lại, cô ta phải cố hết sức vì bản lề không khớp chặt và cái chốt gãy làm cánh cửa không đóng chặt lại được.

Chỉ còn tôi với bố. Hai má bố đã chuyển từ đỏ thành trắng, môi bố mím lại, còn tôi không biết bố định làm gì hay tại sao bố mở nước đầy bồn tắm, nhưng tôi sợ, rất sợ.

“Con sẽ xin lỗi,” tôi nói với bố. “Con sẽ nói xin lỗi. Con không có ý nói những điều ban nãy đâu. Cô ta không phải yêu quái. Cô ta... cô ta xinh đẹp.”

Bố không trả lời. Bồn tắm đã đầy, bố vặn vòi nước lạnh lại.

Thế rồi, thoát một cái, bố bế xốc tôi lên. Hai bàn tay to bè của bố cặp dưới nách tôi, hất tôi lên ngon ơ nên tôi thấy như mình chẳng có tí sức nặng

nào.

Tôi nhìn bố, nhìn vẻ đăm đăm trên mặt bố. Bố đã cởi áo vét ra trước khi lên lầu. Bố đang mặc áo sơ mi xanh nhạt và thắt cà vạt có họa tiết cánh hoa màu nâu hạt dẻ. Bố nói dây tháo đồng hồ đeo tay ra và thả lên bậu cửa sổ.

Rồi khi nhận ra điều bố sắp làm, tôi đập tung lên, hai tay vùng vẫy quất vào bố, nhưng không hành động nào đem lại kết quả khi mà bố chìm tôi xuống làn nước lạnh ngắt.

Tôi kinh hoàng, nhưng ban đầu thì đó là nỗi kinh hoàng khi chuyện đang xảy ra trái với trật tự vốn có của vạn vật. Tôi đang còn mặc nguyên áo quần. Điều đó không phải. Tôi đang mang xăng đan. Điều đó sai. Nước bồn tắm lạnh ngắt, rất lạnh và rất sai trái. Đó là điều thoát tiên tôi nghĩ khi bố nhấn tôi xuống nước, thế rồi bố chìm thêm nữa, nhấn đầu và vai tôi xuống dưới làn nước lạnh cóng, vậy là tính chất nỗi kinh hoàng biến đổi. Tôi nghĩ, *Minh sắp chết rồi.*

Thế rồi, khi nghĩ vậy, tôi quyết phải sống.

Tôi đưa hai tay quơ cào vùng vẫy, cố tìm cái gì để bám vào nhưng không có gì để nắm cả, chỉ có hai bên thành trơn trượt của cái bồn tắm tôi đã tắm trong hai năm qua. (Tôi đã đọc rất nhiều sách trong bồn tắm ấy. Đó là một trong những chỗ an toàn của tôi. Còn giờ, không còn nghi ngờ gì nữa, tôi sẽ chết trong đó.)

Ở dưới nước, tôi mở mắt ra thì thấy nó lòng thòng trước mặt: cơ hội sống của tôi, nên cả hai tay tôi túm lấy nó - chiếc cà vạt của bố.

Tôi nắm chặt chiếc cà vạt, nhấc người lên trong khi bố nhấn tôi xuống, nắm chặt nó để sống, ngẩng mặt lên khỏi làn nước lạnh ngắt đó, bám chặt vào cà vạt bố đến mức bố không thể tiếp tục nhấn đầu và vai tôi xuống bồn tắm mà không bị ngã vào theo.

Giờ thì mặt tôi đã trôi lên trên mặt nước, tôi cắn chặt hai hàm răng vào ngay dưới nút thắt cà vạt của bố.

Chúng tôi giằng co. Tôi ướt mềm nhưng lấy làm sung sướng đôi chút khi biết bố cũng bị ướt hết cả, áo sơ mi xanh dính bết vào thân hình to lớn của bố.

Lúc này, bố lại nhấn tôi xuống, nhưng nổi sợ chết cho ta sức mạnh: hai bàn tay và răng tôi kẹp lấy chiếc cà vạt nên bố không thể gỡ ra mà không đánh tôi.

Bố không đánh tôi.

Bố đứng thẳng người dậy nên tôi được kéo lên theo, tôi ướt sũng, phun phì phì, tức giận, khóc và sợ hãi. Tôi nhả cà vạt bố ra, hai tay vẫn nắm chặt.

Bố nói, “Con làm hỏng mất cà vạt của bố rồi. Buông ra.” Nút thắt cà vạt bị siết lại còn bé xíu, lớp vải lót cà vạt ướt nhem lòng thòng ra ngoài. Bố nói, “Con nên mừng vì không có mẹ ở đây.”

Tôi buông ra, ngồi phịch xuống tắm thảm phòng tắm sũng nước. Tôi lùi lại một bước về phía bồn cầu. Bố nhìn xuống tôi. Rồi bố nói, “Về phòng ngủ của con đi. Tối nay bố không muốn thấy mặt con nữa.”

Tôi đi về phòng.

VIII.

Tôi run cầm cập, ướt từ đầu xuống chân và lạnh, lạnh lắm. Tôi có cảm giác như toàn bộ nhiệt trong người đã bị lấy cắp hết rồi. Áo quần ướt dính bết vào da thịt và nhỏ nước lạnh xuống sàn. Đôi xăng đan tạo những tiếng lép bép buồn cười theo mỗi bước đi, còn mấy lỗ nhỏ hình viên kim cương ở mặt trên xăng đan thì rịn nước ra.

Tôi cởi hết áo quần ra, vứt thành một đống ướt sũng trên nền gạch cạnh lò sưởi, rồi đóng quần áo bắt đầu nhỏ nước và đống thành vũng. Tôi lấy hộp diêm trên bệ lò sưởi, bật vòi khóa khí và châm lửa lò sưởi khí ga.

(Tôi đang nhìn chăm chăm cái ao, nhớ lại những thứ khó tin. Khi hồi tưởng lại, tại sao chuyện khiến tôi thấy khó tin nhất lại là có một cái lò sưởi khí ga trong phòng ngủ của một con bé lên năm với một thằng nhóc lên bảy nhỉ?)

Trong phòng không có khăn tắm nên tôi đứng đó, ướt mềm, băn khoăn không biết làm sao để người khô được. Tôi lấy tấm trải mỏng phủ giường mình để lau khô người rồi mặc đồ ngủ vào. Bộ đồ bằng chất vải ni lông đỏ, bóng láng và có sọc, trên cánh tay bên trái có vết cháy sém thành nhựa đen thui do có lần tôi cúi tới quá gần lò ga nên cánh tay áo bắt lửa, dù nhờ một phép lạ nào đó mà tôi đã không bị bỏng cánh tay.

Sau cửa phòng ngủ có treo chiếc áo choàng ngủ hầu như tôi chẳng bao giờ mặc, bóng của nó đổ xuống thật hoàn hảo để khi đèn hành lang bật và cửa mở thì nó hắt những cái bóng đầy ác mộng lên tường. Tôi mặc áo choàng vào.

Cửa phòng ngủ mở ra, nhỏ em tôi vào để lấy chiếc váy ngủ dưới gối. Con bé nói, “Anh hư đến mức em còn không được ở trong phòng với anh

nữa. Tối nay, em được ngủ trong phòng của bố mẹ. Bố còn nói em được xem *tivi* nữa.”

Trong góc phòng ngủ của bố mẹ tôi có cái *tivi* cũ gần như không bao giờ bật để trên cái giá gỗ nâu. Cái nút chỉnh sọc màn hình ọp ẹp, hình ảnh đen trắng nhòe nhoẹt thường kéo sọc thành từng dải chậm chạp: đầu người biến mất ở dưới đáy màn hình, còn bàn chân lại bệ vệ đặt xuống từ trên đầu.

“Anh chả quan tâm,” tôi bảo nó.

“Bố nói anh làm hỏng mất cà vạt của bố rồi. Bố cũng ước hết nữa,” em tôi nói, giọng hả hê.

Ursula Monkton đứng bên cửa phòng ngủ. “Chúng ta sẽ không nói chuyện với nó,” cô ta bảo em tôi. “Đến khi nào nó được phép trở lại làm thành viên của gia đình thì chúng ta mới trò chuyện lại với nó.”

Em tôi lên ra, đi về phòng bên cạnh, phòng của bố mẹ tôi. “Bà không phải người trong gia đình tôi,” tôi nói với Ursula Monkton. “Khi nào mẹ về, tôi sẽ mách mẹ chuyện bố làm.”

“Hai giờ nữa bà ta mới về,” Ursula Monkton nói. “Mà mi nói với bà ta thì làm được gì? Bà ta bênh bố mi trong mọi chuyện, phải không nào?”

Đúng vậy. Họ luôn cho thấy một mặt trận hết sức đoàn kết.

“Đừng có cản trở ta,” Ursula Monkton nói. “Ta có chuyện cần làm ở đây, mà mi lại đang cản đường ta. Lần tới sẽ thô thảm hơn nhiều đấy. Lần tới, ta sẽ nhốt mi lại trên gác mái.”

“Tôi không sợ bà đâu,” tôi nói với cô ta. Tôi sợ cô ta, sợ hơn tôi từng sợ bất cứ thứ gì.

“Trong đây nóng quá,” cô ta nói với tôi rồi nhoẻn miệng cười. Cô ta bước tới chỗ lò ga, thò tay xuống tắt lò, lấy đi hộp diêm trên mặt lò sưởi.

Tôi nói, “Bà cũng chỉ là một con bọ chết mà thôi.”

Cô ta không cười nữa. Cô ta với tay lên rầm đờ bên trên cửa, nó cao hơn tầm với của bất kỳ đứa trẻ nào, rồi cô ta rút chiếc chìa khóa để trên đó

xuống. Cô ta bước ra khỏi phòng, đóng cửa lại. Tôi nghe tiếng chìa khóa xoay, nghe khóa khớp vào và kêu cái cách.

Tôi còn nghe được giọng nói trong tivi từ phòng bên. Tôi nghe cửa hành lang đóng lại, tách lìa hai phòng ngủ với toàn bộ ngôi nhà, và tôi biết Ursula Monkton đang đi xuống nhà dưới. Tôi bước tới chỗ khóa cửa, nheo mắt nhìn qua. Tôi đã học được trong sách là ta có thể dùng cây bút chì đẩy chìa khóa qua lỗ khóa xuống một tờ giấy lót bên dưới và tôi có thể thoát ra bằng cách đó... nhưng lỗ khóa trông không.

Trong phòng ngủ, tôi bật khóc, người lạnh toát và vẫn còn ẩm ướt, khóc vì đau, giận và kinh hoàng, tha hồ mà khóc vì biết sẽ không ai vào và thấy tôi, sẽ không ai trêu tôi khóc như ở trường bọn chúng trêu những đứa con trai nào thiếu khôn ngoan đến mức không nhận được mà khóc.

Tôi nghe mưa vỗ tí tách lên kính cửa sổ phòng ngủ, và ngay cả điều đó cũng không làm tôi thấy vui.

Tôi khóc cho đến khi cạn cả nước mắt. Rồi tôi thở hỗn hển để hợp không khí và nghĩ Ursula Monkton, con yêu quái vãi bố phàn phạch, thứ sâu mọt và bọ chét, sẽ tóm được tôi nếu tôi tìm cách ra khỏi nhà. Tôi biết điều đó.

Nhưng Ursula Monkton đã nhốt tôi lại trong phòng. Giờ cô ta sẽ không ngờ được là tôi bỏ trốn.

Và nếu tôi may mắn, biết đâu cô ta lại lơ đãng.

Tôi mở cửa sổ phòng ngủ, nghe ngóng màn đêm. Con mưa nhẹ gần như tiếng xào xạc. Đêm đó lạnh, mà tôi thì vốn dĩ đã lạnh cóng rồi. Em tôi đang ở phòng bên xem gì đó trên tivi. Nó sẽ không nghe thấy tôi.

Tôi đi lại phía cửa và tắt đèn.

Tôi bước dọc căn phòng ngủ tối om rồi lại trèo lên giường.

Mình đang nằm trên giường, tôi nghĩ. Mình đang nằm trên giường nghĩ về chuyện mình buồn bực. Chẳng mấy chốc, mình sẽ ngủ thiếp đi. Mình

đang nằm trên giường, mình biết mẹ ta đã thắng, và nếu mẹ ta đi kiểm tra thì mình đang nằm ngủ trên giường rồi.

Mình đang nằm trên giường, và giờ thì đã đến lúc mình ngủ... Mình còn chẳng mở mắt thêm được nữa là. Mình ngủ thiếp đi thật say. Ngủ say trên giường...

Tôi đứng lên giường rồi trèo ra cửa sổ. Tôi đánh đu một lát rồi hết sức khẽ khàng buông mình xuống ban công. Chuyện đó thì dễ rồi.

Khi khôn lớn, tôi học lỏm được rất nhiều từ sách. Từ trong sách mà tôi học được hầu hết những cái người ta làm, học được cách người ta cư xử. Sách là những người thầy và cố vấn của tôi. Trong sách, con trai trèo cây, vậy là tôi trèo cây, nhiều khi trèo lên thật cao, và bao giờ cũng sợ ngã. Trong sách, người ta trèo lên trèo xuống ống thoát nước để ra vào nhà nên tôi cũng trèo lên trèo xuống ống thoát nước. Đó là loại ống bằng sắt nặng trĩch thời xưa, gắn chặt vào gạch, không giống mấy thứ bằng nhựa nhẹ tênh thời nay.

Tôi chưa từng trèo xuống ống thoát nước vào buổi tối hay trong mưa, nhưng tôi biết phải đặt chân ở đâu. Tôi còn biết thách thức lớn nhất không phải là ngã lộn cổ từ độ cao sáu mét xuống luống hoa ướt mềm; mà là việc ống thoát nước tôi đang trèo xuống đi qua phòng để tivi dưới lầu, mà tôi chắc chắn là Ursula Monkton và bố đang xem truyền hình ở đó.

Tôi cố không nghĩ ngợi gì.

Tôi trèo qua lan can gạch chạy quanh ban công, với tay ra cho đến khi sờ thấy ống thoát nước bằng sắt lạnh ngắt và trơn láng cả nước mưa. Tôi bám vào rồi xoay chân bước một bước tới chỗ nó, thì hai bàn chân trần lên cái miếng sắt bao quanh ống thoát nước để gắn chắc ống vào tường.

Tôi tụt xuống từng tí một, tưởng tượng mình là Người Dơi, là cả trăm nam nữ anh hùng trong truyện hư cấu viết về trường học, thế rồi khi nhớ ra, tôi bèn hình dung mình là một giọt mưa trên tường, một viên gạch, một cái

cây. *Mình đang nằm trên giường, tôi nghĩ. Tôi không đứng đây, nơi ánh đèn từ phòng để tivi chưa buông màn đang tràn ra bên dưới, biến mưa rơi qua cửa sổ thành một chuỗi đường thẳng lấp lánh.*

Đừng nhìn tôi, tôi nghĩ. Đừng nhìn ra cửa sổ.

Tôi tụt dần, tụt dần xuống. Lúc bình thường thì tôi đã bước từ ống thoát nước sang bậu cửa sổ ngoài phòng tivi, nhưng chuyện đó bây giờ không được rồi. Tôi thận trọng hạ mình xuống độ một tấc nữa, lúi sâu vào khoảng tối, tránh xa ánh sáng ra rồi khiếp đảm len lén nhìn vào phòng, nghĩ sẽ thấy bố và Ursula Monkton đang nhìn chăm chăm lại tôi.

Trong phòng không có ai.

Đèn sáng, tivi cũng đang bật, nhưng không có ai ngồi trên sofa, còn cửa ra hành lang dưới nhà thì để mở.

Tôi bước một bước ngon ơ xuống bậu cửa sổ, cứ cầu sao không ai trong hai người họ quay vào phòng và thấy tôi, rồi buông mình từ bậu cửa xuống luống hoa. Đất ẩm mềm dưới bàn chân tôi.

Tôi định chạy, cứ chạy thôi, nhưng có ngọn đèn bật sáng trong phòng khách, đây là chỗ trẻ con chúng tôi không bao giờ đặt chân tới, là căn phòng lát ván gỗ sồi chỉ để dành cho khách và cho những dịp đặc biệt.

Tám màn cửa sổ đang thả xuống. Màn nhung xanh lá, lót vải trắng và ánh sáng vàng óng dịu dàng lọt ra khe màn để hở.

Tôi bước tới cửa sổ. Màn che không kín. Tôi có thể nhìn vào trong phòng và thấy chuyện đang xảy ra ở ngay trước mặt.

Tôi không rõ lắm mình đang nhìn gì. Bố tôi ghì Ursula Monkton vào thành lò sưởi lớn ở bức tường đằng xa. Lung bố xoay về phía tôi. Cô ta cũng vậy, hai bàn tay ghì lên bệ lò sưởi vừa cao vừa rộng. Bố đang ôm cô ta từ đằng sau. Chiếc váy lửng của cô ta xốc cao lên quanh eo.

Tôi không biết đích xác họ đang làm gì, lúc đó tôi cũng không thật sự quan tâm. Điều quan trọng là Ursula Monkton đang để tâm vào việc khác

chứ không phải tôi nên tôi quay người khỏi khe màn cùng ánh sáng và khỏi cả ngôi nhà, để chân trần mà cắm đầu cắm cổ chạy vào đêm mưa.

Trời không tối như mực. Đó là kiểu đêm âm u mà dường như mây gom ánh sáng từ đèn đường và nhà cửa xa xa bên dưới rồi ném trả lại cho trái đất. Khi mắt đã quen thì tôi cũng nhìn thấy được. Tôi tới cuối vườn, qua đồng phân trộn và cỏ cắt rồi xuống đồi và ra đường làng. Bụi mâm xôi và gai vừa đâm vào bàn chân vừa chích hai giò tôi, nhưng tôi cứ chạy.

Tôi tới được hàng rào thấp tè làm bằng kim loại rồi bước vào đường làng. Tôi đã ra khỏi khuôn viên nhà chúng tôi và cảm thấy như bỗng đâu tiêu tan cơn nhức đầu này giờ tôi không biết đến. Tôi thì thầm, giọng cấp bách, “Chị Lettie? Chị Lettie Hempstock ơi?” và tôi nghĩ, *Mình đang nằm trên giường. Mình đang nằm mơ thấy tất cả những chuyện này. Những giấc mơ sống động làm sao. Mình đang nằm trên giường*, nhưng tôi không tin là ngay lúc đó Ursula Monkton đang nghĩ đến tôi.

Tôi vừa chạy vừa nghĩ về bố, hai cánh tay bố ôm quanh người-không-phải-quản-gia, hôn lên cổ cô ta, rồi tôi thấy mặt bố qua làn nước lạnh cóng trong bồn tắm khi bố ghì tôi dưới nước, và giờ đây, tôi không còn sợ chuyện xảy ra trong phòng tắm nữa; giờ thì tôi sợ ý nghĩa của chuyện bố hôn cổ Ursula Monkton, hai bàn tay bố kéo cái váy lưng của cô ta lên trên eo.

Bố mẹ tôi là một khối vẹn toàn, bất khả xâm phạm. Tương lai bỗng đâu trở nên bất định: chuyện gì cũng có thể xảy ra. Lúc ấy, con tàu đời tôi đã trật đường ray mà tiến về hướng khác, băng qua những cánh đồng và đang cùng tôi chạy xuống đường làng.

Khi tôi chạy, đá dăm trên đường làng làm chân tôi đau, nhưng tôi chẳng để tâm. Tôi tin chắc rằng chẳng mấy chốc, cái thứ gọi là Ursula Monkton sẽ xong việc với bố tôi. Có lẽ họ sẽ cùng lên tầng trên xem tôi thế nào. Cô ta sẽ phát hiện ra tôi đã bỏ đi và sẽ đuổi theo tôi.

Tôi nghĩ, *nếu họ đuổi theo mình, họ sẽ chạy xe*. Tôi tìm một khoảng hở

nơi bờ giậu ở cả hai bên đường làng. Tôi phát hiện ra một bụi bằng gỗ nên trèo qua rồi cứ thế chạy băng qua đồng cỏ, tim đập thình thịch như cái trống to nhất, ồn nhất đang hay đã từng tồn tại, chân thì để trần, đồ ngủ cùng áo choàng ngủ ướt nhẹ bên dưới đầu gối và dính bết vào người. Tôi chạy mà chẳng để ý gì đến mấy bãi phân bò. Đồng cỏ khiến bàn chân tôi dễ chịu hơn là đường làng đầy đá dăm lúc nãy. Tôi tươi tỉnh lên và cảm thấy mình có thực hơn khi chạy trên cỏ.

Sấm âm âm đằng sau dù tôi không thấy có ánh chớp.

Tôi trèo qua một hàng rào, rồi hai bàn chân lún xuống nền đất mềm của cánh đồng mới cày. Tôi loạng choạng băng qua đồng, thỉnh thoảng té oạch, nhưng vẫn cứ đi. Tôi trèo qua một bụi gỗ vào cánh đồng kế tiếp, nơi này thì chưa được cày, rồi băng qua đó mà vẫn đi sát theo hàng giậu, sợ mình chạy quá xa ra giữa đồng.

Có ánh đèn xe lia xuống đường làng, bắt thần và chói lòa. Tôi đứng chết trân tại chỗ, nhắm mắt lại, tưởng tượng mình đang ngủ trên giường. Chiếc xe chạy qua mà không chậm lại, khi nó chạy đi rồi, tôi còn thoáng thấy đèn chiếu hậu đỏ: một xe tải trắng mà tôi nghĩ là của nhà Anders.

Tuy vậy, chuyện đó làm cho đường làng có vẻ bớt an toàn nên giờ tôi đi tắt qua đồng cỏ. Tôi tới được cánh đồng kế tiếp, thấy nó chỉ ngăn cách với cánh đồng tôi vừa băng qua bằng những đoạn dây mỏng manh, dễ dàng luồn qua bên dưới, thậm chí còn chẳng phải dây thép gai, nên tôi với tay ra nhấc sợi dây trợ trụ lên để có chỗ mà chui bên dưới, thế rồi...

Cứ như thể tôi vừa bị thoi, thoi thật mạnh vào ngực. Cánh tay vừa nắm sợi dây giăng hàng rào bị co giật, lòng bàn tay tê điếng chẳng khác nào tôi vừa nện xương cùi chỏ vào tường.

Tôi buông hàng rào điện và loạng choạng ngã ngửa ra sau. Tôi không chạy nổi nữa mà hồi hải đi trong gió mưa và bóng tối, men hàng rào, giờ thì cẩn thận không chạm vào nó, cho đến khi tới một cánh cổng có năm thanh

ngang. Tôi trèo qua cổng rồi băng qua cánh đồng, tiến về phía vùng bóng tối ở đằng xa - tôi nghĩ là ở đó có cây cối và có rừng - tôi cũng không đi quá gần rìa cánh đồng vì sợ một hàng rào điện nữa lại đang chờ mình.

Tôi ngập ngừng, không chắc phải đi đâu tiếp. Như để trả lời, ánh chớp bùng lên soi sáng vạn vật trong một chớp mắt, nhưng tôi chỉ cần một chớp mắt đó thôi. Tôi nhìn thấy một bụi gỗ và chạy tới đó.

Tôi trèo qua bụi gỗ. Tôi biết mình vừa bước xuống trúng một lùm cây tầm ma khi cảm giác ran rát nóng lạnh như kim đâm ập xuống hai mắt cá chân để trần và mu bàn chân tôi, nhưng giờ tôi lại tiếp tục chạy, ba chân bốn cẳng chạy. Tôi hy vọng mình vẫn đang tiến về phía trang trại Hempstock. Tôi cần phải tiến về nơi ấy. Tôi băng qua một cánh đồng nữa rồi mới nhận ra mình không còn biết đường làng ở đâu hay thậm chí cả việc tôi đang ở đâu nữa. Tôi chỉ biết là trang trại Hempstock ở cuối đường làng, nhưng tôi đang lạc giữa một cánh đồng tối tăm, mây dông đã sà xuống thấp, đêm lại mịt mù, trời thì vẫn đang mưa dù chưa phải mưa lớn, nên lúc này, trí tưởng tượng của tôi lấp đầy bóng tối bằng toàn sói với ma. Tôi muốn mình đừng tưởng tượng nữa, đừng nghĩ ngợi nữa nhưng không được.

Rồi đằng sau sói với ma cùng những cái cây biết đi, Ursula Monkton đang nói với tôi rằng lần sau tôi mà không nghe lời mẹ ta thì sẽ phải chịu đựng thê thảm hơn bội phần, rằng mẹ ta sẽ nhốt tôi lại trên gác mái.

Tôi không có can đảm. Tôi đang trốn chạy tất cả, tôi lạnh, ướt mèm và lạc đường.

Tôi gào lên, lạc cả giọng. “Chị Lettie? chị Lettie Hempstock! Chị ơi!” nhưng không có tiếng đáp, mà tôi cũng không nghĩ sẽ có tiếng trả lời.

Sấm vừa nãy âm âm và đi đùng giờ chỉ còn là tiếng gầm gừ xa xa không dứt như một con sư tử bị dồn chân đến độ nổi giận, còn ánh chớp lập lòe như một chiếc đèn huỳnh quang bị hỏng. Trong lập lòe chớp sáng, tôi thấy quăng đồng tôi đang đứng chạy tới một điểm, hai bên có hàng giậu nhưng

không có lối đi qua. Tôi không thấy có cổng hay bực trèo nào trừ cái tôi đã đi vào ở đầu kia cánh đồng.

Có gì đó nổ lách tách.

Tôi ngược nhìn lên bầu trời. Tôi đã từng thấy chớp trong phim trên tivi, chúng là những chạc ánh sáng dài ngoằn ngoề nổ đen đét cắt qua mây. Nhưng những ánh chớp mà tôi từng tận mắt thấy cho đến giờ chỉ là ánh chớp trắng lòa từ trên trời, như ánh đèn nháy của máy chụp hình, đột sáng vạn vật để ta nhìn được trong một khoảnh khắc. Cái tôi thấy trên bầu trời lúc ấy thì không như vậy.

Nó cũng chẳng phải là ánh chớp có hình thù như chạc cây.

Nó chớp tắt, một màu trắng nhuộm ánh xanh lam ngoằn ngoèo cháy rực trên bầu trời. Nó tắt ngấm rồi lại cháy bùng lên, chớp nháy và lập lòe soi sáng nên tôi nhìn ra được đồng cỏ. Mưa rơi lộp độp rồi quất vào mặt tôi, và trong chớp mắt, cơn mưa phùn đã thành trận mưa ào ào xối xả. Loáng một cái, chiếc áo choàng ngủ tôi đang mặc đã ướt đầm đìa từ trên xuống dưới. Nhưng trong ánh sáng, tôi thấy - hay nghĩ là mình thấy - một khoảng hở trên bờ giậu bên tay phải, thế là tôi bước đến, vì không còn chạy nổi nữa, cố rảo bước thật nhanh, hy vọng nó là thứ có thật. Cái áo choàng ngủ ướt nhẹ của tôi đánh lạch phạch trong cơn gió giật, và cái tiếng ấy làm tôi kinh hãi.

Tôi không nhìn lên bầu trời. Tôi không nhìn ra sau lưng.

Nhưng tôi thấy được đầu kia cánh đồng và quả thực là có một khoảng trống giữa mấy bờ giậu. Tôi gần tới được đó thì một giọng nói vang lên,

“Ta tưởng ta đã bảo mi ở yên trong phòng rồi cơ mà. Vậy mà giờ ta thấy mi lén lén lút lút như một tên thủy thủ bị đắm tàu.”

Tôi quay lại, nhìn ra sau nhưng không thấy gì cả. Không có ai ở đó cả.

Thế rồi, tôi nhìn lên.

Cái thứ tự xưng là Ursula Monkton đang lơ lửng trên không, cách tôi độ năm sáu mét, ánh chớp nhì nhằng chớp tắt trên không sau lưng mụ ta. Mụ ta

không bay. Mụ ta đang trôi, nhẹ tênh như khinh khí cầu, mặc dù những luồng gió giạt lạnh như cát không hề xô đẩy mụ ta.

Gió gào rú và quất vào mặt tôi. Sấm dội ì ì òa ở xa rồi nổ lẹt đẹt nhỏ dần, còn mụ ta nói rất khẽ nhưng tôi vẫn nghe được rành rọt từng chữ như thể mụ ta đang thì thào bên tai tôi.

“Ồ, cún con ơi, mi gặp rắc rối to rồi đấy.”

Mụ ta mỉm cười, nụ cười rộng ngoác khoe cả răng khểnh khiến nhất tôi từng thấy nơi mặt người, nhưng trông mụ ta không có vẻ gì là vui thú cả.

Tôi đã xuyên bóng tối chạy trốn mụ ta khoảng bao lâu rồi, nửa giờ chăng? Hay một giờ? Tôi ước gì lúc này mình cứ đi trên đường làng mà không có băng qua đồng. Nếu vậy thì giờ này tôi đã ở trang trại Hempstock rồi. Thay vì vậy, tôi bị lạc và sa bẫy.

Ursula Monkton hạ xuống thấp hơn. Chiếc áo hồng mụ ta mặc không cài nút. Mụ ta mặc áo ngực trắng. Chiếc váy lửng phần phật trong gió, để lộ hai bắp chân. Xem ra mụ ta không bị ướt dù trời đang có bão. Áo quần mụ ta, mặt mũi mụ ta, tóc tai mụ ta khô rang như ngói.

Lúc này, mụ ta đang lơ lửng phía trên tôi, rồi mụ ta chìa hai bàn tay ra.

Những tia chớp ngoằn ngoèo dường như bị thuần hóa, lóe sáng theo từng cử động của mụ ta. Mấy ngón tay mụ ta xò ra như cánh hoa trong một bộ phim tua nhanh, tôi biết mụ ta đang vờn tôi, tôi biết mụ ta muốn tôi làm gì, và tôi giận mình đã không vững dạ mà lại làm điều mụ ta muốn: tôi bỏ chạy.

Tôi là cái thứ nhỏ bé mua vui cho mụ ta. Mụ ta đang đùa giỡn, giống như tôi từng thấy Yêu Quái, con mèo đực lớn tướng có bộ lông màu cam, vờn một con chuột - thả ra để nó chạy, rồi vồ lại và lấy chân đập nó xuống. Nhưng con chuột vẫn chạy, và không còn cách nào khác, tôi cũng chạy.

Tôi ba chân bốn cẳng chạy tới khoảng trống nơi hàng giậu, loạng choạng, đau đớn và ướt mèm.

Khi chạy, tôi nghe thấy giọng mẹ ta.

“Ta đã nói với mi là ta sẽ nhốt mi lại trên gác mái, đúng không nào? Vì vậy ta sẽ làm thế. Giờ thì bố mi thích ta rồi. Ông ta sẽ làm bất cứ điều gì ta bảo. Có lẽ là từ giờ trở đi, tối tối ông ta sẽ trèo lên thang và cho mi xuống. Ông ta sẽ bắt mi tự trèo từ trên gác mái. Xuống thang. Và đêm đêm, ông ta sẽ trần nước mi trong bồn tắm, nhấn chìm mi xuống nước lạnh, rất lạnh. Ta sẽ để ông ta làm vậy hằng đêm, cho đến khi nào ta chán chuyện đó rồi ta sẽ bảo ông ta đừng kéo mi lên nữa, cứ nhấn mi xuống dưới nước cho đến khi mi không còn cử động, cho đến khi trong phổi mi chỉ còn lại nước và bóng tối. Ta sẽ khiến ông ta bỏ mi lại trong bồn tắm lạnh lẽo và mi sẽ không bao giờ động dậy lại nữa. Và mỗi đêm, ta sẽ hôn ông ta rồi lại hôn...”

Tôi chui qua khoảng hở trong bờ giậu rồi chạy trên lớp cỏ mềm.

Tiếng chớp nổ lách tách và một mùi tanh, hăng hắc kỳ lạ đang tới gần đến mức làm tôi nổi da gà. Mọi thứ quanh tôi trở nên mỗi lúc một sáng hơn do được ánh sáng trắng xanh lập lòe soi rọi.

“Và cuối cùng, khi bố mi bỏ mi lại luôn trong bồn tắm, mi sẽ được hạnh phúc,” Ursula Monkton thì thào, và tôi tưởng rằng mình còn cảm nhận được cặp môi mẹ ta quét qua tai nữa. “Vì mi sẽ không thích ở trên gác mái đâu. Không chỉ vì trên đó tối hù, đầy mạng nhện và ma. Mà vì ta sẽ rủ rê bọn lâu la của ta đến. Mi không nhìn thấy chúng trong ánh sáng ban ngày, nhưng chúng sẽ ngụ trên gác mái với mi, và mi sẽ không thích chúng chút nào đâu. Chúng không ưa mấy thằng nhóc. Chúng sẽ hóa thành lũ nhện to bằng con chó. Áo quần cũ rỗng ruột túm lấy mi và không bao giờ buông ra. Phần bên trong đầu mi. Rồi thì không sách, không truyện, không bao giờ nữa.”

Thế rồi, tôi nhận ra không phải mình tưởng tượng ra chuyện đó. Môi mẹ ta quét qua tai tôi. Mẹ ta lơ lửng trên không cạnh tôi nên đầu mẹ ta nằm sát bên đầu tôi, và khi bắt gặp tôi đang nhìn, mẹ ta nhoẻn miệng cười vờ vĩnh, thế là tôi bủn rủn chân tay. Tôi gần như không cử động được. Tôi đau

xóc cả hông và không thể nào thở được, tôi tiêu rồi.

Hai chân tôi bủn rủn, tôi loạng choạng rồi ngã oạch ra, lần này thì tôi không đứng dậy nữa.

Tôi cảm thấy hai giò nóng ran nên nhìn xuống và thấy một dòng nước vàng vàng từ phía trước quần ngũ chảy xuống. Tôi bảy tuổi rồi, không còn là bé con nữa, vậy mà tôi đang sợ đến tè ướt cả quần như em bé, và tôi chẳng làm gì được cả, trong khi Ursula Monkton la đà giữa không trung bên trên tôi và đứng dưng nhìn.

Cuộc săn đuổi đã kết thúc.

Mụ ta đứng thẳng người lên ở trên không, cách mặt đất cả thước. Tôi lồm cồm bên dưới mụ ta, nằm ngửa người trên cỏ ướt. Mụ ta bắt đầu hạ xuống từ từ, không nao núng, như người trên màn hình tivi bị hỏng.

Có gì đó chạm vào bên tay trái tôi. Cái gì đó mềm mềm. Nó ngửi ngửi bàn tay tôi nên tôi nhìn sang, chỉ sợ đó là một con nhện to bằng con chó. Trong ánh chớp ngoằn ngoèo quanh Ursula Monkton, tôi thấy một mảng tối bên tay mình. Một mảng tối có đốm trắng trên một bên tai. Tôi bế mèo con lên, ôm nó vào ngực rồi vuốt ve nó.

Tôi nói, “Tôi sẽ không theo bà đâu. Bà không sai khiến tôi được đâu.” Tôi ngồi dậy vì cảm thấy ngồi thì đỡ yếu thế hơn, mèo con bèn cuộn tròn lại thoải mái trên tay tôi.

“Cún con ơi,” Ursula Monkton nói. Hai bàn chân mụ ta chạm đất, sáng rực trong chính ánh chớp của mình, như bức tranh vẽ người đàn bà tuyệt nhiên không phải người thật bằng những gam màu xám, lam và lục. “Mi chỉ là thằng nhóc. Ta là người lớn. Ta đã là người lớn từ khi thế giới của mi hãy còn là một quả cầu đất đá nóng chảy. Ta muốn làm gì mi mà chẳng được. Nào, đứng lên đi. Ta sẽ đưa mi về nhà.”

Mèo con, lúc này đang rúc mặt vào ngực tôi, kêu lên một tiếng the the, không phải tiếng meo meo. Tôi quay lại, rời mắt khỏi Ursula Monkton, nhìn

ra sau lưng.

Cô bé đang bước về phía chúng tôi, băng qua cánh đồng, mặc áo mưa đỏ bóng lộn có mũ trùm, mang đôi ủng cao su đen dường như quá to so với mình. Từ bóng tối, cô bé bước ra, không hề e sợ. Cô bé ngược nhìn lên Ursula Monkton.

“Cút khỏi vùng đất của ta,” Lettie Hempstock nói.

Ursula Monkton vừa lùi lại một bước vừa bay lên nên mù ta lơ lửng giữa không trung bên trên chúng tôi. Lettie Hempstock không liếc nhìn xuống chỗ tôi đang ngồi mà chìa tay ra, nắm lấy tay tôi, đan mấy ngón tay vào mấy ngón tay tôi.

“Ta đâu có chạm vào đất của mi,” Ursula Monkton nói. “Đi đi, con bé.”

“Bà đang ở trên đất của ta,” Lettie Hempstock nói.

Ursula Monkton nhướn miệng cười, vậy là ánh chớp ngoằn ngoèo vằn vữa quanh mù ta. Mù ta là hiện thân của quyền lực, mù ta đứng trên không trung nở tanh tách. Mù ta là bão, là chớp, là thế giới người lớn cùng mọi quyền năng, mọi bí mật và mọi sự tàn nhẫn vô tình ngu xuẩn của nó. Mù ta nháy mắt với tôi.

Tôi là thằng bé mới bảy tuổi đầu, hai bàn chân tôi trầy trụa và rớm máu. Tôi vừa mới tè ra quần. Còn cái thứ lơ lửng bên trên tôi thì không lồ và tham lam, nó muốn đem tôi về gác mái, và khi đã chán tôi rồi, nó sẽ khiến bố giết chết tôi.

Bàn tay Lettie Hempstock đặt trong tay tôi khiến tôi thêm can đảm. Nhưng Lettie chỉ là một đứa con gái, cho dù cô bé là đứa con gái lớn, dù là cô bé đã mười một tuổi, dù là cô bé đã mười một tuổi từ đời xưa đời xưa rồi. Ursula Monkton là người lớn. Trong giây phút ấy, dẫu mù ta có là tất cả mọi yêu quái, mọi phù thủy, mọi ác mộng hiện hình thì cũng chẳng quan trọng. Mù ta còn là người lớn, và khi người lớn đấu với trẻ con, người lớn luôn thắng.

Lettie nói, “Bà nên trở về nơi ban đầu của bà đi. Bà ở đây không tốt lành gì cho bà đâu. Vì lợi ích của bà, hãy quay về đi.”

Giữa không trung có một tiếng động, một tiếng ken két, vắn xoắn, ghé hờn, đầy nỗi đau và sự sai trái, một tiếng động làm tôi khó chịu và làm mèo con bám rịt hai chân trước vào ngực tôi, gồng người lại và xù cả lông lên. Cái thứ bé bỏng đó co quắp và cào lên vai tôi, rồi nó tru rít và phun phì phì. Tôi nhìn lên Ursula Monkton. Chỉ khi nhìn thấy mặt mẹ ta, tôi mới biết tiếng động đó là gì.

Ursula Monkton đang cười.

“Về đi hả? Khi người của mi xé toạc cái lỗ trong Cõi Bất Tận, ta đã chộp lấy thời cơ. Ta đã có thể thống trị các cõi rồi, nhưng ta đi theo mi và chờ đợi, mà ta thì có lòng kiên nhẫn. Ta biết rằng sớm muộn gì rồi những ranh giới cũng sẽ lỏng lẻo, rồi ta sẽ được bước trên Trái Đất thật, dưới Mặt Trời Thiên Đường.” Giờ thì mẹ ta không cười nữa. “Mọi thứ ở đây mới yếu ớt làm sao, bé con ạ. Mọi thứ đều rất dễ đổ vỡ. Chúng muốn những thứ rất ư là giản dị. Ta sẽ lấy hết mọi thứ ta muốn từ thế gian này, như đưa trẻ ních cho đầy quả mâm xôi trên bụi cây vào cái miệng nhỏ xíu béo phì của nó.”

Lần này, tôi không buông tay Lettie ra. Tôi vuốt ve con mèo đang bấu mấy móng vuốt nhọn hoắt vào vai tôi và bị nó cắn cho, nhưng phát cắn của nó không mạnh mà chỉ đầy hoảng sợ.

Giọng mẹ ta vọng lại từ bốn bề quanh chúng tôi, gió bão cứ giạt từng cơn. “Các người đã ngăn ta bèn mảnng đến nơi này một thời gian dài. Nhưng rồi mi đem cho ta một cánh cửa nên ta dùng nó để đưa mình ra khỏi ngục thất. Và giờ ta đã ra rồi thì mi làm gì được?”

Lettie không có vẻ giận dữ. Cô bé ngẫm nghĩ rồi nói, “Ta có thể làm cho bà một cánh cửa mới. Hoặc, hay hơn nữa, ta sẽ nói bà của ta cho bà qua Đại dương, thảng một mạch về nơi chốn ban đầu của bà, dù đó có là bất cứ đâu.”

Ursula Monkton nhỏ toẹt xuống cỏ và một quả cầu lửa bé xíu nổ lách tách xèo xèo trên mặt đất ở chỗ nước bọt rơi xuống.

“Trao thằng bé cho ta,” mẹ ta chỉ nói có thể. “Nó thuộc về ta. Ta đến đây bên trong nó. Ta sở hữu nó.”

“Không đâu, bà chẳng sở hữu cái gì cả,” Lettie Hempstock nói, vẻ giận dữ. “Nhất là cậu bé.” Lettie đỡ tôi đứng lên, rồi cô bé đứng sau lưng tôi và đưa hai tay ôm choàng lấy tôi. Chúng tôi là hai đứa trẻ ngoài đồng giữa đêm. Cô bé ôm tôi, còn tôi ôm mèo con, trong khi bên trên và khắp xung quanh chúng tôi vang vọng một giọng nói,

“Mi sẽ làm gì? Dẫn nó về nhà với mi ư? Thế giới này là một thế giới có luật lệ, bé con ạ. Suy cho cùng, nó thuộc về bố mẹ nó. Dẫn nó đi rồi thì bố mẹ nó sẽ đến đem nó về nhà, mà bố mẹ nó thì thuộc về ta.”

“Giờ ta chán bà lắm rồi,” Lettie Hempstock nói. “Ta đã cho bà một cơ hội. Bà đang ở trên đất của ta. Đi đi.”

Khi cô bé nói vậy, da tôi có cảm giác như khi tôi chà quả bóng bay lên áo len rồi chạm nó vào mặt và tóc. Mọi thứ rờn rợn và nhồn nhột. Tóc tôi ướt đẫm, nhưng ngay cả như thế, tôi vẫn có cảm giác như nó đang chuẩn bị dựng cả lên.

Lettie Hempstock ôm chặt lấy tôi. “Đừng lo,” cô bé thì thầm, và khi tôi vừa định nói gì đó, hỏi tại sao tôi không phải lo, và rằng tôi phải sợ cái gì, thì cánh đồng chúng tôi đang đứng sáng rực lên.

Nó vàng rực. Từng phiến cỏ, từng chiếc lá trên mọi ngọn cây đều rực rỡ lung linh. Ngay cả những bờ giậu cũng bừng sáng. Đó là thứ ánh sáng ấm áp. Trong mắt tôi, đất dưới lớp cỏ dường như cũng đã chuyển hóa từ chất cơ bản sang ánh sáng thuần khiết, và trong ánh sáng vàng rực từ đồng cỏ, những ánh chớp xanh trắng nãy giờ lách tách quanh Ursula Monkton dường như đã kém phần ấn tượng đi nhiều.

Ursula Monkton lao đảo bay thẳng lên, như thể không khí vừa nóng lên

và nâng mụ ta lên cao. Thế rồi, Lettie Hempstock làm rầm lấp đầy thế giới bằng những câu chữ cổ xưa, và vậy là đồng cỏ bùng lên thành ánh sáng vàng rực. Tôi thấy Ursula Monkton bị cuốn đi, dù tôi không cảm thấy gió nhưng hẳn là đã có ngọn gió thổi qua vì mụ ta đang quẫy cựa và chao nghiêng như chiếc lá khô trong cơn gió mạnh. Tôi nhìn mụ ta chói với vào màn đêm, và rồi Ursula Monkton cùng những ánh chớp của mụ ta biến mất tăm.

“Đi nào,” Lettie Hempstock nói. “Phải cho em ngồi hơ người trước lửa bếp mới được. Và ngâm mình trong bồn tắm nóng nữa. Em cảm nặng mất thôi.” Cô bé buông tay tôi, không ôm chặt tôi nữa và bước lùi lại. Ánh sáng vàng từ từ mờ đi rồi lịm tắt, chỉ còn lại những tia lung linh và đốm lấp lánh cũng đang tàn dần trong bụi rậm như những giây phút cuối cùng của màn pháo hoa trong đêm lửa trại.

“Mụ ta đã chết chưa?” tôi hỏi.

“Chưa.”

“Vậy thì mụ ta sẽ quay lại. Và chị sẽ gặp rắc rối.”

“Điều đó cũng có thể,” Lettie nói. “Em đói chưa?”

Cô bé hỏi thì tôi mới biết là mình đói. Không hiểu sao tôi lại quên khuấy đi mất, nhưng giờ tôi nhớ ra rồi. Tôi đói đến đau quặn cả bụng.

“Xem nào...” Lettie nói khi dẫn tôi qua các cánh đồng. “Em ướt từ đầu đến chân rồi. Bọn mình sẽ phải kiếm cho em cái gì mà mặc. Để chị tìm trong tủ kéo ở phòng ngủ xanh lá thử xem. Chị nghĩ anh họ Japeth có để lại ít áo quần ngày anh lên đường tham gia Trận chiến chuột. Anh ấy không lớn hơn em nhiều đâu.”

Mèo con đang liếm mấy ngón tay tôi bằng cái lưỡi nhỏ và nhám.

“Em tìm được một con mèo con,” tôi nói.

“Chị thấy rồi. Chắc là nó theo em từ ngoài đồng, từ chỗ em đã nhổ nó lên.”

“Đây là con mèo con *đó* sao? Chính là con em đã nhỏ lên sao?”

“Phải. Nó đã xưng tên với em chưa?”

“Chưa. Chúng làm vậy hả?”

“Thỉnh thoảng. Nếu ta lắng nghe.”

Tôi thấy ánh đèn trang trại Hempstock đang chào đón trước mặt chúng tôi nên tôi tươi tỉnh lên, dù tôi không hiểu nổi làm sao mà từ ngoài đồng chúng tôi về đến trang trại nhanh như vậy.

“Em may đấy,” Lettie nói. “Thêm năm mét nữa là tới đất nhà Colin Anders rồi.”

“Dù có thể nào thì chị cũng sẽ đến,” tôi nói với cô bé. “Chị cũng sẽ cứu em.”

Cô bé siết chặt cánh tay tôi nhưng không nói gì.

Tôi nói, “Chị Lettie. Em không muốn về nhà.” Điều đó không đúng. Tôi muốn về nhà hơn bất cứ việc gì khác, chỉ là không phải về nơi tôi đã trốn khỏi đêm đó. Tôi muốn về lại mái nhà tôi đã sống trước khi ông thợ mỏ đá mắt mèo tự sát trong chiếc Mini nhỏ màu trắng của chúng tôi, hay trước khi ông ta cán chết mèo con của tôi.

Cuộn lông sẫm màu nép vào ngực tôi, tôi ước nó là con mèo con của mình, nhưng tôi biết là không phải. Trời lại tiếp tục mưa phùn.

Chúng tôi lội bì bõm qua mấy vũng nước sâu, Lettie mang đôi ủng cao su, tôi đi chân trần. Không khí có mùi phân bón nồng nặc khi chúng tôi về tới sân trang trại, thế rồi chúng tôi đi qua cửa hông vào căn bếp rộng thênh thang.

IX.

Mẹ Lettie đang cầm que cời đôn những súc gỗ đang cháy lại trong chiếc lò sưởi lớn.

Bà Hempstock đang khuấy một cái nồi dáng khum tròn đàng đáy trên bếp lò bằng một chiếc muôi gỗ lớn. Bà đưa muôi lên miệng, thổi một cách điệu nghệ, húp, mím môi, thêm một nhúm gì đó rồi lại bỏ một vốc gì khác vào. Bà vặn nhỏ lửa lại. Rồi bà nhìn tôi, từ đầu tóc ướt mềm xuống đến hai bàn chân trần đang tím ngắt vì lạnh. Khi tôi đứng đó, một vũng nước bắt đầu loang ra trên mặt sàn lát đá quanh tôi, nước từ áo choàng ngủ nhỏ tí tách xuống vũng nước.

“Tắm nước nóng,” bà Hempstock nói. “Nếu không nó sẽ cảm nặng đấy.”

“Cháu cũng đã nói thế,” Lettie nói.

Mẹ của Lettie đã kéo sẵn một chậu tắm bằng thiếc từ dưới bàn bếp ra, đổ đầy nước bốc hơi nghi ngút vào từ cái ấm đen to tương treo trên lò lửa. Mấy nồi nước lạnh được thêm vào cho đến khi bác tuyên bố nước đã đạt đến nhiệt độ hoàn hảo.

“Được rồi đấy. cháu vào đi,” bà Hempstock nói. “Nhanh lên nào.”

Tôi kinh hoàng nhìn bà. Tôi sẽ phải cởi đồ trước mặt người lạ sao ?

“Chúng ta sẽ giặt đồ của con, phơi khô chúng cho con rồi vá cái áo choàng ngủ đó lại,” mẹ của Lettie vừa nói vừa lấy áo choàng ngủ trên người tôi đi, ẵm theo mèo con mà tôi vừa nhận ra là mình vẫn còn ôm rồi quay đi.

Tôi cởi thật nhanh bộ đồ ngủ bằng vải ni lông đỏ ra - đũng sưng ướt, còn hai ống quần giờ đã rách toạc và sẽ không bao giờ lành lặn lại được nữa. Tôi thò mấy ngón tay vào nước, trèo vào ngòi trong chậu tắm thiếc trước lò

sưởi to trong căn bếp làm ta vững dạ đó rồi ngã người ra trong làn nước nóng. Hai bàn chân tôi bắt đầu rần rật khi có cảm giác trở lại. Tôi biết *trần truông* là sai, nhưng dường như nhà Hempstock không để ý gì chuyện tôi trần truồng: Lettie đã bỏ đi, cầm theo bộ đồ ngủ và áo choàng ngủ của tôi; mẹ cô bé thì đang dọn bàn ăn, lấy ra dao, nĩa, thìa, những chiếc bình lớn nhỏ, dao lạng thịt và chiếc mâm gỗ.

Bà Hempstock đưa qua cho tôi một cốc đầy xúp múc trong cái nồi đen thui trên bếp lò ra. “Húp hết đi. Làm ấm người cháu từ bên trong cái đã.”

Xúp đậm đặc và làm ấm người. Trước giờ, tôi chưa từng nằm trong bồn tắm mà húp xúp. Đó là một trải nghiệm hoàn toàn mới mẻ. Húp hết cốc xúp, tôi trả nó lại cho bà cụ, rồi bà lại đưa cho tôi một bánh xà phòng trắng lớn với một chiếc khăn lau mặt và nói, “Giờ thì kì cọ đi. Chà cho sinh khí và hơi ấm trở lại trong xương tủy cháu nào.”

Bà ngồi xuống chiếc ghế bập bênh bên kia lò sưởi và khẽ đu đưa, mắt không nhìn tôi.

Tôi cảm thấy an toàn. Tôi thấy như thể những tinh hoa của tình cảm người bà đã kết tụ lại ở đúng nơi đó, vào đúng lúc đó. Tôi không sợ Ursula Monkton gì cả, bất kể mẹ ta là thứ gì đi nữa, lúc đó thì không. Ở đó thì không.

Bác Hempstock mở cửa lò và lấy ra một cái bánh nướng có vỏ láng bóng màu nâu và lấp lánh, rồi đặt nó lên bậu cửa sổ cho nguội.

Tôi lau khô người bằng tấm khăn họ đem đến cho tôi, sức nóng từ lò sưởi cũng sấy khô người tôi chẳng khác nào dùng khăn lau, rồi Lettie Hempstock quay lại đưa tôi một thứ màu trắng lụng thụng như váy ngủ của con gái nhưng được may bằng vải bông trắng, có tay dài, vạt cũng dài quét đất và cả một chiếc mũ trắng. Tôi ngập ngừng chưa chịu mặc vào cho tới khi nhận ra đó là gì: áo ngủ. Tôi đã thấy hình mấy chiếc áo ngủ kiểu này trong sách. Nhóc Willie Winkie mặc áo này chạy lông nhông khắp thị trấn trong

mọi cuốn sách đồng dao tôi từng có.

Tôi trông áo vào. Chiếc mũ quá rộng so với tôi, sụp xuống che hết cả mặt, nên Lettie lại cất nó đi.

Bữa ăn tối thật tuyệt vời. Có một súc thịt bò, ăn kèm khoai tây nướng vàng giòn bên ngoài và trắng mềm bên trong, cùng rau gì đó tôi không nhận ra trộn với bơ, dù giờ đây tôi nghĩ có lẽ đó là cây tầm ma, có cả cà rốt nướng đen sì mà ngọt lịm (trước đó, tôi từng nghĩ mình không thích cà rốt nấu chín nên gần như không ăn cà rốt, nhưng hôm đó tôi cảm thấy mình can đảm nên đã thử và thấy thích đến nỗi cảm thấy thất vọng về món cà rốt luộc trong suốt tuổi thơ của mình). Về món tráng miệng, chúng tôi có bánh nướng nhân táo, nho khô nở mềm và hạt nghiền, trên cùng là một lớp dày sữa trứng vàng ruộm, béo và đậm đà hơn bất cứ thứ gì tôi từng nếm ở trường hay ở nhà.

Mèo con ngủ trên miếng đệm nhỏ bên lò sưởi cho đến cuối bữa ăn, rồi cùng một con mèo nhà có màu xám khói to bằng bốn lần nó ăn phần thịt vụn.

Trong khi chúng tôi ăn, không ai nói gì về chuyện đã xảy ra với tôi hay tại sao tôi ở đó. Các quý bà quý cô Hempstock nói về trang trại - cánh cửa dẫn vào nhà kho vắt sữa cần sơn lại, một con bò tên Rhiannon trông như đang bị khập khiễng chân sau bên trái, lối đi trên đường dẫn xuống bể chứa nước cần được dọn quang.

“Nhà chỉ có ba người thôi ạ?” tôi hỏi. “Không có người đàn ông nào sao?”

“Đàn ông!” bà Hempstock hú lên. “Ta chẳng biết đàn ông để làm cái gì! Không có việc gì trong trang trại này đàn ông làm được mà ta không làm nhanh gấp đôi và giỏi gấp năm lần cả.”

Lettie nói, “Thỉnh thoảng, ở nhà chị cũng có đàn ông. Họ đến rồi đi. Ngay lúc này thì chỉ có mấy người đây thôi.”

Mẹ cô bé gật đầu. “Đàn ông nhà Hempstock hả, chủ yếu họ ra đi tìm

kiếm định mệnh và gây dựng cơ đồ của mình. Họ đã nghe tiếng gọi rồi thì không có gì giữ chân họ lại đây được cả. Họ có ánh nhìn xa xăm trong mắt và vậy là chúng ta mất họ, mãi mãi. Lần sau, có dịp là họ lại bỏ xuống thị trấn và thậm chí là thành phố, vậy là ngoài một tấm bưu thiếp thỉnh thoảng mới gửi về ra thì chẳng còn gì, dù chỉ là để cho thấy họ đã từng ở đây.”

Bà Hempstock nói, “Bố mẹ nó sắp đến đây! Họ đang chạy xe tới đây. Họ vừa đi qua cây du nhà Parson. Máy con lửng đã nhìn thấy họ.”

“Mụ ta có đi với họ không ạ?” tôi hỏi. “Ursula Monkton ấy ạ?”

“*Mụ ta* ư?” bà Hempstock nói, lấy làm buồn cười. “Cái thứ đó hả? Không có mụ ta đi theo đâu.”

Tôi ngẫm nghĩ một lát. “Bố mẹ sẽ bắt con về theo, rồi mụ ta sẽ nhốt con trên gác mái, và khi mụ ta đâm chán rồi thì sẽ để bố giết con. Mụ ta nói vậy.”

“Mụ ta có thể đã nói với con như vậy, con yêu ạ,” mẹ của Lettie nói, “nhưng mụ ta sẽ không làm vậy hay làm bất cứ chuyện gì như vậy được đâu, nếu không thì tên ta không phải là Ginnie Hempstock nữa.”

Tôi thích cái tên Ginnie, nhưng tôi không tin điều bác nói nên không thấy an tâm. Chẳng mấy chốc, cửa vào bếp sẽ mở, bố sẽ quát tôi hay chờ đến khi chúng tôi vào xe mới quát tôi, rồi bố mẹ sẽ chở tôi về nhà ở đầu đường làng, và thế là tôi sẽ tiêu tùng.

“Xem nào,” bác Ginnie Hempstock nói. Khi họ đến thì chúng ta có thể đi vắng rồi. Họ có thể tới hôm thứ Ba tuần trước khi không có ai ở nhà.”

“Không có chuyện đó đâu,” bà cụ nói. “Đùa với thời gian chỉ làm mọi chuyện rắc rối thôi... Ta có thể biến thằng bé thành cái gì khác, vậy là họ sẽ không bao giờ tìm thấy nó dù có tìm kỹ thế nào đi nữa.”

Tôi chớp chớp mắt. Chuyện đó mà cũng được sao? Tôi muốn được biến thành cái gì đó. Mèo con đã ăn xong phần thịt vụn (thật ra thì có vẻ nó ăn còn nhiều hơn con mèo nhà) và giờ nó nhảy vào lòng tôi, bắt đầu kì cọ

tắm tấp.

Bác Ginnie Hempstock đứng lên, đi ra khỏi phòng. Tôi thắc mắc không biết bác đi đâu.

“Ta không thể biến cậu bé thành cái gì cả,” Lettie vừa nói vừa dọn những chiếc đĩa và thìa nĩa còn lại trên bàn. “Bố mẹ cậu bé sẽ đâm cuồng cuồng. Và nếu họ bị con bọ chét không chế, mẹ ta sẽ cứ vậy mà tăng sự cuồng cuồng đó lên. Thế rồi nhaoáng một cái, ta sẽ phải nhờ cảnh sát mò dưới bể chứa nước tìm cậu bé. Hay tệ hơn. Dưới đại dương.”

Mèo con nằm xuống và cuộn tròn mình lại cho đến khi chỉ còn là một vòng tròn nhỏ đẹp lép lông đen mượt. Nó nhắm cặp mắt xanh sống động lại và vừa ngủ vừa rừ rừ.

“Thế nào?” bà Hempstock hỏi. “Vậy cháu gợi ý thế nào?”

Lettie ngẫm nghĩ, bặm miệng, kéo môi qua một bên. Cô bé nghiêng nghiêng đầu nên tôi nghĩ cô bé đang rà lại một lượt nhiều giải pháp khác nhau. Rồi mặt cô bé sáng lên. “Rọc và cắt có được không ạ?” cô bé hỏi.

Bà Hempstock khịt mũi. “Cháu là đứa con gái giỏi giang,” bà cụ nói. “Ta không nói là cháu không giỏi giang. Nhưng cắt... chà, cháu không làm được đâu. Chưa đâu, cháu sẽ phải cắt các mép ra cho chính xác rồi khâu lại mà không để lộ đường chỉ. Mà cháu sẽ cắt gì ra chứ? Con bọ chét sẽ không để cháu cắt *mụ ta* ra. Mụ ta không ở trong thớ vải. Mụ ta ở ngoài nó.”

Bác Ginnie Hempstock quay lại. Bác cầm theo áo choàng ngủ cũ của tôi. “Ta đã cho nó qua máy vắt nước,” bác nói. “Nhưng nó vẫn còn ẩm. Như vậy thì khâu mấy mép lại sẽ khó hơn. Ta sẽ không muốn may vá khi nó hãy còn ẩm đâu.”

Bác để áo choàng ngủ xuống bàn, trước mặt bà Hempstock. Rồi bác lôi trong túi trước tạp dề ra một cây kéo đen sì và cũ kỹ, một cây kim dài và một cuộn chỉ đỏ.

“*Thanh lương trà và chỉ đỏ, ngăn mụ phù thủy đang vùn vụt bay,*” tôi

đọc. Tôi đọc được câu này trong sách.

“Cái đó được đấy, rất được việc,” Lettie nói, “nếu có phù thủy xuất hiện. Nhưng ở đây lại không có.”

Bà Hempstock đang sẫm soi áo choàng ngủ của tôi. Nó đã ngả nâu và bạc thếp, có miếng vải kẻ ô nâu đỏ ngang đằng trước. Đó là quà ông bà nội tặng tôi sinh nhật vài năm trước, lúc đó nó quá cỡ người tôi, trông buồn cười lắm. “Có lẽ...” bà cụ nói như thể đang trò chuyện một mình, “tốt nhất là bố cháu vui lòng cho cháu ở lại đây đêm nay. Nhưng muốn vậy thì họ không được giận cháu, hay lo lắng...”

Lúc này, khi cây kéo đen trong tay bà đang cắt xoẹt-xoẹt-xoẹt thì tôi nghe một tiếng gõ ở cửa trước, và bác Ginnie Hempstock đứng lên ra mở cửa. Bác ấy bước ra hành lang rồi đóng cửa lại sau lưng.

“Đừng để bố mẹ dẫn em về,” tôi nói với Lettie.

“Khẽ nào,” cô bé nói. “Chị đang làm việc ở đây, còn bà thì đang cắt vải. Em chỉ đang buồn ngủ, và bình yên. Và vui vẻ.”

Tôi còn lâu mới vui vẻ và cũng không buồn ngủ chút nào. Lettie chồm người qua bàn, nắm tay tôi. “Đừng lo,” cô bé nói.

Đúng lúc đó thì cửa mở ra, rồi bố mẹ tôi vào trong bếp. Tôi muốn bỏ trốn, nhưng mèo con cựa mình trong lòng làm tôi thấy vững dạ, Lettie thì mỉm cười với tôi một nụ cười trấn an.

“Chúng tôi đang tìm cậu con trai,” bố tôi nói, “và chúng tôi có lý do để tin rằng...” và khi bố đang nói vậy thì mẹ đã sải bước tới chỗ tôi. “Thằng bé *kia* rồi! Con yêu, bố mẹ lo *muốn chết*”.

“Con gặp rắc rối to rồi đấy!” bố tôi nói.

Xoẹt! Xoẹt! Xoẹt! Cây kéo đen cắt vải kêu lên, mảnh vải méo xẹo bà Hempstock cắt ra rơi xuống bàn.

Bố mẹ tôi khựng người lại. Họ ngừng nói, ngừng cử động. Miệng bố tôi vẫn há ra, mẹ tôi đứng trên một chân, bất động giống như mẹ là ma nơ canh

ở tủ kính.

“Bà... bà đã làm gì bố mẹ con vậy?” Tôi không chắc mình có nên lo lắng hay không.

Bác Ginnie Hempstock nói, “Họ không sao đâu. chỉ cắt một chút rồi khâu một chút là mọi chuyện sẽ đâu vào đấy cả.” Bác chìa tay chỉ mảnh vải kẻ ô trên chiếc áo choàng ngủ bạc màu rơi trên bàn. “Đó là bố con và con trong hành lang, còn *kia* là bồn tắm. Bà đã cắt nó ra. Những thứ đó không còn thì không lý gì bố con lại giận con cả.”

Tôi không kể họ nghe chuyện ở bồn tắm. Tôi cũng không lấy làm lạ sao bác lại biết.

Lúc này, bà đang dùng chỉ đỏ khâu kim. Bà thở dài rất kịch. “Mắt người già,” bà nói. “Mắt người già mà.” Nhưng bà nhấm đầu sợi chỉ rồi xỏ qua lỗ kim mà không gặp phải khó khăn gì mấy.

“Lettie. Cháu cần biết bàn chải đánh răng của nó trông ra sao,” bà cụ nói. Bà bắt đầu khâu mấy mép áo choàng ngủ lại bằng những mũi chỉ li ti, cẩn thận.

“Bàn chải đánh răng của em trông ra sao?” Lettie hỏi. “Nhanh lên.”

“Nó màu xanh lá,” tôi nói. “Xanh tươi. Xanh như màu quả táo ấy. Nó không lớn lắm đâu. Chỉ là chiếc bàn chải đánh răng màu xanh lá, cỡ của em.” Tôi biết mình mô tả không được kỹ cho lắm. Tôi hình dung nó trong đầu, cố tìm thêm điểm gì đó tôi mô tả được để làm nó nổi bật lên so với mấy chiếc bàn chải khác. Không được. Tôi hình dung nó, thấy nó trong trí tưởng tượng cùng mấy chiếc bàn chải khác trong cái cốc có chấm đỏ và trắng bên trên chậu rửa mặt trong buồng tắm.

“Thấy rồi!” Lettie nói. “Làm giỏi lắm.”

“Gần xong rồi đây,” bà Hempstock nói.

Bác Ginnie Hempstock toét miệng cười khiến khuôn mặt tròn trịa, hồng hào sáng ửng lên. Bà Hempstock cầm kéo lên cắt một lần cuối và một đoạn

chỉ đổ rơi xuống mặt bàn.

Bàn chân mẹ tôi hạ xuống. Mẹ bước một bước rồi dừng lại.

Bố tôi nói, “Ừm.”

Bác Ginnie nói, "... và Lettie nhà chúng tôi rất vui vì con trai anh chị có thể đến đây ngủ lại. Tôi e là ở đây chúng tôi có hơi cổ lỗ một chút.”

Bà cụ nói, “Dạo này, chúng tôi có nhà vệ sinh trong nhà rồi. Tôi không biết người ta còn có thể hiện đại hơn cỡ nào nữa. Chứ với tôi thì có nhà xí ngoài vườn và bô để trong phòng là được rồi.”

“Nó ăn một bữa tử tế rồi đấy,” bác Ginnie nói với tôi. “Phải không con?”

“Có bánh nướng,” tôi nói với bố mẹ. “Để ăn tráng miệng.”

Trán bố cau lại. Bố trông có vẻ bối rối. Rồi bố thò tay vào túi áo khoác mặc đi xe, lôi ra cái gì dài dài có màu xanh lá và được quấn giấy vệ sinh ở phần đầu. “Con quên bàn chải đánh răng này,” bố nói. “Bố nghĩ con sẽ cần.”

“Nào, nếu nó muốn về nhà thì cứ để nó về,” mẹ tôi đang nói với bác Ginnie Hempstock. “Vài tháng trước, nó đến ngủ lại qua đêm ở nhà Kovacs, thế rồi đến chín giờ, nó gọi bảo chúng tôi đến đón nó về.”

Christopher Kovacs lớn hơn tôi hai tuổi và cao hơn tôi một cái đầu, nó sống với mẹ trong căn nhà gỗ lớn đối diện công vào đường làng chúng tôi, bên tháp nước xanh lá cũ. Mẹ nó đã ly dị. Tôi thích bà. Bà vui tính và chạy một con xe Volkswagen Beetle, chiếc đầu tiên tôi từng thấy, Christopher có nhiều cuốn sách tôi chưa được đọc, nó lại còn là thành viên trong câu lạc bộ Puffin* nữa. Tôi có thể đọc sách Puffin của nó nếu tôi đến nhà nó. Nó sẽ không bao giờ chịu cho tôi mượn về.

Trong phòng Christopher có chiếc giường tầng dù nó là con một. Đêm tôi ngủ lại đó, tôi được chia cho tầng dưới. Khi chúng tôi đã lên giường, mẹ Christopher Kovacs chúc chúng tôi ngủ ngon, tắt đèn phòng ngủ và khép cửa, thế rồi nó chúc đầu xuống và bắt đầu dùng khẩu súng nước giấu dưới

gối xịt vào tôi. Tôi không biết phải làm gì.

“Lần này sẽ không giống như khi con đến nhà Christopher Kovacs đâu,” tôi ngượng nghịu nói với mẹ. “Con *thích* ở chỗ này.”

“Con *đang* mặc cái gì thế kia?” Mẹ ngơ ngác nhìn chiếc áo ngủ giống kiểu của nhóc Willie Winkie tôi đang mặc.

Bác Ginnie nói, “Thằng bé gặp chút sự cố. Nó mặc tạm cái đó để chờ đồ ngủ của nó khô.”

“Ồ. Tôi hiểu rồi,” mẹ tôi nói. “Thôi được, ngủ ngon nhé, con yêu. Chơi vui với bạn mới của con nhé.” Mẹ ngó xuống Lettie. “Nhắc lại xem tên con là gì nhỉ, con yêu?”

“Lettie ạ,” Lettie Hempstock nói.

“Có phải là viết tắt của Letitia không?” mẹ tôi hỏi.

“Thời còn học đại học, cô có quen một người tên Letitia. Tất nhiên ai cũng gọi cô ấy là Lettuce* cả.”

Lettie chỉ nhoẻn miệng cười mà không nói gì.

Bố tôi bỏ bàn chải xuống bàn trước mặt tôi. Tôi tháo giấy vệ sinh quấn phần đầu ra. Không lẫn vào đâu được, đó đúng là cây bàn chải xanh lá của tôi. Bên dưới lớp áo khoác dài đi xe, bố mặc chiếc sơ mi trắng sạch và không thất cà vạt.

Tôi nói, “Con cảm ơn bố.”

“Vậy,” mẹ tôi nói, “sáng mai chúng tôi phải đến đón nó lúc mấy giờ?”

Bác Ginnie nhoẻn miệng cười toe toét hơn nữa. “Ồ, Lettie sẽ dẫn nó về cho anh chị. Sáng mai, ta nên để chúng nó được chơi thư thả. Nào, trước khi anh chị về, tôi có ít bánh nướng lúc chiều...”

Rồi bác bỏ ít bánh nướng vào túi giấy, mẹ tôi lịch sự cầm lấy, rồi bác Ginnie tiễn bố mẹ ra cửa. Tôi nín thở cho đến khi nghe tiếng chiếc Rover chạy về lại đầu đường làng.

“Bà đã làm gì với bố mẹ con vậy ạ?” tôi hỏi. Và rồi, “Đây có thật là bàn chải của con không?”

“Nếu cháu đã hỏi thì,” bà Hempstock nói, giọng mẫn nguyện, “đó là một việc cắt vá rất đáng nể đấy.” Bà giơ áo choàng ngủ của tôi lên: tôi không thấy được bà đã cắt đi một miếng ở đâu, hay khâu nó lại ở chỗ nào. Nó liền một mạch, không thấy được chỗ vá. Bà đưa tôi mẫu vải bà đã cắt ra trên bàn. “Buổi chiều của cháu đây,” bà cụ nói. “Cháu cứ giữ đi, nếu cháu muốn. Nhưng nếu là cháu, ta sẽ đốt nó đi.”

Mưa rơi tí tách lên cửa sổ và gió lay mấy khung cửa sổ kêu lạch cạch.

Tôi cầm miếng vải tura mép lên. Nó vẫn còn ẩm. Tôi đứng lên, làm mèo con thức giấc, nó phóng đi và biến vào bóng tối. Tôi bước lại chỗ lò sưởi.

“Nếu con đốt cái này,” tôi hỏi họ, “chuyện đó có thật là đã xảy ra không ạ? Bố con có nhận con xuống bồn tắm không? Con có quên mất chuyện đó từng xảy ra không?”

Bác Ginnie Hempstock không cười nữa. Giờ bác có vẻ lo lắng. “Con muốn sao?” bác hỏi.

“Con *muốn* nhớ,” tôi nói. “Vì chuyện đó đã xảy ra với con. Và con vẫn là con.” Tôi ném mảnh vải nhỏ vào lò sưởi.

Có tiếng lách tách, thế rồi mảnh vải bốc khói và cháy bùng lên.

Mình đã ở dưới nước. Mình túm lấy cà vạt của bố. Mình nghĩ bố sắp giết chết mình...

Tôi thét lên.

Tôi đang nằm trên mặt sàn lát đá phiến trong bếp nhà Hempstock mà lăn lộn và la hét. Tôi có cảm giác như đã giẫm chân trần lên than hồng. Con đau bỏng rát. Còn một cơn đau nữa, sâu trong lồng ngực, xa xăm hơn, không rát bỏng như vậy: chỉ là khó chịu, không phải rát bỏng.

Bác Ginnie đang ở bên cạnh tôi. “Có chuyện gì vậy con?”

“Bàn chân con. Nó đang bốc cháy. Nó đau quá chừng.”

Bác kiểm tra rồi nhấm nước bọt vào ngón tay, sờ vào cái lỗ trong lòng bàn chân tôi, chỗ tôi đã kéo con sâu ra hai hôm trước. Có tiếng xèo xèo rồi cơn đau trong chân tôi bắt đầu dịu đi.

“Trước giờ chưa từng thấy cái nào như thế này,” bác Ginnie Hempstock nói. “Làm sao mà con bị?”

“Trong đó có một con sâu,” tôi kể cho bác nghe. “Nó đã theo bọn con từ chỗ có bầu trời cam bằng cách đó. Trong chân con.” Rồi tôi nhìn Lettie đang khom xuống bên cạnh và giờ đang cầm tay tôi, và tôi nói, “Em đã đem nó về theo. Là tại em. Em xin lỗi.”

Bà Hempstock là người sau cùng đến bên tôi. Bà cúi xuống, kéo lòng bàn chân tôi đưa lên ánh sáng. “Xấu xa,” bà cụ nói. “Và rất khôn khéo. Mụ ta bỏ lại cái lỗ bên trong cháu để còn dùng lại. Nếu cần, mụ ta có thể nấp bên trong cháu, dùng cháu làm cánh cửa về nhà. Thảo nào mụ ta muốn giam cháu trên gác mái. Vậy thì. Ta hãy làm ngay hôm nay, chớ để ngày mai, như người lính trước khi đánh úp quân địch ấy.” Bà đưa ngón tay chọc vào cái lỗ trong bàn chân tôi. Nó vẫn còn đau, nhưng đã dịu đi một chút. Giờ thì bàn chân tôi có cảm giác rần rật ở bên trong.

Có gì đó phập phồng trong ngực tôi như một con bướm đêm nhỏ xíu, rồi nó nằm im.

Bà Hempstock hỏi, “Cháu can đảm lên được không?” Tôi không biết. Tôi không nghĩ là được. Tôi thấy hình như đêm đó, tất cả những gì tôi làm cho đến giờ phút này là chạy trốn mọi thứ. Giờ bà cụ đang cầm chắc cây kim đã dùng để khâu lại áo choàng ngủ cho tôi, và bà nắm chắc lấy nó, trông bà không giống như sắp khâu vá mà như thể bà đang định đâm tôi.

Tôi rụt chân lại. “Bà định làm gì thế ạ?”

Lettie siết chặt tay tôi. “Bà sẽ làm cho cái lỗ mất tiêu,” cô bé nói. “Chi sẽ nắm tay em. Nếu không muốn thì em không phải nhìn đâu.”

“Sẽ đau lắm,” tôi nói.

“Nói bậy,” bà nói. Bà kéo bàn chân tôi lại, để cái lỗ xoay về phía mình rồi đâm phập cây kim xuống... tôi nhận ra là không phải vào bàn chân tôi mà vào chính cái lỗ.

Tôi không thấy đau.

Rồi bà xoắn cây kim và rút nó về phía mình. Tôi kinh ngạc nhìn khi có gì đó anh ánh ở đầu mũi kim - mới đầu, nó trông như có màu đen, rồi mờ đi, rồi phản chiếu loang loáng như thủy ngân - được rút ra khỏi lòng bàn chân tôi.

Tôi cảm nhận được là nó đang ra khỏi chân mình - dường như cái cảm giác ấy đi lên một mạch trong người tôi, lên giò tôi, qua háng rồi qua bụng và ngực tôi. Tôi nhẹ cả người khi cảm thấy nó rời khỏi tôi: cảm giác rất bỗng dưng, mang theo cả nỗi kinh hoàng của tôi.

Tim tôi đập thình thịch thật kỳ lạ.

Tôi nhìn bà Hempstock quần thứ đó lại, nhưng không hiểu sao tôi vẫn không thể biết rõ cái mình đang thấy là gì. Đó là cái ống không có gì xung quanh cả, dài gần cả tấc, mảnh hơn giun đất, trông như lớp da lột của một con rắn trong mờ.

Thế rồi, bà cụ dừng tay. “Không muốn ra,” bà nói. “Nó đang cố thủ.”

Tim tôi lạnh ngắt như thể có một miếng đá lạnh chèn trong đó. Bà cụ hất cổ tay một cách thành thực, thế là cái thứ anh ánh đã lủng lẳng nơi cây kim (tôi nhận ra lúc này mình không nghĩ đến thủy ngân nữa mà nghĩ đến những vệt mỏng ánh bạc lữ ốc sên để lại trong vườn), không còn ở trong bàn chân tôi nữa.

Bà buông bàn chân tôi ra và tôi rút chân lại. Cái lỗ tròn nhỏ xíu đã mất tăm như thể chưa từng có ở đó.

Bà Hempstock cười tùm tùm sung sướng. “Mụ ta tưởng mụ ta khôn ngoan lắm hả,” bà nói, “để lại đường về nhà bên trong thẳng bé. Vậy là tài tình hả? Ta không nghĩ vậy là tài tình. Ta coi cả lũ bọn chúng không đáng

một xu.”

Bác Ginnie Hempstock lấy ra một lọ mút rỗng để bà cạy bỏ phần đuôi cái thứ lòng thòng đó vào, rồi bác nâng lọ lên hứng phần còn lại của thứ đó. Cuối cùng, bà thả cái vệt vô hình anh ánh nơi cây kim xuống rồi đập nắp lọ mút lại, cổ tay xương xẩu hất một cái đầy dứt khoát.

“Ha!” bà lại thốt lên. Rồi lại, “Ha!”

Lettie hỏi, “Cháu xem có được không?” Cô bé cầm lọ mút đưa lên ánh đèn. Bên trong lọ, cái thứ đó bắt đầu uể oải duỗi ra. Dường như nó đang trôi, như thể lọ chứa đầy nước. Nó biến hóa thành đủ màu khi bắt gặp ánh sáng, khi thì đen, khi thì bạc.

Tôi đã đọc thấy một thí nghiệm trong cuốn sách về những thứ bọn con trai có thể làm được, và đương nhiên tôi cũng đã từng làm: nếu ta lấy một quả trứng, dùng bìa cứng từ lửa nến bôi đen hết vỏ rồi bỏ vào lọ đựng trong suốt đầy nước muối, nó sẽ nổi lập lòe và sẽ trông như bạc: một thứ bạc khác thường, giả tạo, chỉ là được tạo ra từ ảo giác ánh sáng. Lúc ấy, tôi nghĩ đến quả trứng đó.

Lettie có vẻ mê mẩn. “Bà nói đúng. Mụ ta đã bỏ lại đường về nhà bên trong thằng bé. Thảo nào mụ ta không muốn thằng bé bỏ đi.”

Tôi nói, “Em xin lỗi vì đã buông tay chị ra, chị Lettie.”

“Ồ, thôi đi,” cô bé nói. “Mấy lời xin lỗi bao giờ cũng đến quá muộn, nhưng chị đánh giá cao thái độ đó. Và lần tới, em phải nắm chắc tay chị bắt kẻ mụ ta ném gì vào mình.”

Tôi gật đầu. Lúc ấy, miếng đá trong ngực tôi có vẻ ấm lên rồi tan chảy, tôi bắt đầu cảm thấy bình an vô sự trở lại.

“Vậy,” bác Ginnie nói. “Ta đã có được đường về của mụ ta. Ta cũng đã giữ được thằng bé an toàn. Đêm nay làm được chừng ấy mà không gọi là xuất sắc thì ta cũng chẳng biết thế nào mới là xuất sắc nữa.”

“Nhưng mụ ta đã có được bố mẹ thằng bé,” bà Hempstock nói. “Và em

gái nó nữa. Mà ta cũng không thể để mụ ta chạy rông được. Còn nhớ chuyện xảy ra thời Cromwell* không? Và trước đó nữa? Khi Rufus Mặt Đỏ* chạy rông ấy? Bọ chét thu hút sâu mọt.” Bà nói như thể đó là quy luật tự nhiên.

“Chuyện đó để mai hẵng hay,” bác Ginnie nói. “Nào, Lettie. Dẫn thằng bé đi tìm một phòng cho nó ngủ tạm đi. Nó đã trải qua một ngày dài rồi.”

Mèo con lông đen cuộn tròn trên ghế bập bênh bên lò sưởi. “Con đem mèo con theo được không ạ?”

“Em không đem,” Lettie nói, “thì nó cũng sẽ đi tìm em cho xem.”

Bác Ginnie đưa ra hai giá nến, kiểu có tay cầm tròn to, mỗi cái có một đụn sáp trắng không hình thù. Bác châm que đóm nơi lửa bếp rồi lần lượt truyền lửa từ que đóm đến hai bác nến. Bác đưa một cây nến cho tôi, cái còn lại cho Lettie.

“Nhà mình không có điện hả chị?” tôi hỏi. Trong bếp có đèn điện, mấy bóng đèn kiểu cũ treo trên trần nhà, dây tóc sáng rực.

“Đằng nhà bên đó thì không có đâu,” Lettie nói. “Căn bếp thì mới. Gàn như vậy. Nhớ vừa đi vừa lấy tay che trước nến kẻo nó tắt mất đấy.”

Cô bé nói vậy và khum tay che ngọn lửa nên tôi bắt chước làm theo rồi đi sau cô bé. Mèo con lông đen đi theo chúng tôi ra khỏi bếp, qua một cánh cửa gỗ sơn trắng, xuống một bậc thang, vào nhà trang trại.

Ở đó tối om, ánh nến hắt xuống những cái bóng to nên khi chúng tôi bước, tôi thấy mọi thứ như đang động đậy, bị những cái bóng xô đẩy và tạo thành hình thù, chẳng hạn như cái đồng hồ tử, thú và chim nhồi bông (tôi thắc mắc không biết có đúng chúng là đồ nhồi bông không? Con cú đó động đậy hay chỉ vì ánh lửa nên mà tôi nghĩ nó đã ngoái đầu lại khi chúng tôi đi qua?) cái bàn trong hành lang và mấy cái ghế.

Tất cả đều động đậy và tất cả vẫn im lìm. Chúng tôi lên một lượt cầu thang, bước thêm vài bậc nữa rồi đi ngang một cửa sổ đang để mở.

Anh trăng tràn vào cầu thang, soi sáng hơn cả ánh lửa nến của chúng

tôi. Tôi liếc nhìn lên cửa sổ và thấy trăng tròn. Bầu trời không mây, lấm tấm sao nhiều không đếm xuể.

“Mặt trăng kia,” tôi nói.

“Bà thích trăng như vậy,” Lettie Hempstock nói.

“Nhưng hôm qua nó là trăng khuyết. Còn giờ thì tròn. Và hôm qua trời mưa. Hôm nay *cũng* mưa. Nhưng giờ thì không.”

“Bà thích trăng tròn soi sáng phía bên này căn nhà. Bà nói nó bình yên, nó làm bà nhớ thời con gái,” Lettie nói. “Mà ta cũng không bị vấp cầu thang.”

Mèo con nhảy từng bậc theo chúng tôi lên cầu thang. Thấy thế tôi nhoẻn miệng cười.

Ở trên cùng là phòng của Lettie, bên cạnh có một phòng khác, và chúng tôi bước vào. Một đám lửa đang cháy hừng hực trong lò sưởi, soi sáng căn phòng bằng hai màu vàng và cam. Căn phòng ấm áp mời gọi. Chiếc giường có cọc ở bốn góc, lại có cả màn riêng. Tôi đã thấy giường kiểu như vậy trong phim hoạt hình, nhưng ngoài đời thực thì chưa bao giờ.

“Áo quần đã được soạn sẵn để sáng ra em mặc rồi,” Lettie nói. “Chị sẽ ngủ ở phòng bên nếu em muốn - cứ kêu lên hay gõ cửa nếu cần gì, rồi chị sẽ vào. Bà nói để em dùng nhà vệ sinh trong nhà, nhưng phải đi qua cả căn nhà thì xa lắm, em có thể bị lạc, nên nếu em cần đi vệ sinh thì có cái xô dưới gầm giường đấy, nó vẫn ở đó từ hồi nào đến giờ.”

Tôi thổi tắt nến, giờ chỉ còn ánh lửa lò sưởi thấp sáng cả căn phòng, rồi vén màn chui lên giường.

Căn phòng ấm cúng, nhưng chăn ga lại lạnh ngắt. Cái giường rung lắc khi có gì đó nhảy lên, rồi mấy bàn chân nhỏ xíu bước êm ái lên mấy tấm chăn, một cục lông bông xù, ấm áp áp vào mặt tôi và mèo con bắt đầu rừ rừ khe khẽ.

Trong nhà tôi vẫn còn một con yêu quái, và trong một khoảnh khắc có

lẽ đã được cắt ra khỏi thực tại, bố đã dìm tôi xuống bồn tắm và có lẽ đã cố trấn nước cho tôi chết. Tôi đã chạy hàng dặm qua bóng đêm. Tôi đã thấy bố hôn và sờ soạn cái thứ tự xưng là Ursula Monkton. Nỗi sợ hãi vẫn chưa rời bỏ tâm hồn tôi.

Nhưng trên gối tôi có một con mèo con, nó đang rừ rừ vào mặt tôi và khẽ rung rung theo mỗi tiếng rừ rừ và thế là chẳng mấy chốc, tôi đã ngủ thiếp đi.

X.

Đêm ấy, tôi có những giấc mơ kỳ lạ trong căn nhà đó. Tôi choàng tỉnh trong bóng tối và chỉ biết là một giấc mơ đã làm tôi sợ khủng khiếp, đến mức tôi phải thức dậy không thì chết mất, thế mà có cố đến mấy tôi cũng không nhớ được mình đã mơ thấy gì. Giấc mơ ám ảnh tôi: nó đứng sau lưng tôi, hiện diện mà vô hình, tồn tại dù đã bị lãng quên, ở đó mà lại không ở đó.

Tôi thấy nhớ bố mẹ, nhớ chiếc giường của mình ở ngôi nhà nằm cách đây chỉ độ một dặm. Tôi thấy nhớ ngày hôm qua, trước khi Ursula Monkton xuất hiện, trước khi có cơn giận của bố, trước câu chuyện ở bồn tắm. Tôi muốn có lại ngày hôm qua đó biết chừng nào.

Tôi cố nhớ lại giấc mơ đã làm mình lo sợ đến như vậy, nhưng nó vẫn không hiện ra. Tôi biết trong đó có sự phản bội, sự mất mát và thời gian. Giấc mơ làm tôi sợ không dám ngủ tiếp: lò sưởi lúc này đã gần tàn, chỉ còn lại ánh than hồng đỏ đậm trong lòng lò sưởi để ghi dấu là nó đã từng cháy, từng đem lại nguồn sáng.

Tôi tụt xuống chiếc giường bốn cọc rồi mò mẫm dưới gầm cho đến khi tìm thấy cái xô nặng trĩu bằng sứ. Tôi kéo áo ngủ lên rồi tè vào. Đoạn, tôi đến bên cửa sổ nhìn ra ngoài. Vàng trắng vẫn tròn đầy trên bầu trời nhưng giờ đã sà thấp xuống và có màu cam sẫm: mẹ tôi gọi đó là trăng mùa gặt. Nhưng tôi biết người ta thu hoạch vào mùa thu, không phải mùa xuân.

Trong ánh trăng màu cam, tôi trông thấy một bà già đang đi tới đi lui - tôi gần như đinh ninh đó là bà Hempstock dù khó mà thấy được rõ mặt bà. Bà cụ vừa đi vừa chống một cái que to, dài như cây gậy. Bà làm tôi nhớ đến mấy người lính duyệt binh tới lui bên ngoài điện Buckingham mà tôi đã thấy lần đến Luân Đôn.

Tôi nhìn bà cụ và thấy được đồ đạc.

Trong bóng tối, tôi trèo lại lên giường, kê đầu trên chiếc gối trống trơn rồi nghĩ, “Giờ mình sẽ không ngủ tiếp được đâu,” và mở mắt ra thì thấy trời đã sáng.

Trên chiếc ghế tựa bên cạnh giường có để những thứ áo quần tôi chưa từng thấy bao giờ. Có hai chiếc bình sứ đựng nước - một bình nóng nghi ngút khói, một bình lạnh để bên một cái tô mà tôi nhận ra là chậu rửa mặt được gắn hẳn vào chiếc bàn gỗ nhỏ. Mèo con lông xù đen mượt nằm ở cuối giường. Khi tôi ngồi dậy thì nó mở mắt ra: mắt nó có màu lục lam sống động, kỳ quặc và không được tự nhiên, như màu biển mùa hè ấy, rồi nó kêu lên một tiếng meo meo the thé ra điều dò hỏi. Tôi vuốt ve nó rồi tụt xuống giường.

Tôi pha nước nóng với nước lạnh vào chậu rồi rửa mặt và hai tay. Tôi đánh răng bằng nước lạnh. Tôi không thấy kem đánh răng đâu cả, nhưng có một hộp thiếc tròn nhỏ, trên có hàng chữ *Bột đánh răng vô cùng công hiệu của Max Melton* bằng kiểu chữ cổ. Tôi quệt chút bột trắng lên chiếc bàn chải xanh lá rồi đánh răng. Trong miệng tôi có vị bạc hà và chanh.

Tôi sắm soi bộ đồ. Nó không giống bất cứ thứ gì tôi từng mặc. Không có quần lót. Có một chiếc áo lót trắng, không có nút áo mà đuôi áo lại dài. Một chiếc quần màu nâu dài tới ngang đầu gối, quần tất trắng và một áo gi lê màu hạt dẻ, sau lưng có khoét chữ V như đuôi chim én. Đôi tất màu nâu nhạt thì giống tất dài hơn. Tôi cố hết sức mặc bộ đồ vào, ước gì có dây kéo hay khoen cài thay vì cả đóng móc rồi nút và khuyết áo thắt chặt, mãi không chịu được.

Đôi giày có cái khóa bạc ở trên nhưng lại rộng quá tôi không mang vừa, thế nên tôi mang tất dài bước ra khỏi phòng, mèo con lẻo đẻo theo sau.

Đêm trước, tôi đã đi cầu thang để lên phòng, rồi khi lên đầu cầu thang thì tôi rẽ trái. Giờ tôi rẽ phải, đi ngang phòng của Lettie (cửa mở hé, trong

phòng không có ai) rồi tiến về phía cầu thang. Nhưng cầu thang không nằm ở chỗ tôi nhớ. Tận cùng hành lang là một bức tường trơn trượt cùng một ô cửa sổ nhìn ra khoảng rừng và mấy cánh đồng.

Con mèo đen mắt màu lục lam kêu meo meo to lên như thể để tôi chú ý, rồi quay lại khệnh khạng đi dọc hành lang, đuôi nhỏng cao. Nó dẫn tôi đi xuôi hành lang, vòng qua góc nhà và qua một khúc hành lang tôi chưa từng thấy rồi đến cầu thang. Con mèo nhảy phóc một cái thật đáng yêu xuống cầu thang, còn tôi theo sau.

Bác Ginnie Hempstock đang đứng dưới chân cầu thang. “Con ngủ nhiều và ngon giấc đấy,” bác nói, “chúng ta vắt sữa bò xong rồi. Phần ăn sáng của con để trên bàn ấy, còn có cả một đĩa kem nhỏ bên lò sưởi cho bạn con nữa.”

“Chị Lettie đâu rồi, bác Hempstock?”

“Đi lo mấy việc lặt vặt rồi, đi lấy mấy thứ con bé có thể sẽ cần đến. Cái thứ ở nhà con phải biến đi thôi, nếu không sẽ có rắc rối to, rồi tiếp đến sẽ có những chuyện còn tệ hại hơn. Con bé đã nhốt nó một lần rồi, vậy mà nó lên ra khỏi ranh giới nên con bé cần đuổi nó về lại chỗ của nó.”

“Con chỉ muốn Ursula Monkton đi đi,” tôi nói. “Con ghét mụ ta.”

Bác Ginnie Hempstock thò ngón tay quệt chiếc áo gi lê tôi mặc. “Thời nay, quanh đây không có ai mặc thứ này đâu,” bác nói. “Nhưng mẹ ta ếm cho nó tí bùa rồi nên sẽ chẳng ai nhận ra. Con cứ tha hồ mặc nó đi loanh quanh, chẳng ma nào nghĩ nó có gì kỳ quặc đâu. Không có giày hay sao?”

“Giày không vừa ạ.”

“Vậy thì ta sẽ để sẵn bên cửa sau thứ gì đó con mang vừa.”

“Con cảm ơn bác.”

Bác nói, “Ta không ghét gì mụ ta. Mụ ta làm cái mụ ta phải làm thôi, theo bản tính của mụ ta ấy mà. Mụ ta ngủ, rồi mụ ta thức dậy và đang cố cho thiên hạ cái họ muốn.”

“Mụ ta không cho con cái gì con muốn cả. Mụ ta nói mụ ta muốn nhất con trên gác mái.”

“Cũng có thể. Con là con đường dẫn mụ ta đến đây, mà làm cánh cửa là một chuyện nguy hiểm.” Bác gõ gõ ngón trỏ lên ngực tôi, ở chỗ phía trên tim. “Mụ ta nên ở yên chỗ của mình. Chúng ta đáng ra đã cho mụ ta về nhà an toàn rồi - chúng ta từng làm vậy cho loài của mụ ta cả chục lần rồi. Nhưng cái mụ ấy lại ngoan cố. Không thể dạy dỗ chúng được. Thôi được rồi. Phần ăn sáng của con để trên bàn đấy. Có ai cần gì đến ta thì ta ở trên cánh đồng chín mẫu ấy nhé.”

Trên bàn bếp có một bát cháo, bên cạnh là một đĩa nhỏ có miếng sáp ong vàng ruộm và một bình nhỏ đựng kem vàng béo ngậy.

Tôi múc miếng sáp ong trộn vào cháo đặc rồi rót kem vào.

Còn có cả bánh mì nướng bằng lò như bố tôi vẫn nướng, phết mứt quả mâm xôi nhà làm. Ở đó có cả tách trà ngon nhất tôi từng được uống nữa. Bên lò sưởi, mèo con liếm sữa béo trong đĩa nhỏ rồi kêu rừ rừ to đến mức tôi ngồi bên kia phòng mà còn nghe thấy.

Tôi nghĩ phải chi mình cũng biết kêu rừ rừ. Được vậy thì tôi đã kêu rừ rừ rồi.

Lettie bước vào, tay xách cái giỏ đi chợ kiểu xưa: mấy bà lớn tuổi thường xách giỏ này đi mua hàng, kiểu giỏ dệt to gần bằng cái thúng, bên ngoài đan sợi cọ và lót vải, có quai dây thừng. Giỏ đã gần đầy. Má cô bé bị xước và chảy máu, dù máu đã khô. Trông cô bé thật đáng thương.

“Chào chị,” tôi nói.

“Ôi,” cô bé nói. “Nếu em tưởng chuyện này vui thì để chị nói cho mà nghe, chẳng vui tí nào cả. Đám khoai ma luôn kêu âm ỉ khi bị nhổ lên, mà chị lại không có gì để bịt tai nên khi nhổ lên được, chị đôi khoai ma lấy một chai bóng đen, thứ đồ cổ xưa đựng nhiều bóng đen tan trong giấm ấy...” Cô bé phết bơ lên miếng bánh mì nướng, nghiền một miếng sáp ong vàng óng

lên đó rồi bắt đầu nhám nháp. “Mà việc ấy mới chỉ là để đưa chị tới chợ thôi đấy, vậy mà họ còn chưa định mở hàng nữa. Nhưng chị cũng đã mua gần đủ những thứ mình cần ở đó rồi.”

“Em xem được không?”

“Em muốn thì cứ xem đi.”

Tôi nhìn vào giỏ. Giỏ đựng đầy đồ chơi hỏng: nào là mắt rời đầu và tay búp bê, xe sút mất bánh, mấy viên bi ve sút mẻ. Lettie với tay lên bầu cửa sổ lấy lọ mút xuống. Bên trong, cái ống lỗ giun trong mờ ánh bạc nhúc nhích, quần quai, uốn éo, vặn vẹo. Lettie thả lọ mút vào trong giỏ đi chợ chung với đám đồ chơi hỏng. Mèo con đã ngủ nên hoàn toàn không biết gì đến bọn tôi.

Lettie nói, “Lần này em không phải đi theo đâu. Em cứ ở lại đây để chị đi nói chuyện với mẹ ta là được rồi.”

Tôi ngẫm nghĩ. “Ồ bên chị, em thấy an toàn hơn,” tôi nói với cô bé.

Trông cô bé không vui khi nghe vậy. Cô bé nói, “Ta xuống chỗ đại dương nào.” Mèo con mở hai mắt màu lục lam trong vắt ra hờ hững nhìn chúng tôi bỏ đi.

Có một đôi ủng da màu đen như loại ủng mang để cưỡi ngựa chờ tôi bên cửa sau. Trông nó đã cũ nhưng được giữ gìn cẩn thận, lại vừa chân tôi. Tôi xỏ vào mặc dù tôi thấy mang xăng đan thì thoải mái hơn. Lettie và tôi cùng đi bộ xuống chỗ đại dương của cô bé, tức là cái ao.

Chúng tôi ngồi trên băng ghế cũ, nhìn mặt nước ao màu nâu lặng như tờ, có lác đác mấy bông súng và đám bèo tấm bên mép ao.

“Nhà chị không phải người thường,” tôi nói.

“Nhà chị cũng là người thường.”

Tôi lắc đầu. “Em dám chắc thực ra chị không trông như thế này đâu,” tôi nói. “Không hẳn.”

Lettie nhún vai. “Chẳng ai trông như con người thực sự bên trong mình cả. Em cũng vậy. Chị cũng vậy. Người ta phức tạp hơn vậy nhiều. Ai cũng

thế cả.”

Tôi hỏi, “Có phải chị là yêu quái không? Như Ursula Monkton ấy?”

Lettie ném một viên sỏi xuống ao. “Chị không nghĩ vậy,” cô bé nói. “Yêu quái có muôn hình vạn trạng. Một số chúng là thứ người ta sợ. Số khác lại trông giống như những thứ ngày xưa ngày xưa người ta từng kinh sợ. Đôi khi, yêu quái là thứ người ta nên sợ, vậy mà họ lại không sợ.”

Tôi nói, “Mọi người nên sợ Ursula Monkton.”

“Có lẽ vậy. Theo em thì Ursula Monkton sợ cái gì?” “Em không biết nữa. Sao chị nghĩ mọi người sợ thứ gì được? Mọi người là người lớn, đúng không? Người lớn và yêu quái thì không sợ này sợ kia.”

“Ồ, yêu quái cũng biết sợ chứ,” Lettie nói. “Thế nên chúng mới là yêu quái. Còn người lớn thì...” Cô bé ngừng lời, đưa ngón tay dụi cái mũi lấm lấm tàn nhang. Thế rồi cô bé nói, “Đề chị nói em nghe một chuyện quan trọng. Trong tâm hồn, người lớn cũng không như người lớn đâu. Nhìn bề ngoài, họ to cao, khắt khe và luôn biết mình đang làm gì. Bên trong, họ giống y như họ vốn dĩ vẫn vậy. Như khi họ còn ở tuổi em. Thật ra thì không có người lớn nào hết. Không một ai, trên khắp thế giới rộng lớn này.” Cô bé ngẫm nghĩ một lát. Rồi mỉm cười. “Tất nhiên là không kể bà chị.”

Chúng tôi ngồi đó, lặng im bên nhau trên băng ghế gỗ cũ. Tôi nghĩ về người lớn. Tôi tự hỏi có phải thật vậy không: có thật họ đều là trẻ con ẩn trong xác thân người lớn, hết như truyện thiếu nhi ẩn trong lòng những cuốn sách dài lê thê, tẻ ngắt. Loại sách không có tranh ảnh hay những mẫu đối thoại ấy.

“Chị thích đại dương của chị,” Lettie nói, và tôi biết đã đến lúc chúng tôi phải đứng lên.

“Dù sao thì đó cũng chỉ là giả vờ thôi mà,” tôi nói với cô bé mà cảm thấy như mình đang đánh đuổi tuổi thơ đi khi thừa nhận như vậy. “Cái ao của chị. Nó không phải đại dương. Không thể nào. Đại dương còn rộng lớn

hơn cả biển. Cái ao của chị chỉ là ao thôi.”

“Nó chỉ cần lớn chừng ấy thôi,” Lettie Hempstock nói, giọng tức giận. Cô bé thở dài. “Ta nên bắt tay vào cho Ursula gì đó về lại chỗ ban đầu của mẹ ta thôi.” Rồi cô bé nói, “Chị thì biết mẹ ta sợ cái gì. Mà em biết sao không? Chị cũng sợ chúng.”

Khi chúng tôi quay lại căn bếp thì không thấy mèo con đâu, dù con mèo màu xám khói đang ngồi trên bậu cửa sổ nhìn ra bên ngoài. Bữa ăn sáng đã được dọn đi, còn bộ đồ ngủ đỏ và áo choàng ngủ của tôi thì xếp gọn gàng sẵn trên bàn, để trong túi giấy nâu lớn cùng với cây bàn chải xanh lá.

“Chị sẽ không để mẹ ta bắt được em, đúng không?” tôi hỏi Lettie.

Cô bé gật đầu, rồi chúng tôi cùng cất bước lên đầu con đường làng quanh co đầy đá dăm dẩn về nhà tôi và cái thứ tự xưng là Ursula Monkton. Tôi cầm cái túi giấy nâu có đồ ngủ để bên trong, còn Lettie xách chiếc giỏ đi chợ đan sợi cọt quá khổ người, trong túi chứa đầy mấy thứ đồ chơi hỏng mà cô bé có được bằng cách đổi một củ khoai ma gào thét và những bóng đen tan trong giấm.

Như tôi đã nói, trẻ con dùng ngõ sau và đường khuất, trong khi người lớn lại dùng đường chính và lối đi đường hoàng. Chúng tôi rời đường cái, theo Lettie đi đường tắt dẫn qua vài cánh đồng vào những khu vườn bát ngát bỏ hoang thuộc ngôi nhà đổ nát của một ông giàu có, rồi về lại đường làng. Chúng tôi bước ra ngay phía trước chỗ hàng rào kim loại tôi đã trèo qua.

Lettie ngửi ngửi không khí. “Vẫn chưa thấy lũ sâu mọt,” cô bé nói. “Vậy thì tốt rồi.”

“Lũ sâu mọt là gì vậy?”

Cô bé chỉ nói, “Khi nào thấy chúng thì em khắc biết. Mà chị mong là em sẽ không bao giờ trông thấy chúng.”

“Mình sẽ lên vào nhà đúng không?”

“Sao ta phải làm vậy? Ta sẽ đi trên lối vào rồi bước qua cửa trước, như

ông chủ ấy.”

Chúng tôi cất bước lên lối vào. Tôi hỏi, “Chị định đọc bùa chú rồi đuổi mụ ta đi hả?”

“Nhà chị không dùng bùa chú,” cô bé nói. Cô bé có vẻ hơi thất vọng khi thú nhận như vậy. “Thỉnh thoảng nhà chị cũng luyện thuốc. Nhưng không dùng bùa chú hay tà thuật. Bà không chịu được mấy thứ ấy. Bà nói mấy thứ ấy *tầm thường*.”

“Vậy đồ trong giỏ đi chợ là để làm gì?”

“Là để ngăn không cho các thứ đi lại lung tung khi ta không muốn. Để vạch ranh giới.”

Trong nắng mai, ngôi nhà của tôi trông thật hiếu khách và thân thiện. Gạch đỏ ấm áp, mái ngói đỏ. Lettie thò tay vào giỏ đi chợ. Cô bé lấy ra một viên bi, ấn nó xuống nền đất vẫn còn ẩm. Đoạn, thay vì đi vào nhà, cô bé rẽ trái, bước dọc vỉa đất nhà tôi. Đến bên vạt rau của ông Wollery thì chúng tôi dừng lại và cô bé lấy trong giỏ ra một thứ khác: thân một con búp bê màu hồng, mắt đầu, không chân, hai bàn tay bị nhai móp méo. Cô bé vùi nó xuống bên mấy cây đậu.

Chúng tôi hái vài quả đậu Hà Lan, tách ra rồi ăn hạt bên trong. Đậu làm tôi thấy khó hiểu. Tôi chẳng hiểu nổi tại sao người lớn lại lấy những thứ có mùi vị ngon tuyệt khi ăn sống cho vào hộp thiếc để rồi làm món ấy khó ăn như vậy.

Lettie để xuống dưới đụn than lớn trong nhà kho một con hươu cao cổ đồ chơi, loại nhỏ xíu bằng nhựa ta thường thấy trong sở thú dành cho trẻ con hay trong tàu Noah đồ chơi. Nhà kho để than có mùi hơi ẩm, mùi bóng tối và mùi rừng xưa hoang tàn.

“Mấy thứ này có đuổi mụ ta đi được không?”

“Không.”

“Vậy thì chúng để làm gì?”

“Để ngăn mụ ta bỏ đi mất.”

“Nhưng mình *muốn* cho mụ ta đi mà.”

“Không. Ta *muốn* mụ ta về *nhà*”

Tôi ngậy người nhìn cô bé: nhìn mái tóc nâu cắt ngắn, cái mũi hếch, đám tàn nhang. Cô bé trông lớn hơn tôi ba bốn tuổi. Nhưng ắt hẳn cô bé cũng đã hơn tôi ba bốn ngàn tuổi, hay gấp cả ngàn lần chỗ đó ấy chứ. Tôi tin tưởng cô bé đến độ có thể theo cô bé đến tận công địa ngục rồi quay về cũng được. Nhưng dù sao đi nữa...

“Em ước gì chị giải thích cho rõ ràng,” tôi nói. “Chị cứ nói cái kiểu bí hiểm suốt thôi.”

Dù vậy, tôi không thấy sợ, nhưng tôi không thể giải thích vì sao mình không sợ. Tôi tin cây Lettie, như đã tin cây cô bé khi chúng tôi đi tìm cái thứ bay phần phật dưới bầu trời cam. Tôi tin ở cô bé, mà điều đó có nghĩa là tôi sẽ không gặp chuyện gì nguy hại khi ở bên cô bé. Tôi biết điều đó giống như tôi biết cỏ thì màu xanh lá, hoa hồng có gai nhọn, ngũ cốc ăn sáng thì có vị ngọt vậy.

Chúng tôi đi qua cửa trước vào nhà. Cửa không khóa - trừ những lúc chúng tôi đi xa nghỉ mát ra thì tôi không nhớ có bao giờ cửa khóa - nên chúng tôi vào nhà.

Nhỏ em tôi đang tập piano ở phòng trước, chúng tôi bước vào. Con bé nghe thấy tiếng động liền ngừng chơi bản “Chopsticks” và quay lại.

Con bé tò mò nhìn tôi. “Tối qua có chuyện gì vậy?” con bé hỏi. “Em tưởng anh gặp rắc rối rồi chứ, nhưng rồi bố mẹ về, còn anh cứ ở lại với bạn. Sao bố mẹ lại nói anh ngủ ở nhà bạn? Anh có bạn bè nào đâu.” Thế rồi, con bé để ý thấy Lettie Hempstock. “Ai đây anh?”

“Bạn anh,” tôi nói với nó. “Con yêu tinh khủng khiếp đâu rồi?”

“Đừng gọi cô ấy như vậy chứ,” em tôi cãi. “Cô ấy *tử tế* mà. Cô ấy đang ngả lưng.”

Nhỏ em không nhắc gì đến bộ đồ kỳ lạ tôi đang mặc.

Lettie Hempstock lấy trong giỏ đi chợ ra một cây mộc cầm gãy rồi thả vào núi đồ chơi dòn đống giữa cây piano và hộp đựng đồ chơi màu xanh có nắp rời.

“Xong,” cô bé nói. “Giờ đã đến lúc đi chào một tiếng.”

Nỗi sợ bắt đầu lao xao nhẹ trong ngực tôi, trong tâm trí tôi. “Ý chị là đi lên phòng mẹ ta hả?”

“Ừ.”

“Mẹ ta đang làm gì trên ấy?”

“Đang chơi đùa với cuộc sống của người khác,” Lettie nói. “Cho đến giờ thì chỉ mới có dân trong vùng thôi. Mẹ ta biết được cái họ nghĩ là họ cần rồi tìm cách cho họ thứ đó. Mẹ ta làm vậy để biến thế gian này thành chỗ mẹ ta được sống sung sướng hơn. Một nơi mẹ ta được thoải mái hơn. Một nơi sạch sẽ hơn. Và giờ mẹ ta không còn bận tâm tới việc cho họ tiền nữa. Giờ cái khuyển mẹ ta bận tâm hơn là làm hại mọi người.”

Khi chúng tôi lên cầu thang, Lettie để ở mỗi bậc một thứ gì đó: một viên bi thủy tinh trong vát, bên trong có vệt xoắn màu xanh lá; một vật nhỏ xíu bằng kim loại dùng trong trò thả đá; một hạt cườm; một đôi mắt búp bê màu xanh sáng, đằng sau có nhựa trắng nổi lại để mắt nhắm mở được; một thỏi nam châm hình móng ngựa màu trắng và đỏ; một hòn cuội đen; một cái nhãn giấy, kiểu gắn kèm trên thiệp sinh nhật, trên có hàng chữ *Tôi được bảy tuổi rồi*, một bao diêm; một con bọ rùa bằng nhựa có nam châm đen dưới đế; một chiếc xe đồ chơi bẹp rúm đi một nửa, sút mất bánh xe; và cuối cùng là một chú lính chì. Chú ta bị cụt mất một chân.

Chúng tôi lên đến đầu cầu thang. Cửa phòng ngủ đóng. Lettie nói, “Mẹ ta sẽ không nhốt em trên gác mái đâu mà.” Rồi cô bé không gõ mà đẩy cửa bước vào phòng ngủ từng là của tôi, còn tôi miễn cưỡng đi theo.

Ursula Monkton đang nằm trên giường, mắt nhắm nghiền. Ngoài mẹ ra,

mụ ta là người đàn bà đầu tiên tôi thấy không mặc áo quần nên tôi có tò mò liếc nhìn. Nhưng tôi thấy căn phòng còn thú vị hơn mụ ta.

Đây là phòng ngủ của tôi lúc trước, nhưng cũng không phải. Không còn nữa. Có cái bồn rửa mặt màu vàng bé xíu và vừa cỡ tôi, còn vách tường vẫn là màu xanh trứng chim cổ đỏ như khi căn phòng còn là của tôi. Nhưng giờ đây, từ trên trần nhà lòng thòng xuống những dải vải, những sợi vải xám xịt, rách rưới như dải băng buộc vết thương, một số thì chỉ dài ba phân, số khác lại dài gần chằm sàn nhà. Cửa sổ đang để mở nên gió lùa vào và lay đám sợi vải xám ngoét, làm chúng đong đưa, khiến căn phòng trông như đang chuyển động, như cái lều hay con tàu ngoài khơi.

“Giờ bà phải đi đi,” Lettie nói.

Ursula Monkton ngồi nhồm dậy trên giường rồi mở mắt ra, đôi mắt mụ ta cũng xám ngoét như mớ vải lòng thòng. Mụ ta nói, giọng nghe vẫn còn ngái ngủ, “Ta đã bắn khoản không biết phải làm gì để khiến hai đứa bây tới đây, mà giờ thì xem kìa, tụi bây tới rồi.”

“Bà không đưa bọn ta tới đây,” Lettie nói. “Bọn ta tới vì bọn ta muốn tới. Và ta tới cho bà cơ hội cuối cùng để ra đi.” “Ta sẽ không đi đâu hết,” Ursula Monkton nói, nghe có vẻ hờn dỗi giống như đứa bé vùi vĩnh thứ gì đó. “Ta chỉ mới tới thôi mà. Giờ ta đã có chỗ ở rồi. Ta có thú cưng - bố nó đúng là thứ *dễ thương nhất*. Ta đang khiến thiên hạ được sung sướng. Trên khắp trần gian này, không đâu có thứ gì như ta. Lúc bọn bây vào thì ta đang quan sát bọn họ, chỉ có mỗi mình ta. Bọn họ không thể tự vệ. Bọn họ không biết cách. Thế nên đây là chốn tuyệt vời nhất trên thế gian này.”

Mụ ta nhoẻn miệng cười tươi rói với cả hai chúng tôi. So với người lớn thì mụ ta thật sự xinh đẹp, nhưng khi ta bảy tuổi, cái đẹp là một khái niệm trừu tượng, không phải điều gì quan trọng. Tôi tự hỏi nếu lúc này mà mụ ta mỉm cười với tôi như vậy thì tôi sẽ làm gì: tôi có lú rú giao nộp trí óc, trái tim hay bản thể cho mụ ta như bố tôi đã làm không.

“Bà nghĩ thế giới này như vậy,” Lettie nói. “Bà nghĩ nó dễ dãi. Nhưng không phải đâu.”

“Tất nhiên nó là vậy chứ. Mi đang nói gì vậy? Rằng mi và gia đình mi sẽ che chở cho thế giới này khỏi bị ta làm hại hay sao? Chỉ mỗi mình mi là từng rời ranh giới trang trại nhà mi - và mi cố giam ta lại khi ngay cả tên ta mi cũng không biết. Mẹ mi sẽ không ngu ngốc như vậy. Ta không sợ mi đâu, bé con à.”

Lettie thò tay xuống đáy giỏ đi chợ. Cô bé lấy lọ mứt có cái ống lỗ giun trong mớ bên trong và chia nó ra.

“Đây là lời về của bà,” cô bé nói. “Ta đang hiền lành, và ta đang tử tế. Hãy tin ta. Chăm lấy đi. Ta không nghĩ bà đi được đâu xa hơn nơi bọn ta đã gặp bà, nơi có bầu trời màu cam ấy, nhưng vậy là khá xa rồi. Ta không đưa bà từ đó về lại nơi ban đầu được - ta hỏi thì bà của ta nói nơi đó cũng chẳng còn nữa là - nhưng khi bà về lại rồi thì chúng ta sẽ tìm được một chỗ cho bà, đâu đó tương tự. Đâu đó bà sẽ được sung sướng. Đâu đó bà sẽ được an toàn.”

Ursula Monkton tụt xuống giường. Mụ ta đứng lên và nhìn xuống chúng tôi. Quanh mụ ta không còn ánh chớp ngoằn ngoèo nữa, nhưng khi trần truồng đứng giữa phòng ngủ thì mụ ta còn đáng sợ hơn là khi bẽn lẽn trong cơn bão. Mụ ta là người lớn - không, còn hơn người lớn nữa kia. Mụ ta *già khú*. Vậy nên chưa bao giờ tôi cảm thấy mình chỉ là một đứa trẻ hơn lúc đó.

“Ồ đây, ta rất ư là sung sướng,” mụ ta nói. “Rất, rất là sung sướng ở đây.” Rồi mụ ta nói, giọng gằn như tiếng rên, “Mi thì không.”

Tôi nghe thấy một tiếng động, một tiếng lạch phạch nhẹ, tả tơi xơ xác. Những mảnh vải xám bắt đầu bong ra khỏi trần nhà, từng sợi từng sợi một. Chúng rơi, nhưng không theo phương thẳng đứng, chúng lao vào chúng tôi từ khắp phòng, như thể chúng tôi là nam châm hút chúng về người mình

vậy. Dải vải xám đầu tiên rơi xuống mu bàn tay trái tôi rồi bám rịt ở đó. Tôi thò tay phải ra chụp lấy tấm vải rồi giật nó ra: nó dính lại một lát, thế rồi khi bị giật đi thì nó tạo ra một tiếng hút ròn rột. Ở chỗ sợi vải đã dính vào trên mu bàn tay trái của tôi có một mảng đổi màu, nó đỏ cứ như vừa bị tôi mút một hồi lâu, lâu thật lâu, lâu hơn và mạnh hơn tất cả những lần tôi đã từng mút tay trong đời thực, và nó lấm tẩm những hột máu. Khi tôi sờ vào thì thấy lem nhem những dấu kim chích đỏ loét, rồi một miếng vải như băng cứu thương hít chặt vào hai giò tôi, và tôi né đi khi một tấm vải rơi xuống mặt và trán, rồi một miếng khác phủ lên mắt làm tôi không thấy gì được nên tôi giật lấy nó, nhưng giờ một tấm khác quấn quanh hai cườm tay tôi và trói chúng lại với nhau, hai cánh tay tôi thì bị quấn vào người, khiến tôi loạng choạng rồi ngã lăn ra sàn.

Nếu vùng vẫy thoát ra khỏi mấy tấm vải thì tôi sẽ bị đau.

Thế giới của tôi là một màu xám xịt. Tôi bèn chịu thua. Tôi nằm đó, không động đậy, chỉ tập trung thở qua kẽ hở mấy sợi vải chừa lại trên mũi. Chúng tóm giữ tôi và chúng thấy mình được sống.

Tôi nằm đó lắng nghe. Tôi chẳng thể làm gì khác nữa.

Ursula nói, “Ta cần thằng bé được an toàn. Ta đã cam đoan là sẽ giam nó trên gác mái thì đó sẽ là gác mái. Còn mi, đưa con gái nhà quê. Ta sẽ làm gì với mi đây ? Làm gì đó cho thích đáng. Có lẽ là ta sẽ phải lộn trái mi ra, để tim óc xương thịt mi lộn cả ra ngoài, còn mặt da thì ở bên trong. Rồi ta sẽ quấn mi lại trong phòng này, mắt mi sẽ nhìn chăm chăm vào bóng tối bên trong mi. Ta có thể làm vậy.”

“Không đâu,” Lettie nói. Tôi thấy giọng cô bé có vẻ buồn. “Thực ra thì bà không thể. Ta cũng đã cho bà cơ hội rồi.”

“Mi hăm dọa ta. Những lời hăm dọa rỗng tuếch.”

“Ta không hăm dọa đâu,” Lettie nói. “Ta thật lòng muốn cho bà một cơ hội.” Thế rồi, cô bé nói, “Khi nhìn quanh thế gian tìm những thứ giống

mình, bà không tự hỏi vì sao xung quanh lại không có nhiều thứ cổ xưa sao? Không, bà không bao giờ thắc mắc cả. Bà mừng vì ở đây chỉ có mỗi mình bà, đến mức bà chưa bao giờ dừng lại mà suy ngẫm cả.”

“Bà của ta vẫn gọi hạng như bà là *bọ chết*, Skarthach Ngục Tối ạ. Ý ta là bà của ta muốn gọi bà là thứ gì cũng được. Ta nghĩ là bà của ta thấy *bọ chết* thật buồn cười... Bà của ta không chấp nhất gì cái loài như bà. Bà của ta nói bà khá là vô hại. Chỉ hơi ngu tí thôi. Là bởi vì ở vùng này của vũ trụ có những thứ ăn thịt bọ chết. Bà của ta gọi chúng là *sâu mọt*. Bà của ta chẳng thích chúng *chút nào*. Bà nói chúng ti tiện và khó mà đuổi đi được. Mà chúng thì bao giờ cũng đói khát.”

“Ta không sợ đâu,” Ursula Monkton nói. Mụ ta nghe có vẻ khiếp sợ. Rồi mụ ta hỏi, “Làm sao mà mi biết tên ta?”

“Ta đi tìm hiểu hồi sáng nay. Đi tìm những thứ khác nữa. Vài thứ để vạch ranh giới, để bà khỏi chạy quá xa, khỏi đâm đầu thêm vào rắc rối. Và một vệt vụn bánh mì làm dấu dẫn tới đây, đến phòng này. Nào, mở cái lọ ra đi, lấy cánh cửa ra, rồi chúng ta đưa bà về nhà.”

Tôi chờ Ursula Monkton phản ứng, nhưng mụ ta không nói gì. Không có một câu trả lời nào cả. Chỉ có tiếng cửa đánh rầm rồi tiếng bước chân nhanh và thành thịch chạy xuống cầu thang.

Giọng Lettie ngay bên cạnh tôi nói, “Lẽ ra mụ ta nên ở lại đây và chấp nhận lời đề nghị của chị.”

Tôi cảm thấy hai bàn tay cô bé giật mấy miếng vải trên mặt tôi ra. Chúng bung ra cùng một tiếng hút ướn nhoẹt, nhưng chúng không còn có sức sống nữa, rồi chúng rơi xuống đất, nằm đó im lìm. Lần này, trên da tôi không thấy có hột máu lấm tẩm nào. Chuyện tồi tệ nhất là hai cánh tay và hai chân tôi bị tê cứng.

Lettie đỡ tôi đứng lên. Trông cô bé không được vui.

“Mụ ta đi đâu rồi?” tôi hỏi.

“Mụ ta theo vết bánh mì ra khỏi nhà rồi. Mụ ta cũng sợ nữa. Tội nghiệp. Mụ ta sợ lắm.”

“Chị cũng sợ nữa.”

“Phải, hơi sợ. Chị nghĩ là ngay lúc này, mụ ta đang nhận ra rằng mình đã bị mắc kẹt trong ranh giới chị đã vạch sẵn,” Lettie nói.

Chúng tôi bỏ ra ngoài phòng ngủ. Ở đầu cầu thang, chỗ để chú lính đồ chơi, giờ đây có một vết xé dài. Tôi chỉ có thể mô tả được đến vậy: tựa hồ như có người chụp hình cầu thang rồi xé chú lính chì trong hình ra. Ở khoảng trống đã từng đặt chú lính, không còn gì ngoài một màu xám mờ mờ làm mắt tôi nhức nhối nếu nhìn quá lâu.

“Mụ ta sợ gì thế?”

“Em nghe rồi mà. Sâu mọt.”

“Chị có sợ sâu mọt không, chị Lettie?”

Cô bé ngập ngừng hơi lâu một chút. Rồi cô bé chỉ nói,

“Có.”

“Nhưng chị không sợ mụ ta. Sợ Ursula ấy.”

“Chị làm sao mà sợ mụ ta được. Đúng như bà chị đã nói. Mụ ta như con bọ chết vậy, dương dương tự đắc về quyền năng và dục vọng như con bọ chết căng phồng cả máu. Nhưng mụ ta đã không thể làm hại chị. Ở thời mình, chị đã tiến đi hàng chục đũa như mụ ta. Như một lão vào thời Cromwell - hồi ấy là chuyện lớn đấy. Lão ta khiến dân chúng thấy đơn độc. Họ thường tự làm hại mình chỉ để hết đơn độc - móc mắt mình ra hay nhảy xuống giếng, và trong khi đó, cái thứ to lớn và lười thối thây đó ngồi dưới hầm tòa Đâu Công Tước, trông như con cóc ngồi xồm to bằng con chó bull.” Chúng tôi xuống tới chân cầu thang rồi đi theo hành lang.

“Làm sao chị biết mụ ta đi đâu?”

“Ồ, mụ ta chẳng thể đi đâu được ngoài lối chị đã bày ra cho mụ ta.” Em tôi vẫn đang chơi piano bản “Chopsticks” ở phòng trước.

Tính tính tính tính tính tính

tang tang tang tang tang tang

tính tính tính tính tang tính tính tính tính...

Chúng tôi đi ra cửa trước. “Cái kẻ vào thời Cromwell đó, lão ta là người xấu xa. Nhưng nhà chị đã đưa lão ta ra khỏi đó ngay trước khi lũ chim đói kéo đến.”

“Chim đói ấy ạ?”

“Thứ mà bà gọi là sâu mọt. Bọn hốt dọn.”

Nghe thì có vẻ như chúng chẳng có gì ghê sợ cả. Tôi biết Ursula sợ chúng, nhưng tôi thì không. Sao ta lại phải sợ đám làm việc hốt dọn chứ?

XI.

Chúng tôi đuổi kịp Ursula Monkton trên bãi cỏ bên mấy bụi hoa hồng. Mụ ta đang cầm lọ mứt có lỗ giun vật vờ bên trong. Mụ ta trông rất kỳ lạ. Mụ ta giật cái nắp rồi dừng lại ngược nhìn lên trời. Rồi mụ ta lại nhìn lọ mứt.

Mụ ta chạy lại cây sồi có thang dây của tôi rồi lấy hết sức bình sinh ném lọ mứt vào thân cây. Nếu đang cố đập vỡ nó thì mụ ta đã thất bại. Cái lọ chỉ nảy lên, rơi xuống đám rêu phủ gần hết mớ rễ cây chằng chịt rồi nằm đó, không suy suyễn.

Ursula Monkton trừng mắt nhìn Lettie. “Tại sao chứ?”, mụ ta hỏi.

“Bà biết tại sao mà,” Lettie nói.

“Sao mi lại cho chúng vào?” Mụ ta bật khóc làm tôi cảm thấy lúng túng. Tôi không biết phải làm sao khi người lớn khóc. Đó là chuyện trong đời tôi mới thấy có hai lần: tôi đã thấy ông bà khóc khi cô tôi mất trong bệnh viện, tôi cũng từng thấy mẹ tôi khóc. Họ không có mẹ để đỡ dành mình.

Tôi tự hỏi Ursula Monkton đã bao giờ có mẹ hay không.

Mặt và cả đầu gối mụ ta dính bùn lem luốc, mụ ta đang than khóc.

Tôi nghe một tiếng động kỳ quặc và lạ lùng ở đằng xa: một tiếng tung tung khẽ như thể ai đó gảy sợi dây đàn căng.

“Không phải ta cho chúng vào,” Lettie Hempstock nói. “Chúng muốn đi đâu là cứ thế đi thôi. Thường thì chúng không đến đây vì không có gì cho chúng ăn. Giờ thì có rồi.”

“Cho ta về lại đi,” Ursula Monkton nói. Giờ thì tôi không nghĩ mụ ta có chút gì giống con người nữa. Mặt mụ ta không hiểu sao trông không ổn: nó là một sự lắp ghép ngẫu nhiên các đường nét làm người ta nghĩ đến mặt người, như mấy vòng xoắn xám xịt sần sùi và cục u trên thân cây sồi của tôi,

hay mấy hoa văn trên tấm ván đầu giường ở nhà bà tôi mà nếu ta nhìn ngược trong ánh trăng thì sẽ thấy ông già ngoác miệng ra như thể đang gào thét.

Lettie nhặt lọ mứt dưới đám rêu xanh lên rồi vặn nắp. “Bà bỏ chạy làm cho nó kẹt lại mất rồi,” cô bé nói. Cô bé bước tới lối đi rải sỏi, lật úp lọ mứt lại cho nắp chúc xuống, cầm đáy lọ rồi gõ một cái thật tự tin lên mặt đá. Rồi cô bé lại lật lọ lên và vặn nắp. Lần này, cái nắp bung ra trong tay cô bé.

Cô bé đưa lọ mứt qua cho Ursula Monkton, mẹ ta thò tay vào, rút ra cái thứ trong mờ đã từng là một cái lỗ trong bàn chân tôi. Nó ngo ngoáy, uốn éo và cong lại như thích thú khi mẹ ta chạm vào.

Mẹ ta ném nó xuống. Nó rơi xuống cỏ rồi mọc lên. Chỉ có điều, nó không thực sự mọc lên. Nó *biến đổi*: như thể nó trở nên gần sát tôi hơn là tôi tưởng. Tôi nhìn được xuyên qua nó, từ đầu này qua đầu kia. Tôi chạy xuyên qua cũng được nếu như đầu kia của đường hầm đó không dẫn tới bầu trời màu cam chói lọi.

Và khi tôi nhìn nó chăm chú, ngực tôi lại đau buốt. Một cảm giác lạnh như đá, như thể tôi vừa ăn nhiều kem đến mức trong ruột lạnh buốt.

Ursula Monkton bước tới cửa đường hầm. (Sao cái ống lỗ giun bé tí lại là đường hầm được? Tôi không hiểu nổi điều đó. Nó vẫn là một cái lỗ giun có hai màu đen bạc, trong mờ, anh ánh, nằm trên cỏ, dài chỉ độ ba bốn phân. Tôi nghĩ việc đó như mình đã phóng to một thứ rất nhỏ lên. Nhưng nó cũng là đường hầm và ta dờn cả một căn nhà qua cũng được.)

Rồi mẹ ta dừng lại và than khóc.

Mẹ ta nói, “Đường về.” Chỉ có vậy. “Không còn nguyên vẹn,” mẹ ta nói. “Nó bị đứt mất rồi. Đoạn cuối của cánh cổng mất rồi...” rồi mẹ ta nhìn quanh quất, trông lo lắng và bối rối. Mẹ ta nhìn chăm chăm vào tôi - không phải vào mặt mà là ngực tôi. Rồi mẹ ta nhoẻn miệng cười.

Rồi mẹ ta *rùng mình*. Phút trước mẹ ta còn là một người đàn bà trần truồng và dính bùn, phút sau mẹ ta đã bung mình ra giống như cây dù có

màu da thịt.

Và khi bung ra, mụ ta chìa tay chụp lấy tôi, nhấc bổng tôi lên tít trên cao nên bây giờ đến lượt tôi sợ hãi dang tay ra tóm lấy mụ ta.

Tôi đang tóm lấy da thịt. Tôi ở trên cao ngang bằng cái cây, cách mặt đất cũng cả năm mét.

Không phải tôi đang nắm lấy thịt da.

Tôi đang cầm sợi vải cũ, một tấm vải bố mục nát, thối rữa, và tôi sờ thấy được gỗ bên dưới nó. Nhưng đó không phải loại gỗ tốt mà là thứ gỗ để lâu ngày ta vẫn thấy nơi cây bị đổ ngã, thứ gỗ luôn có cảm giác ẩm ướt đến mức ta lấy ngón tay xé toạc ra được, thứ gỗ có bọ cánh cứng li ti, một gỗ và đây nắm mốc mảnh như sợi chỉ bên trong.

Nó nắm lấy tôi và kéo kẹt đu đưa.

MI BÍT MẮT LỐI ĐI RỒI, nó nói với Lettie Hempstock.

“Ta chưa bao giờ bít cái gì cả,” Lettie nói. “Mi đã bắt bạn ta. Bỏ cậu bé xuống đi.” Cô bé ở xa tít bên dưới, tôi thì sợ độ cao, sợ cả sinh vật đang nắm lấy tôi.

LỐI ĐI KHÔNG CÒN NGUYÊN VẸN NỮA. LỐI ĐI BỊ BÍT RỒI.

“Bỏ cậu bé xuống. Ngay lập tức. Thật cẩn thận vào.”

NÓ SẼ LÀM CHO LỐI ĐI ĐƯỢC NGUYÊN VẸN. LỐI ĐI Ở BÊN TRONG NÓ.

Bấy giờ, tôi cảm chắc là mình sẽ chết.

Tôi không muốn chết. Bố mẹ đã bảo rằng tôi sẽ không thật sự chết, chỉ ít là con người thật của tôi sẽ không chết: khi mọi người nhắm mắt xuôi tay thì không ai thật sự chết cả, rằng mèo con của tôi cùng ông thợ mỏ đá mắt mèo vừa mang lấy thân xác mới và sẽ sớm quay lại. Tôi không biết có đúng là vậy hay không. Tôi chỉ biết tôi đã quen là chính mình rồi, tôi yêu những cuốn sách của tôi, yêu ông bà và Lettie Hempstock, mà cái chết sẽ tước hết của tôi những thứ này.

TA SẼ XÉ TOANG THẰNG BÉ RA. LỐI ĐI BỊ ĐÚT ĐOẠN RỒI. NÓ VẪN CÒN Ở BÊN TRONG THẰNG BÉ.

Đáng ra tôi phải vung chân, nhưng lại không có gì để đá vào cả. Mấy ngón tay tôi cấu vào cánh tay đang nắm lấy mình, nhưng móng tay tôi lại cắm vào vải mục và gỗ mềm cùng thứ gì đó cứng như đá ở bên dưới; rồi sinh vật đó kéo tôi lại gần.

“Thả tôi ra!” tôi gào lên. “Thả! Tôi! Ra!”

KHÔNG.

“Mẹ ơi!” tôi gào lên. “Bố ơi!” Rồi, “Chị Lettie, bắt mẹ ta thả em xuống đi.”

Bố mẹ tôi không có ở đó. Lettie thì có. Cô bé nói, “Skarthach. Bỏ cậu bé xuống. Lúc trước, ta đã cho bà một lựa chọn. Cho bà về nhà thì sẽ khó hơn bởi lẽ đoạn cuối đường hầm nằm bên trong cậu bé. Nhưng chúng ta làm được chuyện đó mà - nếu mẹ và ta không làm được thì bà của ta làm được. Vậy nên, đặt cậu bé xuống đi.”

NÓ Ở BÊN TRONG THẰNG BÉ. ĐÓ KHÔNG PHẢI ĐƯỜNG HẦM. KHÔNG PHẢI NỮA. KHI TẠO RA LỐI ĐI, TA ĐÃ GẮN CHẶT NÓ VÀO THẰNG BÉ, ĐẾN NỖI PHẦN CUỐI CỦA LỐI ĐI VẪN CÒN Ở BÊN TRONG THẰNG BÉ. ĐỂ ĐI KHỎI ĐÂY, TA CHỈ CẦN THÒ TAY VÀO NGỰC THẰNG BÉ, LÔI TRÁI TIM ĐANG ĐẬP RA, HOÀN TẤT LỐI ĐI VÀ MỞ CÁNH CỬA.

Cái thứ không có mặt mũi và đang đập phành phạch đó không nói thành lời mà nói hấn vào trong đầu tôi, vậy mà trong lời lẽ của nó có gì đó làm tôi nhớ lại giọng nói du dương, dễ thương của Ursula Monkton. Tôi biết nó nói là làm.

“Bà dùng hết mọi cơ hội rồi,” Lettie nói như thể cô bé đang cho chúng tôi biết bầu trời có màu xanh lam vậy. Thế rồi, cô bé đưa hai ngón tay lên miệng huýt một tiếng dài ngọt ngào và cao vút.

Chúng kéo đến như thể nãy giờ vẫn chờ cô bé gọi.

Chúng ở tít trên bầu trời, thân đen kịt, đen nhánh, đen đến mức trông chúng như thể đốm bụi trong mắt tôi chứ không có thật gì cả. Chúng có cánh nhưng lại không phải chim. Chúng cổ xưa hơn chim, hàng chục hay có lẽ hàng trăm con bay vòng vèo xoắn xít, rồi từng con không phải chim nhưng đập cánh phành phạch đó cứ từ từ, từ từ sà xuống.

Tôi nhận thấy mình đang tưởng tượng ra một thung lũng đầy cả khủng long đã chết vì giao chiến hay vì bệnh dịch hàng triệu năm trước: trước hết, tôi tưởng tượng ra thân xác thối rữa, to còn hơn cả chiếc xe buýt của thần lẩn sẩm, rồi đến kèn kèn của thời đại đó: xám đen, trụi lủi, có cánh nhưng không có lông vũ; tưởng tượng cả những khuôn mặt từ trong ác mộng - những cặp mắt đỏ hau háu đói khát cùng những cái mõm như mỏ chim với bộ răng nhọn hoắt chuyên mổ, xé và ngấu nghiến con mồi. Máy sinh vật này thường sà xuống bên xác thần lẩn sẩm khổng lồ và không để chừa lại gì ngoài xương.

Chúng to lớn, láng mượt, già cỗi và làm mắt tôi nhức nhối khi nhìn.

“Nào,” Lettie Hempstock nói với Ursula Monkton. “Bỏ cậu bé xuống.”

Cái thứ đang giữ tôi không có hành động nào nhằm thả tôi ra. Nó không trả lời, chỉ di chuyển thoăn thoắt như con tàu ngất ngưỡng tả tơi, băng qua bãi cỏ tới đường hầm.

Tôi thấy được cơn giận trên mặt Lettie Hempstock, hai nắm tay cô bé siết chặt đến mức mấy khớp ngón tay trắng bệch ra. Trên đầu chúng tôi, tôi thấy lũ chim đói cứ bay vòng vòng, vòng vòng...

Thế rồi, một con trong bọn từ trên trời lao xuống, lao xuống còn nhanh hơn đầu óc ta có thể hình dung. Tôi cảm thấy một luồng khí bên cạnh, thấy một cái hàm đen, đen thui, đầy mũi kim nhọn và cặp mắt cháy rực như đèn hàn khí, rồi tôi nghe một tiếng xé toạc như có tấm màn bị giật rách ra.

Cái thứ bay lượn đó lại vụt lên bầu trời, quắp theo một khúc vải xám.

Tôi nghe thấy một giọng than khóc bên trong lẫn bên ngoài đầu mình, đó là giọng của Ursula Monkton.

Thế rồi, chúng sà xuống như thể cả đám chỉ chờ cho đưa đầu tiên trong bầy động thủ. Từ trên bầu trời, chúng sà xuống cái thứ đang giữ tôi rồi kéo những sợi vải đi, trông như ác mộng đang cấu xé ác mộng vậy, và qua tất cả mọi thứ đó, tôi nghe thấy tiếng Ursula Monkton gào thét.

TA CHỈ CHO BỌN HỌ CÁI BỌN HỌ CẦN THÔI MÀ, mụ ta nói, giọng hờn dỗi và sợ sệt. TA KHIẾN BỌN HỌ ĐƯỢC SUNG SƯỚNG MÀ.

“Bà khiến bố làm tôi đau,” tôi nói khi cái thứ đang tóm giữ tôi vùng vẫy giãy giụa chống lại bầy ác mộng đang cắn xé những sợi vải của nó. Lũ chim đói xé toạc nó ra, từng con một cứ lặng lẽ xé mấy sợi vải đi rồi nặng nề đập cánh về lại bầu trời, lượn vòng vòng trên đó để rồi lại sà xuống.

TA CHƯA HỀ KHIẾN ĐỨA NÀO LÀM GÌ CẢ, nó bảo tôi. Trong một thoáng, tôi tưởng nó đang cười cợt tôi, rồi tiếng cười trở thành tiếng thét to đến inh tai nhức óc tôi.

Thế rồi, như thể gió đã lia bỏ những cánh buồm tôi tả, cái thứ đang tóm giữ tôi từ từ đổ sụp xuống đất.

Tôi rơi phịch xuống bãi cỏ, đầu gối và lòng bàn tay trầy trụa. Lettie kéo tôi lên, diu tôi tránh xa đồng tàn tích đổ tan tành của cái thứ từng tự xưng là Ursula Monkton.

Tám vải xám vẫn còn đó, nhưng nó không phải là vải nữa: nó lẫn lộn quần quai trên nền đất quanh tôi, bị thổi tung bởi ngọn gió tôi không hề cảm thấy và trông như một đồng giòi bọ lúc nhúc.

Bầy chim đói sà xuống nó như hải âu trên bãi biển có cá dạt vào, chúng xé xác nó như thể cả ngàn năm rồi chúng chưa được ăn nên giờ phải tọng cho đầy bụng vì có lẽ cả ngàn năm hay lâu hơn nữa chúng mới được ăn lại. Chúng mổ rĩa cái thứ màu xám đó, và trong đầu mình, tôi nghe nó gào thét suốt lúc bị bọn chim đói tọng mớ da thịt vải mực của nó vào dạ dày sắc nhọn

của chúng.

Lettie nắm cánh tay tôi. Cô bé không nói gì.

Chúng tôi chờ.

Và khi tiếng gào thét im bật đi, tôi biết rằng Ursula Monkton đã biến mất mãi mãi.

Khi mấy sinh vật đen kịt đã ngấu nghiến xong cái thứ trên cỏ cho đến khi không còn lại gì dù chỉ là một rẻo vải xám xíu xiu, chúng bèn quay qua chú ý đến đường hầm trong mờ đang quằn quại, uốn éo, co giật như một sinh vật có sự sống.

Vài con trong bầy dùng móng vuốt quặp lấy nó, cất bay lên, lùa nó lên bầu trời cho những cái mồm đói khát của bọn kia mổ và ngấu nghiến cho bằng sạch.

Tôi tưởng rằng ăn xong chúng sẽ bỏ về nơi chúng ở, bất kể nơi đó là đâu, nhưng không, chúng sà xuống. Khi chúng đậu xuống, tôi cố đếm mà không xuể. Tôi nghĩ chúng có hàng trăm con, nhưng tôi cũng có thể nhầm. Có thể là hai chục con. Có thể cả ngàn con. Tôi không giải thích được điều đó: có lẽ chúng đến từ một nơi mà ta không thể áp dụng những thứ như vậy lên chúng được, đâu đó nằm ngoài thời gian và những con số.

Chúng đậu xuống và tôi nhìn chúng chăm chăm, nhưng không thấy gì ngoài những cái bóng.

Không biết bao nhiêu là bóng đen.

Và chúng đang nhìn chòng chọc vào chúng tôi.

Lettie nói, “Bọn bây làm xong cái việc đã kéo bọn bây đến đây rồi. Bọn bây đã có được con mồi. Bọn bây đã dọn dẹp sạch sẽ rồi. Giờ thì bọn bây về đi.”

Mấy bóng đen không nhúc nhích.

Cô bé nói, “Đi đi!”

Mấy bóng đen trên cỏ vẫn đứng yên tại chỗ. Có chăng thì dường như

chúng đen hơn, thật hơn trước.

- *Mi không có quyền gì đối với bọn ta cả.*

“Có lẽ là ta không có,” Lettie nói. “Nhưng ta đã kêu bọn bây đến đây nên giờ ta bảo bọn bây về đi. Bọn bây đã ngấu nghiến Skarthach Ngục Tội. Bọn bây làm xong việc rồi. Giờ thì giải tán đi.”

- *Bọn ta là những kẻ hốt dọn. Bọn ta đến để dọn sạch.*

“Tốt, bọn bây đã dọn xong thứ cần bọn bây đến dọn rồi. Về đi.”

- *Chưa phải mọi thứ, gió trong mấy bụi đỗ quyên rì rào và cở lao xao.*

Lettie quay qua đưa hai tay ôm choàng lấy tôi. “Đi nào,” cô bé nói. “Nhanh lên.”

Chúng tôi băng thật nhanh qua bãi cỏ. “Để chị dẫn em xuống chỗ nhẫn thần,” cô bé nói. “Em phải chờ ở đó cho đến chừng nào chị đến đón. Đừng bỏ đi. Dù vì bất cứ lý do gì.”

“Tại sao không ạ?”

“Bởi vì có thể có chuyện không hay xảy ra với em. Chị không nghĩ mình đưa em về lại trang trại an toàn được, chị không lo liệu chuyện này một mình được. Nhưng em sẽ được an toàn bên trong chiếc nhẫn. Dù nhìn thấy bất cứ thứ gì, dù nghe thấy bất cứ thứ gì cũng đừng ra khỏi chiếc nhẫn. Cứ ở yên đó rồi em sẽ ổn thôi.”

“Nó đâu phải là nhẫn thần thật,” tôi bảo cô bé. “Đó chỉ là trò chơi của nhà em thôi mà. Đó là vòng cỏ xanh.”

“Nó chính là nhẫn thần đấy,” cô bé nói. “Không có thứ gì muốn làm hại em mà băng qua nó được. Nào, ở lại bên trong đi.” Cô bé siết tay tôi và dẫn tôi vào trong vòng cỏ xanh. Đoạn, cô bé chạy vào mấy bụi đỗ quyên và biến mất.

XII.

Mấy cái bóng bắt đầu bu lại quanh rìa vòng tròn. Tôi liếc qua khõe mắt thì thấy những vệt nhòe nhòe không hình thù chỉ ở đó, đúng thật là đang ở đó. Khi đó trông chúng mới giống như chim. Khi đó trông chúng mới đói khát.

Chưa bao giờ tôi thấy khiếp sợ như buổi chiều hôm đó, lúc đứng trong vòng cỏ có cái cây chết khô ở giữa. Không có chim hót, không có sâu bọ kêu vo ve hay râm ran. Không có gì khác đi. Tôi nghe tiếng lá xào xạc và tiếng cỏ rì rào khi gió lướt qua, nhưng không có Lettie Hempstock ở đó, tôi cũng không nghe thấy tiếng nói trong làn gió. Không có gì khiến tôi khiếp sợ ngoài mấy cái bóng mà thậm chí có nhìn thẳng cũng không thấy rõ được chúng.

Trên bầu trời, mặt trời lặn xuống thấp hơn, mấy cái bóng nhập nhòa vào ánh chạng vạng, có chăng thì chúng đã mờ hơn nên giờ tôi không biết chắc ở đó có gì hay không nữa. Nhưng tôi không bước ra khỏi vòng cỏ.

“Ê! Nhóc!”

Tôi quay lại. Ông ta đi băng qua bãi cỏ về phía tôi. Ông ta ăn mặc như lần sau cùng tôi thấy: áo vét dạ hội, sơ mi trắng có diềm, nơ bướm đen. Mặt ông ta vẫn đỏ lựng màu anh đào như thể vừa ngồi quá lâu ngoài bãi biển, nhưng hai bàn tay lại trắng bệch. Ông ta trông không giống con người mà như hình nhân bằng sáp, thứ ta nghĩ sẽ nhìn thấy trong Ngục Tra Khảo. Ông ta cười nhăn nhở khi thấy tôi nhìn, giờ thì trông ông ta như hình nhân bằng sáp đang mỉm cười nên tôi nuốt nước bọt đánh ực một cái và ước gì mặt trời lại ló ra.

“Thôi nào thằng nhóc,” ông thợ mỏ đá mắt mèo nói. “Mi chỉ đang kéo

dài điều không thể tránh khỏi mà thôi.”

Tôi không nói tiếng nào. Tôi theo dõi ông ta. Đôi giày đen bóng loáng bước tới vòng cỏ nhưng không tiến vào trong.

Tim tôi đập thành thịch trong lồng ngực mạnh đến nỗi tôi dám chắc ông ta đã nghe thấy. Gáy và da đầu tôi râm ran.

“Nhóc,” ông ta nói, giọng Nam Phi lạnh lạnh. “Bọn chúng cần phải làm cho xong chuyện này. Đó là việc của chúng: chúng là loài ăn xác thối, là kền kền của hư vô. Việc của chúng. Dọn sạch sẽ những tàn tích cuối cùng của đồng lộn xộn. Sạch sẽ gọn gàng. Kéo ta ra khỏi thế gian như thể ta chưa từng tồn tại. Cứ chấp nhận đi. Sẽ không đau đớn đâu.”

Tôi giương mắt nhìn ông ta. Người lớn mà nói vậy thì tức là ta sẽ bị đau kinh khủng lắm, dù việc làm ta đau có là gì.

Người đàn ông đã chết mặc bộ vét dạ hội từ từ xoay đầu lại cho đến khi mặt ông ta đối diện với mặt tôi. Hai mắt ông ta trợn ngược lên toàn lòng trắng và dường như đang ngậy nhìn vô hồn lên bầu trời bên trên tôi như một kẻ mộng du.

“Con bạn nhỏ của mi ấy, nó không cứu mi được đâu,” ông ta nói. “Số phận của mi đã được niêm phong và định đoạt từ mấy ngày trước rồi, từ khi con mồi của lũ kền kền dùng mi làm cửa dẫn từ chỗ của mẹ ta đến chỗ này, từ khi mẹ ta thắt chặt lối đi trong tim mi.”

“Tôi đâu có gây ra chuyện đó!”, tôi bảo ông ta. “Vậy là không công bằng. Ông đã gây ra chuyện đó.”

“Phải,” người thợ mỏ đã chết nói. “Mi có đi hay không đây?”

Tôi ngồi bệt xuống, dựa lưng vào cái cây chết ở giữa nhẵn thân, nhắm mắt lại, không nhúc nhích. Tôi nhớ lại mấy bài thơ và mở miệng đọc thầm cho khuây lãng đi.

Fury về nhà thầy

*Liên gọi chuột bảo ngay
Mình lên tòa cả thầy
Ta tố mi kỳ này...*

Tôi đã học thuộc lòng bài thơ ấy ở trường. Đó là lời kể của chú chuột trong truyện *Alice ở xứ sở thần tiên*, chú chuột Alice đã gặp khi chú đang bơi trong bể nước mắt của chính cô. Trong cuốn truyện của tôi, những dòng thơ cuộn tròn và co rút lại như cái đuôi con chuột.

Tôi có thể đọc một mạch cả bài thơ, và tôi đã làm thế, từ đầu chí cuối.

*Quan tòa là ta này
Hội thẩm cũng ta đây,
Fury cáo già dạy,
a sẽ xử vụ ấy
Rồi thì ta sẽ đây
Án tử cho chú mày.*

Khi tôi mở mắt ra ngược nhìn lên thì ông thợ mỏ đá mắt mèo đã không còn ở đó nữa.

Bầu trời đang ngả sang màu xám, vạn vật mất đi chiều sâu và trải phẳng lì vào ánh chạng vạng. Mấy bóng đen mà còn ở đó đi nữa thì tôi cũng không nhìn ra được; hay đúng hơn, cả thế gian đã trở thành những bóng đen.

Nhỏ em từ trên nhà chạy xuống, vừa chạy vừa gọi tên tôi. Nó dừng lại trước khi tới chỗ tôi rồi hỏi, “Anh đang làm gì đó?”

Chẳng làm gì cả.

“Bố đang nói chuyện điện thoại. Bố nói anh phải đến nói chuyện với bố.”

“Không. Không có chuyện đó đâu.”

“Gì cơ?”

“Bố không nói vậy.”

“Anh mà không tới ngay thì anh sẽ gặp rắc rối đấy.”

Tôi không biết đây có phải em tôi không, nhưng tôi đang ở bên trong vòng cỏ, còn nó ở ngoài.

Tôi ước gì mình có mang theo một cuốn sách, mặc dù trời đã gần tối mịt, không đọc được nữa rồi. Tôi thăm đọc lại trong đầu bài thơ “Bể nước mắt” của chú chuột.

*Nhớ là phải đi đấy
Ta sẽ không lung lay
Lời khước từ giữ lấy
Hai ta ra tòa ngay
Ta không có việc mấy
Cả một buổi sáng này...*

“Cô Ursula đâu?” em tôi hỏi. “Cô ấy lên phòng, nhưng rồi không còn ở đây nữa. Cô ấy không ở trong bếp mà cũng không ở trong phòng vệ sinh. Em muốn ăn chiều. Em đói bụng rồi.”

“Em cứ tự làm cái gì mà ăn đi,” tôi bảo nó. “Em có còn là em bé đâu nào.”

“Cô Ursula đâu rồi?”

Mụ ta bị lũ kền kền yêu quái ngoài trái đất xé xác ra từng mảnh rồi, và nói thật thì anh nghĩ em là một đĩa trong bọn chúng hoặc bị chúng không chế hay sao ấy.

“Không biết.”

“Khi nào bố mẹ về, em sẽ mách bố mẹ là hôm nay anh hết sức dễ ghét với em. Anh sẽ gặp rắc rối cho mà xem.” Tôi băn khoăn không biết đây có

phải là em tôi không. Nghe thì dứt khoát là con bé rồi. Nhưng con bé không bước thêm một bước nào qua vòng cỏ xanh vào trong chiếc nhẫn. Con bé lè lưỡi ra với tôi rồi chạy trở lại phía nhà.

*Chuột nói bảo cặn ráy
Quý ông nghe tôi này
Quan tòa chẳng ở đây
Hội thẩm lại chả thấy
Một quan tòa như vậy
Đến cũng chỉ nhọc thây...*

Trời nhá nhem tối, vạn vật không sắc màu và căng thẳng. Muỗi vo ve bên tai rồi đậu trên má và hai bàn tay tôi, từng con, từng con một. Tôi mừng là lúc ấy mình đang mặc thứ áo quần cổ quái mà ông anh họ của Lettie Hempstock để lại vì nhờ thế da thịt tôi không bị phơi trần ra quá nhiều. Tôi đập vào chỗ lỗ muỗi đậu khiến chúng bay đi ít nhiều. Có một con không chịu bay đi, nó hút máu mặt trong cổ tay tôi đến căng ních cả người, và khi tôi đập thì nó vỡ toét ra, để lại một giọt máu lem nhem chảy xuống mặt trong cánh tay tôi.

Lũ dơi bay trên đầu tôi. Tôi thích dơi, đó giờ vẫn luôn thích, nhưng đêm đó chúng đông quá, chúng khiến tôi nghĩ đến lũ chim đói và làm tôi rùng cả mình.

Hoàng hôn đã thành màn đêm lúc nào không hay, và giờ tôi đang ngồi ở cuối vườn, trong một vòng tròn mà tôi không còn nhìn thấy được nữa. Những ánh đèn điện thân thiện vụt sáng trong nhà.

Tôi không muốn tỏ ra sợ bóng tối. Tôi không sợ bất cứ thứ gì có thật. Tôi chỉ không muốn ở đó thêm nữa, không muốn ngồi trong bóng tối chờ người bạn đã bỏ tôi chạy đi và dường như không trở lại.

*... Fury cáo giã dạy,
Ta sẽ xử vụ ấy
Rồi thì ta sẽ đẩy
Án tử cho chú mày.*

Tôi vẫn ngồi yên ở đó. Tôi đã chứng kiến Ursula Monkton bị xé tan thành mấy mảnh giẻ rách, bị ngấu nghiến bởi lũ chim ăn xác thối đến từ một vũ trụ nằm ngoài tầm hiểu biết của tôi. Tôi tin chắc là mình mà bước ra ngoài vòng tròn thì chúng sẽ làm hết như vậy với tôi.

Tôi chuyển từ truyện của Lewis Carroll sang bài hát của Gilbert và Sullivan.

*Khi bạn thao thức đau đầu sâu thẳm, niềm khắc khoải đâu cho bạn
nghỉ ngơi, tôi hiểu bạn dùng ngôn ngữ mình cảm, để đường hoàng mê
mải mãi chẳng rời...*

Tôi thích thanh điệu trong mấy câu này mặc dù không hiểu rõ lắm nó muốn nói gì.

Tôi muốn đi tè. Tôi quay lưng về phía nhà, bước vài bước ra khỏi cái cây, cứ sợ mình mà bước xa quá đi một bước là sẽ ra ngoài vòng tròn. Tôi tè vào bóng tối. Tôi vừa tè xong và quay lại phía nhà thì có ánh đèn pin làm tôi chói mắt, rồi giọng bố hỏi, “Con đang làm cái quái gì dưới đây vậy?”

“Con... con chỉ ở dưới đây thôi,” tôi nói.

“Phải. Em con có nói. Thôi được, đến lúc quay về trên nhà rồi. Bữa ăn tối của con đã dọn sẵn trên bàn.”

Tôi cứ ở yên tại chỗ. “Không,” tôi vừa nói vừa lắc đầu.

“Đừng có ngốc thế.”

“Con không ngốc. Con sẽ ở lại đây.”

“Thôi nào.” Và rồi, bằng giọng vui vẻ hơn, “Đi nào, George Xinh Trai.” Đó từng là cái tên cung nụng ngớ ngẩn bố đặt cho tôi ngày tôi còn bé. Bố còn sáng tác một bài hát theo cái tên ấy và thường hát mỗi khi tung tôi trong lòng. Đó là bài hát hay nhất trên đời.

Tôi nín thinh.

“Bố sẽ không ẵm con về trên nhà đâu,” bố nói. Sự bực dọc bắt đầu len lỏi vào giọng bố. “Con đã lớn quá rồi, đâu làm vậy được.”

Phải, tôi nghĩ. Còn bố sẽ phải bước vào nhẫn thần mà bế con.

Nhưng giờ thì dường như nhẫn thần mới thật ngớ ngẩn làm sao. Đây là bố tôi, không phải thứ hình nhân bằng sáp nào đó mà lũ chim đói biến hóa thành để dụ tôi ra. Trời tối rồi. Bố mới đi làm về. Đến lúc rồi.

Tôi nói, “Ursula Monkton đi luôn rồi. Cô ta sẽ không bao giờ về lại nữa đâu.”

Giọng bố nghe có vẻ tức giận. “Con đã làm gì? Con đã nói gì đáng ghét với cô ấy sao? Con đã hỗn xược phải không?”

“Không.”

Bố rọi tia đèn pin vào mặt tôi. Ánh đèn làm ta muốn lòa cả mắt. Trông như bố đang cố kiểm chế để khỏi nổi nóng. Bố nói, “Nói bố nghe xem con đã nói gì với cô ấy.”

“Con không nói gì với cô ta cả. Cô ta cứ vậy bỏ đi thôi.”

Điều đó là sự thật, hay gần như vậy.

“Quay vào nhà, ngay.”

“Làm ơn đi bố. Con phải ở lại đây.”

“Con quay vào nhà ngay!” bố tôi quát khản cả giọng, vậy là tôi không nhìn được nữa: môi dưới run run, nước mũi chảy thò lò, nước mắt trào ra. Nước mắt làm mắt tôi cay sè và nhòe đi, nhưng mấy giọt nước mắt không nhỏ xuống, rồi tôi chớp chớp để kìm nước mắt lại.

Tôi không biết có phải tôi đang nói chuyện với bố mình hay không.

Tôi nói, “Con không thích bố quát con.”

“Còn bố thì không thích con cư xử như con thú nhỏ mọn!” bố quát, và giờ thì tôi khóc thật rồi, nước mắt chảy giàn giụa trên mặt, đêm đó tôi ước gì mình đang ở đâu khác chứ không phải ở đây.

Trong vài giờ qua, tôi đã đương đầu với những thứ còn khủng khiếp hơn cả bố. Thế rồi, bất chợt tôi chẳng còn quan tâm nữa. Tôi ngược nhìn lên hình thù đen thui đằng sau và bên trên ánh đèn pin mà nói, “Khiến một thằng bé khóc có làm bố thấy mình quan trọng không?” và khi vừa nói ra, tôi đã biết đó là điều mình không bao giờ nên nói.

Mặt bố, phần tôi thấy được trong ánh đèn pin, nhăn nhúm lại và trông sừng sốt. Bố mở miệng định nói gì đó nhưng rồi ngậm lại. Cả trước hay sau chuyện xảy ra lần đó, tôi nhớ bố chưa bao giờ lúng túng không biết phải nói gì như vậy. Chỉ có lúc ấy thôi. Tôi cảm thấy khổ sở. Tôi nghĩ, *Mình sẽ sớm chết tại đây. Mình không muốn chết khi vừa, thốt ra những lời đó.*

Nhưng ánh đèn pin xoay ra khỏi phía tôi. Bố chỉ nói, “Bố mẹ sẽ ở trên nhà. Bố sẽ cho bữa ăn tối của con vào lò hâm.”

Tôi nhìn ánh đèn pin đi lui qua bãi cỏ, ngang mấy bụi hồng rồi đi lên phía nhà cho đến khi tắt ngấm không thấy đâu nữa. Tôi nghe tiếng cửa sau mở ra rồi đóng lại.

*Khi bạn chớp mắt nghĩ ngợi đôi chút, mặt nóng ran
cùng những cơn đau đầu, ác mộng ào vào giấc ngủ
như trút, chẳng thà thức còn hơn ngủ trong sầu...*

Có ai đó cười. Tôi ngừng hát và nhìn quanh nhưng không thấy ai.

“Bài ca ác mộng,” một giọng nói vang lên. “Sao mà phù hợp quá.”

Mụ ta bước lại gần hơn cho đến khi tôi thấy được mặt mụ ta. Mụ ta vẫn

gần như trần truồng và đang mỉm cười. Vài giờ trước, tôi đã thấy mẹ ta bị xé tan thành từng mảnh, nhưng giờ thì mẹ ta lành lặn. Vậy nhưng, trông mẹ ta ít rắn chắc hơn những người tôi đã thấy đêm đó; tôi còn thấy được ánh đèn trong nhà lung linh đằng sau mẹ ta, xuyên qua mẹ ta. Nụ cười của mẹ ta vẫn không đổi.

“Bà chết rồi mà,” tôi nói với mẹ ta.

“Phải. Ta bị ăn thịt mất rồi,” Ursula Monkton nói.

“Bà chết rồi. Bà không có thật.”

“Ta đã bị ăn thịt,” mẹ ta nhắc lại. “Ta không là gì cả. Nên chúng thả ta ra, chỉ một lát thôi, từ cái chôn bên trong chúng. Trong đó lạnh lẽo, trống trải lắm. Nhưng chúng đã hứa để mi cho ta, để ta còn có cái mà chơi; để ta có thứ bầu bạn trong bóng tối. Và khi mi bị ăn thịt mất rồi, mi cũng sẽ không là gì cả. Nhưng bất cứ thứ gì còn lại từ cái không là gì đó sẽ ở cùng ta, những mảnh bị nhai nuốt rồi tập trung lại cùng một chỗ ở trong đó sẽ là đồ chơi của ta, là thứ mua vui cho ta mãi mãi. Ta với mi sẽ rất chi là *vui*.”

Một bàn tay ma đưa lên chạm vào nụ cười, rồi nó thổi tới cho tôi bóng ma nụ hôn của Ursula Monkton.

“Ta sẽ chờ mi,” nó nói.

Trong bụi đỗ quyên đằng sau tôi có tiếng xào xạc, rồi một giọng thiếu nữ vui vẻ, trẻ trung nói, “Xong rồi. Bà của chị giải quyết chuyện đó rồi. Đã lo liệu mọi thứ cả rồi. Đi nào.”

Lúc này, mặt trăng đã ló ra bên trên bụi đỗ quyên, một mặt trăng lưỡi liềm sáng như cái viền móng tay dày.

Tôi ngồi xuống bên cái cây chết, không nhúc nhích.

“Đi nào ngốc. Chị bảo em rồi. Chúng về nhà rồi,” Lettie Hempstock nói.

“Nếu chị thật sự là Lettie Hempstock,” tôi bảo nó, “chị đến đây đi.”

Đứa con gái mờ ảo đó vẫn đứng yên. Rồi nó cười khanh khách, đuổi

người ra và rùng một cái, thì ra nó lại chỉ là một bóng ma khác, một bóng ma làm đầy đêm đen.

“Mi đang đói,” một giọng nói trong đêm cất lên, và đó không còn là giọng của Lettie nữa. Nó có thể là giọng nói bên trong đầu tôi, nhưng nó đang nói ra thành tiếng. “Mi đang mệt. Gia đình mi ghét bỏ mi. Mi không có bạn bè. Còn Lettie Hempstock hả, ta rất lấy làm tiếc mà cho mi biết, con bé sẽ không bao giờ quay lại nữa đâu.”

Tôi ước gì mình thấy được ai đang nói. Nếu ta có cái gì cụ thể và hữu hình để sợ thì sẽ dễ đối phó hơn là cái có thể là bất cứ thứ gì.

“Chẳng ai quan tâm đâu,” giọng đó nói, vừa cam chịu vừa thực tế. “Nào, bước ra khỏi vòng tròn mà đến với bọn ta đi. Chỉ cần một bước thôi mà. Cứ đặt một bàn chân qua ngưỡng, rồi thì bọn ta sẽ làm cho mọi đau đớn tiêu tan mãi mãi: cơn đau mi cảm thấy lúc này và cơn đau sẽ còn đến. Nó sẽ không bao giờ xảy ra.”

Đó không còn là một giọng đơn lẻ nữa. Đó là hai người đang đồng thanh nói. Hay một trăm người. Tôi không phân biệt được. Nhiều giọng quá.

“Làm sao mi sung sướng được trên cõi đời này? Mi có một cái lỗ trong tim. Bên trong mi có một cánh cổng dẫn đến những vùng đất ở phía bên kia của thế giới mi biết. Bao giờ mi lớn lên, chúng sẽ mời gọi mi. Không một phút giây nào mi quên được chúng, không có lúc nào mà trong lòng mi không tìm kiếm thứ gì đó mi không thể có, cái gì đó mi còn chẳng thể mừng tượng rõ ràng, không có nó thì giấc ngủ của mi, ngày tháng của mi và cả đời mi đều sẽ bị hủy hoại cho đến khi mi nhắm mắt lần cuối, cho đến khi người thân yêu của mi đầu độc mi và đem bán cho bên *giải phẫu*, và thậm chí lúc ấy mi cũng sẽ chết với cái lỗ bên trong, rồi mi sẽ than khóc nguyên rủa một cuộc đời yếu mệnh. Nhưng mi sẽ không lớn lên đâu. Mi hãy bước ra để bọn ta đặt dấu chấm hết cho những việc ấy một cách sạch sẽ, hoặc mi cứ chết rục trong đó vì đói khát và sợ hãi. Và khi mi chết thì cái vòng tròn của mi sẽ chẳng còn nghĩa lý gì nữa, rồi bọn ta sẽ moi tim mi ra

và lấy linh hồn mi làm kỷ niệm.”

“Có lẽ sự thể sẽ giống như vậy,” tôi nói với màn đêm và mấy cái bóng, “mà cũng có thể không. Và có lẽ, nếu đúng là vậy thì dù sao nó vốn đã giống như vậy rồi. Tôi chẳng thiết. Tôi sẽ ngồi đây chờ chị Lettie Hempstock và chị ấy sẽ quay lại với tôi. Còn nếu tôi chết ở đây, tôi cũng sẽ chết khi đang chờ chị ấy, mà làm theo cách đó thì hay hơn là để các người và tất cả những thứ khủng khiếp, ngu ngốc các người xé xác tôi ra từng mảnh bởi bên trong tôi có cái thứ mà tôi thậm chí còn chẳng *muốn*.”

Im lặng. Mấy cái bóng dường như lại một lần nữa biến thành một phần của đêm đen. Tôi ngẫm nghĩ điều mình vừa nói và biết đó là sự thật. Phút giây ấy, lần đầu tiên trong tuổi thơ mình, tôi không sợ bóng tối và *đã* hết sức sẵn sàng để chết (sẵn sàng như bất kỳ đứa bảy tuổi nào có thể sẵn sàng, những đứa luôn đinh ninh trong đầu là mình sẽ bắt tử), nếu như tôi chết trong khi chờ Lettie. Vì cô bé là bạn tôi.

Thời gian trôi qua. Tôi chờ đợi màn đêm lại bắt đầu nói chuyện với mình, chờ mọi người đến, chờ cả lũ bóng ma và yêu quái từ trí tưởng tượng của tôi đứng bên ngoài vòng tròn mà gọi tôi ra, nhưng tôi không thấy có gì khác nữa. Không phải lúc đó. Tôi chỉ đợi.

Mặt trăng lên cao hơn. Mắt tôi đã quen với bóng tối. Tôi hát lí nhí, miệng thì thào lặp đi lặp lại mấy câu.

Người ôm liên miên

Cổ thì bị vẹo,

Đạt đầu không khéo

Sàn ngáy o o,

Từ gót lên giò

Cứ tê tê mãi,

Da thịt sần gai

*Cẳng chân ngủ khê,
Ngón chân vọp bẻ
Mũi đậu chú ruồi
Phôi bông một nùi
Lưỡi thì nóng bốc,
Cổ khô không khóc
Cảm giác lông bông
Chẳng say giấc nồng...*

Tôi hát cho mình nghe cả bài, một hơi từ đầu chí cuối, hai hay ba lần, và tôi thấy nhẹ nhõm vì mình thuộc lời, dù cho không phải lúc nào tôi cũng hiểu được.

XIII.

Khi Lettie tới, lần này là Lettie thật, cô bé xách theo một xô nước. Nhìn dáng bộ cô bé thì chắc là nó khá nặng. Cô bé bước qua chỗ ắt hẳn là mép vòng cỏ rồi đi thẳng tới chỗ tôi.

“Xin lỗi nhé,” cô bé nói. “Việc này lâu hơn chị tưởng. Nó cũng không chịu hợp tác nên cuối cùng bà với chị phải cùng làm, và bà đã xách gần hết những thứ nặng. Nó không định tranh cãi với bà nhưng lại không thể giúp đỡ, vậy nên không dễ mà...”

“Gì cơ?” tôi hỏi. “Chị nói chuyện gì vậy?”

Cô bé để cái xô kim loại xuống bãi cỏ bên cạnh tôi mà không làm đổ lấy một giọt. “Đại dương,” cô bé nói. “Nó không chịu đi. Nó làm bà vất vả đến mức bà nói là mình sẽ phải đi ngả lưng một chút sau khi xong việc. Nhưng cuối cùng, bà với chị cũng cho nó vào xô được rồi.”

Nước trong xô lấp lánh, tỏa ra ánh sáng xanh lam pha chút màu lục. Nhờ nó mà tôi nhìn thấy mặt Lettie. Tôi thấy sóng gợn lăn tăn trên mặt nước, nhấp nhô và bắn lên thành xô.

“Em chẳng hiểu gì cả.”

“Chị không thể đưa em về chỗ đại dương,” cô bé nói. “Nhưng không có gì ngăn chị đưa đại dương đến chỗ em cả.”

Tôi nói, “Chị Lettie ơi, em thấy đói bụng. Em cũng không thích chuyện này.”

“Mẹ chị nấu bữa ăn tối xong rồi. Nhưng em sẽ phải chịu đói thêm chút nữa. Ở một mình trên này, em có sợ không?”

“Có chứ.”

“Chúng có tìm cách dụ em ra khỏi vòng tròn không?”

“Có.”

Cô bé bèn nắm cả hai tay tôi và siết chặt. “Nhưng em vẫn ở yên chỗ em phải ở và không nghe lời chúng. Giỏi lắm. Đó đúng là đức tính tốt,” giọng cô bé có vẻ tự hào. Trong khoảnh khắc đó, tôi quên mất cơn đói và nỗi sợ của mình.

“Giờ thì em phải làm gì?” tôi hỏi cô bé.

“Giờ,” cô bé nói, “em hãy bước vào trong xô. Em không cần phải cởi giày ra hay gì cả. Cứ bước vào thôi.”

Yêu cầu đó thậm chí còn chẳng có vẻ kỳ lạ nữa. Cô bé buông một tay tôi ra rồi giữ lấy tay kia. Tôi nghĩ, *Em sẽ không bao giờ buông tay chị ra đâu, trừ phi chị bảo*. Tôi bỏ một chân vào làn nước lung linh trong xô, làm nước dâng lên mấp mé mấp xô. Bàn chân tôi chạm xuống đáy xô bằng thiếc. Nước dưới chân tôi mát dịu chứ không lạnh. Tôi bỏ chân kia vào nước, vậy là tôi chìm xuống, chìm xuống như một pho tượng đá hoa cương, sóng đại dương của Lettie Hempstock khép lại trên đầu tôi.

Tôi cảm nhận được cú choáng ta thường cảm thấy khi đi thụt lùi mà không nhìn rồi ngã xuống hồ bơi. Nước làm cay mắt nên tôi cứ nhắm nghiền mắt thật chặt.

Tôi không biết bơi. Tôi không biết mình đang ở đâu hay chuyện gì đang xảy ra, nhưng ngay cả ở dưới nước tôi cũng cảm thấy được là Lettie vẫn còn nắm tay mình.

Tôi nín thở.

Tôi nín thở cho đến khi không còn nín thở thêm được nữa, thế rồi tôi phì ra một đám bong bóng và hít một hơi vào, tưởng sẽ bị sặc, sẽ ho sặc sụa mà chết.

Tôi không bị sặc. Tôi cảm thấy cái lạnh của nước - nếu đó đúng thật là nước - tràn vào mũi và cổ họng, cảm thấy nó dâng đầy trong phổi tôi, nhưng chỉ có thế. Nó không làm hại tôi.

Tôi nghĩ, *đây là thứ nước ta thở được*. Tôi nghĩ, *có lẽ chỉ có một bí mật về việc thở dưới nước, đó là việc này đơn giản đến mức ai cũng làm được, giá mà người ta biết*. Tôi đã nghĩ như vậy.

Đó là điều đầu tiên tôi nghĩ.

Điều thứ hai là tôi biết được mọi thứ. Đại dương của Lettie Hempstock trôi chảy trong tôi và làm đầy toàn thể vũ trụ, từ Trứng cho đến Hoa hồng*. Tôi biết vậy. Tôi biết Trứng là gì - là nơi vũ trụ bắt đầu, trước âm thanh của những giọng nói còn chưa sinh thành đang hát giữa hư vô - và tôi biết Hoa hồng ở đâu - sự gấp nếp lạ lùng của không gian này lên không gian khác tạo thành các chiều được xếp lại như nghệ thuật xếp giấy rồi nở bung ra như loài lan lạ, và nó sẽ ghi dấu khoảng thời gian tươi đẹp sau cùng trước khi xảy ra tàn cuộc của tất cả mọi thứ và vụ nổ Big Bang kế tiếp, một sự kiện mà giờ đây tôi đã biết là sẽ không hề giống như vụ nổ Big Bang mà ta vẫn biết.

Tôi biết rằng bà Hempstock sẽ có mặt ở đây khi nó xảy ra, cũng như bà đã ở đây vào lần gần đây nhất của sự kiện đó.

Tôi nhìn thấy thế giới tôi đã sống từ lúc chào đời và hiểu được là nó mong manh ra làm sao, rằng thực tại mà tôi biết chỉ là một lớp kem trang trí mỏng bên trên ổ bánh sinh nhật khổng lồ, đen kịt, lúc nhúc cả ấu trùng với ác mộng và sự đói khát. Tôi thấy thế giới từ trên cao và từ bên dưới. Tôi thấy nào là hình mẫu rồi công vào và lối đi ở bên kia cái thực hữu. Tôi thấy hết mọi thứ và hiểu được chúng, còn chúng dâng đầy trong tôi cũng như những tầng nước đại dương lấp đầy tôi.

Mọi thứ thì thâm bên trong tôi. Mọi thứ nói với mọi thứ, và tôi hiểu được tất cả những điều đó.

Tôi mở mắt ra, tò mò muốn biết sẽ nhìn thấy gì ở thế giới bên ngoài tôi, xem nó có giống gì với thế giới bên trong tôi hay không.

Tôi đang bồng bênh dưới đáy nước.

Tôi nhìn xuống thì thấy thế giới màu xanh bên dưới tôi lù vào vùng tối. Tôi nhìn lên thì thấy thế giới bên trên tôi cũng vậy. Không có gì kéo tôi xuống sâu hơn, cũng không có gì đẩy tôi lên bề mặt.

Thế rồi, tôi hơi quay đầu một chút để nhìn cô bé vì cô bé vẫn nắm tay tôi, chưa hề buông ra, và tôi thấy Lettie Hempstock.

Mới đầu, tôi không nghĩ mình biết cái mình đang nhìn là gì. Tôi không hiểu nó là gì. Trong khi Ursula Monkton được làm từ vải xám, cứ đập phành phạch, vun vút và giật từng cơn trong gió bão thì Lettie Hempstock được làm từ những tấm vải mềm mại như lụa tơ, có màu băng đá, điểm li ti những ngọn lửa nền lung linh, hàng trăm hàng vạn ánh lửa nền.

Có loại lửa nền cháy được dưới nước sao? Có đấy. Tôi biết vậy khi ở dưới đại dương, tôi còn biết làm sao mà có nó nữa kia. Tôi hiểu nó cũng giống như tôi hiểu vật chất tối, thứ vật chất của vũ trụ đã tạo thành mọi thứ hẳn là vẫn tồn tại nhưng ta không thể tìm ra. Tôi thấy mình nghĩ về một đại dương trôi chảy bên dưới toàn thể vũ trụ, như nước biển thăm màu vố về bên dưới những mảnh ván của một cầu tàu cũ: một đại dương trải dài từ bất tận cho đến bất tận mà vẫn nhỏ đủ để vừa vào một cái xô, nếu ta tử tế hỏi nhờ bà Hempstock giúp sức.

Lettie Hempstock trông giống như tấm lụa nhạt màu và những ngọn lửa nền. Tôi thắc mắc không biết cô bé sẽ nhìn thấy tôi như thế nào ở nơi ấy, và tôi biết rằng thậm chí tôi có ở nơi chỉ toàn là tri thức thì duy chỉ có điều đó là tôi không thể biết. Rằng nếu tôi nhìn vào trong thì sẽ chỉ thấy những tấm gương vô tận soi vào chính mình mãi mãi.

Tấm lụa đầy ánh lửa nền bèn chuyển động, một động tác chậm rãi, duyên dáng theo kiểu ở dưới nước. Dòng nước kéo nó, giờ thì nó có hai cánh tay cùng bàn tay không bao giờ buông tay tôi ra và một thân người với gương mặt tàn nhang thân quen, rồi nó mở miệng nói bằng giọng của Lettie Hempstock, “Chị thật lòng xin lỗi.”

“Về chuyện gì?”

Cô bé không đáp. Những dòng đại dương lùa tóc và áo quần tôi như từng làn gió hây hây mùa hè. Tôi không còn thấy lạnh nữa, tôi hiểu ra mọi thứ, tôi không thấy đói, còn toàn thể thế giới rộng lớn, phức tạp đã trở nên đơn giản, dễ hiểu và dễ khám phá. Tôi sẽ ở lại nơi này cho đến cùng tận thời gian trong đại dương là vũ trụ, là linh hồn, là tất cả những gì hệ trọng này. Tôi sẽ ở lại đây mãi mãi.

“Em không thể,” Lettie nói. “Nó sẽ hủy diệt em mất.”

Tôi mở miệng định nói với cô bé rằng giờ thì không gì có thể giết chết tôi, nhưng cô bé đã nói, “Không phải giết em. Hủy diệt em. Làm em tan biến. Em sẽ không chết trong đây, chưa từng có gì chết trong đây cả, nhưng nếu em ở lại đây quá lâu thì chỉ một chút xíu con người em sẽ tồn tại ở khắp nơi, rải ra mỗi nơi một chút. Mà điều đó thì không nên. Không bao giờ có đủ toàn thể bản thân em ở một chỗ nên sẽ không còn lại gì có thể tự cho nó là một cái *Tôi* cả. Không còn góc nhìn cụ thể nữa, bởi vì em sẽ là một chuỗi vô tận những góc nhìn và quan điểm...”

Tôi định cãi lại cô bé. Cô bé sai rồi, chắc chắn là cô bé sai: tôi thích nơi ấy, trạng thái ấy, cảm giác ấy và tôi sẽ không bao giờ rời nó mà đi đâu.

Thế rồi, đầu tôi trôi lên mặt nước, mắt chớp chớp, miệng ho sặc sụa, và tôi đang đứng dưới cái ao nước cao tới ngang bắp vế đằng sau trang trại Hempstock, còn Lettie Hempstock đang đứng bên cạnh nắm tay tôi.

Tôi lại ho và thấy như nước đang từ mũi, cổ họng và phổi mình trào ra. Tôi hít không khí trong lành vào lồng ngực trong ánh sáng của ông trăng mùa gặt to tròn soi trên mái ngói đỏ nhà Hempstock, và trong một khoảnh khắc hoàn hảo sau cùng, tôi vẫn còn biết được mọi thứ: tôi nhớ là mình biết cách làm sao để trăng tròn khi cần, và đêm đêm soi sáng ngay sau lưng nhà.

Tôi biết mọi thứ, nhưng Lettie Hempstock đang kéo tôi ra khỏi ao.

Tôi vẫn mặc bộ đồ kiểu xưa kỳ lạ được đưa cho hồi sáng, và khi ra khỏi

ao, bước lên đám cỏ viền bên ao, tôi phát hiện ra là áo quần, da dẻ mình lúc này khô rang. Đại dương đã về lại trong ao, và như thể vừa tỉnh dậy sau một giấc mơ ngày hè, tôi chỉ còn biết mỗi một điều là chỉ mới đây thôi, tôi còn biết được mọi điều.

Tôi nhìn Lettie trong ánh trăng. “Có phải đối với chị thì nó là như vậy không?” tôi hỏi.

“*Cái gì là như vậy đối với chị?*”

“Chị vẫn luôn biết hết mọi thứ phải không?”

Cô bé lắc đầu. Cô bé không mỉm cười. Cô bé nói, “Biết được mọi thứ thì chán lắm. Nếu định rong chơi ở đây thì ta phải từ bỏ tất cả những thứ ấy.”

“Vậy là chị *đã từng* biết mọi thứ?”

Cô bé chun mũi. “Ai cũng vậy cả. Chị bảo em rồi mà.

Biết mọi chuyện vận hành ra sao thì có gì đặc biệt đâu nào. Và nếu ta muốn vui chơi thì phải thật sự từ bỏ tất cả những thứ ấy.”

“Chơi *cái gì cơ?*”

“Cái này này,” cô bé nói. Cô bé khoát tay về phía ngôi nhà, bầu trời, mặt trăng tròn không thể tưởng, đàn vịt trời, những tấm khăn san và từng chòm sao sáng.

Tôi ước mình hiểu cô bé muốn ám chỉ điều gì. Cô bé như đang nói về một giấc mơ chúng tôi đã cùng mơ. Trong một thoáng, nó gần trong tâm trí tôi đến mức tôi như sắp chạm được nó.

“Chắc em đói lắm rồi,” Lettie nói, vậy là khoảnh khắc ấy vỡ tan, và phải, tôi đói lắm, cơn đói ấy ngốn hết cả tâm trí và nuốt trọn những giấc mơ còn vương vấn trong tôi.

Ở chỗ của tôi trên bàn trong căn bếp thật rộng ở căn nhà trang trại có để sẵn một chiếc đĩa. Trên đĩa có một phần bánh nhân thịt, khoai tây nghiền có màu nâu giòn tan trên mặt, thịt băm với rau và nước sốt bên dưới. Tôi sợ

phải ăn khi không ở nhà, sợ rằng tôi sẽ muốn bỏ thừa món mình không thích rồi bị rầy la hay bị ép ngồi ăn từng phần nhỏ xíu cho kỳ hết như ở trường, nhưng thức ăn ở nhà Hempstock bao giờ cũng tuyệt hảo. Tôi không sợ ăn mấy món đó.

Bác Ginnie Hempstock đang ở đó, tròn trịa và niềm nở, mặc tạp dề lằng xằng tíu tíu. Tôi cúi đầu ăn, không trò chuyện, múc thứ thức ăn để chịu vào miệng. Hai mẹ con nhà Hempstock nói giọng khe khẽ, cấp bách.

“Chúng sẽ đến đây ngay thôi,” Lettie nói. “Chúng không ngu đâu. Chúng sẽ không chịu bỏ đi cho đến chừng nào ăn sạch sành sanh đến mẩu cuối cùng thứ đã khiến chúng đến .

Mẹ cô bé khịt mũi. Hai má bác ửng hồng vì sức nóng lửa bếp. “Nói bậy nào,” bác nói. “Bọn chúng ấy hả, chỉ toàn miệng là miệng thôi.”

Tôi chưa từng nghe cách diễn đạt đó bao giờ nên tôi nghĩ bác nói những sinh vật đó chỉ là miệng chứ không phải gì khác. Xem ra mấy bóng đen đó thực sự chỉ là miệng mà thôi. Tôi đã thấy chúng ngấu nghiến cái thứ xám xịt tự xưng là Ursula Monkton.

Bà thường rầy la tôi vì ăn như con thú hoang. “Con phải xơi” bà thường nói, “tức là ăn như người, không phải như *in*, tức là con lợn. Khi thú ăn, chúng *ngốn*. Người thì xơi. Ăn như một người đường hoàng xem nào.” *Xơi ngốn*-, đó là cách lũ chim đói ăn Ursula Monkton, và tôi tin chắc đó cũng sẽ là cách chúng ăn sạch bách tôi.

“Con chưa bao giờ thấy chúng đông như vậy,” Lettie nói. “Ngày xưa khi đến đây, chúng chỉ có dăm ba con.”

Bác Ginnie rót cho tôi một cốc nước. “Đó là lỗi của con,” bác nói với Lettie. “Con đã phát tín hiệu đi và gọi chúng. Con giống như rung chuông báo giờ ăn ấy. Thảo nào chúng đến cả lũ.”

“Con chỉ muốn làm sao cho chắc là *mụ ta* đi khỏi thôi mà,” Lettie nói.

“Cái loài bọ chết. Chúng như gà ấy, ra khỏi chuồng rồi vênh vác và

dương dương tự đắc là mình muốn ăn sâu rồi bỏ cánh cứng hay sâu bướm bao nhiêu tùy thích, đến độ không bao giờ nghĩ đến lũ cáo,” bác Ginnie nói. Bác khuấy nồi kem sữa trứng trên bếp lò bằng cái muỗng gỗ dài thành từng nhát lớn và bực dọc. “Dù sao thì giờ ta đã có cáo rồi. Và ta sẽ cho cả đám chúng về nhà, cũng như ta đã làm mấy lần trước khi chúng rình rập đánh hơi quanh đây. Ta đã làm vậy rồi, đúng không nào?”

“Không hẳn,” Lettie đáp. “Hoặc là ta cho con bỏ chết về nhà, rồi thì lũ sâu mọt sẽ không còn lý do gì để lảng vảng nữa, như con bỏ chết dưới hầm vào thời Cromwell ấy, hoặc là chúng đến ăn cái đã kéo chúng đến đây rồi bỏ đi. Như con bỏ chết béo ú biến giấc mơ của thiên hạ thành sự thật vào thời Rufus Mặt Đỏ. Chúng ăn thịt lão ta rồi bay đi mất. Trước đây, ta chưa bao giờ phải đuổi chúng.”

Mẹ cô bé nhún vai. “Cũng vậy cả thôi. Ta cứ cho chúng về chỗ ban đầu của chúng là được.”

“Vậy chúng từ đâu đến?” Lettie hỏi.

Lúc này, tôi đã ăn chậm lại và đang vừa cố nhâm nhi thật lâu những mẩu bánh thịt băm cuối cùng vừa dùng nĩa thông thả lùa bánh trong đĩa.

“Chuyện đó không quan trọng,” bác Ginnie nói. “Cuối cùng rồi cả lũ chúng cũng sẽ kéo nhau về thôi. Có lẽ chỉ vì đâm ra chán phải chờ.”

“Con đã cố xua cho chúng bay vòng vòng,” Lettie Hempstock nói thật đơn giản. “Không kéo được chúng đi đâu cả. Con dùng mái vòm bảo vệ giữ chúng lại, nhưng cái đó không giữ được lâu hơn nữa. Ta ở đây thì tốt rồi - không thứ gì có thể bước vào trang trại này mà không được phép của ta.”

“Nội bắt xuất, ngoại bắt nhập,” bác Ginnie nói. Bác dọn cái đĩa tôi đã ăn hết đi, thay vào bằng một bát đựng lát bánh ngọt có hoa quả sấy khô còn nghi ngút khói với một lớp dày kem sữa trứng vàng xèo xèo tràn trên mặt.

Tôi sung sướng ăn.

Tôi không nhớ những gì tuổi thơ của mình, nhưng tôi nhớ rằng mình

vẫn lấy làm vui sướng với những điều nhỏ nhất, ngay cả khi những thứ lớn lao hơn đã tan tành. Tôi không làm chủ được thế giới mình sống, không thể quay lưng trốn tránh những sự việc, con người hay khoảnh khắc làm mình đau lòng, nhưng tôi lấy làm vui sướng với những thứ làm mình hạnh phúc. Món kem sữa trứng ngọt ngào béo ngậy trong miệng tôi, quả lý chua đen phồng có hương thơm phức trong lát bánh ngọt dịu và dày đến độ tôi phải nhai mỗi cả miệng, dù rằng có lẽ đêm đó tôi sẽ chết và không bao giờ còn về nhà được nữa nhưng đó quả là một bữa ăn tối ngon lành, và tôi tin tưởng Lettie Hempstock.

Thế giới bên ngoài căn bếp vẫn đang đợi chờ. Con mèo nhà màu xám khói của gia đình Hempstock - tôi không nghĩ mình đã từng biết được tên nó - bước êm đềm khắp bếp. Điều đó nhắc tôi nhớ...

“Bác Hempstock ơi? Mèo con có còn ở đây không ạ? Con màu đen có tai trắng ấy?”

“Tối nay thì không,” bác Ginnie Hempstock nói. “Nó đi đây đi đó rồi. Cả buổi chiều, nó ngủ trên ghế dựa trong hành lang.”

Tôi ước được vuốt bộ lông mượt mịn của nó. Tôi nhận ra là mình muốn chào tạm biệt.

“Ừm. Con nghĩ rằng. Tối nay. Nếu con *thật sự*. Phải chết,” tôi cất lời, ngập ngừng, không chắc mình muốn nói gì. Tôi nghĩ mình muốn nhờ vả một chuyện gì đó - nhờ họ chào từ biệt bố mẹ tôi hay nói với em tôi rằng thật không công bằng vì chưa bao giờ có gì xấu xảy ra cho nó: rằng đời nó sung sướng, an lành và được chở che, trong khi tôi cứ suốt ngày gặp phải tai ương. Nhưng dường như nói gì cũng không ổn nên tôi thấy nhẹ lòng khi bị bác Ginnie ngắt lời.

“Tối nay sẽ chẳng ai chết cả,” bác Ginnie Hempstock nói dứt khoát. Bác lấy cái bát tôi đã ăn hết đem tới chậu rửa sạch rồi lau khô tay vào tạp dề. Bác cởi tạp dề, đi ra ngoài hành lang rồi ít phút sau quay lại, mặc một chiếc

áo choàng nâu trơn và mang đôi ủng cao su to tướng màu xanh lục.

Lettie có vẻ không được tự tin như bác Ginnie. Nhưng dù với tuổi tác và trí khôn ấy, Lettie vẫn là một đứa con gái, trong khi bác Ginnie là người lớn nên sự tự tin ở bác khiến tôi thấy vững dạ. Tôi tin tưởng cả hai người.

“Bà Hempstock đâu rồi ạ?” tôi hỏi.

“Đang ngả lưng,” bác Ginnie nói. “Bà không còn trẻ trung như xưa nữa.”

“Bà cụ *bao nhiêu* tuổi rồi ạ?” tôi hỏi dù không nghĩ sẽ nhận được câu trả lời. Bác Ginnie chỉ mỉm cười, còn Lettie nhún vai.

Khi chúng tôi rời căn nhà trang trại, tôi nắm lấy tay Lettie, tự hứa lần này sẽ không buông ra.

XIV.

Khi tôi bước qua cửa sau vào căn nhà trang trại thì mặt trăng đang tròn đầy, và đó là một đêm hè tuyệt hảo. Khi tôi đi cùng Lettie Hempstock và mẹ cô bé qua cửa trước ra khỏi nhà thì mặt trăng lại là nụ cười cong cong trắng ngần, cao tít trên một đám mây âm u, màn đêm có những làn gió xuân nhẹ bất ngờ, do dự thổi từ hướng này rồi lại từ hướng khác đến; chốc chốc, luồng gió lại mang theo một cơn mưa bụi lất phất chứ không bao giờ nặng hạt hơn.

Chúng tôi băng qua sân trang trại nồng mùi phân bón rồi đi về đầu đường làng. Chúng tôi đi ngang một khúc quanh trên đường và dừng lại. Dù trời hãy còn tối nhưng tôi vẫn biết chính xác chúng tôi đang ở đâu. Đây là nơi mọi chuyện bắt đầu. Đó là góc đường mà ông thợ mỏ đá mắt mèo đồ chiếc Mini trắng của nhà chúng tôi lại, là nơi người đàn ông với bộ mặt có màu nước ép lựu phải chết khổ sở một mình vì số tiền đã mất, trên rìa đất nhà Hempstock, nơi những rào chắn ngăn cách sự sống với cái chết thật mong manh.

Tôi nói, “Con nghĩ ta nên đánh thức bà Hempstock dậy.”

“Mọi chuyện không diễn ra như thế được đâu,” Lettie nói. “Khi thắm mệt, bà sẽ ngủ cho đến chừng nào bà tự dậy. Dăm ba phút hay cả trăm năm. Không có chuyện đánh thức bà đâu. Thà thử đánh thức bom nguyên tử còn hơn.”

Bác Ginnie Hempstock đứng chôn chân giữa đường làng, xoay mặt khỏi hướng nhà trang trại.

“Được!” bác quát vào màn đêm. “Bọn bây ở đâu ra đây xem nào.”

Không có gì xảy ra. Một luồng gió ướt giật từng cơn rồi tan.

Lettie nói, “Có lẽ chúng đã về nhà cả rồi chẳng...?”

“Chúng về rồi thì tốt,” bác Ginnie nói. “Mấy thứ ba hoa nhảm nhí này.”

Tôi cảm thấy có lỗi. Tôi biết đó là lỗi của mình. Nếu tôi cứ nắm tay Tettie thì đã không có chuyện gì xảy ra. Ursula Monkton, lũ chim đói, những thứ này rõ ràng là trách nhiệm của tôi. Thậm chí cả chuyện xảy ra - cũng có thể bây giờ đã không còn xảy ra nữa - trong bồn tắm lạnh lẽo đêm trước nữa.

Tôi có một ý nghĩ.

“Chị không cắt nó ra được sao? Cái thứ trong tim em mà chúng muốn ấy? Chắc là chị biết cách cắt nó ra như bà đã cắt các thứ đêm qua chứ?”

Lettie siết tay tôi trong bóng tối.

“Có lẽ bà thì làm vậy được, nếu bà ở đây,” cô bé nói. “Chị thì không. Chị cũng không nghĩ mẹ làm được. Việc đó khó lắm, để lấy các thứ ra khỏi thời gian: ta phải làm sao cho chắc mọi mép đều thẳng hàng lại, và ngay cả bà không phải lúc nào cũng làm đúng. Mà chuyện này còn khó hơn vậy nữa. Nó là thứ có thật. Chị không nghĩ là bà có thể lấy tim em ra mà không làm nó bị thương. Mà em thì cần có trái tim.” Rồi cô bé nói, “Chúng tới kìa.”

Nhưng tôi biết đang có điều gì đó xảy ra, biết còn trước cả khi cô bé nói gì. Đây là lần thứ hai tôi thấy mặt đất bỗng vàng rực lên; tôi nhìn cây cỏ, bờ giậu, mấy khóm dương liễu và những bông hoa thủy tiên vàng lẻ loi còn lại bắt đầu tỏa một ánh sáng lơ mơ, lóng lánh. Tôi nhìn quanh, phần sợ hãi, phần ngạc nhiên, và thấy rằng ánh sáng rực rỡ nhất đến từ đằng sau nhà và ở hướng Tây, nơi có cái ao.

Tôi nghe thấy tiếng những đôi cánh mạnh mẽ đập, rồi một chuỗi tiếng thùm thụp ì ầm. Tôi quay lại thì thấy chúng: bầy kèn kèn của hư vô, loài ăn xác thối, lũ chim đói.

Ở đây thì chúng không còn là những bóng đen nữa. Chúng vô cùng thật và đang hạ xuống trong bóng đêm, ngay bên kia quang sáng vàng rực từ mặt

đất. Chúng đậu giữa không trung và trên cây rồi nhích dần, nhích dần về phía trước, cổ tới thật gần mặt đất vàng rục ở trang trại nhà Hempstock. Chúng to lớn cực kỳ - mỗi con còn to hơn cả tôi.

Dù vậy, nếu phải mô tả mặt chúng thì tôi sẽ thấy lúng túng. Tôi có thể thấy được chúng, nhìn chúng, quan sát từng đường nét, nhưng tôi vừa quay đi thì chúng đã mất tăm, và trong tâm trí tôi, nơi đã từng có lũ chim đói, giờ chỉ còn lại những cái mỏ để xé xác, móng vuốt, xúc tu ngo nguậy cùng phần hàm dưới cứng cáp và lông lá. Tôi không lưu giữ được hình ảnh bộ mặt thật của chúng trong đầu. Khi tôi quay đi, ký ức duy nhất về chúng mà tôi còn giữ lại được là chúng đã nhìn chòng chọc vào tôi và chúng đang đói rã họng.

“Được rồi, những con thú đẹp đẽ và kiêu hãnh của ta,” bác Ginnie Hempstock nói to lên. Hai tay bác chống bên hông chiếc áo choàng nâu. “Bọn bây không được ở lại đây. Bọn bây biết vậy mà. Đến lúc đi tiếp rồi.” Rồi bác chỉ nói, “Biển đi.”

Lũ chim đói nhiều vô số kể ấy động đậy và bắt đầu phát ra tiếng động, nhưng chúng không di chuyển. Tôi tưởng chúng đang nhỏ to với nhau cho đến khi tôi nhận ra tiếng ồn chúng tạo nên là tiếng cười khúc khích khoái trá.

Giọng chúng rõ ràng nhưng xoắn xít vào nhau nên tôi không biết con nào đang nói.

- Bọn ta là chim đói. Bọn ta đã ngẫu nhiên cung điện, các thế giới, vua chúa rồi cả những tinh cầu. Bọn ta muốn ở lại bất cứ đâu cũng được.

- Bọn ta thực hiện chức năng của mình.

- Bọn ta là cần thiết.

Rồi chúng cười to đến mức nghe như có đoàn tàu đang tới gần. Tôi nắm chặt tay Lettie và cô bé siết chặt tay tôi.

- Đưa thằng bé đây cho bọn ta.

Bác Ginnie nói, “Bọn bây chỉ phí thời gian thôi, còn làm mất thời gian

của ta nữa. Về nhà đi.”

- Bọn ta được gọi đến đây. Bọn ta không cần phải đi cho đến chình nào làm xong việc đã kéo bọn ta đến đây. Bọn ta trả mọi thứ về đúng chỗ như chúng vốn phải vậy. Bà muốn tước đi chức năng của bọn ta sao?

“Tất nhiên là ta sẽ làm vậy,” bác Ginnie nói. “Bọn bây đã có bữa ăn tối rồi. Giờ bọn bây chỉ biến mình thành thứ phiền toái thôi. Hãy đi đi. Lũ sâu mọt hấp háy. Ta coi số phận của bọn bây còn không đáng một xu nữa là. Về nhà đi!” rồi bác phẩy tay làm cử chỉ xua đi.

Một con trong bọn buột ra một tiếng ré dài, than vãn, đầy thèm khát và thất vọng.

Lettie nắm tay tôi cương quyết. Cô bé nói, “Cậu bé được chúng ta che chở. Cậu bé ở trên đất của chúng ta. Và bọn bây mà bước một bước vào đất chúng ta thì bọn bây tàn đời. Vậy nên hãy đi đi.”

Bầy thú như bu lại gần hơn nữa. Đêm Sussex im ắng: chỉ có lá cây xạc xào trong gió, chỉ có tiếng cú kêu xa xa, chỉ có tiếng gió nhẹ vi vu thổi qua; nhưng trong cảnh tĩnh mịch đó, tôi còn nghe được lũ chim đói hóp bàn, cân nhắc các lựa chọn, trù đường tính lối. Và trong cảnh vắng lặng đó, tôi cảm thấy mắt chúng đổ dồn vào mình.

Trên một ngọn cây, có thứ gì đó vỗ đôi cánh không lồ và kêu ré lên, một tiếng quàng quạc vừa đặc thảng vừa khoái trá, một tiếng kêu quả quyết vì đói khát và mừng vui. Tôi cảm thấy có gì đó trong ngực mình phản ứng lại với tiếng thét, như thể có những mảnh vụn đá cực kỳ li ti trong tim tôi vậy.

- Bọn ta không thể bước qua ranh giới. Điều này đúng. Bọn ta không thể đem đũa nhỏ đi khỏi đất của các người. Điều này cũng đúng. Bọn ta không thể làm phương hại đến trang trại của các người hay sinh vật của các người...

“Đúng đây. Bọn bây không thể. Vậy nên rút đi! Về nhà đi. Chẳng phải

bọn bây còn phải quay về một cuộc chiến tranh hay sao?”

- *Bọn ta không thể làm hại thế giới của các người, đúng.*

- *Nhưng bọn ta có thể gây hại cho cái này.*

Một con chim đói chọc cái mỏ nhọn hoắt xuống nền đất dưới chân rồi bắt đầu mổ - không phải như một sinh vật ăn đất và cỏ mà như thể nó đang ấn một tấm màn hay một mẫu phong cảnh vẽ thế giới. Nơi nó ngấu nghiến cỏ thì không còn lại gì - một mảng rỗng không hoàn toàn, chỉ có một màu làm tôi nhớ đến màu xám, nhưng đó là một màu xám không hình thù, nhấp nháy như sọc màu chạy trên màn hình tivi khi ta dờn chỗ dây ăng ten khiến hình ảnh mất tiêu.

Đây là khoảng không. Không phải bóng tối, không phải hư vô. Đây là cái nằm bên dưới tấm mạng thưa thực tại.

Và thế là lũ chim đói bắt đầu đập phành phạch và kéo đàn kéo lũ đến.

Chúng đậu trên một cây sồi to rồi mổ rìa, nhai nuốt, và nhoáng một cái, cái cây đã biến mất cùng với mọi thứ đã từng có đằng sau nó.

Một con cáo lén ra khỏi bờ giậu rồi rón rén đi dọc đường làng, mắt cùng mắt và đuôi nó vàng ruộm trong ánh đèn trang trại. Nó băng qua chưa được nửa đường thì đã bị xé toạc khỏi thế giới, và đằng sau nó chỉ còn là khoảng không.

Lettie nói, “Nhu thằng bé đã nói. Ta phải đánh thức bà dậy thôi.”

“Bà không thích vậy đâu,” bác Ginnie nói. “Thà thử đánh thức...”

“Chẳng sao cả. Nếu ta không đánh thức bà dậy thì chúng sẽ hủy diệt toàn thể vũ trụ này.”

Bác Ginnie chỉ nói, “Ta không biết làm thế nào để đánh thức bà dậy.”

Một đám chim đói bay lên một mảng trời đêm có những vì sao ló dạng qua kẽ hở trong mây, rìa một chòm sao có hình con diều mà tôi chưa bao giờ gọi tên được, rồi chúng cào cấu, xâu xé, nhòm nhòm và nhai nuốt. Trong vài nhịp tim, nơi đã từng có chòm sao và bầu trời giờ chỉ còn là một

khoảng hư vô thoi thóp làm mắt tôi nhức nhối nếu nhìn thẳng vào.

Tôi là một đứa trẻ bình thường. Nghĩa là, tôi ích kỷ và không tin chắc cho lắm sự tồn tại của những thứ không phải là mình, và tôi tin chắc, chắc chắn như bàn thạch không thể nào lay chuyển được, rằng tôi là thứ quan trọng nhất trong hoàn vũ. Với tôi thì không có gì quan trọng hơn chính mình.

Dù là vậy, tôi hiểu cái mình đang nhìn thấy. Lũ chim đói sẽ - không phải, *đang* - xé sạch thế giới, xé tan nó thành hư không. Chẳng mấy chốc sẽ không còn thế giới nữa. Mẹ tôi, bố tôi, em tôi, căn nhà của tôi, bạn học của tôi, thị trấn của tôi, ông bà tôi, Luân Đôn, Viện Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên, nước Pháp, truyền hình, sách, Ai Cập cổ đại - vì tôi mà tất cả những thứ này sẽ biến mất, và thay vào đó sẽ là hư không.

Tôi không muốn chết. Hơn thế nữa, tôi không muốn chết như cách Ursula Monkton đã chết, bên dưới móng vuốt và mấy cái mỏ xé xác của những thứ thậm chí còn không có mặt mũi chân tay.

Tôi không muốn chết chút nào. Hãy hiểu điều đó.

Nhưng tôi không thể để mặc mọi thứ bị phá hủy khi tôi nắm trong tay khả năng ngăn chặn thảm họa ấy.

Tôi buông tay Lettie Hempstock ra rồi cắm đầu cắm cổ chạy thật nhanh vì biết rằng nếu chân chừ, hay ngay cả chạy chậm lại, thì tôi sẽ đổi ý, mà chuyện đó sẽ là điều tệ hại, và điều đó sẽ cứu mạng tôi.

Tôi đã chạy được bao xa? Tôi cho là không xa lắm, như chuyện vẫn thường xảy ra như vậy.

Lettie Hempstock đang gào lên kêu tôi dừng lại, nhưng tôi vẫn chạy băng qua vùng đất trang trại, băng qua từng cọng cỏ, từng viên cuội trên đường làng, từng cây dương liễu và hàng rào cây phiếp lá vàng, tôi chạy về phía bóng tối bên ngoài vùng đất nhà Hempstock. Tôi chạy và giận mình vì đã chạy, như tôi đã giận mình lần tôi nhảy xuống từ ván cao ở hồ bơi. Tôi

biết rằng sẽ không còn đường quay lại, rằng chuyện này không thể có kết cục nào khác ngoài nỗi đau, nhưng tôi biết rằng tôi sẵn sàng đánh đổi cuộc đời mình vì thế giới.

Khi tôi chạy tới chỗ lũ chim đói, chúng cất cánh bay lên không trung như bồ câu vụt bay lên khi ta chạy tới. Chúng đang xoay tròn và lượn vòng, những bóng đen sâu thẳm trong đêm tối.

Tôi đứng đó trong bóng tối chờ cho chúng sà xuống. Tôi chờ mấy cái mở của chúng xé toang ngực tôi ra, chờ cho chúng ngấu nghiến tim tôi.

Tôi đứng đó có lẽ chỉ trong hai nhịp tim mà thấy như vô tận.

Chuyện đó xảy ra.

Có gì đó đâm sầm vào tôi từ đằng sau và hát tôi ngã úp mặt xuống vũng bùn bên vệ đường. Mắt tôi nổ đom đóm. Mặt đất thoi vào bụng làm tôi tức thở.

(Đến đây, một ký ức ma mị hiện lên: một khoảnh khắc ma quái, một hình ảnh phản chiếu chập chờn trong vùng ký ức. Tôi biết khi cái lũ ăn xác thối ấy moi tim tôi ra thì sẽ có cảm giác thế nào. Cảm giác thế nào khi lũ chim đói toàn miệng là miệng khoét vào lồng ngực tôi mà giật trái tim vẫn đang đập ra rồi ngấu nghiến để tìm ra cái ẩn giấu bên trong. Tôi biết chuyện đó có cảm giác ra sao, như thể nó thật sự là một phần sự sống của tôi, một phần cái chết của tôi. Thế rồi, ký ức cắt và rọc, gọn gàng, và...)

Một giọng nói vang lên, “Đồ ngốc! Đừng nhúc nhích. Đừng,” và giọng đó là của Lettie Hempstock, mà có muốn tôi cũng chẳng nhúc nhích được. Cô bé nằm đè lên người tôi, cô bé nặng hơn tôi, cô bé đang xô tôi xuống cỏ và nền đất ướt nên tôi không thấy gì được.

Dù vậy, tôi cảm thấy chúng.

Tôi cảm thấy chúng lao vào cô bé. Cô bé đang ghì tôi xuống, biến mình thành rào chắn giữa tôi và cõi đời.

Tôi nghe giọng Lettie rên rỉ vì đau đớn.

Tôi cảm thấy cô bé run bần bật và co rúm.

Những tiếng kêu đói khát mừng chiến thắng vang lên thật xấu xí, và tôi có thể nghe thấy tiếng chính mình thút thít rên rỉ rõ mồn một bên tai.

Một giọng nói thốt lên, “Chuyện này không thể chấp nhận được.”

Giọng nói đó nghe thật quen thuộc, dẫu vậy, tôi không thể nhận ra nó hay cử động để xem ai đang nói.

Lettie đang nằm trên người tôi, vẫn còn run bần bật, nhưng khi giọng nói đó cất lên thì cô bé không còn động đậy nữa. Giọng nói đó tiếp tục, “Bọn bây lấy quyền gì mà làm hại cháu của ta?”

Im lặng một lúc. Thế rồi,

- *Nó xen vào giữa bọn ta và con mỗi hợp lệ của bọn ta.*

“Bọn bây là chim ăn xác thối. Quân ăn thịt thối rữa, rác rưởi, đồ bỏ đi. Bọn bây là hạng hốt dụn. Bọn bây tưởng bọn bây làm hại gia đình ta được sao?”

Tôi biết ai đang nói. Giọng nói đó nghe như bà của Lettie, như bà Hempstock. Tôi biết là giống giọng bà, nhưng lại không giống gì cả. Nếu bà Hempstock là nữ hoàng thì bà sẽ nói như vậy, một giọng nói khoa trương, trang trọng mà vẫn du dương hơn giọng bà cụ tôi biết.

Có gì ảm và ảm làm ướt sũng lưng tôi.

- *Đừng... Xin đừng, thưa lệnh bà.*

Đó là lần đầu tôi nghe thấy nỗi sợ hay ngờ vực trong giọng một con chim đói.

“Đã có hiệp ước, rồi lại có luật lệ và thỏa thuận, vậy mà bọn bây vi phạm hết.”

Thế rồi, có một khoảng im lặng, và nó còn có giá trị hơn cả lời nói. Chúng không còn biết nói gì.

Tôi cảm thấy tấm thân Lettie trên người tôi lân ra, rồi khi nhìn lên, tôi

thấy gương mặt từng trải của bác Ginnie Hempstock. Bác ngồi bệt giữa mặt đất bên vệ đường, còn tôi vùi mặt trong ngực bác. Một tay bác ôm tôi, tay kia ôm Lettie.

Từ mấy cái bóng, một con chim đói cất tiếng bằng thứ giọng không phải giọng nói, và nó chỉ bảo,

- *Bọn ta rất lấy làm tiếc về mắt mắt của các người.*

“Lấy làm tiếc ư?” Lời đó được quát ra chứ không phải nói ra.

Bác Ginnie Hempstock lắc lư, ngân nga không thành tiếng với tôi và với con gái mình. Hai cánh tay bác quàng lấy tôi. Tôi ngẩng đầu lên ngoái nhìn người đang nói, mắt tôi mờ đi vì nước mắt.

Tôi ngây người nhìn bà.

Tôi cho đó là bà Hempstock. Nhưng không phải. Đó là bà của Lettie trong dáng vẻ mà...

Tôi muốn nói là...

Bà sáng ngời ánh bạc. Tóc bà vẫn dài, vẫn bạc trắng, nhưng giờ bà đứng thẳng tắp như thiếu nữ. Mắt tôi quá quen với bóng tối rồi nên không thể nhìn mặt bà để xem đó có phải gương mặt tôi đã quen hay không: nó sáng quá. Sáng như pháo sáng. Sáng như pháo hoa. Sáng như mặt trời giữa trưa hắt tia nắng lên đồng xu bằng bạc.

Tôi nhìn bà lâu hết mức mình chịu được rồi quay đầu đi, nhắm nghiền mắt lại, không còn thấy gì ngoài một dư ảnh nhịp nhàng.

Giọng nói giống như của bà Hempstock lên tiếng, “Ta có nên trói bọn bây vào giữa một tinh cầu âm u để bọn bây cảm nhận nỗi đau của mình ở một chốn mà mỗi khắc dài cả ngàn năm không nhỉ ? Ta có nên hiệu triệu những hiệp ước Sáng thế rồi cho loại cả đám bọn bây khỏi danh sách những thứ hiện hữu để sẽ không bao giờ có con chim đói nào và không bao giờ có bất cứ thứ gì được lêu lổng từ cõi này sang cõi khác mà không bị trừng phạt không?”

Tôi đóng tai chờ một câu đáp nhưng không nghe thấy gì. Chỉ có một tiếng thút thít, một tiếng rên rỉ đầy đau đớn hay thất vọng.

“Ta đã xong việc với bọn bây rồi. Ta sẽ xử bọn bây vào thời của ta và theo cách của ta. Vì giờ ta phải chăm lo cho bọn trẻ.”

- *Vâng, thưa lệnh bà.*

- *Đa tạ lệnh bà.*

“Không nhanh thế đâu. Khi bọn bây còn chưa trả mọi thứ lại nguyên trạng thì sẽ chẳng đũa nào được đi đâu cả. Trên trời thiếu mất chòm sao Mục phu. Một cây sồi đã biến mất, cả một con cáo nữa. Bọn bây sẽ trả tất cả lại y như trước.” Và rồi vị nữ hoàng bạc nói thêm bằng giọng giờ không thể lầm lẫn đi đâu được là giọng của bà Hempstock, “*Lũ sâu mọt.*”

Ai đó đang ngân nga một giai điệu. Như thể từ xa thẳm, tôi nhận ra người đó chính là mình cùng lúc tôi nhớ ra giai điệu đó là gì: bài hát “Nào ta cùng ra chơi”.

... mặt trăng sáng tỏ hết như ban ngày.

Bỏ com bỏ thịt lại đây,

cùng bạn ra phố vui vầy trèo leo.

Ra mà hò ra mà reo.

Chơi cho thỏa thích đừng neo lại gì...

Tôi không chịu buông bác Ginnie Hempstock ra. Người bác có mùi trang trại và bếp núc, mùi gia súc và thức ăn. Bác có mùi rất thật, và lúc ấy, cái có thật là cái tôi cần.

Tôi chìa tay ra, e dè chạm vào vai Lettie. Cô bé không động đậy hay phản ứng.

Bác Ginnie bèn cất tiếng nói, nhưng thoát tiên tôi không biết bác đang nói với chính mình, với Lettie hay với tôi. “Chúng đã đi quá giới hạn,” bác

nói. “Chúng đã có thể hại con rồi, bé ạ, và chuyện đó sẽ chẳng có nghĩa lý gì. Chúng có thể làm hại thế giới này mà không cần nói gì - suy cho cùng, đây chỉ là một thế giới, mà các thế giới chỉ là những hạt cát trong sa mạc. Nhưng Lettie là người nhà Hempstock. Đứa con bé bỏng của ta ở bên ngoài lãnh địa của chúng. Vậy mà chúng lại làm hại nó.”

Tôi nhìn Lettie. Đầu cô bé gục xuống che khuất khuôn mặt. Mắt cô bé nhắm nghiền.

“Chị sẽ ổn phải không ạ?” tôi hỏi.

Bác Ginnie không đáp, chỉ ghì hai chúng tôi vào ngực, đu đưa và ngân nga một bài hát không lời.

Trang trại và vùng đất thuộc trang trại không còn rực sắc vàng nữa. Tôi không còn cảm thấy gì trong mấy cái bóng đang theo dõi tôi trong bóng tối nữa.

“Cháu đừng lo,” một giọng già nua nói, giờ thì đã quen thuộc trở lại. “Cháu an toàn như ở nhà rồi. An toàn hơn hầu hết những ngôi nhà ta đã thấy, chúng đi rồi.”

“Chúng sẽ quay lại,” tôi nói. “Chúng muốn lấy trái tim của con.”

“Chúng sẽ không trở lại thế giới này dù cho có bao nhiêu là trà ở Trung Hoa đi nữa,” bà Hempstock nói. “Dù nói thế cũng chẳng phải là chúng có ích lợi gì cho trà - hay cho Trung Hoa - ngoài chuyện là một con quạ ăn xác thối.”

Sao lúc trước tôi lại nghĩ bà mặc đồ màu bạc nhỉ ? Bà mặc một chiếc áo choàng ngủ màu xám, vá chằng vá đụp bên ngoài cái hần phải là áo ngủ, nhưng là áo ngủ thuộc loại lỗi một cũng vài trăm năm rồi.

Bà cụ đặt tay lên vầng trán xanh xao của đứa cháu gái, nâng tay lên rồi buông ra.

Mẹ của Lettie lắc đầu. “Xong rồi,” bác nói.

Bấy giờ, cuối cùng thì tôi đã hiểu ra chuyện đó và cảm thấy mình thật

ngu ngốc vì không hiểu sớm hơn. Cô bé bên cạnh tôi, cô bé đang nằm trong lòng mẹ, nơi ngực mẹ, đã hy sinh mạng sống của mình để bảo vệ mạng sống của tôi.

“Lẽ ra bọn chúng phải hại con, không phải chị,” tôi nói.

“Chẳng lý gì chúng lại phải bắt ai trong hai đứa cả,” bà cụ vừa nói vừa khịt mũi. Tôi cảm thấy có lỗi, có lỗi hơn bất cứ thứ gì tôi từng cảm thấy trước kia.

“Chúng ta phải đưa chị đến bệnh viện,” tôi nói đầy hy vọng. “Ta có thể gọi bác sĩ. Biết đâu họ có thể giúp chị đỡ hơn.”

Bác Ginnie lắc đầu.

“Chị chết rồi sao?” tôi hỏi.

“Chết ư?” bà cụ mặc áo choàng ngủ lệp lại. Bà nghe có vẻ phật ý. “Làm như thế,” bà nói, đạo mạo nhấn từng chữ một cứ như đó là cách duy nhất để chuyển tải tính trầm trọng của lời nói đến cho tôi. “Như thế nhà Hempstock sẽ làm việc gì... *tâm thường* như vậy ấy...”

“Con bé bị thương,” bác Ginnie Hempstock vừa nói vừa kéo tôi sát vào lòng. “*Với nó* thì bị thương như vậy là nặng nhất rồi. Nó cận kề cái chết đến mức nếu ta không làm gì thật nhanh thì sẽ vô phương thôi.” Thế rồi, bác ôm ghì tôi lần cuối, “Giờ thì con đi đi.” Tôi miễn cưỡng tụt khỏi lòng bác rồi đứng lên.

Bác Ginnie Hempstock đứng dậy, tấm thân cô bé lịm đi trong hai cánh tay bác. Lettie mềm oặt và lắc lư như con búp bê bằng giẻ khi mẹ cô bé đứng dậy, còn tôi ngây người nhìn cô bé, bàng hoàng không sao tả xiết.

Tôi nói, “Đó là lỗi của con. Con xin lỗi. Con thật lòng xin lỗi.”

Bà Hempstock nói, “Cháu có ý tốt mà,” nhưng bác Ginnie Hempstock không nói gì. Bác đi về cuối đường làng, tới trang trại rồi rẽ ra sau nhà kho vắt sữa. Tôi nghĩ Lettie đã lớn quá không bồng được nữa, nhưng bác Ginnie bồng cô bé như thể cô bé không nặng hơn một con mèo con là bao, đầu và

thân trên cô bé tựa vào vai bác Ginnie như một đứa bé đang ngủ được bế lên lầu vào giường. Bác Ginnie bế cô bé xuôi lối đi đó rồi men bờ giậu đi ra sau, sau nữa, cho đến khi chúng tôi tới ao.

Ở sau đó không có gió nhẹ, đêm tĩnh mịch; chỉ có trăng soi trên lối chúng tôi đi; khi chúng tôi tới đó, cái ao chỉ là một cái ao. Không có ánh sáng vàng rực, lung linh. Không có vàng trăng tròn huyền hoặc. Nó tối tăm âm đạm và có mặt trăng, mặt trăng thật sự, trăng lưỡi liềm, soi bóng dưới ao.

Tôi dừng lại bên bờ ao, còn bà Hempstock dừng cạnh tôi.

Nhưng bác Ginnie Hempstock vẫn bước tiếp.

Bác bước loạng choạng xuống ao cho đến khi nước cao đến ngang đùi, áo choàng và váy bác nổi trên mặt nước, làm ánh trăng phản chiếu vỡ tan thành hàng chục mặt trăng li ti tan tác rồi tụ hình lại quanh bác.

Đến chính giữa ao, khi mặt nước đen kịt đã lên ngang quá hông, bác dừng lại. Bác hạ Lettie từ trên vai xuống, hai bàn tay bác Ginnie Hempstock khéo léo đỡ phần đầu và đầu gối cô bé; rồi từ từ, cứ từ từ như vậy, bác để Lettie xuống nước.

Tấm thân cô bé nổi bồng bênh trên mặt ao.

Bác Ginnie lùi lại một bước, rồi lại thêm bước nữa, mắt không hề rời cô con gái của mình.

Tôi nghe một tiếng ào ào tựa hồ một cơn gió khổng lồ đang tiến về phía chúng tôi.

Thân người Lettie tròn trành.

Không có làn gió nào đến, vậy mà lúc này lại có những mồm sóng trắng xóa trên mặt ao. Tôi thấy sóng, mới đầu là sóng vỗ nhẹ, rồi những con sóng lớn hơn đánh và vỗ lên bờ ao. Một con sóng chồm lên rồi đổ ập xuống gần tôi, bắn nước vào áo quần, mặt mũi tôi. Tôi ném thấy nước ướt đẫm trên môi, nó có vị muối.

Tôi thì thầm, “Em xin lỗi, chị Lettie.”

Lẽ ra tôi phải nhìn thấy được bên kia ao. Tôi vừa thấy nó ít phút trước. Nhưng con sóng vừa ập đến đã cuốn nó đi nên ở bên kia thân hình bông bênh của Lettie, tôi không thể thấy gì ngoài đại dương lẻ loi bao la và bóng tôi.

Sóng lớn dần. Mặt nước bắt đầu sáng rực lên trong ánh trăng như đã từng sáng rực khi còn trong xô, sáng một màu xanh lam nhạt và toàn bích. Hình thù đen thẫm trên mặt nước là xác cô bé đã cứu mạng tôi.

Mấy ngón tay xương xẩu đặt lên vai tôi. “Con xin lỗi về chuyện gì vậy, cậu nhóc? Vì khiến nó phải chết ư?”

Tôi gật đầu, không dám để bản thân mình nói.

“Nó không chết, cháu không làm nó chết, lũ chim đói cũng không, dù chúng đã làm hết mọi cách để bắt cháu thông qua nó. Nó đã được trao cho đại dương của nó. Một ngày kia, vào thời của mình, đại dương sẽ trả nó lại.”

Tôi nghĩ đến những xác chết và bộ xương có đôi mắt ngọc trai. Tôi nghĩ đến những nàng tiên cá quẫy đuôi khi bơi, như đuôi con cá vàng của tôi đập nhẹ một cái trước khi nó ngừng động đậy và nằm phoi bụng lên như Lettie đang nằm trên mặt nước. Tôi hỏi, “Chị có còn như cũ không ạ?”

Bà cụ cười hô hô như thể tôi vừa nói chuyện gì buồn cười nhất thế gian. “Đời nào có thứ gì cứ vậy hoài,” bà nói. “Dù cho là một giây sau hay một trăm năm sau đi nữa. Vạn vật luôn cuộn cuộn phong ba. Mà con người ta thì cũng biến đổi như đại dương vậy.”

Bác Ginnie bước ra khỏi nước rồi đứng bên mép nước cạnh tôi, đầu cúi xuống. Sóng cứ đập, cứ vỗ, cứ bắn tung tóe rồi rút đi. Có tiếng ì ầm xa xa mỗi lúc một to: có gì đó đang băng qua đại dương tiến về phía chúng tôi. Từ hàng dặm xa, từ hàng trăm và hàng vạn dặm xa, nó tới: một viên trắng mỏng tang khắc màu xanh lam rực rỡ, càng đến gần càng lớn dần lên.

Con sóng lớn tới, vũ trụ âm vang, thế rồi, khi nó tới chỗ chúng tôi thì tôi

nhìn lên: nó cao hơn cây cối, hơn nhà cửa, hơn những gì đôi mắt hay trí óc nhìn thấy được, hơn những gì trái tim dõi theo được.

Chỉ khi tới chỗ tấm thân bập bênh của Lettie Hempstock thì con sóng khổng lồ mới ập xuống. Tôi tưởng sẽ bị nước đại dương giận dữ làm ướt sũng, hay tệ hơn là cuốn đi, nên đưa tay lên che mặt.

Không có nước bắn lên từ những con sóng lớn vỗ bờ, không có cả tiếng đánh ầm ầm đình tai, và khi bỏ tay xuống, tôi không thấy gì ngoài làn nước đen thẳm phẳng lặng ở ao trong đêm, cũng không có gì trên mặt ao ngoài những bông súng và ánh trăng vỡ đầy trăm tư.

Bà Hempstock cũng đã đi. Tôi cứ tưởng bà đang đứng cạnh tôi, nhưng chỉ có bác Ginnie đứng ở đấy, kể bên tôi, lặng lẽ nhìn đăm đăm xuống mặt gương âm u của cái ao nhỏ.

“Được rồi,” bác nói. “Để ta đưa con về nhà.”

XV.

Có một chiếc xe Land Rover đậu sau chuồng bò. Cửa xe mở và chìa khóa xe đang cắm trong ổ. Tôi ngồi trên ghế hành khách phủ giấy báo và nhìn bác Ginnie Hempstock xoay chìa khóa. Động cơ bình bịch mấy tiếng rồi máy nổ.

Tôi không hình dung được là trong nhà Hempstock lại có ai lái xe. Tôi nói, “Con không biết là bác có xe.”

“Có rất nhiều thứ con không biết,” bác Hempstock nói, giọng chua cay. Rồi bác liếc lên nhìn tôi dịu dàng hơn và nói, “Ta đâu thể biết hết mọi thứ được.” Bác lùi chiếc Land Rover, rồi nó vừa đi vừa xóc nảy khi qua những rãnh lún và vũng nước sau sân trang trại.

Tôi nghĩ ra điều gì đó.

“Bà Hempstock nói chị Lettie không chết,” tôi nói. “Nhưng trông như chị đã chết ấy. Con nghĩ chị chết thật rồi. Con nghĩ sự thật không phải là chị chưa chết.”

Trông bác Ginnie như định nói gì đó về bản chất sự thật, nhưng rồi bác chỉ nói, “Nó bị thương. Bị trọng thương. Đại dương đã đưa nó đi. Thật lòng mà nói, ta không biết có bao giờ nó trả con bé lại không. Nhưng chúng ta có thể hy vọng mà, đúng không?”

“Đúng ạ.” Tôi nắm chặt hai tay thành quả đấm rồi cố hết sức mà hy vọng.

Xe chúng tôi giăng xóc và chạy mười lăm dặm một giờ về đầu đường làng.

Tôi hỏi, “Chị từng là - chị là - con gái của bác thật sao?” Tôi đã không biết và đến giờ vẫn không biết vì sao mình lại hỏi bác câu đó. Có lẽ tôi chỉ

muốn biết thêm về cô bé đã cứu mạng tôi, đã cứu nguy cho tôi biết bao lần. Tôi không biết gì về cô bé cả.

“Không ít thì nhiều,” bác Ginnie nói. “Đàn ông nhà Hempstock, mấy ông anh của ta ấy, họ ra ngoài đời và sinh con đẻ cái, rồi những đứa con đó lại có con có cái. Ở ngoài thế giới của con cũng có phụ nữ nhà Hempstock, và ta dám chắc mỗi người họ đều là một điều kỳ diệu theo cách riêng của mình. Nhưng chỉ có bà, ta với Lettie là thuần huyết.”

“Chị không có bố sao?” tôi hỏi.

“Không.”

“Bác có bố không ạ?”

“Bụng con đầy câu hỏi nhỉ? Không, con yêu. Nhà ta chưa bao giờ quan tâm đến thứ chuyện đó. Người ta chỉ cần đàn ông nếu họ muốn sản sinh ra thêm đàn ông thôi.”

Tôi nói, “Bác không phải đưa con về nhà đâu. Con ở lại với bác cũng được mà. Con có thể chờ đến khi chị Lettie từ đại dương quay về. Con có thể làm việc ngoài trang trại, bưng bê các thứ, học cách lái máy kéo nữa.”

Bác nói “Không được,” nhưng bằng giọng hiền lành. “Con hãy lo sống đời mình cho tử tế đi. Lettie đã trao nó cho con. Con chỉ cần khôn lớn và cố mà sống xứng đáng với điều đó thôi.”

Một thoáng phật ý. Sống, cố tồn tại ở đời và tìm được chỗ đứng của mình, hay cố làm những thứ ta cần làm để qua ngày là đã khó rồi, huống hồ còn phải bần khoản liệu điều ta đã làm, bất kể là gì, có đáng để một ai đó... nếu không *chết* thì cũng từ bỏ đời mình hay không, chuyện đó không *công bằng*.

“Đời không công bằng đâu,” bác Ginnie nói, như thể tôi đã nói ra thành lời.

Bác rẽ vào lối vào nhà chúng tôi, đỗ xe lại ngoài cửa trước. Tôi xuống xe cùng bác.

“Tốt nhất là ta nên giúp con về nhà dễ dàng hơn,” bác nói.

Bác Hempstock bấm chuông cửa, dù cửa không bao giờ khóa, và cố gắng chùi đế đôi ủng cao su trên thảm chùi chân cho đến khi mẹ tôi ra mở cửa. Mẹ đã thay đồ đi ngủ và đang mặc áo choàng ngủ vải chần màu hồng.

“Nó đây,” bác Ginnie nói. “Bình an vô sự, như người lính từ chiến trận trở về. Thằng bé đã được vui vẻ ở buổi tiệc tiễn Lettie nhà chúng tôi đi xa, nhưng giờ đã đến lúc cho chàng trai trẻ này được nghỉ ngơi rồi.”

Mẹ tôi trông bối rối - gần như hoang mang - và rồi để thay thế cho sự hoang mang đó, mẹ nở nụ cười như thể thế giới vừa định hình lại thành một thể dạng có nghĩa lý.

“Ôi, chị không cần phải chở nó về đâu,” mẹ nói. “Tôi hay chồng tôi xuống đón nó cũng được mà.” Rồi mẹ nhìn xuống tôi. “Con phải nói gì với bác Hempstock nhỉ, con yêu?”

Tôi nói như máy. “Cảm ơn bác đã mời con.”

Mẹ tôi nói, “Giỏi lắm, con yêu.” Rồi, “Lettie đi xa sao?” “Sang Úc,” bác Ginnie nói. “Đề ở lại với bố nó. Chúng tôi sẽ nhớ mấy lần anh bạn nhỏ này đến chơi lắm, nhưng thôi, khi nào Lettie về thì chúng tôi sẽ cho nhà chị biết. Lúc đấy cậu bé lại đến chơi cũng được.”

Tôi mệt rồi. Bữa tiệc thật vui mặc dù tôi không nhớ được nhiều về nó. Dù vậy, tôi biết mình sẽ không đến thăm trang trại Hempstock nữa. Trừ phi là có Lettie ở đó.

Úc thì dậm trường xa, xa thật xa. Tôi tự hỏi bao lâu nữa cô bé mới cùng cha từ Úc về lại. Tôi chắc là nhiều năm nữa. Nước Úc ở bên kia thế giới, băng qua đại dương...

Một góc nhỏ trong trí óc tôi nhớ một chuỗi sự kiện khác rồi quên mất, như thể tôi vừa tỉnh dậy sau một giấc ngủ khoan khoái, nhìn quanh, kéo mền lên trùm người rồi lại mơ tiếp.

Bác Hempstock trèo lên chiếc Land Rover cũ dính bùn bê bết (giờ tôi

mới thấy nhờ ánh đèn bên trên cửa trước) đến mức gần như không còn thấy được dấu vết nước sơn ban đầu nữa, rồi bác vòng xe ra khỏi lối vào, chạy ra đường làng.

Mẹ tôi có vẻ không để tâm chuyện tôi mặc áo quần lạ lùng, kỳ quái về nhà khi đã gần mười một giờ đêm. Mẹ nói, “Mẹ có vài tin xấu, con yêu.”

“Là gì thế ạ?”

“Ursula đi rồi. Chuyện nhà. Nhà có chuyện gấp. Cô ấy đi rồi. Mẹ biết bọn trẻ các con thích cô ấy biết chừng nào.”

Tôi biết là mình không thích cô ta, nhưng tôi không nói gì.

Giờ đây, không còn ai ngủ trong phòng của tôi ở đầu cầu thang nữa. Mẹ hỏi tôi có muốn lấy lại phòng một thời gian không. Tôi nói không mà chẳng rõ vì sao mình lại nói vậy. Tôi không nhớ tại sao mình ghét Ursula Monkton đến như vậy - thực ra thì tôi cảm thấy hơi có lỗi vì ghét cô ta một cách tuyệt đối và vô lý như thế - nhưng tôi chẳng hề mong được về lại phòng ngủ đó dù nó có cái bồn rửa mặt nhỏ màu vàng vừa cỡ tôi, và tôi vẫn ở lại phòng ngủ dùng chung với em gái cho đến nửa thập kỷ sau, khi gia đình tôi dọn ra khỏi ngôi nhà đó (bọn trẻ chúng tôi phản đối, người lớn thì tôi nghĩ rằng đang thấy đúng là nhẹ nhõm vì những khó khăn tài chính đã qua đi).

Sau khi chúng tôi dọn đi, ngôi nhà bị đập bỏ. Tôi chẳng muốn đi thăm để rồi nhìn thấy nó đứng trơ trọi, cũng không muốn chứng kiến người ta phá hủy nó. Đời tôi ràng buộc quá nhiều trong mấy viên gạch và miếng ngói đó, cả những ống thoát nước và các bức tường nữa.

Nhiều năm sau, em tôi, giờ cũng đã là người lớn, tiết lộ với tôi rằng nó tin mẹ đã đuổi Ursula Monkton (người mà nó triu mến nhớ là một người tử tế trong cả loạt những cô công nữ cộc cằn) vì bố có tư tình với cô ta. Điều đó cũng có thể, tôi đồng ý. Lúc ấy bố mẹ chúng tôi đều còn sống nên đáng lẽ tôi đã có thể hỏi họ, nhưng tôi không hỏi.

Bố tôi không nhắc đến các sự kiện đã xảy ra những đêm đó, lúc ấy thì

không, sau này cũng không.

Đến khi tôi hai mươi mấy, cuối cùng thì tôi cũng đã làm bạn với bố. Ngày tôi còn là cậu bé, chúng tôi có rất ít điểm chung, và tôi tin chắc mình đã làm bố thất vọng. Bố không cần một đứa trẻ thích đọc sách, thích đắm mình vào thế giới riêng. Bố muốn một thằng bé làm những thứ bố đã làm: nào là bơi lội, đánh bôc, chơi bóng bầu dục rồi chạy xe sung sướng và phóng tưng, nhưng rốt cuộc bố lại không có điều đó.

Tôi chưa bao giờ đi một mạch đến tận cuối đường làng. Tôi không nghĩ đến chiếc Mini trắng. Khi tôi nghĩ về ông thợ mỏ đá mắt mèo thì đó là trong bối cảnh có hai viên đá mắt mèo thô xù xì để trên bệ lò sưởi nhà chúng tôi, và trong ký ức của tôi thì ông ta mặc sơ mi kẻ ô với quần jean. Da ông ta rám nắng chứ không phải đỏ tía vì trúng độc monoxit, ông ta cũng không thất nơ bướm.

Yêu Quái, con mèo đực lông màu hoe mà ông thợ mỏ đá mắt mèo để lại cho chúng tôi, đã bỏ đi lang thang cho nhà người ta nuôi, và dù thỉnh thoảng chúng tôi thấy nó lảng vảng ở mấy con mương và đám cây cuối đường làng, nó cũng không bao giờ chạy lại khi chúng tôi gọi. Tôi nghĩ là mình thấy nhẹ nhõm vì chuyện này. Nó chưa bao giờ là mèo của nhà tôi. Chúng tôi biết vậy, và nó cũng biết vậy.

Tôi ngờ rằng một câu chuyện chỉ quan trọng chừng nào nhân vật trong chuyện thay đổi. Nhưng khi những chuyện này xảy ra thì tôi mới bảy tuổi, và tôi ở cuối chuyện cũng vẫn y hệt như tôi ở đầu câu chuyện, đúng không? Tất cả những người khác cũng vậy. Họ hẳn phải như vậy. Con người không thay đổi.

Dù vậy, có một số thứ thay đổi.

Độ một tháng sau các sự kiện ở đây và năm năm trước khi thế giới cũ nát tôi từng sống bị đập bỏ rồi được thay bằng những tòa nhà đều đặn, thấp lè tè, thanh tú và có những người trẻ tuổi thông minh làm việc ở thành phố

nhưng sống trong thị trấn của tôi dọn đến, những người kiếm ra tiền rồi chuyển tiền từ nơi này sang nơi khác chứ không xây cất, đào mỏ, làm nông hay dệt vải, và chín năm trước khi tôi hôn Callie Anders hay tươi cười...

Tôi đi học về. Lúc đó là tháng Năm, cũng có thể là đầu tháng Sáu. Nó đang ngồi bên cửa sau như thể biết chính xác mình đang ở đâu và đang đợi ai: một con mèo đen còn nhỏ, giờ thì đã lớn hơn mèo con, có mảng trắng một bên tai cùng cặp mắt màu lam lục lạ lùng và sáng quắc.

Nó theo tôi vào nhà.

Tôi cho nó hộp đồ ăn của mèo mà Yêu Quái chưa động đến, cho nó ăn trong cái chén bụi bặm của Yêu Quái.

Bố mẹ tôi, những người chưa bao giờ để ý chuyện con mèo đực màu hoe đã đi đâu mất, thoát tiên không nhận thấy là mèo con mới đến, nên đến khi bố tôi nhận xét về sự tồn tại của nó thì nó đã sống với chúng tôi được vài tuần rồi, nó thám hiểm khu vườn cho đến khi tôi đi học về rồi quanh quẩn ở bên cạnh khi tôi chơi hay đọc sách. Khi đêm đến, nó thường chờ dưới gầm giường cho đến khi đèn tắt rồi trèo lên nằm trên gối cạnh tôi, cào cào tóc tôi, luôn kêu rừ rừ rất khẽ để không quấy rầy em tôi.

Tôi thường vùi mặt vào bộ lông của nó rồi ngủ thiếp đi, còn tiếng rừ rừ trầm trầm của nó rung nhẹ như có điện bên má tôi.

Nó có đôi mắt thật khác lạ. Nó làm tôi nghĩ đến bờ biển nên tôi gọi nó là Đại Dương, nhưng tôi không thể giải thích được tại sao.

Phân kết

Tôi ngồi trên băng ghế xanh ọp ẹp bên ao vịt ở đằng sau căn nhà trang trại bằng gạch đỏ và nghĩ đến con mèo con của mình.

Tôi chỉ nhớ rằng Đại Dương đã lớn lên thành mèo trưởng thành, và rằng tôi đã yêu mến nó suốt nhiều năm. Tôi tự hỏi nó ra sao rồi, thế rồi tôi nghĩ, *Mình không còn nhớ được chi tiết thì cũng chẳng sao: cái chết đã xảy ra cho nó. Cái chết xảy đến cho tất cả chúng ta.*

Một cánh cửa trong nhà trang trại mở ra, rồi tôi nghe tiếng bước chân trên lối đi. Lát sau, bà cụ ngồi xuống cạnh tôi. “Ta đem cho cháu một tách trà này,” bà nói. “Và một miếng bánh mì kẹp phô mai với cà chua. Cháu ra ngoài đây được một lúc rồi. Ta còn tưởng cháu gục rồi cơ.”

“Con cũng gần như đã vậy,” tôi nói với bà. Rồi, “Cảm ơn bà.” Khi ngồi đó, tôi không nhận thấy trời đã chạng vạng từ lúc nào.

Tôi uống trà, nhấp từng ngụm rồi nhìn người phụ nữ, lần này nhìn thật kỹ. Tôi so sánh bà với ký ức của mình bốn mươi năm về trước. Tôi hỏi, “Bà không phải là mẹ của chị Lettie. Bà là bà của chị ấy, đúng không ạ? Bà là bà Hempstock ạ?”

“Phải,” bà nói, giọng thản nhiên. “Ăn bánh mì kẹp đi.”

Tôi cắn một miếng bánh mì kẹp. Nó ngon, thật sự rất ngon. Bánh mì mới nướng, phô mai mặn nồng cùng kiểu cà chua thực sự ra mùi vị.

Tôi ngộp trong ký ức và muốn biết nó nghĩa là sao. Tôi hỏi, “Chuyện ấy có thật không ạ?” và cảm thấy mình thật ngu ngốc. Trong mọi câu có thể hỏi, tôi lại đi hỏi câu ấy.

Bà Hempstock nhún vai. “Những điều cháu còn nhớ được ư? Có lẽ là thật. Không ít thì nhiều. Những người khác nhau nhớ mọi thứ theo nhiều

cách khác nhau nên ta sẽ không bao giờ thấy có hai người nào nhớ cái gì y như nhau, dù họ có ở đây hay không. Hai người đứng cạnh nhau mà có thể cách xa nhau hàng bao lục địa, bất kể tất cả điều ấy có nghĩa là gì đi nữa.”

Còn một câu nữa tôi cần có câu trả lời. Tôi hỏi, “Sao con lại đến đây?”

Bà nhìn tôi như thể đó là câu hỏi mẹo. “Đám tang,” bà nói. “Cháu muốn tránh xa mọi người và được một mình. Nên trước hết, cháu chạy xe về lại nơi cháu từng sống ngày còn là một cậu bé, thế rồi khi việc ấy không đem lại cho cháu cái mình nhớ mong, cháu đến đây, bao giờ cũng vậy.”

“Bao giờ cũng vậy sao?” Tôi nhấp thêm chút trà. Trà hãy còn nóng và khá đậm: một tách trà đặc hoàn hảo. *Ta cắm cái thìa vào cũng còn được*, như bố tôi vẫn nói về tách trà làm bố hài lòng.

“Bao giờ cháu cũng thế,” bà lặp lại.

“Không đâu,” tôi đáp. “Từ ngày, à, từ ngày chị Lettie sang Úc đến nay, con không tới đây. Từ bữa tiệc tiễn chị đi xa.” Thế rồi tôi nói, “Mà chuyện đó cũng chưa từng xảy ra. Bà hiểu ý con mà.”

“Thình thoảng cháu có quay lại,” bà nói. “Ta còn nhớ ngày cháu hai mươi bốn tuổi, cháu có đến đây. Cháu có hai đứa con nhỏ, và cháu rất sợ hãi. Cháu cũng lại đến đây trước khi bỏ vùng này mà đi: lúc ấy cháu, sao nhỉ, độ ba mươi mấy chăng? Ta cho cháu ăn một bữa ngon lành trong bếp, rồi cháu kể ta nghe về những ước mơ và thứ nghệ thuật cháu đang làm.”

“Con không nhớ.”

Bà hất tóc lòa xòa trên mắt. “Vậy thì dễ dàng hơn.”

Tôi nhấp trà và ăn nốt miếng bánh mì kẹp. Cái tách màu trắng, cái đĩa cũng vậy. Chiều hè bắt tận đang sắp tắt.

Tôi hỏi bà lần nữa, “Tại sao con đến đây?”

“Lettie muốn con đến,” có ai đó nói.

Người vừa nói ấy đang đi quanh ao: một người phụ nữ mặc áo choàng nâu, mang ủng cao su. Tôi ngơ ngác nhìn bác. Trông bác trẻ hơn tôi lúc này.

Tôi nhớ bác từng to cao như người lớn, nhưng giờ tôi lại thấy bác đâu đó gần bốn mươi. Tôi nhớ bác đẩy đà nhưng tròn trịa và duyên dáng theo kiểu má đỏ au. Bác vẫn là Ginnie Hempstock, mẹ của Lettie, và tôi chắc chắn là bác trông hết như chính bác độ bốn chục năm về trước.

Bác ngồi xuống băng ghế bên cạnh tôi, vậy là tôi ngồi giữa hai người phụ nữ nhà Hempstock. Bác nói, “Ta nghĩ Lettie chỉ muốn biết là như vậy có đáng không.”

Cái gì có đáng không ạ?

“Cháu ấy,” bà cụ nói, giọng chua cay.

“Lettie đã làm một điều rất lớn lao cho con,” bác Ginnie nói. “Ta nghĩ con bé chỉ muốn biết tiếp theo sẽ là gì, và chuyện đó có xứng với mọi thứ nó đã làm không.”

“Chị... hy sinh thân mình vì con.”

“Gần như vậy, con yêu,” bác Ginnie nói. “Lũ chim đói đã moi tim con ra. Con đã gào thét thật thảm thiết khi chết dần đi. Con bé không chịu nổi điều đó. Nó phải làm gì đó.”

Tôi cố nhớ lại chuyện này. Tôi nói, “Theo con nhớ thì không phải như vậy.” Tôi nghĩ về trái tim mình, và rồi băn khoăn không biết có còn mảnh lõi đi lạnh lẽo nào sót lại ở đó không, và nếu quả có thể thì liệu đó là một món quà hay một lời nguyền.

Bà cụ khụt khịt. “Chẳng phải ta vừa nói là chúng ta sẽ không bao giờ thấy có hai người nhớ được gì y như nhau hay sao?” bà hỏi.

“Con nói chuyện với chị có được không ạ?”

“Nó đang ngủ,” mẹ của Lettie nói. “Nó đang hồi phục. Nó chưa nói chuyện đâu.”

“Đến bao giờ nó xong việc ở chỗ nó đang ở đã,” bà của Lettie nói và khoát tay, nhưng tôi không biết bà cụ đang chỉ ao vạt hay bầu trời.

“Là bao giờ ạ?”

“Khi nào con bé khỏe mạnh và sẵn sàng,” bà cụ trả lời cùng lúc con gái bà nói, “Sớm thôi.”

“Thôi được,” tôi nói. “Nếu chị đưa con tới đây để nhìn con thì hãy để chị nhìn con,” và khi nói vậy thì tôi biết điều đó đã xảy ra rồi. Tôi ngồi ngắm cái ao trên băng ghế đó bao lâu rồi? Khi tôi tưởng nhớ về cô bé thì cô bé đang dò xét tôi. “Ồ. Chị nhìn rồi mà, phải không?”

“Phải, cháu yêu.”

“Vậy con có đạt không?”

Tôi không đọc ra được biểu hiện trên khuôn mặt bà cụ ngồi bên phải trong buổi hoàng hôn tối dần. Bên trái tôi, người phụ nữ trẻ hơn nói, “Là con người thì con không đạt cũng chẳng trượt, con yêu ạ.”

Tôi bỏ tách trà đã hết với đĩa xuống đất.

Bác Ginnie Hempstock nói, “Ta thấy là con đã khá hơn lần cuối chúng ta gặp con rồi đây. Trước hết là con đang nuôi dưỡng một trái tim mới mẻ.”

Trong ký ức của tôi, người phụ nữ này là ngọn núi, và tôi đã nức nở, thôn thức trên ngực bác. Giờ đây, bác thấp nhỏ hơn tôi nên tôi không làm sao hình dung được chuyện bác vỗ về tôi theo kiểu ấy.

Mặt trăng tròn giữa bầu trời bên trên ao. Tôi không tài nào nhớ được lần sau cùng tôi để ý đến trăng thì đó là tuần trăng nào. Quả thực, tôi không nhớ lần sau cùng đó mình có làm gì khác ngoài liếc nhìn mặt trăng hay không.

“Vậy thì giờ sẽ là chuyện gì ạ?”

“Vẫn như bao lần khác cháu đến đây thôi,” bà cụ nói.

Cháu về nhà.

“Con không còn biết đó là đâu nữa,” tôi bảo họ.

“Con vẫn luôn nói vậy,” bác Ginnie nói.

Trong tâm tưởng tôi, Lettie Hempstock vẫn cao hơn tôi cả cái đầu. Suy cho cùng thì cô bé đã mười một tuổi. Tôi tự hỏi mình sẽ thấy gì - sẽ thấy ai -

nếu lúc này cô bé đứng trước mặt.

Mặt trăng trong ao vệt cũng tròn vành vạnh, và tôi nhận ra mình bỗng nghĩ về những người gàn trong câu chuyện cổ nọ, những người dùng lưới vớt mặt trăng trong hồ, tin chắc rằng ánh phản chiếu trong nước thì gàn và dễ bắt hơn quả cầu treo trên vòm trời.

Và, tất nhiên, đúng là vậy.

Tôi đứng lên rồi bước mấy bước tới bờ ao. “Chị Lettie,” tôi vừa nói vừa cố phớt lờ hai người phụ nữ sau lưng. “Cảm ơn chị đã cứu mạng em.”

“Lẽ ra từ đầu nó đừng nên dẫn cháu theo, khi nó bỏ đi tìm khởi nguồn mọi chuyện ấy,” bà Hempstock cười khẩy. “Có gì ngăn được nó một mình giải quyết tất cả mọi chuyện đó đâu. Đâu cần phải dẫn cháu theo cho có bầu có bạn, chuyện ngớ ngẩn, ừ thì, đó sẽ là bài học cho nó vào lần sau.”

Tôi quay lại nhìn bà Hempstock. “Có thật là bà còn nhớ lúc mặt trăng được tạo ra không ạ?” tôi hỏi.

“Ta nhớ được nhiều chuyện lắm,” bà nói.

“Con có còn quay lại đây nữa không?” tôi hỏi.

“Điều đó thì cháu không được biết,” bà cụ nói.

“Giờ thì đi đi,” bác Ginnie Hempstock nói dịu dàng. “Có nhiều người đang thắc mắc không biết con đi đâu rồi đấy.”

Và khi bác nhắc đến họ, tôi mới lúng túng, hoảng hốt nhận ra là em tôi, chồng nó, con cái nó, hết thấy những người đến chúc tốt lành hay những người đến chia buồn và khách khứa sẽ thấy khó hiểu về chuyện xảy ra với tôi. Tuy vậy, nếu có một ngày họ thấy dễ thứ lỗi cho cung cách lơ đãng của tôi thì đó là hôm nay.

Hôm nay là một ngày dài và nặng nề. Tôi mừng là nó đã qua.

Tôi nói, “Con hy vọng là mình đã không làm phiền.”

“Không, cháu yêu,” bà cụ nói. “Không phiền gì cả.”

Tôi nghe tiếng mèo kêu. Lát sau, nó từ vùng tối đứng đỉnh bước ra giữa vạt trắng sáng. Nó tự tin đi lại bên tôi, dụi đầu vào giày tôi.

Tôi khom xuống bên cạnh nó, gãi gãi lên trán và vuốt lưng nó. Nó là một con mèo đẹp, lông đen mượt, hay tôi hình dung là vậy vì ánh trắng đã nhuộm mất sắc màu của vạt vạt rồi. Con mèo có đốm trắng bên tai.

Tôi nói, “Con từng có một con mèo thế này. Con gọi nó là Đại Dương. Nó đẹp lắm. Con không thực sự nhớ chuyện gì đã xảy ra với nó.”

“Con đem nó về cho chúng ta,” bác Ginnie Hempstock nói. Bác đưa tay để lên vai tôi, siết lại giây lát; bác vuốt đầu ngón tay lên má tôi như thể tôi là một đứa trẻ hay một tình nhân, rồi bác bỏ đi.

Tôi nhặt đĩa và tách trà lên, cầm theo mình khi bà cụ và tôi bước dọc lối đi quay về căn nhà.

“Mặt trăng quả là sáng tỏ hết như ban ngày,” tôi nói. “Như trong bài hát ấy.”

“Có trăng tròn thì thật hay,” bà tán thành.

Tôi nói, “Thật là ngộ. Trong một thoáng, con đã nghĩ bà có đến hai người, chuyện đó không kỳ quặc sao?”

“Chỉ có ta thôi,” bà cụ nói. “Bao giờ cũng chỉ có mỗi ta thôi.”

“Con biết,” tôi nói. “Tất nhiên là vậy.”

Tôi định mang đĩa và tách vào bếp rồi cho vào bồn rửa nhưng bà cụ ngăn tôi lại bên cửa. “Giờ cháu nên về với gia đình đi,” bà nói. “Họ sắp cử một tốp đi tìm rồi đấy.”

“Họ sẽ thứ lỗi cho con,” tôi nói. Tôi hy vọng họ sẽ tha thứ. Em tôi sẽ lo lắng, và sẽ có những người mà tôi chẳng mấy quen biết thấy thất vọng vì chưa được nói với tôi là họ rất, rất lấy làm tiếc về mất mát của tôi. “Bà đã rất tử tế. Cho phép con ngồi suy nghĩ ở đây. Bên ao. Con rất biết ơn.”

“Nói bậy,” bà nói. “Chuyện đó thì có gì mà tử tế.”

“Lần tới chị Lettie có viết thư từ Úc về,” tôi nói, “cho con gửi lời chào chị.”

“Ta sẽ nhắn,” bà nói. “Nó sẽ mừng là cháu nghĩ đến nó.” Tôi lên xe và nổ máy. Bà cụ đứng ở cửa, nhìn tôi lịch sự cho đến khi tôi vòng xe lại và chạy về đầu đường làng.

Tôi nhìn lại về phía ngôi nhà trong gương chiếu hậu, một ảo ảnh ánh sáng làm cho giống như có hai mặt trăng lơ lửng bên trên nó, như một cặp mắt ở trên dãi theo tôi: một mặt trăng tròn đầy vành vạnh, còn cái kia, em sinh đôi của nó ở bên kia bầu trời, là một vầng trăng khuyết.

Tò mò, tôi quay người lại nhìn: chỉ có vón vện một mảnh trăng khuyết treo trên căn nhà trang trại, bình yên, trắng nhợt và toàn bích.

Tôi tự hỏi ảo giác về mặt trăng thứ hai từ đâu mà ra, nhưng tôi chỉ băn khoăn một thoáng rồi xua nó khỏi nghĩ suy. Tôi quyết định sẽ nghĩ rằng có lẽ đó là một dư ảnh hay một bóng ma: cái gì đó lay động tâm trí tôi trong một thoáng, mạnh mẽ đến mức tôi tin là nó có thật, nhưng giờ đã mất, rồi nhạt nhòa vào dĩ vãng như một ký ức bị lãng quên hay một bóng đen chìm vào hoàng hôn.

KẾT THÚC



